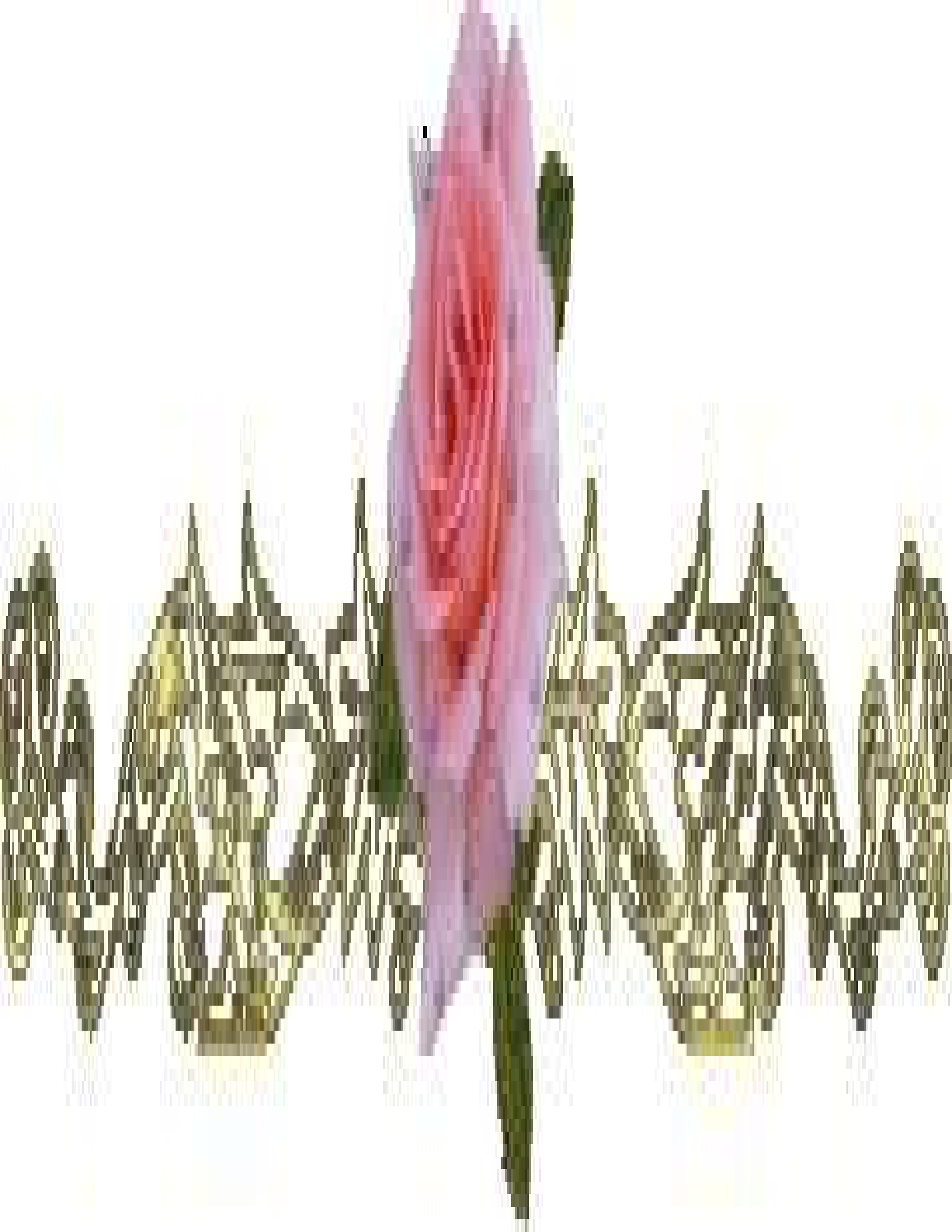




Người đánh cắp sự thật

Nguyễn Thanh Hiện

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

VÀO TRUYỆN

ÔNG CHÁU

NHỮNG NGƯỜI CON ĐI VỀ PHƯƠNG NAM

MỘT CUỘC CÁCH MẠNG

LỬA NGUYÊN SƠ

DẤU HIỆU CỦA THIÊN TÀI

NHẬP VÔ CUỘC PHIÊU LƯU CỦA HOMO SAPIENS

KHẢO CỨU ĐỊA LÝ HỌC LỊCH SỬ

HỌC THUYẾT CỦA NGƯỜI SẮP CHẾT

KIẾM KHÁCH

VŨ KHÚC MÁU

TỪ TIẾNG CỦA ĐẤT ĐÁ NƯỚC... VÀ LỬA

NHIP ĐIỀU VUI

ÂM VANG CỦA CÁCH MẠNG THI CA

SẢN PHẨM LỊCH SỬ

CUỘC HỘI NGỘ Ở SÔNG LAM

ÔNG SÁU MƯƠI LĂM

TỔ QUỐC

TRỜI SINH VOI SINH CỎ

TINH HOA CỦA MỘT DÒNG HỌ

DỊCH ÁI TÌNH

SỰ BẤT TỬ

MỘT VỊ VUA CHƯA CÓ THẦN DÂN

NGƯỜI HÁI LƯỢM

THIÊN CƠ

NHỮNG CON BÒ ĐẤT SÉT

MẶC KHẢI

LỜI ĐÙA CỘT NGUYÊN THỦY
DI SẢN
BỐ CỤC TRẦN GIAN
GHI CHÚ CỦA CU CỎ

Nguyễn Thanh Hiện

Người đánh cắp sự thật

VÀO TRUYỆN

Ông Ruông thôi dạy học, năm nhà đọc sách hơn phần ba thế kỷ. Nói năm nhà đọc sách hơn phần ba thế kỷ không có nghĩa rời bục giảng, về nhà, ngày ngày ông chỉ làm mỗi công việc là lên giường nằm đọc sách. Vì để có thể tồn tại, khi đã thôi dạy học để kiếm cơm, ông cũng phải tuân thủ đúng theo cách tồn tại của mọi người ở làng quê ông.

Tức phải đi cày ruộng. Tức cũng tuân thủ đúng theo cách tồn tại của mấy chục đời tổ phụ nhà ông.

Ngoài ra, ông còn phải gánh vác nhiệm vụ hậu duệ của một dòng họ dưới mắt người đời chẳng đáng giá mấy, có nghĩa nếu không có dòng họ ấy cuộc đời này cũng chẳng sao. Nhưng dù gì dòng họ ông cũng đã lỡ có mặt ở trần gian, mà đến đời ông dòng họ ông chỉ còn lại mỗi ông, nên ông chẳng nỡ để nó chấm hết: Ông phải có vợ, sinh con nối dõi. Chuyện cày ruộng là chuyện cơm áo, chuyện lớn, chiếm nhiều thì giờ đã đành. Mới đầu ông cho việc cưới vợ sinh con chỉ là việc giản đơn. Không ngờ nó cũng ngốn nhiều thời gian và công sức của ông. Có điều, ông luôn giữ được một nề nếp chắc ít ai giữ được, là lúc đi cày hay lúc ăn nằm với vợ, đầu óc ông vẫn không quên nghĩ đến sách. Quả tình ông cũng có thể trong lòng là chỉ đẻ một đứa, cho khỏi tốn quá nhiều công sức nuôi con, để còn thời giờ đọc sách. Nhưng có lẽ chủ yếu do cơ chế sinh đẻ, vợ ông chỉ đẻ được một lần, với lại vợ ông từ già ông qua thế giới bên kia cũng hơi sớm. Cũng xin nói thêm, ở làng Dầu của ông, làm sao để làm ăn cho giàu có là cũng khó như việc con trâu chui lỗ tròn kim, nhưng khả năng sinh đẻ có lẽ ít nơi nào sánh kịp. Hầu hết ở trong làng, một đôi vợ chồng cho đến khi không còn đẻ nổi nữa, ít nhất cũng đã đẻ được năm bảy đứa. Ở làng Dầu, khi ông còn dạy học, người ta gọi ông là ông giáo Ruông.

Còn khi hết dạy học, ở nhà vừa cày ruộng vừa đọc sách, thì người ta gọi là ông Ruông sách. Nhưng đấy là cách gọi trước mặt ông. Còn khi cảm thấy buồn cười cho một kẻ suốt ngày treo mình trên võng hay nằm vắt chân chữ

ngũ trên giường để đọc sách, người ta lại gọi ông là một sách.

Có lẽ đây là chỗ người làng chưa chịu hiểu ông. Ông song được là nhờ chén cơm do chính tay ông làm ra, sau đó là do con trai ông làm ra. Ông ăn cơm, chứ không phải ăn sách để sống. Nhưng phải nói một câu, phải nhờ những người như ông, sách mới sống nổi. Cũng có thể nói, sau khi đã có đứa con trai nối dõi, công việc ăn nằm với vợ chỉ còn là việc phụ, là ông đã chuyển sang thời kỳ thực sự ăn nằm với sách. Được chu du thiên hạ bằng sách. Đây là niềm vui ông đã nhận ra lúc ăn nằm với sách. Cứ ở yên một chỗ mà gặp được các vị vua chúa, trông thấy được bao đèn đài lộng lẫy của bao đế chế từng tồn tại trong lịch sử loài người. Chỉ ở một chỗ mà nghe được các bậc đại gia trên thế giới cãi vã nhau, vạn hữu biến đổi hay không biến đổi, vật chất với tinh thần là cái nào sinh ra cái nào.

Chẳng phải môn đồ của Phật mà ông cũng bày đặt đi hỏi Phật, như người ta nói ông là một sách như thế, liệu khi gắng sức tu dưỡng thì ông có vào được niết bàn không, một con một sách mà lọt vô niết bàn thì có gì trái khuấy không? Ông đã rất đắn đo trước khi đi hỏi đức Khổng Tử. Nếu là chuyện cao siêu như con người ta có linh hồn không, nếu có, thì sau khi ta chết cái vật thể ấy có đeo đẳng theo mớ xương tàn của ta không, nếu là chuyện đại loại thế, ông đã tìm đến ông Plato hay ông Aristốt của nước Hy Lạp cổ đại, chẳng hạn. Nhưng đây là chuyện đời thường, một trăm phần trăm là chuyện đời thường. Ông biết đức Khổng tử chỉ thích luận bàn những chuyện như khi vào chốn công đường ta có nên nín hơi làm như không thở được hay không, hay ông vua nào nên phò tá, ông vua nào nên tránh xa, lúc nào thì xuất chinh, lúc nào thì lui về quê tắm sông, gầy đàn sắt. Cái chính phủ trả lương dạy học cho ông bị đổ. Người đứng đầu chính phủ là ông Diêm thì bị giết. Đã ngồi vào chỗ cao nhất thiên hạ trong nước mà chẳng chắc ăn chút nào, hưởng hồ là cái ghế ngồi dạy học của ông. Thôi, cứ lui về, cầm lại cây cày tổ phụ để lại, là chắc ăn hơn hết. Ông muốn gặp đức Khổng tử là để hỏi thử cách xử sự của ông như thế là tiểu nhân hay quân tử. Những chuyện đại loại thế xảy ra khi đọc sách là quá nhiều. Còn đây là chuyện khi nhớ lại ông cứ thấy man mác buồn. Vào một chiều, ông nằm ở vồng mắc chỗ nhà cầu, để nghĩ ngợi, chứ không phải đọc sách. Ở

bên ngoài đang xảy ra đủ thứ chuyện. Trời sắp tối mà vợ chồng anh Rác, con trai và con dâu ông, vẫn còn ngoài ruộng. Cặp heo trong chuồng đòi ăn, la hét như ai đương thọc cổ chúng. Đám gà con, con mấy mái gà đẻ, cũng xúm nhau kêu như ong. Cặp bò cày chiều ấy là do thằng cu Cỏ, cháu nội ông, lừa đi ăn ở gò Tháp, thằng Cỏ biến đi đâu chẳng biết, để cặp bò kéo về húc cổng rào rầm rầm. Thường, trong trường hợp này, ông Ruông đi nhốt bò và cho heo gà ăn. Nhưng chiều ấy là do ông mắc đeo đuổi thứ ý nghĩ thật ra chỉ có các vị triết gia hay những nhà khoa học mới dám nghĩ đến. Là tại sao loài người hiện tại cũng chỉ có hai con mắt như nhiều loài thú khác, lại làm chủ được các loài thú? Cớ sao to lớn như con voi, cũng là loài có vú và có hai con mắt như con người, lại không làm được chuyện của con người? Cứ cho là công cuộc lao động làm phát triển bộ não ở loài người. Nhưng loài voi không lao động ư? Cũng lao động tìm kiếm thức ăn, lao động chống chọi với thiên nhiên và các loài thú khác để tồn tại... Nghĩ một hồi ông thấy mệt óc, nhắm cả hai mắt, thôi, không thêm nghĩ nữa. Chợt thấy có ông già râu cũng bạc trắng như râu cha ông hồi ấy. Ông già cầm đầu vông, giục dặc. Cứ tưởng ông Rường sang. Thường, cứ mặt trời sắp lặn, ông bạn hàng xóm ấy lại sang rủ ông ra ngồi ở đồng làng, nhìn rán chiều để đoán thời tiết. Mở mắt nhìn chẳng thấy ai, ông Ruông lại nhắm mắt để thư giãn đầu óc. Nhưng ông già râu bạc lại hiện ra nữa. Đích thị là cha ông. Ông Ruông cứ lim dim mắt nhìn, không dám mở to, vì sợ mất đi hình ảnh người cha yêu quý của mình. Đây là lần đầu, kể từ ngày cha ông mất, ông nhìn thấy lại cha mình. Ông cụ nhìn ông, rồi quay lại, ôm chầm lấy ông nội ông, khóc. Ông nội ông cũng khóc. Rồi quay lại, ôm chầm lấy ông cố của ông. Ông cố ông cũng khóc. Rồi quay lại ôm chầm lấy người đàn ông to lớn ông gọi là ông cao.

Ông Ruông thấy các vị tổ phụ của mình khóc nước nở. Chỉ thấy khóc, chứ chẳng nghe tiếng khóc. Ông cứ tiếp tục lim dim mắt để giữ hình ảnh các vị tổ phụ của ông. Đến lúc cố nhìn thử, ông mới nhận ra các vị ấy chẳng người nào còn da thịt. Bốn bộ xương người cứ xoắn lấy nhau, vừa đung đưa, vừa khóc. Một chập thì biến mất hết. Hình như là biến thành ngọn gió. Vì ông chợt cảm thấy hơi se lạnh. Sát bên ngoài cửa sổ nhà cầu là cây mít

lâu niên do cha ông trồng tự hồi ông cụ còn trai trẻ. Đám lá mít úa rụng, chạm vào nhau ào ào tựa như đang có mưa. Ông Ruông biết đây chẳng phải là mơ (thứ giấc mơ các vị tiểu thuyết gia hay đem vô tiểu thuyết của mình) Là hoạt động của trí não. Ông luận ra thế. Trí não ông vừa làm một cuộc đi quá xa, trải qua đời cha mình, đời ông nội và ông cố mình, đến tận đời vị tổ phụ thứ tư của mình, tính ra là hơn một trăm năm (bốn thế hệ cha ông ít nhất cũng dài hơn trăm năm) Trí não cứ theo đà này có ngày tê liệt mất. Mà chết vì tê liệt trí não là chết bất đắc kỳ tử. Luận đến đây ông thấy giật mình.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
ÔNG CHÁU

Đời người rốt cuộc chỉ còn là cơn gió thoảng?

Ông Ruông dấu kỹ ý nghĩ chẳng vui trong lúc đi lấy cỏ mòng gà với thằng cu Cỏ. Đến tuổi ông là hay nghĩ ngợi như thế. Không phải sợ chết mà nghĩ tới việc sau khi chết thì hoá thành thứ gì. Sách cũng đã nói nhiều về cái chết. Ông Epicur của Hy Lạp cổ đại, chẳng hạn, bảo cái chết chẳng làm gì được ta khi ta sống. Nhưng không phải sách, mà là thằng cu Cỏ, cháu nội ông, đã cải tạo cái tuổi già hay nghĩ ngợi của ông. Ngoài việc kể chuyện cho cháu nghe, ông còn cùng thằng Cỏ chơi những trò chơi của đám trẻ nít làng Dầu. Ông cũng không ngờ đến tuổi già lại thấy thích những trò chơi ấy. Chơi với thằng Cỏ là chơi theo mùa. Xuân, đánh trống đem u. Thu, đá kiện, nhảy chuôn. Đông, mưa dầm, thì ngồi trong nhà đổ bồ. Còn hôm ông dấu kỹ trong lòng ý nghĩ chẳng vui để đi lấy cỏ mòng gà với thằng cu Cỏ thì những cơn mưa đầu mùa đông đã đổ xuống từ lâu. Cỏ mòng gà đang trở bông đầy các bờ ruộng đồng làng. Cỏ mòng gà trở bông là đám trẻ làng Dầu bước vào mùa chơi cỏ. Ông Ruông luận về các trò chơi của lũ trẻ làng ông : Đá kiện, nhảy chuôn là cách thử thách của con người trước sự tàn phá của thời gian. Đổ bồ, còn gọi là tria bồ, là phản ánh quá trình phân hóa giàu nghèo trong xã hội loài người. Đánh trống đem u coi như thể nghiệm một tư tưởng về sự biến hoá giữa ngựa và người (trong trò chơi này, thằng làm người còn thua làm ngựa) Còn chơi cỏ là chiến tranh theo nghĩa có đánh nhau và có chết (trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ, khi chép về thời ấu thơ của mình, ông Ruông bàn khá kỹ về các trò chơi của lũ trẻ ở quê ông)

Lúc ông và thằng cu Cỏ lên gò Tháp để bắt đầu cuộc chiến thì mặt trời lên độ cây sào. Theo thuật ngữ của chơi gà cỏ thì sáng ấy ông cháu ông đã gom được đám quân chân xanh, tức đám cỏ vừa mới trở bông. Bao giờ cũng phải đi lấy cỏ vào sáng sớm như thế để cho cỏ có độ dẻo dai. Nên cuộc

chiến bao giờ cũng xảy ra vào buổi sáng sớm.

-Vào trận đi cháu. Xong trận này, ta gây mấy trận nữa, vì ngày mai trời mưa, ông cháu ta sẽ không ra đồng được.

Ông Ruông nói, cứ thấy háo hức như mọi lần sắp vào trận đánh nhau với thằng cháu nội.

Thằng Cu Cỏ lấy ra con gà cỏ lớn nhất, nhưng chưa chịu vào cuộc

-Ai nói với ông mai trời mưa ?

-Mặt trời mới mọc mà đỏ như chảy máu thế là sắp có mưa

Ông Ruông nói theo kinh nghiệm đoán thời tiết của người làng Dầu. Nhưng thằng cu Cỏ thì bị cuốn ngay vào chỗ kiến thức coi như hoàn toàn mới lạ với nó.

-Ông nói mặt trời chảy máu ?

Thằng cu Cỏ ném hết cỏ mồng gà xuống gò Tháp, coi như đơn phương hủy bỏ cuộc chiến, để xông vào tra gạn ông Ruông vì sao mặt trời chảy máu.

Nếu bắt đầu bằng việc giảng cho thằng cu Cỏ hiểu mặt trời vốn sinh ra từ một đám tinh vân, ông chẳng thể dẫn tới cái kết cuộc chảy máu

-Chúa phán rằng trái đất đứng im. Nhưng có một ông thầy tu lại dám trái lời Chúa, bảo trái đất không đứng im, mà cùng với trăng sao quay chung quanh mặt trời.

Ông Ruông quyết định phải bắt đầu câu chuyện kể bằng cuộc đối đầu đầu tiên có vẻ quyết liệt giữa khoa học và tôn giáo ở phương Tây. Nhưng bắt đầu kiểu ấy lại khiến cho thằng Cỏ xoay sang chất vấn ông về lĩnh vực tôn giáo

-Ông bảo Chúa phán, mà Chúa là ai, Chúa phán là sao?

-Phải. Chúa nói trái đất đứng im, còn mặt trời thì quay chung quanh trái đất. Theo sách vở của người theo đạo Chúa thì Chúa là kẻ làm ra mặt trời, làm ra ông cháu ta, làm ra trái đất nơi ông cháu ta đang chơi gà cỏ . Chúa

lớn vậy, nên lời Chúa nói ra gọi là phán

-Cháu hiểu ra rồi. Bữa hôm nay mặt trời chảy máu là cũng do Chúa phán.

Ông Ruông bảo không phải thế. Tất cả là tại tòa án của Chúa. Ông lại phải giảng cho thằng Cu Cỏ nghe tòa án của Chúa là do những người trên trần gian lập ra để kết tội những kẻ làm trái ý Chúa. Ông thầy tu người Ba Lan có tên Copernic ấy sợ bị kết tội, không dám công bố phát minh của mình. Nhưng gần một trăm năm sau, có một ông khác tên là Galilé đã công bố cho nhân loại biết chuyện quả đất tự xoay tròn một vòng trong một ngày, và đi giáp một vòng quanh mặt trời trong một năm. Tòa án của Chúa liền đem ông Galilé ra xử. Sợ bị chém, ông phải rút lại tuyên bố kia trước mặt các quan tòa. Nhưng vừa ra khỏi tòa ông đã nói với mọi người dù gì thì quả đất vẫn quay

-Thế là mấy ông quan tòa tức mình đem ông ta ra chém ?

Thằng Cu Cỏ có vẻ sốt ruột.

Ông Ruông nói không phải

Thằng Cu Cỏ tỏ ra nghi ngờ :

: -Hay là ông dấu cháu ?

-Ông chẳng dấu cháu điều chi. Ông Galilé không hề bị chém. Nhưng mặt trời thì cứ thấy buồn cười. Vì rõ ràng là nó không quay quanh trái đất, mà người ta cứ bảo là nó đang làm chuyện ấy. Mỗi lần nghĩ chuyện ấy, nó lại cười đến chảy nước mắt

-Cười mà chảy nước mắt sao ?

-Phải. Nước mắt của mặt trời là máu. Như sáng nay đây, ông cháu ta đang nhìn thấy máu của mặt trời

-Mà sao ông biết chuyện ấy?

Thằng Cỏ có vẻ sợ hãi trước những hiểu biết của ông mình. Còn ông Ruông thì rất vui, vì câu chuyện kể của ông coi như đã thuyết phục được cháu, ông bảo :

-Là do mặt trời đã nói cho ông biết.

-Mặt trời nói với ông ? Mà nói hồi nào ?

-Là vào lúc ông nghĩ về nó

Vì không đủ lời lẽ để diễn sự khâm phục trước người ông có vẻ khác

thường của mình, thằng Cỏ cứ nhảy lên la khan :
-Ông của cháu lạ lắm...

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
NHỮNG NGƯỜI CON ĐI VỀ PHƯƠNG NAM

Không phải đến hôm đi chơi gà cỏ, thằng Cu Cỏ mới gọi cho ông Ruông ý tưởng ấy. Mà đã bao nhiêu năm qua ý tưởng ấy tựa ngọn gió xuân làm cho lòng ông luôn cảm thấy rất vui. Là làm sao cho cuộc đời ông và cuộc đời các bậc tổ phụ ông đều trở nên khác thường đối với đám con cháu nhà họ Lê. Muốn vĩ đại với con cháu chơi, thế thôi. Để chuẩn bị cho sự ra đời của dòng họ Lê của mình, ông Ruông đã phải lùi lại tận thuở con người đầu tiên đặt chân lên miền sông Tượng núi Tượng, nơi chôn nhau cắt rốn của ông. Hóa ra là ông đã làm theo cách của Lý Tế Xuyên, quan Thủ Đại Tạng Kinh Thư Hỏa Chính Chương đời Trần hay đời Lýgi đó. Nhờ làm công việc giữ sách giữ lửa ở nơi để đại tạng kinh Phật, Lý Tế Xuyên đã soạn được Việt Điện U Linh, sách chép về các bậc tiền bối thời Việt Nam cổ sơ. Thì ông Ruông cũng nhờ đọc sách mà thấy được các vị tổ phụ của mình. Nhưng phải nói trước hết là nhờ cái rổ trầu của bà nội ông. Những ngày cuối đời, bà nội ông luôn dặn con cháu khi bà chết phải chôn cái rổ ấy theo bà. Hình ảnh cái rổ trầu của bà nội ông đã giúp trí não ông lùi đến tận thời Hùng Vương, vì tục ăn trầu có từ thuở mới lập nước. Rồi từ tục ăn trầu thời Hùng Vương lập nước, ông lại lùi tới tận hôm Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con trong sách Lĩnh Nam Chích Quái. Đây là vào một đêm mùa hạ có gió nam thổi rộ. Đọc xong truyện Họ Hồng Bàng trong Lĩnh Nam Chích Quái, ông Ruông lên vông năm. Có tiếng biển gào? Không phải. Làng Dầu cách biển Đông những ba mươi cây số làm sao nghe được tiếng biển. Ông Ruông biết đây là tiếng gió. Nhưng nhắm mắt lắng nghe, thì cứ y như có tiếng biển gào. Hãy dừng lại đi... Là anh Rác, con trai ông, mê ngủ, la hét lủ bò cày? Không phải. Rõ ràng là ông nghe có tiếng ai vừa thét lên giữa tiếng biển gào. Một người con trai đã bước ra khỏi biển, cứ theo hướng sông Tượng núi Tượng mà đi, dáng đi tựa dáng một con rồng.

-Cha ta không cho ta đi. Nhưng ta thì ta không thích ở chốn thủy giới

Lúc đến chân núi Tượng, người con trai ấy dừng lại, nói, giọng như tiếng sấm. Thấy dáng đi và nghe giọng nói, ông Ruông biết đây là một trong năm mươi con trai từng được Lạc Long Quân đưa về thủy giới. Nàng là giống Tiên còn ta là giống Rồng, chẳng thể sống cùng một nơi. Lời Lạc Long Quân nói với Âu Cơ trong sách Lĩnh Nam Chích Quái đã làm nảy sinh trong đầu ông những ý tưởng đầy tính sử thi. Thôi thì cha Rồng mẹ Tiên mỗi người một nơi cũng được đi. Nhưng một nửa số con của họ đã lên được đất Phong Châu, lập được nước Văn Lang, làm nên nền văn minh Đông Sơn ở phương Bắc, thì cứ chi nửa còn lại phải theo cha về thủy giới? Cho nên ông mới dám nghĩ có một người con trong số con theo Lạc Long Quân đã đến miền núi Tượng sông Tượng để trở thành thủy tổ cư dân nơi đây. Nếu được nói nữa thì ông sẽ nói rằng, sau đó thì bốn mươi chín người còn lại đều ra khỏi biển, đi về đất phương nam. Sau đó nữa thì sao, thì ông bảo là để cho các nhà viết sử nghĩ tiếp. Miền sông Tượng núi Tượng trước năm 111 trước công nguyên là thuộc bộ lạc nào hay quốc gia nào, ông Ruông chẳng thể tra cứu. Nhưng kể từ năm 111 trước công nguyên thì quê ông nằm trong nước Âu Lạc, và bị lệ thuộc nhà Hán bên Trung Hoa. Sau đó, đến cuối thế kỷ thứ hai sau công nguyên thì nằm trong nước Chăm Pa. Còn sau đó nữa, đến thế kỷ thứ mười lăm, lại thuộc nước Đại Việt tức hậu thân của Âu Lạc. Tình trạng lịch sử và địa lý như thế khiến người ta phải nghĩ đến sự lai tạp nhân chủng ở đây. Sự thực, ông Ruông chẳng sợ trong ông có lai máu Hán, hay máu Chăm Pa, vì máu nào cũng là máu người. Có điều, chỉ lo con cháu ông sau này có thể lại có chuyện cãi vã lôi thôi với ai đó về chuyện nguồn gốc dòng giống, nên ông đã để cho một trong những người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ thẳng đến đây, làm thủy tổ của dòng họ mình. Theo sử sách thì thời Âu Cơ và Lạc Long Quân chia con cách thời ông Ruông khoảng hai nghìn rưỡi năm. Và theo ông Ruông, vị thủy tổ này mãi hai trăm năm sau ngày đặt chân đến sông Tượng núi Tượng mới sinh con (vì sao có chuyện trục trặc này, xin sẽ nói sau).

Ông Ruông lại tính đồ đồng các bậc tổ phụ của ông người nào cũng sinh con vào tuổi ba mươi. Như thế, tính từ đời ông ngược đến đời vị thủy tổ là được bảy mươi sáu đời.

Người ta thấy nơi trang đầu Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ :

Người lập hồ sơ : Lê Ruông

Trang tiếp theo (coi như liệt kê tên các vị tổ phụ) :

Thủy tổ họ Lê, tức vị tổ phụ thứ bảy mươi sáu, tức ông Bảy Mười Sáu, sống vào khoảng thế kỷ thứ V trước công nguyên.

Ông Bảy Mười Sáu sinh ra ông Bảy Mười Lăm, ông Bảy Mười Lăm sinh ông Bảy Mười Bốn, ... ông Năm sinh ông Bốn, ông Bốn sinh ông Ba, ông Ba sinh ông Hai, ông Hai sinh ông Một, tức Lê Ruông

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
MỘT CUỘC CÁCH MẠNG

Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ nhất định không phải là gia phả. Ông Ruông không chủ trương chép gia phả. Vì ông đã có một gia phả truyền miệng mỗi lần cha ông răn dạy ông cách làm người lại đem ra nói : Dòng họ nhà ta đời nào cũng chí thú việc cày cuốc Tất nhiên là cha ông phải truyền đạt lại đúng như lời ông nội ông đã truyền đạt cho ông. Theo ông Ruông, bản gia phả là được chép trên nền tảng của cuộc Cách Mạng Đá Mới của loài người, cuộc cách mạng chuyển sẵn bản hái lượm sang chăn nuôi trồng trọt. Song, ông không dừng lại ở nghĩa hẹp của các từ. Đời nào cũng chí thú việc cày cuốc không có nghĩa hết thấy các tổ phụ ông đều cầm cày. Ông chỉ giả sử thôi, là có một vị tổ phụ của ông đã làm vua, một ông vua chỉ chăm lo mỗi việc phát triển nông nghiệp trong nước, một ông vua trọng nông, thì đó chẳng phải chí thú việc cày cuốc sao? Nói tóm, nền tảng của gia phả là rất lớn, nhưng lại chưa nói được cái lớn của từng bậc tổ phụ. Ví như ông chỉ đơn cử mỗi việc đặt tên con xảy ra vào đời cha ông (đời ông Hai) cũng đủ khiến người ta giật mình. Con trâu là đầu cơ nghiệp. Nông tang là thế. Nhưng ở làng Dầu không cày trâu, mà cày bò. Cha ông sinh con đầu lòng là con trai. Liền đặt tên là Bò, Lê Bò. Tiếp đến là sinh ông, đặt tên là Ruộng, Lê Ruộng (vì sao lại có tên Ruông là cả câu chuyện dài, sẽ nói sau) Tiếp sau đó sinh con gái, đặt tên là Lê Thị Nước. Cuộc sống nhà ông bấy giờ rất thiếu thốn. Mẹ ông bị bệnh sản hậu chết lúc em gái ông mới ba tháng tuổi, nên mấy tháng sau em gái ông cũng chết. Còn anh trai ông cũng chết hồi lên chín vì sốt phát ban, sau cái chết của em gái ông chừng vài năm. Nhưng vấn đề không phải chỗ con cái trong nhà còn được bao nhiêu đứa. Không chết yếu, đến tuổi già cũng chết thôi. Bò, ruộng, nước là những yếu tố cơ bản của văn minh lúa nước, văn minh Lạc Việt. Nói đến bò đến ruộng là nói đến bản sắc của nòi giống. Một người không biết chữ, tức không hề đọc sách, tức không hề biết đến khái niệm bản sắc nòi giống, vậy mà khi đặt tên cho con lại giữ được bản sắc nòi giống. Thế ai dám nói cha ông không phải

là kẻ khác thường? Sự việc này đã để lại ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với ông Ruông. Nên khi sinh con đầu lòng ông đã phải đắn đo suy nghĩ rất nhiều trước khi đặt tên cho con. Thường sinh con giáp tháng, khi cúng đầy tháng, người ta đặt tên con. Đẳng này, con sắp thôi nôi, ông Ruông vẫn chưa chọn được tên cho con. Bà Ruông hồi thúc. Ông bảo tên gọi của con người là thứ trọng đại, chết xuống mồ đã tám mươi đời người ta vẫn còn nhắc, nên không phải nghĩ là có ngay. Bây giờ ông đang lao vào sự nghiệp thi ca. Vừa cày ruộng, vừa đọc sách, và soạn thơ. Nếu như ta có sự nghiệp thi ca là cũng chỉ để giúp con cháu ta bình tĩnh hơn khi đối mặt với lịch sử loài người. Ông Ruông ghi trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ. Đây là lý do khiến ông lao vào việc trước tác. Có thể nói mưu toan trở thành vĩ đại đối với con cháu đã manh nha từ lúc ấy. Dường bây giờ ông dành hết tâm trí cho việc soạn thơ. Là thứ vật thể vô hình khi được ngôn ngữ thay chỗ cho thì có thể trở thành tiếng nói của thần thánh. Cứ xem quan điểm thi ca này của ông cũng đủ biết ông từng muốn trở thành một thi gia lừng lẫy. Bài ông cho là lớn nhất trong sự nghiệp trước tác của mình là nói về cỏ rác. Xin lược qua việc hình thành thi phẩm. Sau cơn bão lớn mùa đông năm ấy, giống cỏ buồn ngủ (tức cỏ mắc cỡ) bỗng xuất hiện ở vùng làng Dầu. Giống cỏ có gốc gác ở núi rừng Trường Sơn rừng đầy mặt đất vườn nhà ông Ruông. Phải mất nửa tháng trời ông mới đẩy hết đám cỏ này. Nhưng sau một cơn mưa nhỏ sau đó, đám buồn ngủ lại mọc lại. Diệt cỏ phải diệt tận gốc. Tuân theo qui luật này, ông chờ cỏ lên cao để nhổ, chứ không đẩy bằng cuốc như trước. Xong, đem phơi khô, rồi đốt. Sau một cơn mưa sau đó, ông Ruông phát hiện thấy đám cỏ mắc cỡ lại mọc lên chính nơi đã đốt chúng thành tro than. Đến lúc ấy thì thi ca xuất hiện :

Chẳng ai nhìn thấy Người

Nhưng Người có mặt ở khắp nơi

Người là cơn gió mạnh mẽ đi ngang qua bầu trời

Nhưng cũng e thẹn rụt rè

Khi Người từ tro tàn hiện ra trong dáng vẻ của một loài cỏ cây

Mang âm hưởng trần gian

Có lẽ Người đã có mặt khắp nơi

Bồi Người là cỏ rác

Và chính trong giây phút thi ca này ông nhìn thấy tên đứa con trai đầu lòng của mình : Lê Rác.

Bên dưới bài thơ có lời chú :

Đây là cuộc cách mạng trong thi ca. Hai lần cách mạng. Một là giải thoát cỏ rác khỏi thân phận thấp hèn. Hai là trao cho cỏ rác một thể đứng mới trong trời đất: Cỏ rác được làm tên gọi con người.

Mỗi lần cho con bú, bà Ruông thầm gọi tên con. Chỉ thầm gọi, chứ không dám gọi ra thành tiếng. Từ lúc bước chân về làm vợ ông Ruông, bà đã nghĩ đến chuyện khó nuôi con. Hình ảnh những người anh em ông Ruông đã chết yếu ám ảnh bà suốt thời kỳ mang thai. Theo bà Ruông, việc khó nuôi con đã thành huôn ở nhà này. Có nghĩa, trước đã xảy ra thế thì sau cũng sẽ xảy ra thế. Đâu phải mỗi bà Ruông, mà hầu hết những phụ nữ ở làng Dầu, cùng lớp bà Ruông, khi có chồng con, đều sợ cái huôn khó nuôi con. Để giải thứ tiền lệ có vẻ tiền định này, người ta chẳng màng đến việc sử dụng những thành tựu khoa học. Mà chỉ áp dụng những phương thức mang tính chất tôn giáo dân dã. Như kiêng việc khen ngợi hoặc chửi bới con, kiêng gọi tên con, hay lấy tên những vật dơ bẩn hoặc tên loài súc vật để đặt tên cho con. Nói chung, trong chuyện này thì khoa học chẳng có đất đứng.

-Đợi con mình đủ mười tám tuổi mới gọi tên, cũng chẳng muộn.

Bà Ruông nói với ông Ruông. Dầu rất ưng ý khi lấy cỏ rác để làm tên con, bà vẫn phải cẩn trọng như thế.

Trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ, ông Ruông chép về bà Ruông như vầy :

Khi nghe ta bảo đặt tên con là Rác, bà ấy hài lòng lắm. Trong cuộc cách mạng thi ca của ta, dẫn đến việc đặt tên cho con ta, cỏ rác đã được nâng lên tầm cao quý. Nhưng với cách nhìn về thế giới của bà ấy, cỏ rác là thứ bỏ đi. Lấy tên gọi của thứ bỏ đi làm tên con là để chống lại cái huôn khó nuôi con. Hết thấy những người như bà ấy đều có quan niệm cố cựu như thế. Điều lý thú ở đây là cách mạng lại phù hợp với cố cựu.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
LỬA NGUYÊN SƠ

Ông Ruông cho rằng việc ông cưới bà Ruông làm vợ là một cuộc nhận ra nhau (khác với bao nhiêu cuộc tưởng là nhận ra nhau)

Ta sẽ có một luận văn về tình yêu.

Trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ có câu ấy thật. Nhưng không thấy có luận văn nào về tình yêu. Chỉ thấy ông hay nhắc đi nhắc lại về cuộc gặp gỡ giữa ông và vợ ông với giọng điệu vừa như triết nhân vừa như một nhà khoa học hiện đại.

Theo cách nhìn của ông Ruông, cuộc gặp gỡ ấy có thể thuật lại như sau :

Vào một ngày thuộc hậu bán thế kỷ thứ hai mươi, lúc sao mai còn sáng rực ở chân trời phía tây, có nghĩa còn lâu mới sáng, thì ông Ruông nghe tiếng cha ông gọi:

-Dậy rút rơm cho bò ăn đi Ruông

Ra ngoài xã hội, ông là Lê Ruông. Nhưng ở trong nhà cha ông vẫn gọi ông là thằng Ruộng. Sở dĩ cha ông gọi ông bỏ rơm cho bò ăn sớm như thế vì đây là bữa đi cày đầu tiên của mùa cày đầu tiên trong năm, mùa cày vỡ. Sau mấy tháng nghỉ cày bữa, cặp bò cày đâm lười nhác. Rơm đã được cho vào đầy máng, lũ chúng vẫn còn nằm ì trong chuồng. Ông Ruông phải lấy roi cày tặng cho mỗi con một roi, chúng mới chịu đứng dậy. Lúc lũ bò ăn rơm, ông vòng ra hè nhà sau, lấy cây cày ra khỏi hiên hè. Sau hơn một năm vừa cày ruộng vừa đọc sách, ông thấy trí não ông có phần khác so với lúc đi dạy học. Thường là nghĩ được những điều mới mẻ. Nhưng buổi sáng hôm ấy, lúc làm công việc khởi động cho buổi cày đầu tiên trong năm, thì chẳng có điều gì khác lạ xảy ra trong trí não ông. Lúc vác cày, lừa bò gần đến ruộng, ông có nghĩ đến việc các vị vua các triều đại xưa của nước Việt Nam của ông vào mùa cày đầu tiên trong năm cũng xuống đồng đi cày lấy

ngày để mở đầu cho việc cày cấy trong năm của dân trong nước. Nhưng ý nghĩ ấy cũng chẳng phải là dấu hiệu báo trước với ông rằng đây là một ngày trọng đại trong cuộc đời ông. Mặc bò vào cày đầu đấy xong yên, mặt trời vẫn chưa lên. Buổi sớm tinh mơ của mùa tháng giêng ở miền núi Tượng sông Tượng phải nói là rất tuyệt. Cả màu sắc trời mây, cả không khí để hít thở, thứ gì cũng tuyệt. Ông Ruông cảm thấy người nhẹ nhàng thoải mái, như vừa trải qua một cuộc du sơn ngoạn thủy hào hứng nào đó. Ngay cả tâm trạng này cũng không phải là để báo trước điều trọng đại sắp xảy ra. Đất vừa đủ ướt cho trạch cày lật được đất là đúng tiêu chuẩn để cày vỡ. Cha ông đi thăm đồng về, bảo mừi bữa nữa là cày được, sáng ấy là đúng mừi bữa. Bước chầm chậm theo đôi bò cày cũng bước chầm chậm theo kiểu thuộc lòng, ông Ruông cứ thấy tức cười thầm. Công việc làm của ông trong những năm tháng trước đây đâu có mấy khác với công việc làm của đôi bò cày. Kéo cây cày tới đầu bờ thì đôi bò cày tự động quành lại, cày lấp sống thì quành bên phải, bên ví, cày mở rộng thì quành bên trái, bên thá, đầu cần ông hô ví thá. Thì ông cũng vậy, đầu cần ai nhắc, tới giờ là lên lớp, khoa học thường thức thì con trăn con rắn là thuộc lớp bò sát, địa lý thì nước Việt Nam có hình cong chữ S, sử ký thì Bà Trưng quê ở Phong Châu, giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên... tức trích Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca. Giảng bài cho đám học trò tiểu học thì đầu cần phải cho sâu cho rộng. Năm nào cũng quành đi quành lại cách giảng ấy. Có nghĩa, tới bài ấy của môn học ấy, thì lại giảng giải như thế.

Tất nhiên là đám học trò dù ít dù nhiều cũng thêm được kiến thức. Nhưng với ông thì không. Dường như là ngồi ở bàn thầy dạy học, ông chỉ làm mỗi công việc nhai lại. Thấy cách kéo cây cày của cặp bò cày, ông thử đem liên hệ với chuyện dạy học của ông, vậy thôi. Như cha của ông, đầu có dạy học, mà cũng mắc phải nhai lại. Cứ ngồi vào mâm cơm, trông thấy mặt ông, là lại nhắc : Mày định không cưới vợ, ở vậy tới già sao Ruộng? Cha của ông cứ mỗi câu ấy nói suốt từ những năm ông ở tuổi hăm chín ba mươi cho tới lúc ông thôi dạy học, ra cày ruộng. Quả tình, cho tới lúc đó, ông cũng chẳng thể giải thích một cách rõ ràng cho người khác hiểu vì sao tới tuổi đó ông vẫn chưa cưới được vợ. Có kẻ thân tình nào gặng hỏi, thì ông lại vừa

đùa vừa thật là chưa nhìn thấy người phụ nữ nào là vợ của mình. Bảo ông Ruông không nghĩ về phụ nữ thì cũng không đúng. Có thể nói như thế này không : chưa có người phụ nữ nào khiến cho ông thấy một người đàn ông thì phải có một người phụ nữ ở bên cạnh? Hay nói theo cách của dân gian là ông chưa gặp được duyên nợ ? Ngay cả những lúc có tâm trạng phấn chấn nhất, ông cũng thường hay nghĩ đến những chuyện chẳng ăn nhập chi với sự thúc bách của cha ông. Như buổi sáng đầu tiên mùa cày vỡ, giữa cảnh trí nên thơ của đất trời, đầu óc ông lại đi xem xét chuyện dạy học của mình trước đây có giống với chuyện kéo cày của cặp bò cày không. Có nghĩa, cho đến lúc ấy không hề có dấu hiệu nào báo trước đây là ngày ông đạt được một cuộc tình mà theo ông là mẫu mực nhất trần gian.

Dân làng Dầu và dân làng Gàu (ở phía đông làng Dầu} cùng cày ruộng trên đồng Đất Sét. Chỉ nghe tên gọi thôi cũng đủ biết đây là thứ ruộng đồng chẳng màu mỡ gì. Ruộng đất cố định bấy nhiêu khoảnh, mà năm nào dân hai làng cũng cho ra đời thêm mấy chục đứa trẻ. Ông Ruông cho đây là chỗ kỳ diệu của con người. Thêm miệng ăn, nhưng không thêm đất đai trồng trọt, mà vẫn sống được, sống một cách mãnh liệt nữa là khác. Cứ xem quang cảnh mùa cày vỡ trên đồng Đất Sét thì rõ. Chồng cày, đám vợ con thì dọn bờ, cuốc góc. Đến mùa cày đầu tiên trong qui trình trồng trọt, mùa cày vỡ, ở trong nhà ai cày cuốc được đều ra đồng hết. Chẳng có tính toán nào ngoài việc có bao nhiêu sức lực là đổ hết ra ruộng đồng. Cho nên, sau khi rời việc dạy học, ông Ruông cũng bị cuốn hút ngay vào thứ sức sống tạo hóa đã ban tặng riêng cho người làng quê ông. Dừng cày cho bò nghỉ xả hơi là ông lại cầm cây cuốc đi dọn bờ, cuốc góc. Sau này, khi có mưu toan vĩ đại với con cháu, ông mới thấy sức làm lụng của ông lúc đó là quá lớn (Cha của ông lúc bấy giờ không còn cày cuốc nổi nữa, trên khoảnh ruộng nhà chỉ có mỗi mình ông với cặp bò cày)

-Vô chuyện cày bừa, ông giáo cũng chẳng kém thua ai

Thấy cách làm lụng của ông Ruông, ông già Thạch cày ở ruộng kế bên thỉnh thoảng lại ngừng bò, vói sang, để tỏ khâm phục.

Không như ông Ruông một mình một thân với đôi bò cày, ông già Thạch

còn có cô con gái đầu lòng xấp xỉ bốn mươi, chưa chồng con, cùng làm lụng với ông trên đồng ruộng. Theo truyền thống văn hoá dân dã ở miền núi Tượng sông Tượng, con gái chừng ấy tuổi mà chưa lấy chồng thì được liệt vào danh sách gái lỡ thì. Nói theo nghĩa đen, lỡ thì là đã qua cái thời được đám con trai ngấp nghé, đeo đuổi. Nhưng lại còn có nghĩa là có thể ở vậy tới già. Công bằng mà xét thì con Hai Mén (người ta vẫn gọi cô con gái đầu lòng ông già Thạch như thế) không phải là xấu xí lắm. Có đồ thừa nước da chì ta hơi đen, bắp chân hơi to, hoặc khuôn mặt hơi thô, nên khó lấy chồng, thì cũng chẳng phải là lý do thuyết phục lắm. Bởi biết bao người phụ nữ cũng có những đặc điểm thế mà vẫn chồng con đàn ông. Ở làng Gàu, ngoài việc ruộng nương, người làng còn có nghề đương gàu tát nước. Gàu của con Hai Mén lỡ thì đó. Lời thiên hạ dùng khen tặng sự khéo tay của cô con gái đầu ông Hai Thạch lại vô tình củng cố cho xu hướng ở vậy tới già của người con gái bất hạnh đó. Ngày ngày đám con trai đàn ông ở các vùng chung quanh vẫn tiếp tục hỏi thăm đường đến nhà con Hai Mén lỡ thì, nhưng không phải là để săn đuổi tình duyên, mà chỉ để mua gàu tát nước. Ở làng Gàu (cũng như ở làng Dầu) cũng từng có nhiều người gợi ý cho đám con trai đàn ông trong làng, song, chẳng có anh nào chịu lấy chị. Tất nhiên là chẳng ai dám gợi ý này với ông giáo Ruông, vì người ta cho rằng ông giáo phải có một người vợ cũng giỏi chữ nghĩa như ông. Lúc còn dạy học, ngày nào ông Ruông cũng ngang qua làng Gàu, thỉnh thoảng lại gặp chị ấy. Đến lúc thôi dạy học, ra cày ruộng, thì gặp nhau hoài, vì ruộng nhà ông với ruộng nhà chị thì liền bờ.

Ông Ruông chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ :

Buổi mai hôm ấy có lũ chim sơn ca hót vang trời. Thường, chúng chỉ hót vào lúc chiều xuống. Nhưng buổi mai ấy lũ sơn ca cứ vút lên bầu trời trên đầu ta mà hót. Đúng vào giây phút trọng đại ấy thì có chim sơn ca hót.

Phải. Vào cuối buổi cày đầu tiên mùa cày vỡ ấy thì xảy ra sự việc trọng đại. Gần cuối buổi, ông Ruông tháo cày cho bò nghỉ, rồi đi dọn bờ. Ở ruộng bên, ông già Thạch vẫn còn tiếp tục cày. Chị Hai Mén, từ sáng giờ vẫn làm công việc dọn bờ. Vừa dọn bờ, ông Ruông vừa nghĩ đến chuyện vợ con, và thấy hơi lo. Như đã nói, ông rất ít khi nghĩ đến chuyện vợ con, không hiểu

sao hôm ấy trong lúc mệt nhọc thế, ông lại nghĩ đến chuyện ấy. Không phải ông lo kiếm không ra vợ, vì ra ngoài xã hội ông thấy còn khối đàn bà con gái chưa chồng. Ông lo là khi có vợ tất phải sinh con, có con tất phải lo nuôi con, thế chẳng còn thì giờ để đọc sách. Chính ông vui sống được sau khi thôi dạy học là nhờ vừa cày ruộng vừa đọc sách. Chợt ông nghĩ ra được một giải pháp mà ông cho là lưỡng tiện. Cứ lấy vợ, song, đừng sinh con. Như thế vừa làm cho cha của ông vui, vừa còn có thời giờ để đọc sách. Lúc cái giải pháp này lóe ra trong trí não thì ông Ruông chống cuốc, đứng thẳng người lên, nhìn sang bên ruộng ông già Thạch. Chị Hai Mén vẫn cặm cuoi dọn bờ, sắp làm đến đoạn bờ ngang với đoạn bờ ông đang làm. Lúc ấy thì ông già Thạch đã tháo bò cày, đi cuốc góc. Cứ lấy vợ mà đừng sinh con là tiện nhất. Ông lập lại ý nghĩ ấy ở trong đầu đúng vào lúc chị Hai Mén đã tiến đến đoạn bờ ngang với nơi ông đang đứng nghĩ ngợi.

Ông Ruông chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ :

Có một thứ lửa bí ẩn chất chứa sẵn trong trái tim ta và trong trái tim nàng, đến lúc ấy thì phụt cháy lên.

-Em Hai

-Anh giáo.

Vì chép ra thành chữ nên phải có trước sau như thế. Sự thật thì ta với nàng cùng lúc thốt ra như thế. Những lời ấy thật ra chỉ là biểu hiện của thứ lửa nguyên sơ tiềm ẩn trong trái tim ta và trong trái tim nàng. Lửa là lửa. Thốt ra thế là để thông báo cho nhau biết rằng cả ta và cả nàng đã cùng lúc nhận ra ngọn lửa ấy.

Ở một chỗ khác trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ ông Ruông còn bảo lúc hai người giáp mặt nhau (và nhìn nhau) chính là lúc cả hai cùng bị một thứ lực bí ẩn chi phối, ông chép :

Ta nghe người lão đảo, tựa hồ nơi trái tim nàng đang tỏa ra một sức hút mãnh liệt làm lung lay toàn bộ tâm trí ta. Và ta tin là nàng cũng thế, cũng đang bị một thứ lực tương tự đang tỏa ra từ nơi trái tim ta, vì ta trông thấy người nàng cũng lão đảo. Và rồi, cả ta lẫn nàng cùng chồm qua con bờ nhỏ, ôm chầm lấy nhau, cùng lúc khẽ kêu lên : anh giáo-em Hai.

Ngày tối hôm ấy, ông Ruông nói với cha mình :

-Con đã quyết định rồi, là sẽ cưới con Hai Mén con ông già Thạch ở làng Gàu

Cha ông Ruông có cảm thấy bị choáng váng, song đã liền lấy lại bình thường. Nếu là trước đây, lúc cha ông còn đi cà y nổi, chắc ông đã hét lên : Hết con gái hay sao mà đi cưới gái lỡ thì? Nhưng bây giờ thì cha của ông đã yếu lắm, chẳng biết sẽ theo ông bà vào lúc nào. Nên vấn đề bây giờ không phải là lỡ thì hay không lỡ thì. Mà làm sao trước lúc chết, cha của ông được nhìn thấy mặt đứa cháu nổi dỗi.

-Con cưới đứa nào cũng được. Nhưng phải sinh cho cha một thằng cháu trai

Như vậy là đương nhiên ông Ruông phải hủy bỏ cái giải pháp lưỡng tiện đã nghĩ được hồi lúc sáng.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
DẤU HIỆU CỦA THIÊN TÀI

Phải nói đến lúc có mưu toan trở nên vĩ đại với con cháu, ông Ruông mới thấy chỗ lớn lao trong việc cưới vợ của mình. Chính là ông đã làm rung rinh khái niệm siêu hình về gái lơ thì đã tồn tại bao nhiêu đời ở miền sông Tượng núi Tượng chưa ai phản bác nổi. Và ông đã quyết định kể lại toàn bộ sự việc này cho thằng Cu Cỏ nghe, vì nó là cháu đích tôn, phải biết những sự kiện trọng đại đã xảy ra trong đời các bậc tổ phụ của nó.

-Thiên hạ ngã ngựa ra khi thấy ông làm đám cưới với bà nội cháu.

Ông kết thúc câu chuyện bằng câu này.

Lập tức thằng Cỏ đem những kiến thức vốn có của nó ra để vừa bình luận vừa chất vấn về cuộc cưới vợ của ông.

-Vậy là bữa đó có cả người lớn lẫn trẻ nhỏ trong làng đến ngõ nhà mình chờ xem mặt cô dâu.

-Phải. Có cả trẻ nhỏ lẫn người lớn

-Rồi khi cô dâu đến thì cả người lớn lẫn trẻ nhỏ đã giật mình ngã ngựa ra hết

Thằng Cu Cỏ nói, vừa dựa vào kiến thức rút được từ những lần đi xem đám cưới trong làng, vừa dựa vào câu nói của ông mình.

Ông Ruông không cho là cháu ông dám chế nhạo ông :

-Ai bảo cháu là thiên hạ giật mình ?

-Thì ông mới nói ra chứ ai. Ông bảo thiên hạ ngã ngựa ra, thế không phải giật mình là gì?

-Không phải vậy đâu. Ý của ông khác kia

-Không giật mình, tự nhiên ngã ngựa hay sao? Mà cháu đoán ra rồi

-Cháu đoán thế nào?

-Vì tức cười quá, không chịu được, thiên hạ ngã ngựa ra hết.

Đến lượt ông Ruông bị thằng Cu Cỏ thu hút

-Mà sao cháu cứ nhìn râu ông thế? Còn vì sao thiên hạ lại tức cười đến ngã ngựa ra hết ?

Thằng Cỏ vẫn cứ chăm chăm nhìn vào bộ râu của ông nó (mà nó vẫn cho là ở trong làng chẳng có râu người nào đẹp hơn)

-Hỏi ông làm sao mà không tức cười. Cả người lớn cả trẻ nhỏ đều ngã ngửa ra cười, ông biết không, vì chú rể là ông của cháu, lại có râu

-Ừ. Cứ cho là thế

Ông Ruông cứ chiều theo cách bình luận của cháu

-Ông nói cứ cho là thế là sao? Cháu thì chưa bao giờ thấy đám cưới nào chú rể có râu.

-Ừ. Có lẽ là thế.

-Cháu vẫn chưa hiểu ông nói thế là sao. Hay là lúc làm đám cưới với bà nội cháu thì ông chưa có râu?

-Chắc là thế

-Tức là lúc ấy, ông cũng giống như cháu, là còn nhỏ, chưa có râu.

Ông Ruông vẫn chiều theo cách bình luận của cháu , đáp :

-Phải rồi. Cháu cứ nói tiếp đi

-Cháu biết trước mà. Là khi cô dâu đến, cả người lớn cả trẻ nhỏ đều ngã ngửa ra cười, vì cô dâu đã lớn lắm, mà chú rể là ông của cháu lại giống như cháu, là còn nhỏ, chưa có râu.

Ông Ruông định giảng giải cho thằng Cu Cỏ hiểu ý nghĩa mấy từ “ngã ngửa ra”, nhưng nó đã không để ông nói

-Nhưng như thế thì không được. Cháu chưa bao giờ thấy có đám cưới nào có chú rể còn nhỏ như cháu. Hay là ông còn dấu cháu một điều?

-Ông dấu cháu điều gì nào?

-Có đấy. Ông vừa nói với cháu là ông đã ôm bà nội cháu ở ngoài ruộng có phải không?

-Phải.

-Thế lúc cô dâu đến thì chú rể có làm như thế không? Tức là ông cũng ôm bà nội cháu, y như hôm ở ngoài ruộng ?

-Chuyện này thì không có đâu

-Đấy, cháu biết mà. Là ông đã dấu cháu chuyện này

-Nhưng nếu có chuyện này thì sao?

-Nếu có chuyện này thì cháu đoán ra rồi. Là lúc ấy ông cũng có râu như

bây giờ.

-Nhưng sao cháu cứ thắc mắc là lúc ấy ông đã có râu hay chưa?

-Phải, vì còn thắc mắc, nên cháu chưa có ý kiến dứt điểm với ông. Còn bây giờ thì cháu đoán ra rồi.

Thằng Cu Cỏ chột nhìn ông Ruông, và bật cười

Ông Ruông cũng bật cười

-Sao cháu nhìn râu ông rồi cười ?

-Hỏi ông làm sao không cười. Cháu thì chưa bao giờ thấy có đám cưới nào chú rể đã có râu mà đi ôm cô dâu trước mặt cả người lớn cả trẻ nhỏ ở trong làng.

Cách chất vấn và bình luận của thằng Cu Cỏ khiến ông Ruông không còn dám chắc là lúc ông cưới bà Ruông thì mình đã có râu hay chưa. Một cuộc tình lớn tựa một tác phẩm văn chương lớn, bàn mãi không hết. Ông Ruông đã dùng phương pháp so sánh đó, và cho rằng cháu ông cũng có thể gọi là một nhà biện luận trẻ tuổi. Nhưng để sự nhận định của mình chắc ăn hơn, ông còn phải tiếp tục chất vấn cháu ông về vấn đề có râu hay chưa có râu.

-Theo cháu thì người có râu với người chưa có râu khác nhau ở chỗ nào?

Thằng Cu Cỏ nhìn ông với vẻ làm như giờ nó là ông, là người lớn, còn ông là nó, là trẻ thơ :

-Ông hỏi cháu câu hỏi khác đi.

-Còn câu hỏi đó thì sao?

-Chuyện đó ông đã biết, còn hỏi cháu làm gì?

-Để biết cháu suy nghĩ thế nào.

-Cháu thấy hơi lo

-Cháu lo gì?

-Người già thì hay lẫn lộn

-Có lẽ là vậy. Nhưng cháu hãy trả lời câu hỏi của ông đi đã.

-Ông bảo người có râu thì khác với người chưa có râu ?

-Phải

-Thế cháu chưa có râu thì cháu có phải là người hay không?

-Cháu tuy chưa có râu, nhưng cũng là một con người

-Tức là có râu hay chưa có râu đều là con người ?

-Phải.

-Thế sao con dê ông Hai Rường cũng có râu nhưng ai cũng kêu nó là con dê, cháu chẳng nghe ai nói nó là con người?

Ông Ruông hơi choáng một chút trước câu hỏi của cháu. Không phải vì giận, mà vì mừng. Tra vắn của thằng Cu Cỏ mang màu sắc của một triết học mới mẻ. Có phải ở một bình diện nào đó người ta có thể xem con người cũng là con dê, và con dê cũng là con người? Một tra vắn có tính cách ngoại lý. Ông Ruông thật sự vui mừng, vì có thể nói rằng ông đã nhìn thấy được dấu hiệu thiên tài ở cháu ông.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
NHẬP VÔ CUỘC PHIÊU LƯU CỦA HOMO SAPIENS

Đến lúc có mưu toan vĩ đại với con cháu thì trí não ông Ruông hoạt động một cách khác thường. Chỉ mỗi một lời không bình thường của ai đó (thốt lên nơi trang cổ thư chẳng hạn) cũng đủ khiến ông vươn tới những miền ý tưởng xa lạ. Với thằng cu Cỏ là một ví dụ.

Ông ghi trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ :

Cách nói năng của thằng Cu Cỏ khiến ta phải nghĩ đến một dòng tư duy nằm bên ngoài hết thảy các dòng tư duy cố cựu của nhân loại.

Ngay sau lời này là truyện chép về ông Bảy Mươi Sáu với đầu đề có vẻ như lạc lõng :

Nhập Vô Cuộc Phiêu Lưu Của Homo sapiens.

Ông Bảy Mươi Sáu rời bỏ cha mình là chấp nhận một cuộc sống trần gian như những người anh em của ông ở nước Văn Lang ở phương bắc. Giờ đây, công việc đầu tiên của ông là học cách hội nhập vào thế giới loài người. Điều này có nghĩa, ông từ chốn vĩnh hằng tụt xuống làm thành viên của nền văn minh kim khí của nhân loại. Miền núi Tượng sông Tượng lúc bấy giờ chưa có người ở, nhưng muông thú và cỏ cây thì không thiếu loài nào. Ông Bảy Mươi Sáu thuần hóa một đôi bò rừng để kéo cày. Và trút bỏ móng rồng để làm lưỡi cày lưỡi cuốc , vì chưa tìm ra được đồng và sắt.

-Lũ người hãy gắng giúp ta làm ra cơm áo.

Ông nói với lũ bò cày. Chúng chỉ hếch mũi lên, khịt, rồi thè lưỡi liếm cánh tay rám nắng của ông. Từ phút ấy, một thứ vật thể người đời gọi là cô đơn bắt đầu xâm nhập vào ông Bảy Mươi Sáu.

-Hãy nói giúp ta, nó là cái gì vậy?

Ông hỏi lũ bò mỗi khi cảm thấy bứt rứt, mong có ai đó để chuyện trò.

Thứ cô đơn nguyên thủy, nó chỉ là vậy. Nhưng về sau, vào thời văn minh hiện đại, người ta mô tả nó bằng những lời lẽ hơi khó hiểu một chút, rồi đem chép thành sách vở tràng giang đại hải, cũng cốt để cho cuộc nhân

sinh thêm phong phú đầy thôi.

Sự thật thì thứ cô đơn nguyên thủy này chẳng có trở ngại nào đối với ông Bảy Mười Sáu. Mỗi lần nó xâm nhập vào ông thì ông lại đi chuyện trò cùng lũ bò.

Nhưng có một thứ luôn gây trở ngại đối với ông là khái niệm về sự vĩnh hằng. Năng hạn, lúa héo khô dần, rồi chết. Bị ngã xuống tuổi, một trong hai con bò cày bỏ ăn, rồi chết, ông phải bỏ ra công sức thuần hóa một con bò rừng khác. Đến như đám gà con, con của mái gà ông mới nuôi để làm thực phẩm, chỉ qua một đêm mưa gió cũng chết hết. Tại sao lại có sự chết? Ông chưa quen được với điều này, vì chưa gạt bỏ được khái niệm vĩnh hằng ra khỏi ký ức. Một thứ vật thể khác, gọi là nỗi buồn, lại bắt đầu xâm nhập vào ông. Đến lúc này ông không hỏi lũ bò nữa, mà quyết định phải ra đi. Ông quyết định phải đi cho thật xa, đến những nơi có đủ các hình thái sống của loài người, để học cách tồn tại ở trần gian. Chính bộ tộc người ông gặp đầu tiên đã dạy ông về cách ăn nói. Mọi người trong bộ tộc đều bỏ chạy khi ông mới mở miệng hỏi: đây là nơi đâu? Cái giọng nói gầy giong sấm mưa bão của Lạc Long Quân di truyền cho ông đã làm hại ông. Nhưng trí tuệ Au Cơ, trí tuệ của mẹ ông, mách bảo với ông rằng hãy im lặng để nghe người khác nói. Quả tình, theo cách ấy, ông đã chuyển được giọng nói to lớn do cha ông truyền lại sang giọng nói của người trần thế. Người ta đã nghe theo lời ông đi tìm đồng và sắt về làm dụng cụ cày cuốc, và chặn sông suối lại để lấy nước trồng lúa. Đến lúc này thì ông không còn lấy làm lạ lắm khi thấy trong bộ tộc có người chết. Một đứa trẻ lên năm đã chết vì bệnh thiên thời. Có người chết thì phải khóc hay sao? Sau đó không lâu, trong cuộc hành trình học làm người trần thế, có lần trông thấy con nai con lạc mẹ, đói sữa, sắp chết ở khu rừng nọ, ông đã khóc, là nhờ tình cảm thương xót đã thâm nhập vào ông. Ông Ruông đã để cho ông Bảy Mười Sáu đi theo ngả mà sau này, vào thế kỷ thứ XII sau công nguyên, vua Jayavarman VII của đế quốc Ang Co đã cho đắp thành đường nối kinh đô Ang Co của ông với Vijaya, kinh đô nước Chăm Pa, thuộc quốc của đế quốc Ang Co. Đi theo ngả ấy là theo hướng mặt trời lặn. Hướng đi Tây Á. Đây là cơ duyên. Vừa ra khỏi bộ tộc người ông gặp đầu tiên, ông Bảy Mười Sáu đã gặp một người có nước

da đen sáng đang đi ngược về phía ông, có vẻ rất vội.

-Ông định đi về hướng đó sao?

Ông lão hỏi.

Ông Bảy Mười Sáu gật đầu, đáp

-Phải

-Ở đó đạo đang suy vi. Ông nên đi hướng khác thì tốt hơn.

Ông lão chỉ nói bấy nhiêu, rồi vội vã ra đi

Đạo nào đang suy vi thì ông Bảy Mười Sáu chẳng lưu tâm. Chỉ cần đến đó, nơi có sự suy vi, chỉ những nơi như thế mới giúp ông loại được khái niệm vĩnh hằng ra khỏi ký ức của mình.

Qua khỏi một con sông lớn, con sông lớn đầu tiên ông gặp, ông Bảy Mười Sáu lạc vào một nơi người ta đang nhảy múa ca hát

-Xin cho biết đường đến nơi đạo đang suy vi

Ông Bảy Mười Sáu hỏi một cụ già, có lẽ là người đứng đầu bộ tộc đang ngồi xem bọn người kia ca hát

Ông cụ nghe hỏi, ngửa cổ cười to, rồi bảo :

-Ở đây chỉ có sự vinh quang. Bọn ta vừa cho bọn chúng một trận nên thân.

Ông Bảy Mười Sáu nhìn thử thì thấy có cả đàn ông, đàn bà, có cả lũ chó heo gà vịt, tất cả đều bị trói, đặt cạnh bọn người đang nhảy múa.

-Chỉ cần chỉ cho hướng đi đến đó thôi.

Ông Bảy Mười Sáu nhắc lại yêu cầu của mình

Ông cụ nạt:

-Ta đã nói ở đây chỉ biết có mỗi sự vinh quang trong chiến thắng mà thôi.

Qua khỏi con sông lớn thứ hai ông gặp trong cuộc hành trình, ông Bảy Mười Sáu đã ở lại rất lâu với những tộc người mà sau này các nhà dân tộc học của nền văn minh hiện đại gọi là tộc người Môn. Ở đây chẳng có đạo nào suy vi. Ngược lại, đạo của đức Thế Tôn (người Môn gọi đạo ấy là đạo của đức Thế Tôn) là đang ở vào thời hưng thịnh. Ông Bảy Mười Sáu thấy người Môn gọi người đứng đầu liên minh các bộ tộc của mình là vua. Đức vua vạn tuế. Đó là lời thần dân chúc tụng vua. Có nghĩa, ở nơi đây vẫn có mặt của khái niệm vĩnh hằng. Ông Bảy Mười Sáu lại phải tiếp tục đi.

Qua khỏi con sông lớn thứ ba ông gặp trong cuộc hành trình, ông Bảy

Mười Sáu lại cũng gặp người Môn. Gần hai trăm năm, ông vẫn lần lần quần sống trên phần mặt đất có ba con sông lớn, kể từ đông sang tây, theo cách đặt tên của các nhà địa lý học là Mê Kông, Salween và Irrawaddy. Có bao nhiêu thế hệ nằm xuống. Còn ông Bảy Mười Sáu thì vẫn y nguyên như ngày mới rời khỏi miền núi Tượng sông Tượng. Như thế là ông chưa thực sự hội nhập vào thế giới loài người. Một hôm, ông ngồi ở bờ con sông Irrawaddy nghĩ ngợi về điều mà người Môn cho là do đức Thế Tôn nói ra : Không có thực tại mà chỉ có ảo ảnh. Ông nhắm mắt nghĩ mãi vẫn không hiểu. Lúc mở mắt ra thì thấy mình đã ngồi trên một ngọn núi phủ đầy tuyết.

-Thưa, đây là nơi đâu?

-Đừng hỏi.

Người đàn ông có khuôn mặt quá gầy ra hiệu ông Bảy Mười Sáu đừng hỏi gì thêm, rồi tiếp tục ngồi im trong tư thế thiền định.

Đành phải chờ thôi. Ông Bảy Mười Sáu đã ngồi chờ trong suốt bảy ngày đêm. Chứ

còn biết làm cách nào hơn. Núi thì cao, rậm, mà đường đi chẳng thấy.

-Ta xem anh cũng là kẻ có duyên với đạo pháp

Đến lúc này người đàn ông có khuôn mặt quá gầy mới mở mắt nhìn ông Bảy Mười Sáu, nói, và bắt đầu thuyết giảng

-Thời đó không có chết, vậy mà không có gì là bất tử, không phân biệt ngày và đêm, cái Nhất, cái Độc Nhất, không có hơi mà tự thở lấy được, ngoài Cái Đó ra không có cái gì khác nữa.

-Nhưng đây có phải là đạo đang suy vi?

Gần hai trăm năm tìm kiếm, giờ mới gặp người nói về đạo, ông Bảy Mười Sáu không thể ngồi chờ nghe cho hết bài thuyết giảng.

-Anh bảo suy vi ư? Có hàng vạn người trên thế giới này đang tìm đến với đấng Chí Tôn

Người đàn ông có khuôn mặt quá gầy vẫn ung dung điềm tĩnh giảng cho ông Bảy Mười Sáu nghe về lẽ đạo ông đang theo đuổi.

-Nhưng đấng Chí Tôn là ai?

-Là cái Một, cái Nhất, cái Độc Nhất, là đấng Brahman, mà Brahman cũng là Atman. Cả đời ta chỉ mong muốn mỗi điều là được trở về với Đại Ngã.

-Nhưng Đại Ngã nó là gì vậy?

-Cũng tương tự như sự vĩnh hằng vậy.

Biết đây không phải là thứ đạo đang suy vi ông tìm kiếm, ông Bảy Mươi Sáu đã xin người đàn ông có khuôn mặt quá gầy chỉ cho đường xuống núi.

Người ta bảo khi đế quốc Ba Tư xâm chiếm xứ này đã đổi tên sông Sindhu (chỉ có nghĩa là sông) thành Hindu, và gọi tất cả miền bắc An Độ là Hindustan, nghĩa là xứ các con sông. Ông Bảy Mươi Sáu thấy nước sông Hindu còn nhuộm đỏ máu. Còn ở hai bên bờ thì có nhiều nấm mồ mới đắp.

-Tất cả những thứ đó là do ta làm ra đó. Mà người từ đâu đến?

Một người tuổi trẻ mắt rất sáng đã chặn ông Bảy Mươi Sáu lại, hỏi.

-Thưa, kẻ này mới từ trên núi Himalaya xuống

-Ta chẳng cần người nói có theo đạo Vêda hay không, mà chỉ muốn biết người là dân xứ nào.

Ông Bảy Mươi Sáu đã nghĩ ra được câu trả lời mà ngẫu nhiên lại trùng hợp với cách đặt tên đất của người Ba Tư

-Thưa, kẻ này từ nước Tượng đến.

-Được, ta cũng chẳng cần biết nước Tượng là ở đâu. Mà người đã biết ta là ai chưa?

-Thưa chưa

-Không biết cũng phải thôi, vì người đang bị đạo ấy mê hoặc. Ta là vị đại đế cả xứ Hindustan này kính phục. Là Alexandre Đại Đế của nước Đại Hy Lạp, rõ chưa?

Trí tuệ Au Cơ liền mách bảo ông Bảy Mươi Sáu đây là một vị vua mạnh.

-Nhưng có phải ngài đến xứ sở này là để làm công việc là làm cho thật nhiều người chết ?

-Chớ nói thế . Các chiến binh của ta nghe được sẽ cười người là giống dân dã man. Ta đến xứ sở này là để truyền bá những điều cao cả của người Hy Lạp, truyền bá văn minh, nói rõ hơn là truyền bá lý trí Hy Lạp, rõ chưa ?

-Nhưng lý trí Hy Lạp là gì vậy ?

-Là những khả năng mà chỉ người Hy Lạp ta mới có, là những lý lẽ của óc não con người mà chỉ có người Hy Lạp mới thấy được, người đã hiểu chưa?

-Như vậy, máu của người Hindustan chảy trên sông Hindu là cũng do lý trí Hy Lạp tạo nên?

-Để thấy được ánh sáng ấy, tất nhiên phải đổi chùng ấy máu.

Ông Bảy Mười Sáu rất vui vì đã gặp được người chỉ cho ông biết một khái niệm mới của trần gian : khái niệm lý trí. Với sự thu nhận của trí não ông lúc ấy thì khái niệm ấy có thể thu nạp hay loại bỏ những khái niệm khác, và cùng lúc có thể tạo ra vĩnh hằng và hủy diệt. Thế còn tìm chi nơi có thứ đạo đang suy vi?. Ông nghĩ ngợi, rồi lên đường, quay trở về miền sông Tượng núi Tượng của mình. Về tới bộ tộc người ông gặp đầu tiên, ông đã cưới một phụ nữ trong bộ tộc đó. Người ta kể cho ông nghe câu chuyện cổ tích rằng ngày xưa có chàng trai xưng là người miền núi Tượng sông Tượng đã đến dạy cho dân bộ tộc việc cày cấy, rồi âm thầm ra đi, chẳng biết đi đâu.

-Chắc cũng lẫn quẩn trong cõi thế gian này thôi.

Ông Bảy Mười Sáu vui vẻ bảo mọi người.

Ông và vợ ông cũng vui vẻ cho ra đời mấy chục đứa con. Để cho thế gian thêm phần vui vẻ, ông tặng cho con ông mỗi đứa một tên họ riêng. Đó là những bậc tổ phụ của cư dân miền núi Tượng sông Tượng. Trong đó có một người mang họ Lê, tức vị tổ phụ thứ bảy mươi lăm của dòng họ Lê Ruông.

Ông Ruông cho rằng chỉ vài trăm năm mà ông Bảy Mười Sáu đã thuộc hết tính nết loài người và hiểu được lý trí là gì, là quá vĩ đại. Thì cứ nghĩ xem. Các vị tổ phụ loài người, các vị homo sapiens, xuất hiện vào thời băng giá, thời địa chất Plêixtôxen, cách thời ông Bảy Mười Sáu đến mấy trăm ngàn năm. Phải đến mấy trăm ngàn năm mảy mò trong cuộc tiến hóa, loài người mới có được chùng ấy tính nết, và làm được những cuộc phiêu lưu như vua Alexandre của nước Hy Lạp cổ đại đã làm.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
KHẢO CỨU ĐỊA LÝ HỌC LỊCH SỬ

Dõi theo sử sách để tìm lại chỗ đứng cho các bậc tổ phụ của mình, đây là cách làm của ông Ruông. Và để cho con cháu nhà họ Lê thấy được cha ông mình đã sống trong một miền đất như thế nào, ông đã bỏ công làm một khảo cứu về miền sông Tượng núi Tượng qua các thời. Tức khảo cứu địa lý học lịch sử.

Trước khi đi vào phần chính của khảo cứu, tức sự thay đổi qua các thời, ông Ruông phóng một cái nhìn tổng thể từ khởi thủy đến hiện tại. Chử khởi thủy ông dùng ở đây có tính cục bộ, có nghĩa chỉ cho thời ông Bảy Mười Sáu xuất hiện. Từ thời ông Bảy Mười Sáu xuất hiện cho đến hiện tại, miền đất này chưa hề bị chia tách. Chỉ xảy ra điều khi thì được sáp nhập vào khi thì bị tách ra khỏi một miền rộng lớn hơn, mỗi lần có chuyện nhập vào hay tách ra như thế thì lại được đứng vào một đất nước mới, ở dưới sự trị vì của một ông vua mới, một vị nguyên thủ quốc gia mới. Đây là nét tổng thể thứ nhất của miền sông Tượng núi Tượng, ông Ruông gọi là sự ưu đãi của lịch sử. Nét tổng thể thứ nhì là sự bình yên trong lĩnh vực địa chất. Miền sông Tượng núi Tượng nằm trong dải đất Đông Nam Á, thuộc nền lục địa cổ Lôraxia, nên rất ít xảy ra những biến cố lớn về địa chất. Chưa thấy có sử sách nào nói về động đất ở miền này. Lâu lâu cũng có xảy chuyện làm rung động làng xóm, để lại những dư chấn đến năm mười năm sau, ví như việc ông cưới bà Ruông. Nhưng đây là những hiện tượng xã hội chứ không phải hiện tượng địa chất. Nét tổng thể thứ ba coi như một phát hiện mới của ông Ruông. Về mặt thổ nhưỡng, miền sông Tượng núi Tượng thuộc vùng đất cát pha.

Bên dưới tầng cát pha là tầng đất sỏi. Mưa nhiều, nước rút rất chậm. Năng gặt, đất rất chóng khô. Những yếu tố này vô cùng bất lợi đối với trồng trọt. Qua các thời, cũng có những nỗ lực cải tạo đồng ruộng, nhưng chỉ là cải tạo tầng canh tác mỏng ở trên mặt. Còn tầng đất sỏi bên dưới, là nền tảng của

thiên nhiên, thì con người không nở. Vì muốn cải tạo tầng đất này là phải hốt nó đi, có nghĩa sẽ biến đồng ruộng thành một cái hồ chứa mênh mông. Thổ nhưỡng như thế, nên sản lượng bất cứ loại cây trồng nào cũng thấp. Trong khi đó sản lượng con của dân cày ruộng thì luôn tăng. Cho nên thời nào cũng nghèo đói. Và do nghèo đói, con người ở đây đã không ngừng tư duy trong cuộc mưu sinh. Từ đó mới có nền văn minh nông nghiệp vào loại sớm nhất của nhân loại. Như vậy là nghèo đói đã sinh ra văn minh. Nét tổng thể thứ tư là sự độc đáo trong cách đặt tên đất tên làng. Là gắn với một ngành nghề có vẻ hiếm hoi, hay gắn với tên một nhân vật có hành tung khác thường nào đó. Chẳng hạn làng của ông Ruông có tên làng Dầu. Rừng núi Tượng có nhiều cây dầu rái. Dân làng Dầu phần lớn là những thợ lấy mỡ dầu rái. Có một thời trong vận tải đường thủy (cả sông lẫn biển) người ta dùng thuyền nan trét bằng dầu rái. Một thời, khi chưa có đèn điện, người ta thắp sáng bằng đèn dầu rái.

Những cây đèn được chế tạo bằng cách đem mỡ dầu rái trộn với mùn cưa hay gỗ vụn, gói lại bằng lá đèn thành những đèn bánh như bánh tét, khi thắp lên xóm làng cũng sáng trưng như thắp điện. Ông Ruông bảo nếu không có điện thì làng ông vẫn chẳng sợ, vì ở đây đã sẵn có một nền văn minh bản địa về thắp sáng. Như thế, khi nghe gọi làng Dầu, người ta lập tức hiểu rằng nơi đó có liên quan đến việc sản xuất dầu rái. Còn khi nghe gọi làng Gàu, làng Nong thì biết ở đó có những người đương gàu múc nước, đương nong nia, thúng mủng. Nhưng khi nghe nói đồng ông Cộ người ta liền bị kích thích phải tìm hiểu sự tích về một con người sống cùng thời với Vương Mãng bên Tàu. Vương Mãng khi được ngôi vua thì làm biến pháp kinh tế. Còn ông Cộ, theo tương truyền, là người đã chế ra cái xe cộ bánh ngang, xe giống hệt chiếc giường nằm đặt ngửa, để vận chuyển than, củi từ rừng núi Tượng về. Đồng ông Cộ là do ông ấy khai phá. Như thế là vào đầu công nguyên, ở vùng đất này đã có phát minh cơ giới.

Ta lấy làm tự hào vì đã được sinh ra ở một miền đất có một nền văn minh bản địa lâu đời như thế. Thời cổ xưa có lắm người học rộng, tài cao. Có người làm quan đến cấp triều đình. Lại có người là tướng đánh giặc rất giỏi.

Có điều ta lấy làm lạ vì sao một vùng đất cái gì cũng có vẻ khác thường, cái gì cũng có vẻ độc đáo như vậy, văn minh mà sinh từ nghèo đói là không khác thường là không độc đáo hay sao, một vùng đất như vậy mà lại không có ai ra làm vua. Mà thôi, không có ai ra làm vua cũng được đi. Nhưng con người ở đây thì luôn tư duy về sự tồn tại, mà lại không sản sinh được một vị triết gia nào, nghĩ cũng lạ.

Đang phóng cái nhìn tổng thể về đất quê của mình, ông Ruông đã dừng lại để mở ngoặc đơn, ghi nguồn hứng khởi bất chợt của ông. Đoạn văn trên là ở trong ngoặc đơn

Còn sau đây là sự thay đổi qua các thời.

Trước năm 111 trước công nguyên có sự kiện trọng đại là sự xuất hiện của ông Bảy Mươi Sáu. Căn cứ vào các tài liệu khảo cổ học, ông Ruông thấy miền núi Tượng sông Tượng của ông nằm trong vùng văn hóa Sa Huỳnh. Cũng theo phát hiện khảo cổ học thì từ những ngàn năm trước công nguyên cư dân của văn hóa Sa Huỳnh đã sống đan xen với cư dân văn hoá Đông Sơn có nguồn gốc ở phương bắc. Như thế, khi ông Bảy Mươi Sáu xuất hiện ở đây thì cả một vùng rộng lớn chung quanh đã có những cư dân mang sắc thái đa văn hóa. Vì không thể tra cứu được lúc bấy giờ miền núi Tượng sông Tượng thuộc bộ tộc nào hay quốc gia nào, nên ông Ruông gọi thời này là thời chưa có chánh phủ.

Các cổ thư Việt Nam và Trung Hoa đều chép rằng vào năm 111 trước công nguyên, nhà Hán của Trung Hoa đã chiếm được nước Au Lạc, và tiến chiếm thêm một miền nữa ở phía nam Au Lạc đặt tên là quận Nhật Nam để sáp nhập vào hai quận cũ của Au Lạc là Giao Chỉ và Cửu Chân. Ông Ruông tra cứu thấy miền đất quê ông lúc ấy là cực nam của huyện Tượng Lâm, mà Tượng Lâm là huyện cực nam của quận Nhật Nam. Như thế, vào năm 111 trước công nguyên, miền núi Tượng sông Tượng thực sự được đứng vào một đất nước có tên tuổi hẳn hoi là Au Lạc, và là biên cảnh phía nam của Au Lạc. Có điều nước Âu Lạc lúc ấy không còn được vua Thục trị vì, mà do vua Hán cai trị. Nói là cai trị, thực chất thì người Hán chỉ giữ các

chức thứ sử, thái thú, tức chức trưởng châu, trưởng quận, còn các địa phương thì vẫn còn giữ nguyên bộ máy hành chính cũ. Ngồi ở kinh đô Trường An, rồi kinh đô Lạc Dương, vua Hán chỉ huy các vị thứ sử và thái thú làm công việc Hán hóa người Âu Lạc. Nhưng rốt cuộc thì người Âu Lạc vẫn nói tiếng Âu Lạc, vẫn ăn ngủ, đi đứng, nghĩ ngợi theo cách Âu Lạc. Vào cuối thế kỷ thứ hai sau công nguyên, ở huyện Tượng Lâm có một người, sử cũ gọi là Khu Liên, đã kêu gọi đồng bào mình đứng lên phá ách cai trị của nhà Hán, rồi thành lập một nước mới là nước Chăm Pa. Từ đó thì miền núi Tượng sông Tượng của ông Ruông lại tách ra khỏi Âu Lạc để đứng vào Chăm Pa.

Từ cuối thế kỷ thứ hai đến cuối thế kỷ thứ mười lăm sau công nguyên, ông Ruông gọi là thời kỳ lịch sử có nội dung phong phú. Trong khi những người Âu Lạc ở Nhật Nam thành lập được nước mới, thì những người Âu Lạc các quận Giao Chỉ và Cửu Chân phải tiếp tục chống cuộc xâm lược của người Trung Hoa, đến thế kỷ thứ mười mới giành được chủ quyền, và sang thế kỷ mười một thì triều Lý lấy tên nước là Đại Việt. Ông Ruông bảo có thể nói đến thế kỷ thứ mười một sau công nguyên thì nước Âu Lạc cũ đã trở thành hai nước mới là Đại Việt và Chăm Pa. Bây giờ ở phía nam Chăm Pa đã có nước Phù Nam có nền văn minh rất sớm và rất hiếu chiến. Và hậu thân của Phù Nam là Chân Lạp và Ăng Co. Trong thế kỷ mười một thì các vua Lý của Đại Việt đã đánh nhau với các vua Sinhavarman II (Sạ Đẩu) và Rudravarman III (Chế Củ) của Cham Pa. Trong thế kỷ mười hai thì vua Suryavarman II của Ang Co rủ vua Indravarman III của Cham Pa tiến đánh Đại Việt. Nhưng sau đó thì vua Suryavarman II lại quay lại chiếm Cham Pa. Rồi sau đó nữa thì lại đến lượt vua Indravarman III đánh chiếm Ang Co. Trong thế kỷ mười bốn, vua Chăm Pa Sinhavarman III (Chế Mân) cưới công chúa Huyền Trân, con gái vua Trần Nhân Tông của Đại Việt. Nhưng sau đó thì vua Chế Bồng Nga của Chăm Pa lại cướp phá kinh đô Thăng Long của Đại Việt. Ông Ruông bảo cũng chỉ vì chuyện muốn nổi rộng bờ cõi mà có sự bất hòa giữa ba nước đó. Hay cũng có thể là do nước nào cũng muốn làm mình chủ vùng đất Đông Nam Á này. Vào cuối thế kỷ mười lăm, triều Lê của Đại Việt đã lấy được đất của Chăm Pa từ huyện Tượng Lâm cũ

trở ra. Như thế là miền núi Tượng sông Tượng của ông Ruông lại nằm trong Đại Việt, tức trở về với đất cũ Âu Lạc. Trong thế kỷ mười bảy ở Đại Việt có xảy chuyện phân tranh giữa hai họ Trịnh, Nguyễn. Họ Trịnh làm chúa ở phía bắc nước, gọi là Đường ngoài. Họ Nguyễn làm chúa ở phía nam nước, gọi là Đường trong. Miền núi Tượng sông Tượng của ông Ruông nằm ở Đường trong. Nhưng dù là Đường trong hay Đường ngoài thì cũng vẫn là Đại Việt. Đầu thế kỷ mười chín thì triều Nguyễn đổi tên nước thành Việt Nam, rồi Đại Nam, rồi lại Việt Nam. Đến hậu bán thế kỷ hai mươi, trong cuộc chiến tranh chống việc xâm lược của người Pháp và người Mỹ, đất nước có bị phân thành hai miền nam bắc, đất quê ông Ruông nằm ở miền nam, nhưng dù là miền nam hay miền bắc thì cũng vẫn là Việt Nam, hậu thân của Đại Việt. Như thế, kể từ cuối thế kỷ mười lăm trở về sau thì miền núi Tượng sông Tượng không còn có cảnh nhập vào hay tách ra khỏi một miền rộng lớn hơn như những thế kỷ trước đó

Ông Ruông cho là đất quê ông đã gặp may. Trải mấy nghìn năm thanh bình thì ít, chiến chinh ly loạn thì nhiều, thế nhưng miền sông Tượng núi Tượng của ông đã không bị xóa sổ, có nghĩa cái địa danh ấy vẫn còn tồn tại trên đời này. Nhưng ông nói đây cũng là nằm trong cái may chung của đất nước. Là vào cuối đại Cổ Sinh thì nền móng đất nước Việt Nam của ông đã hình thành xong. Tức đất đai cơ bản của đất nước đã nhô lên khỏi đại dương nguyên thủy. Nếu không, thì chưa chắc các chu kỳ tạo núi trong các đại Trung Sinh và Tân Sinh sau đây đã để cho một dải đất như thế tồn tại trên mặt đất này.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
HỌC THUYẾT CỦA NGƯỜI SẮP CHẾT

Khi nghiệm lại cái may chung của đất nước, ông Ruông càng thấy quý dòng họ của mình. Dòng họ Lê của ông tồn tại cho đến đời ông là quá kỳ diệu. Ở miền núi Tượng sông Tượng biết bao dòng họ nay chỉ nghe nói đến mồ mả chứ chẳng còn người nào. Nên ông có nảy ý muốn các bậc tổ phụ của mình đều trở nên vĩ đại đối với con cháu nhà họ Lê là cũng phải thôi.

Có một vị tổ phụ, nếu không có ý này nợ của ông Ruông hàng xóm, ông Ruông đã xếp vào hàng các nhà xã hội tầm cỡ thế giới. Đó là vị tổ phụ thứ ba của dòng họ Lê, ông Ba, tức ông nội ông Ruông.

Trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ, ông Ruông mở đầu truyện chép về ông nội mình như sau :

Nếu như một vì vua muốn nở rộng đất nước mình đang trị vì, thì ông nội ta cũng muốn nở rộng khoảnh ruộng ông đang cày. Bởi vì nở, tức là làm cho hơn cái đương có (rộng hơn, dài hơn, nặng hơn, ...), được coi như một thứ xu hướng khó có thể tránh được, hoặc có thể nói là không thể thiếu được trong cuộc tồn sinh của muôn loài.

Nhưng có điều chắc chắn không phải vì ham muốn giống vua mà ông Ruông xếp ông nội mình vào hàng các nhà xã hội.

Cũng đều là nở, nhưng theo ông Ruông thì nở nước đơn giản hơn nhiều so với nở ruộng. Thì cứ việc gây sự với một nước láng giềng, hoặc một nước nào đó không láng giềng cũng được (nước ông Ruông nói ở đây là khái niệm bao gồm cả đất đai và người ở) rồi xua quân đánh chiếm, thắng, tất sẽ được thêm đất thêm dân. Đại để xưa nay, nở nước là vậy. Tất nhiên là khi gây sự, người ta phải viện đến một thứ lý do nào đó thuộc hạng mục chính nghĩa, tức không thuộc phi nghĩa, tức cũng không thuộc vô nghĩa, hoặc là

nhân danh một học thuyết, một lý thuyết nào đó, cũng nằm trong hạng mục không phải phi nghĩa hay vô nghĩa. Có nghĩa, dù hành động gây sự đó là phi nghĩa hay vô nghĩa thì cũng nói làm sao cho trở thành chính nghĩa. Điều này kể ra cũng dễ làm thôi, bởi vì nói chẳng qua là cách kết hợp các hình thức ngôn ngữ theo ý muốn chủ quan của người nói. Các cuộc nói nước diễn ra trong những thế kỷ qua hầu như được tiến hành cùng một cách thức ấy, nếu có khác là khác về nơi chốn diễn ra.

Như vậy nói nước đã trở thành một kinh nghiệm lịch sử, thứ kinh nghiệm luôn hấp dẫn những kẻ thích qui hoạch lại thế giới. Trong khi đó thì chưa hề có một đúc kết nào về việc nói ruộng.

Không thể đi gây sự với ruộng bên, như gây sự với nước láng giềng, bởi không thể gây sự với đất đai. Và cũng không thể nói ruộng bằng cách lừa bò sang cày ở ruộng bên.

Ông nội ông Ruông sống trải qua bốn triều vua Thành Thái, Duy Tân, Khải Định và Bảo Đại. Luật vua cũng như lệ làng (tức luật bất thành văn) thời ấy chưa để cho ai nói ruộng theo cách cứ việc lừa bò đến cày ruộng người khác theo kiểu xưa quân sang nước khác trong việc nói nước. Nói gút lại, nói ruộng là công việc làm tùy thuộc mỗi hoàn cảnh trong cuộc sống.

Có thể nói ruộng chỉ là ước mơ của cả một đời người. Có thể nói ruộng là làm công việc mua thêm ruộng. Trường hợp nói ruộng này chỉ xảy ra khi có tiền bạc và có người muốn thu hẹp ruộng, tức có người bán ruộng. Cũng có thể nói ruộng bằng cách sinh con cho đông để nhận được nhiều ruộng công điền. Trường hợp này thì lệ thuộc vào chế độ ruộng đất của nhà nước. Việc nói ruộng của ông nội ông Ruông lại lệ thuộc vào những con bờ của khoảnh ruộng độc nhất của ông. Trong bốn khoảnh liên bờ với ruộng ông có một khoảnh là của ông nội ông Rường. Phải nói rằng ông nội ông Rường cũng là người có đầu óc làm ăn (nói theo ngày nay là có tư duy kinh tế) chẳng kém ông nội ông Ruông. Phải nói rộng diện tích ruộng để tăng sản phẩm thóc. Cả ông nội ông Ruông cả ông nội ông Rường đều đặt ra kế hoạch nói ruộng bằng cách bớt bờ. Mà trong bảy bờ ruộng của hai khoảnh đó thì chỉ có mỗi cái bờ chung của hai khoảnh đó là lớn nhất. Điều này có nghĩa là hai ông đều có kế hoạch xén bớt cái bờ chung đó. Nhưng nói

ruộng theo cách đó không phải là công việc làm giữa thanh thiên bạch nhật. Có nghĩa người này làm công việc này trong lúc không có người kia. Có nghĩa là lén lút. Đến lúc nhìn thấy cái bờ ruộng chung đó còn quá mỏng thì cả hai đều cảm thấy hoảng hốt (không có bờ thì lấy cái gì để phân biệt ruộng tôi ruộng anh) nên cả hai liền tung ra thứ ngôn ngữ nhằm ngăn chặn việc làm của đối phương, nói rõ ra là chửi rủa, là nguyên rủa.

Ông nội ông Ruông nói về ông nội ông Rường :

-Đấy là giống người không còn biết liêm sỉ.

(Cũng còn công nhận là con người. Chỉ có điều là con người không còn phân biệt sai đúng)

Ông nội ông Rường nói về ông nội ông Ruông :

-Đấy không phải là giống người.

(Không còn công nhận là con người)

Tất nhiên là người này nói về người kia trong lúc không có người kia. Sở dĩ những lời ấy tới tai hai người là nhờ người làng thuật lại. Cho đến hôm cái bờ chung đó đổ thì cả hai đều nhận ra rằng những lời nguyên rủa nhau kia là hoàn toàn vô ích. Bởi những lời ấy có độc địa đến mấy, hay tàn nhẫn đến mấy, thì cũng chẳng thể thay được cái bờ ruộng chung. Như thế là phải giăng dây để thay cho bờ. Nhưng cây lúa lại mọc lan, phân bón ruộng bên này lại chảy qua bên kia. Về cây lúa mọc lan, để mùa lên để thu hoạch, hai ông đã gieo hai giống lúa khác nhau. Và cả hai đều không dùng phân bón nữa. Cho nên mùa lên, thóc của cả hai khoảnh đều chỉ còn một nửa. Từ đó, hai người không còn để trông thấy mặt nhau. Còn lòng thù hận thì mỗi ngày như một to lớn thêm. Cho đến khi có một người trong làng muốn giảng hòa hai ông, đã đem hai khoảnh ruộng của mình đổi lấy hai khoảnh ruộng không còn bờ chung ấy, niềm thù hận trong hai con người đó vẫn chẳng giảm chút nào. Rồi cả hai đều già yếu, không còn ra ruộng nổi nữa. Rồi ông nội ông Ruông ngã bệnh nặng.

-Hãy sang nói với ông ấy cho cha được nhìn thấy mặt trước lúc chết.

Ông nội ông Ruông nói với người con trai lớn nhất, tức nói với vị tổ phụ thứ hai, tức cha ông Ruông, tức Lê Hượt.

Ông nội ông Rường sang.

Dường niềm thù hận biết hai con người này chẳng còn sống bao lâu nữa, nên đã bỏ tìm đến những kẻ khác.

-Ở trong làng bấy lâu nay tôi cũng như người đã chết. Vì có bao giờ ông trông thấy tôi đâu.

Ông nội ông Ruông khóc, nói.

Ông nội ông Rường cũng khóc :

: -Thì tôi cũng như ông đấy thôi. Vì bấy nay ông có trông thấy tôi đâu.

-Nghĩ chuyện cũ cứ thấy tiếc cho ông và tôi

-Phải. Giá đừng xảy chuyện ấy.

Ông nội ông Ruông vì bị xúc động, nấc mấy tiếng.

-Đừng ông. Đừng chết

Ông nội ông Rường có vẻ hoảng sợ.

Nhưng ông nội ông Ruông đã chết thật. Điều đáng nói là trước khi trút hơi cuối cùng, ông đã nói được một câu, tuy chưa phải là trọn câu, cũng có thể nói là có thể để đời.

-Giá như cả thế gian không cần đến cơm gạo...

Khi nhắc chuyện cũ, ông Rường và ông Ruông đã có cuộc tranh cãi khá bề thế về nghĩa của lời trần trối nói trên.

Ông Rường :

-An cơm gạo thì sao? Còn không ăn cơm gạo thì sao?

Ông Ruông :

-Không ăn cơm gạo là chuyện lớn, ta sẽ bàn sau. Còn ăn cơm gạo thì như tôi với ông.

-Như tôi với ông là sao?

-Là như ông với tôi.

-Ông không được nói cù xây

-Chẳng phải như tôi với ông là cũng giống như ông với tôi hay sao. Tức là tôi với ông có lúc thì thân tình nhau, đến mức như anh em một nhà, nhưng có lúc cũng giận hờn nhau, cũng cãi nhau chí chóe, và biết đâu chừng lại dẫn đến thù địch nhau như ông nội ông và ông nội tôi. Có phải như tôi với

ông đại khái là thế hay không?

-Thế theo ông, khi ăn cơm gạo thì con người ta có thể thân nhau mà cũng có thể thù nhau

-Hay nói một cách hay hơn, khi con người còn cần đến cái ăn cái mặc thì cũng có thể nhường cơm xẻ áo cho nhau, mà cũng có thể chém giết nhau.

-Cứ cho là thế. Còn không ăn cơm gạo thì sao?

-Theo ông thì sao?

-Thì chết chứ sao. Như thế là trước khi chết, ông nội ông lại ước muốn mọi người trên thế gian đều chết.

-Đấy chỉ là cách cắt nghĩa của ông.

-Thế theo ông, ông nội ông nói thế là sao?

-Ông từng đi lính Tây, sang tận châu Âu châu Phi, chắc ông đã nghe nói đến những nhà xã hội Âu Mỹ, tức những người đã đưa ra những học thuyết để xây dựng xã hội loài người.

-Có phải ông muốn cho rằng ông nội ông cũng là nhà xã hội?

-Phải. Khi sắp bước qua cỏi khác, ông nội tôi đã nhìn thấy được một cách tồn tại của loài người không cần đến cơm gạo. Vì tồn tại theo cách này thì con người không còn thù hận , chém giết nhau. Ông cũng chớ nên hỏi thế thì ăn gì để sống. Đây là học thuyết. Là lý thuyết. Còn thực hiện thế nào thì hậu thế chúng ta phải nghĩ ra.

-Có nghĩa ông nội ông cứ việc đưa ra những lý lẽ tốt đẹp cao siêu, rồi chết, mặc cho người ta có theo được hay không, chẳng cần biết.

Chính là ông Ruông sợ đám con cháu nhà họ Lê của mình cũng nghĩ như ông Rường, nên đã không xếp ông nội mình vào hàng những nhà xã hội tầm cỡ của thế giới.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
KIẾM KHÁCH

Như thế là sau khi tranh cãi với ông Rường, ông Ruông đã giải mã được lời trần trối của ông nội mình.

Ông Rường làm ra vẻ là mình cũng đồng tình với cách giảng giải đó, nhưng sự thật thì vẫn còn khúc mắc trong lòng.

-Có phải ông đã nghĩ ra chuyện học thuyết này nọ, rồi đem gán cho công nghệ ngời của ông nội mình?

Ông Ruông nói:

-Muốn nghĩ được những chuyện như thế, đòi hỏi người đó phải là kẻ đi nhiều, và nghe thấy được nhiều. Mà tôi thì không phải là loại người đó.

Câu nói này lập tức làm trỗi dậy trong ông Rường niềm tự hào của một người coi như đã đi khắp năm châu bốn biển.

Mười bảy tuổi ông Rường đi cạo mủ cao su ở một đồn điền cao su ở Nam Kỳ. Chủ đồn điền là một người Pháp da trắng ra tận miền núi Tượng sông Tượng để mộ phu. Người làng vì ghét tội thực dân, khuyên cha mẹ ông Rường đừng cho ông đi. Song, ông đã trốn nhà ra đi. Ở đồn điền cao su, ông bị thực dân Pháp bắt vào lính viễn chinh với cái tên mới Lê Vi, và được đưa sang châu Phi. Thế chiến thứ hai bùng nổ. Đơn vị lính viễn chinh của ông ở Angiêri lại được đưa qua nước Pháp để đánh nhau với Hítle. Như thế là cuộc phiêu bạt của ông Rường đã trải qua các biển Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương, và Địa Trung Hải, và trải qua các đất nước thuộc châu Á, châu Phi và châu Âu. Chiến tranh thế giới kết thúc, người Pháp trả ông về nước. Về đến quê là ông lập tức đem ra áp dụng những điều đã nghe thấy ở xứ người. Trước nhất là việc thắp sáng. Đêm đến thì người làng Dầu tụ tập ở sân nhà ông để tận hưởng niềm vui được ngồi dưới thứ ánh sáng sang trọng của cây đèn măng sông. Không phải có trăng là quên đèn. Có nghĩa vào những đêm có trăng, ông Rường vẫn đốt đèn măng

sông lên cho bà con trong làng tới chơi. Con người thuộc thời văn minh là không nên đứng ở giữa trời để tắm nước giếng. Đây là lời khuyên đầu tiên của ông đối với bà con trong làng. Nhà tắm của ông kiến trúc như sau : Vách mằm trổ trét đất, như vách nhà ở. Bồn chứa nước là chiếc chum sành đặt ở bên trên đầu vách. Chum có đục lỗ ở đáy, và có nút nhét. Khi tắm, mở nút nhét ra, thôi tắm thì nhét nút lại. Nước giếng là múc bằng gàu, rồi đứng lên ghế để đổ vào chum. Có ai hỏi có phải bên Tây người ta cũng làm thế hay không. Thì ông bảo cứ xem đấy thì rõ. Nhưng người đến xem đông nhất là lúc ông khai phá vùng rừng núi Tượng tiếp giáp với đồng Đất Sét để lập trang trại chăn nuôi. Một trăm con gà mái đẻ đợt đầu gần cả nghìn gà con. Quả là ở miền sông Tượng núi Tượng cả nghìn đời qua chưa ai làm được như ông. Có điều, do thiếu thức ăn và thuốc men, nên sau đó không lâu cả gà mẹ lẫn gà con đều chết sạch. Nhưng vấn đề không phải gà chết, mà là đầu óc đáng nể của một con người biết ứng dụng những thành tựu của văn minh. Những ngày cuối đời, niềm vui của ông là được kể cho mọi người nghe những gì ông đã nghe được, đã nhìn thấy được ở xứ người. Có dịp là bao nhiêu kiến thức lập tức được sắp xếp lại thành lớp lang. Châu Âu châu Phi là những xứ sở thế nào. Thế chiến là sao. Đó là những câu chuyện tràng giang đại hải, nhưng lúc nào cũng có lời bình luận hằn hoi.

-Nếu tôi nói không sai thì ông là người đang truyền bá học thuyết nghe nhìn

Ông Rường là cực kỳ thích câu nói ông Ruông đã dành riêng cho mình.

Bữa đó là đang bàn về ông nội ông Ruông. Nhưng cũng chỉ vì một câu nói khác của ông Ruông, ông Rường đã khoái chí nói leo qua chuyện thế chiến.

-Một triệu lính Đức đổ vào Ba Lan. Chưa đầy một tháng, Hít le đã chiếm xong nước ấy. Thế là thế chiến bùng nổ.

-Tôi đọc sách cũng có biết chuyện ấy.

-Nhưng đấy chỉ là sách. Còn tôi đây, nếu không nhìn tận mắt, thì cũng được nghe tận tai.

-Phải. Tôi chỉ nhờ sách mà biết, không thể đem ra so với ông.

-Ông biết không, lúc Hít le chưa chiếm Ba Lan, mới dọa sáp nhập Áo vào Đức, các vị thủ tướng Anh thủ tướng Pháp đã sợ cuống lên. Thủ tướng Anh

một ngày đi không biết mấy lượt, hết đến Viên lại quay lại Béc lanh, máy bay tốn không biết bao nhiêu là xăng. Nay, ông đã già rồi, hãy giao nước Áo cho người khác. Ông Săm béc lanh nói. Nước mắt của vị quốc trưởng thất thế chảy ướt hết bài diễn văn từ chức.

-Chắc là ông đang nói đến việc thủ tướng Chamberlain khuyên bảo quốc trưởng Áo

Schuschnigg hãy làm theo yêu sách của Hitle ?

-Đúng rồi. Hiếu biết của ông cũng rộng đấy. Bấy giờ thì đám lính Pháp ở Ang giê ri cười mũi, vì nghe đâu thời xưa đế quốc Phổ Áo cũng đã làm khổ nước Pháp. Nhưng điều làm tôi tức cười là khi nghe Đức đổ bộ Pháp, chiếm được Pa ri, thì bọn họ lại khóc.

-Chứ ông bảo bọn họ phải cười hay sao?

-Tôi đâu có bảo bọn họ phải cười. Là tôi thấy tức cười. Vì chuyện cười khóc ở thế gian là mỗi người theo mỗi cách.

-Ông cứ làm tôi phải nghĩ ngợi.

-Phải. Những người Pháp đứng trên đất nước họ đang chiếm đóng để khóc cho đất nước mình bị chiếm đóng. Những người Ang giê ri cũng đứng trên đất nước đang bị chiếm đóng của mình để khóc cho đất nước mình bị chiếm đóng. Nước mắt nào lại chẳng mặn.

-Còn ông, chắc làbấy giờ chẳng còn nước mắt để khóc

-Bấy giờ ở châu Âu lắm chuyện nực cười lắm. Lúc nước Pháp gặp hoạn nạn thì nước Anh muốn nuốt nước Pháp. Đức ký với Anh ký với Pháp ký với Nga, là không xâm phạm nhau. Nhưng đánh Anh đánh Pháp đánh Nga thì vẫn cứ đánh. Lúc xảy thế chiến thứ hai, chỉ trong vòng ba bốn năm, nước Pháp có đến ba bốn ông chính phủ. Lúc mới nổ chiến tranh là chính phủ Đa la đi ê, rồi Rây nô. Lúc Đức đã chiếm Pháp là chính phủ Pê tanh. Sau đó thì đơn vị lính hỗn hợp của bọn tôi ở Ang giê ri có cả người Việt Nam, người Ang giê ri, người Ma rốc, người Tuy ni di, người Pháp da trắng, người Pháp da đen, đạo thiên chúa có, đạo Hồi có, sau khi đầu hàng quân đồng minh, sau một đêm ngủ dậy, lại được nghe tuyên bố rằng từ bữa ấy bọn tôi thuộc chính phủ của những người Pháp tự do, đứng đầu chính phủ tự do đó là tướng Đờ Gôn.

- Mỗi lần nghe ông kể chuyện, tôi lại thấy ông như một pho sử sống.
- Chuyện đó đã rõ. Chỉ cần nói thêm với ông rằng Phan Rường thời trai trẻ đã dự vào trang sử oanh liệt của nước Phờ răng xe.
- Ông muốn nói đến việc giải phóng nước Pháp khỏi ách phát xít Đức hồi năm bốn mươi bốn?
- Phải. Từ Địa Trung Hải đổ bộ lên bờ biển phía nam Pháp. Rồi thọc sâu vào thung lũng sông Rôn, tiến về phía bắc. Rồi sau đó là hội quân ở Dijon.
- Có nghĩa cánh quân đồng minh đổ bộ ở nam Pháp đã gặp cánh quân đồng minh đổ bộ ở Normangdi, bắc Pháp.
- Phải. Tập đoàn quân thứ nhất của Pháp. Đó là đơn vị chiến đấu của tôi trong cánh quân đồng minh đổ bộ ở nam Pháp. Việc đuổi quân quốc xã ra khỏi nước Pháp trong đó có công của tôi.
- Thì xưa nay ở làng ta có ai phủ nhận chuyện đó đâu.
- Nhưng sẵn cuộc đây tôi phải tuyên bố thêm với ông rằng, việc tham gia đánh bại thằng cha Hít le, thằng cha đốt dân Do Thái, thằng cha đã làm chết mấy chục triệu người trên thế giới, là tôi đã dự vào trang sử oanh liệt của lịch sử thế giới.
- Chuyện đó thì có thể nói như vậy. Vì bấy giờ cả thế giới chống phát xít, chứ riêng gì đám lính viễn chinh của ông. Nhưng chuyện dự vào trang sử nước Pháp thì phải xem xét lại.
- Phải xem xét lại? Nhưng tại sao?
- Lẽ ra lúc ấy ông phải làm công việc đuổi đám Pháp thực dân ra khỏi đất nước ông, chứ không phải sang giữ nhà cho nước Pháp, có phải vậy không?
- Phải.
- Thế đấy. Ông có tham chiến, nhưng là bị đưa đi tham chiến. Nên công của ông ở nước Pháp là công của một kiểm khách.
- Là kiểm khách? Nhưng là kiểm khách của ai?
- Thì cứ coi như là kiểm khách của Đờ Gôn.

Lại một câu nói nữa của ông Ruông làm cho ông Rường thấy khoái chí. Sau cuộc chuyện trò ấy ông Rường đi khắp làng trên xóm dưới để nói cho mọi người biết một thời ông từng là kiểm khách của tướng Đờ Gôn..

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
VŨ KHÚC MÁU

Sau cuộc chuyện trò ấy thì ông Ruông cảm tác được thơ :

*Là tên lính thuộc địa đi canh giữ thuộc địa
Anh đang mất tất cả
Cái đơn giản nhất là tên gọi của anh
Cũng mất
Nói chi cái lớn lao là tổ quốc
Bỗng chiến tranh thế giới nổ ra.
Anh liền bước vô trang sử oanh liệt của nhân loại.
Phẩm giá con người liền được trả lại cho anh*

Ông Ruông làm thơ là để tặng ông Rường. Nhưng thơ lại tác động lại ông. Cả ngày lẫn đêm, ông bị ám ảnh bởi một cuộc chiến ông nhớ là mình đã đọc ở đâu đó.

Ông Rường sang:

-Thơ ông làm cho tôi đã có kẻ đem ra bình đấy.

-Bình như thế nào?

-Cứ theo lời lẽ của thơ, người ta luận ra rằng nhờ có Hít le xâm lăng nước Pháp, tên lính thuộc địa là tôi mới lấy lại được phẩm giá làm người. Như thế chẳng khác nào nói Hít le đã mang lại phẩm giá cho tôi. Ông nghe có buồn cười không?

-Nghe cũng buồn cười.

Ông Ruông chỉ nói thế, rồi tiếp tục tìm kiếm gì đó trong đám sách ở trên giá.

-Ông đang có chuyện gì phải không?

-Đang chờ một vị khách

-Một vị khách? Mà vị khách ấy là ai?

Ông Ruông vẫn cúi mắt vô sách :

-Sắp nhìn thấy rồi. Đừng hỏi

Ông Rường quần ra nhà sau, nói riêng với vợ chồng anh Rác :

-Coi chừng cha lũ bay sắp lâm bệnh đó. Theo tao, không chừng là bệnh loạn sách cũng nên.

Vợ chồng anh Rác rất lo.

Nhưng thằng cu Cỏ thì cứ theo nài nỉ ông nó :

-Ông dẹp hết sách đi, kể chuyện sứ nhà trời với con rắn lừa đảo cho cháu nghe thôi.

-Ừ, rồi ông sẽ kể.

Phải khất với cháu, vì ông đang bị cuốn hút vào cuộc chiến giữa hai vương quốc Ăng Co và Chăm Pa

Kinh đô Vijaya năm 1176.

Quốc vương Indravarman III hỏi người tạc tượng:

-Ta lên ngôi đến nay đã mười năm, ngót mười năm người vẫn chưa làm xong tượng thần vũ nữ là có làm sao?

Người tạc tượng dăm nhìn về ngọn tháp phía nam kinh thành :

-Thưa đức vua, sở dĩ phải phá đi làm lại như thế vì mỗi lần khắc xong lại thấy hình dạng thần nữ apsaras chưa hiện lên đầy đủ trong bản khắc.

-Người dựa vào đâu để nói thế?

-Thưa, dựa vào trái tim hèn mọn của kẻ tiện dân này.

Mười năm thăm yêu người vũ nữ nô lệ trong đám vũ nữ chốn cung đình Vijaya, người tạc tượng cố thể hiện trong bản khắc của mình một nụ cười huyền diệu mà lạnh lẽo u buồn. Mười năm để tạc một nụ cười của người con gái mình yêu. Và chàng đã làm được. Và cũng chỉ có mỗi mình nàng là nhận ra điều ấy

-Hãy nói ra lời chàng dấu kín với em tự bấy nay.

Nàng quì xuống g chân chàng, nói.

Người tạc tượng cũng quì, ôm lấy vũ nữ :

-Em là thần nữ apsaras của ta, mãi mãi là của riêng ta

Kinh thành không phải xôn xao vì cuộc tình của hai người, mà vì thần vũ nữ apsaras trẻ trung lộng lẫy đang hiện lên nơi tường thành kinh đô Vijaya.

-Chính bàn tay người đã tạo cho vương quốc ta nét kiêu diễm của trần gian.

Công lao kia là đáng giá ngàn vàng.

Vua Chăm Pa lệnh cho quan giữ kho của triều xuất đúng một nghìn cân vàng để thưởng công người tạc tượng.

Người tạc tượng cũng mang đúng một nghìn cân vàng lại trả cho vua.

-Như thế là sao? Hay cho rằng chừng ấy vàng là chưa xứng với công lao của người?

-Thưa đức vua, nếu gộp hết của cải làm ra từ đời vị thủy tổ của dòng họ tiện dân đến đời kẻ tiện dân này thì cũng chưa bằng một phần nhỏ số vàng kia. Nhưng thưa đức vua, có một thứ còn quý hơn vàng kẻ tiện dân này luôn mong mỏi.

-Nó là thứ gì vậy?

-Thưa, không còn là thân nô lệ

Quốc vương Indravarman III nhìn người tạc tượng :

-Ta chỉ có vàng để cho người. Còn thứ người muốn thì phải cầu xin đấng Brahma.

Vương quốc Chăm Pa và vương quốc Ang Co năm 1177.

Vua Indravarman III muốn đất nước mình phía tây phải đến tận sông Salween và bán đảo Malaixia. Có nghĩa phải đánh chiếm vương quốc Ang Co. Hết thủy đàn ông trong nước, chẳng thừa ai, phải cầm gươm ra trận.

-Ta cũng thân nô lệ như em, nên có chết trong lần chinh chiến này thì cũng chẳng phải là sự mất mát lớn lao gì đối với vua.

Người tạc tượng nói với người con gái mình yêu. Nàng chỉ còn biết khóc để thay lời tiễn biệt.

Vua Indravarman III bận áo cổ bói bạch diệp ra khỏi hoàng cung, thối ốc, đánh trống, tức thì năm nghìn thị vệ theo hầu. Và đây là chuyện thật: Ông đã đốt cháy kinh thành Angco Wát. Nơi đền Bantay Samrê đám vũ nữ của vua Ăng Co phải cử vũ khúc mừng thần vương mới của đất nước Ăng Co.

-Kể từ nay lũ người được trở về quê quán làm ăn sinh sống và sinh con đẻ cái.

Trong niềm vui biên cương của đất nước được nối rộng, vua Indravarman III đã để cho người tạc tượng và người con gái chàng yêu được làm người không phải nô lệ.

Vương quốc Chăm Pa và vương quốc Ang Co năm 1181.

Ở miền núi Tượng sông Tượng người tạc tượng đã khắc xong tượng thần vũ nữ ở

bệ tháp thần Shiva.

-Em là nữ thần apsaras của ta, mãi mãi là của ta, nên hình ảnh em phải có mặt ở mọi nơi chốn trên mặt đất này.

Người tạc tượng nói với với người con gái mình yêu, bấy giờ đã là vợ chàng.

Ở đất nước Ang Co , Jayavarman VII đã mở trận thủy chiến trên sông Tônlêsáp.

Tàu chiến của Chăm Pa bị đốt. Trên đất liền, bộ binh Chăm Pa cũng bị bại. Những gì của Ăng Co, Chăm Pa phải trả lại cho Ang Co. Đến lúc này cứ coi như huề nhau. Chăm Pa chiếm Ăng Co trong bốn năm, cũng bằng thời gian vua Suryavarman II (ông vua hùng cường của Ăng Co) chiếm Chăm Pa trước đó.

Vua Jayavarman VII đào hồ chứa nước, đào kênh dẫn nước, cố làm cho ruộng đồng được nhiều thóc, xây thêm đền đài chùa tháp, cố làm cho kinh đô Ang Co mỗi ngày một to lớn hơn. Và có một thứ mỗi ngày cũng một to lớn hơn ở trong lòng vua : Muốn biến Chăm Pa vĩnh viễn thành thuộc quốc của ông.

Vương quốc Chăm Pa và vương quốc Ang Co năm 1190.

Lịch sử loài người như một cuộc chơi luôn làm náo động mặt đất. Trong cuộc chơi xảy ra vào năm 1190 thì vua Jayavarman VII đã thực hiện được phần đầu giấc mộng của ông. Vua Chăm Pa Indravarman IV đã bị bắt làm tù binh. Còn dân Chăm Pa thì bị bắt làm phu và làm lính. Làm lính đi chiếm đất người Lào ở thượng nguồn sông Mêkông, lấn đất người Môn ở lưu vực sông Irrawaddy. Làm phu đi đắp đường nối kinh đô Ang Co với Vijaya, đi xây đền Bayon, xây Angco Thom.

-Ngày trước, đức vua Chăm Pa đã cho kẻ tiện dân được trở về miền sông Tượng núi Tượng này để sinh sống làm ăn.

Người tạc tượng nói với thuộc hạ của vua Jayavarman VII.

Nhưng người ấy bảo giờ chàng là thần dân của vua Ang Co, phải làm theo

ý muốn của vua Ang Co, tức phải tiếp tục làm công việc tạc tượng ở kinh đô Ang Co.

-Nay chàng phải đi làm thân nô lệ cho vua khác tức sẽ đi vào kiếp khác. Hai ta cũng đã có con trai nối dõi. Nên em xin đi trước chàng đây.

Nói xong lời ấy, nàng liền tự vẫn.

Đêm đêm có tiếng hát cất lên nơi khu đền Bayon ở đất nước Ang Co.

-Apsaras, em mãi mãi là của ta, mãi mãi là của riêng ta.

Dân kinh đô Ang Co ai nghe được cũng thầm nguyện cầu, vì cho rằng đấy là tiếng nói của một vị thần đa tình nào đó đang dạo chơi trên bầu trời kinh đô. Nhưng cũng lắm kẻ phát hiện ra rằng đây là tiếng hát của người tạc tượng mới từ Chăm Pa đưa đến để xây đền Bayon.

Có một đêm, đám lính canh của vua Jayavarman VII vì nể người tạc tượng tài hoa đã cho chàng vào gặp vua Chăm Pa.

-Là người đó ư? Lịch sử đối với ta tựa một vũ khúc nhiều tầng cảnh. Ta vừa làm con đại bàng uốn lượn trên nỗi khiếp sợ của nhân gian, vừa làm con chuồn chuồn gãy cánh, không phải bay, mà trườn bò trên đất.

Vua Indravarman IV nhìn người tạc tượng, rưng rưng nước mắt.

Chàng cũng nhìn vua :

-Thưa, có phải đức vua muốn nói là người đang vất vả sống những ngày như xưa kia ở đất nước Chăm Pa kẻ tiện dân này đã sống.

Vua Chăm Pa gạt nước mắt :

-Thì người chẳng phải cũng đương là thân nô lệ đó sao?

Người tạc tượng ngược mặt lên bầu trời sao :

-Kẻ tiện dân này sắp thoát được rồi

-Thoát bằng cách nào?

-Thưa, xóa bỏ cả sự sống lẫn sự chết.

Sáng hôm sau người ta phát hiện thấy tất cả các tượng thần Shiva và Vichnu ở khu đền Bayon đều bị chặt cụt đầu. Còn người tạc tượng thì đang ôm chặt lấy tượng thần vũ nữ chàng vừa mới tạc xong. Máu từ nơi lưỡi kiếm đâm xuyên ngực chàng vẫn còn chảy nhuộm đỏ cả người chàng lẫn tượng thần vũ nữ apsaras.

Sau đó thì đám vũ nữ kinh thành Vijaya đã chế ra được một vũ khúc mà khi xem cứ thấy như máu đang tuông trào ra từ những xiêm y.

Người tạc tượng ông Ruông tả trên là vị tổ phụ thứ bốn mươi ba của dòng họ ông.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
TỪ TIẾNG CỦA ĐẤT ĐÁ NƯỚC... VÀ LỬA

Mẹ bảo khi sinh ta ra, ta đã khóc như mọi đứa trẻ khác. Thế gian nói đó là tiếng khóc chào đời. Nhưng ta thì ta biết đó không phải là khóc. Đường mọi sinh vật trên mặt đất này khi chào đời đều lặng lẽ. Chỉ có con người là không lặng lẽ. Có thể là Chúa, Phật biết trước thế gian là khổ ải là tội lỗi, nên khi chào đời đã khóc. Còn ta thì mù tịt, chẳng biết chi về chốn ta đương dẫn thân vào. Từ lòng mẹ bước ra, ta chỉ cảm nhận được mỗi điều là mình vừa từ ngôi nhà bé nhỏ bước ra giữa trời đất mênh mông. Và trong khoảnh khắc tiếp xúc với đất trời ấy ta đã thốt ra tiếng nói đầu tiên. Một phần thịt xương của cha ta của mẹ ta đã cấu thành nên ta, một sinh thể đương có mặt tại trần gian. Mà thịt xương của cha mẹ ta là một phần của vũ trụ đại khối. Cho nên bấy giờ, tiếng nói đầu tiên của ta cơ hồ như tiếng của đất đá nước ...và lửa. Chẳng chút ẩn ý, ta cứ nằm ngo ngoe cựa quậy giữa ánh sáng của buổi ban mai đang ủa đến quanh ta (ta đã được sinh vào buổi ban mai) Có lẽ đây là công việc làm đầu tiên của đời ta. Phải, công việc làm đầu tiên của đời ta là ngo ngoe cựa quậy. Nếu nói cho ra vẻ một chút thì đó là thái độ phớt lờ trước sự thế. Bấy giờ, từ bà đỡ đến cha ta và bà nội ta đều cuống lên. Bà đỡ vội vội vàng vàng cắt rún, băng rún, rồi lau rửa cho ta. Cha ta chạy đi tìm áo quần cho ta, la toáng lên : Chỉ có áo, còn quần đâu chẳng thấy hử mẹ thằng Bò? Còn bà nội thì hô hoán rằng bàn tay của ta là giống rặt bàn tay cha ta. Là do mắt mũi bà bấy giờ đã yếu mới nhận xét thế, chứ sự thật bàn tay ta cũng giống rặt bàn tay mẹ ta, bởi bàn tay của cha mẹ ta và của ta đều đủ năm ngón. Trong khi cả nhà cuống lên, vì mừng có vì lo cũng có, thì ta cứ tự nhiên nhì nhì nằm ngo ngoe cựa quậy. Mà cũng phải thôi. Bấy giờ cái sinh thể nhỏ bé ấy chẳng qua là một phần vũ trụ đại khối vừa mới được tách ra. Cho nên việc ngo ngoe cựa quậy của ta lúc bấy giờ cũng chẳng chút mưu toan như việc mưa rơi, nước chảy. Cho đến lúc mẹ nhay vú vào miệng ta thì ta mới bắt đầu nhận ra giữa mình và những người chung quanh là có mối liên hệ thân thiết. Ta vừa nuốt ngụm sữa đầu tiên thì nghe

có bàn tay ai vừa vỗ nhẹ lên mông ta, vừa lắc lắc người ta. Vì mắc bú, không thể nhìn được, nhưng ta đoán chắc đó là bàn tay của mẹ ta. Tiếp theo, ta nghe mẹ bảo : bú cho no rồi ngủ nghe cục cưng của mẹ. Liên sau đó ta nghe cha ta hỏi : mẹ thằng Bò giờ ăn cháo hay ăn cơm? Mẹ ta bảo để xong phải ăn cháo, nhưng cứ ăn cơm để có sữa cho con bú. Nửa khuya hôm ấy, mẹ ta vì mệt, lăn ra ngủ, quên cho ta bú, ta đã khóc thét lên. Cả cha ta lẫn bà nội ta đều chạy vào buồng ở cửa của mẹ ta. Mẹ thằng Bò dậy cho con bú đi. Cha ta gọi mẹ ta. Còn bà nội thì mắng mẹ là đồ ham ngủ. Mẹ vội vã ôm ta vào lòng. Tại mẹ thôi, con trai của mẹ đừng giận nữa. Mẹ ta vừa vỗ về, vừa nhảy vù vào miệng ta. Lập tức ta hiểu ra mình bấy giờ là ông vua con trong nhà. Mà đã vua thì phải tỏ rõ quyền hành của vua. Lập tức ta nhả vù ra, và khóc thét lên. Mẹ ta cũng lập tức nhảy vù vào miệng ta trở lại, và cất tiếng ru. Cái thằng này lớn cũng là thứ ngang bướng. Nghe cha ta nói thế, ta rất muốn cãi, ngặt vì đương bú. Ngang bướng là tính nết cần phải có của loài người, là đức tốt, sao lại gọi thứ nợ thứ kia? Ta đang tức, muốn cãi, thì cha ta đã cúi xuống, hôn từ những ngón chân cho đến mu bàn chân của ta, hôn thật là lâu. Vừa hôn, cha ta vừa ca cẩm : Bú cho no rồi ngủ, nghe ông trời con của cha. Giọng nói của cha ta có vẻ là rất thật. Ta nghĩ, chỉ trong chốc lát, từ ông vua con trong nhà, ta đã nhảy lên làm ông trời con, nên hết tức, mà cảm thấy rất vui. Ba ngày tuổi ta đã bắt những người thân trong nhà ca ngợi mình. Cha ta bận việc ruộng đồng, nên mẹ ta chỉ ở cửa ba ngày là ra ngoài để lo việc trong nhà. Bà vừa quét dọn, nấu nướng, vừa trông chừng ta. Năm một mình ta đã cố nghĩ ra một việc làm gì đó cho đỡ buồn. Nhưng thử hỏi trình độ ta lúc ấy có thể làm được gì ngoài việc nằm ngửa ra, co tay chân mà giãy đạp lên giường. Ta cứ co tay co chân lên, giãy đạp liên hồi. Mẹ ta thấy thế liền khen : Con của mẹ múa võ giỏi lắm. Làm như thế thì gọi là giỏi ư? Ta nghe khoái chí ghê gớm. Nhưng mẹ ta chỉ nói thế rồi lại đi lo công việc của bà. Ta liền dùng lại sách lược mấy hôm trước là khóc thét lên. Thật tình mà nói, tới lúc đó ta cũng chỉ có mỗi sách lược đó để đối phó những người thân trong nhà. Mẹ ta liền quay lại chỗ ta : Múa võ nữa đi con, múa nữa cho mẹ coi đi. Còn lâu ta mới làm nữa. Ta chẳng thèm giãy đạp, mà cứ khóc thét lên. Dù mẹ đã ẵm ta, nhảy vù vào miệng ta,

nhưng ta cứ khóc thét lên cho đến lúc cha ta ở ngoài đồng về. Sao thế hử mẹ thằng Bò? Mẹ vội ra hiệu cho cha ta im. Rồi đặt ta xuống giường lại : Con của mẹ giỏi lắm, múa võ giỏi lắm. Cha ta cũng phụ họa vào : Ủ, múa võ cho cha coi, con của cha giỏi lắm. Lần này là tới ba lần khen ta giỏi. Và ta liền nằm ngửa ra mà giã đập liên hồi trong niềm kiêu hãnh. Bảy tháng tuổi ta đã biết cách làm cho cha mẹ ta phải đáp ứng yêu cầu chẳng mấy chính đáng của mình. Bấy giờ là đã sang đông, mưa bay gió bắc, thời tiết chẳng mấy thích hợp với đám trẻ sơ sinh. Ta cũng bị ảm đầu sổ mũi và ho. Mẹ ta đi xin lá hẹ về chưng với đường phèn cho ta uống. Lần đầu tiên trong đời ta được uống thứ nước ngọt thơm gấp trăm lần sữa mẹ. Việc ảm đầu sổ mũi đã giảm thấy rõ. Nhưng ngặt nỗi ta cứ thấy thêm thứ nước đường phèn chưng với lá hẹ. Làm cách nào để được uống thứ nước ấy nữa? Ta nghĩ mất nửa ngày mới tìm ra được sách lược mới. Chờ cho đến lúc mẹ cho ta bú ta mới thực hiện được sách lược mới ấy. Mẹ vừa nhay vú vào miệng ta thì ta liền nhả ra, và ho. Ta ho thật là lâu. Cứ gân cổ mà ho. Nước mắt nước mũi của ta bắt đầu trào ra. Và mồ hôi ở đầu ở trán ta cũng bắt đầu rỉ ra. Cha thằng Bò đâu, vào xem con đây này. Mẹ ta quỳnh quáng gọi cha ta. Thằng nhỏ bị cảm lại rồi, mà lần này nặng hơn đấy. Nghe cha ta nói, ta mừng vô kể. Song, để chắc ăn hơn, ta đã quyết định lần này phải lấy thật nhiều hơi để ho cho lâu cho cha ta thấy. Có điều, đến lúc ấy ta cũng đã thấm mệt, nên chỉ ho được hai ba tiếng là lặn ra giường mà thở. Nhưng cũng chính nhờ việc lặn ra giường mà thở ta đã được uống thứ nước đường phèn chưng lá hẹ trong bốn hôm liền. Bảy tuổi thì lời ta nói ra đám trẻ trong làng rầm rập nghe theo. Bởi đó là tiếng nói của một bậc quân vương. Bấy giờ thì anh Hai Bò của ta đã chín tuổi. Phải nói là nhờ anh ấy ta mới được địa vị ấy. Tiếc một điều, lúc ta đạt được vinh quang thì anh không còn. Truyền cho ta cách tranh ngôi vua xong thì anh ấy mất. Thời ấy ở làng Dầu trò chơi chọi gà cỏ của bọn ta được coi như một hội vui mang bản sắc văn hóa bản địa. Đến mùa cỏ mồng gà nở thì tâm trạng bọn ta phức tạp lắm. Thấp thỏm lo, mà lại rất háo hức. Bởi cuộc chiến ấy lại là một cuộc chơi. Từ việc chọn cỏ đến cách thức đánh nhau đều nói lên tầm trí tuệ và phong cách sống của mỗi đứa trẻ tham gia vào cuộc chiến. Có đứa thua trận lại thấy rất vui vì được

tiếp tục đi hái cỏ mồng gà mới. Có đứa thua thì buồn đến bỏ cơm nước. Có đứa thua thì về nhà thuật cho cha mẹ nghe cảnh bại trận của mình với thái độ căm thù, đôi khi sự căm thù này còn truyền sang cho các bậc cha mẹ. Ta là một trong những đứa nếm mùi thất bại. Trong mùa chọi gà cỏ năm ấy ta luôn bại trận. Và đã đem nỗi căm thù không đội trời chung với đám trẻ trong làng ra nói với anh Hai Bò. Mà phải nghe cho kỹ đây. Hãy kẹp cho thật chặt con gà cỏ vào giữa ngón trỏ và ngón giữa. Đánh một cái là rút lui ngay. Nói rõ hơn, tiến một và lùi một. Tiến với lùi là liên nhau, không ngắt, và phải nhanh như chớp mắt. Không phải con gà cỏ ra trận. Mà là hai ngón tay của mày ra trận. Anh Hai Bò tóm lược chiến thuật chiến lược cho ta nghe. Mấy ngày sau thì anh lên sốt phát ban, và mất. Ta bỏ ra một năm để luyện hai ngón tay ra trận. Mùa chọi gà cỏ tiếp sau đấy ta đánh gục toàn bộ đám trẻ trong làng. Mấy trận đầu là ta làm tướng thống lĩnh đám quân cỏ của mình để lập những chiến công vang dội. Nhưng sau đấy thì bọn chúng bảo ta là vô địch, thôi, không cần tham chiến nữa, mà làm trọng tài cho chúng đánh nhau từng cặp một. Ta bảo là mình không hơi sức đâu để làm chuyện ấy. Tao làm vua. Còn lũ bay chia ra năm bảy phe, mỗi phe có một đứa làm tướng để chỉ huy đánh nhau. Vua nói phe này thắng là thắng, nói thua là thua. Ta nói. Tất cả bọn chúng cùng ứng lên : Hoan hô anh Ba Ruộng (lúc ấy ta còn mang tên Ruộng). Hoan hô vua cỏ (vua chọi gà cỏ được chúng gọi tắt là vua cỏ) Như thế là ta cho hai phe một đánh nhau, tướng đánh với tướng, quân đánh với quân. Nhưng sau một chặp, khi đã nổi máu hăng, chúng đánh nhau loạn xạ. Đám gà cỏ rơi loạn xạ. Chẳng đứa nào trong phe biết phe mình thắng hay thua. Nhưng đã có ta là vua. Khi vua hô phe này thắng, phe kia thua, thì lập tức bọn thắng xông vào bắt bọn thua làm ngựa cho chúng cỡi dạo chơi trên chiến địa. Đó là luật. Suốt mùa chọi cỏ ấy ta kiêu hãnh ngắm nhìn nỗi thống khổ của lũ bại trận. Mười bảy tuổi ta hiên ngang bước vô lĩnh vực tình cảm gái trai. Và vẫn giữ nguyên niềm kiêu hãnh trước nỗi thống khổ của lũ con gái choai choai trong làng đương tuổi dậy thì. Bọn chúng có âm thầm đeo đuổi ta không, ta chẳng cần biết. Nhưng ta thì vô cùng thích thú khi nghĩ rằng bọn chúng đang khổ đau, vì ta chẳng chịu mở lời với bất cứ đứa con gái nào. Thật khó kể ra hết những sản

phẩm của niềm kiêu hãnh đã theo suốt cuộc đời ta. Cho nên vào những ngày cuối đời ta có nảy ý muốn vĩ đại với con cháu chơi thì cũng chẳng có gì là lạ.

Những lời trên được chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ, ngay sau chuyện chép về vị tổ phụ thứ bốn mươi ba.

Bên dưới có ghi chú thế này :

Tiểu sử Lê Ruông từ lúc mới sinh đến mười bảy tuổi,

hay

Một góp phần nghiêm túc vào cuộc chơi nhân thế.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
NHỊP ĐIỀU VUI

Thằng cu Cỏ là cực kỳ khoái chuyện làm vua cỏ. Khi nghe ông Ruông nói phải bỏ ra một năm luyện hai ngón tay để thắng toàn bộ lũ trẻ trong làng để làm vua cỏ, thằng cu Cỏ đã đi đến quyết định :

-Cháu cũng phải làm vua cỏ thôi.

Ông Ruông bảo đó là thú chơi hồi nhỏ, nhưng giờ thì ông cũng còn rất thích.

-Nhưng cháu thì không cò con như ông đâu. Đã làm vua thì không thèm làm vua ở trong làng.

-Thế cháu định làm vua ở đâu ?

-Đã vua thì phải là vua của hết thầy lũ nhỏ. Tức đứa nào chơi chọi cỏ là phải tôn cháu làm vua.

-Như thế là cháu phải đánh thắng lũ nhỏ ở bất cứ xứ nào biết chơi trò chọi cỏ?

-Thì cháu đã nói phải là vua của hết thầy lũ chọi cỏ kia mà.

-Có phải cháu muốn nói hết thầy lũ nhỏ biết chọi cỏ trên thế gian này ?

-Ông nói đúng đấy.

-Nhưng giả sử bên Tây bên Tàu cũng có lũ chọi cỏ thì làm sao cháu đi tới đó để đánh nhau với chúng ?

-Cháu biết ông nghĩ không ra mà. Là cháu sẽ làm thế này. Cứ đứng ở gò Tháp ở làng mình mà khiêu chiến. Đứa nào đến thì bị cháu đánh gục. Tất nhiên là bọn ở bên Tàu bên Tây là không thể sang tới làng mình. Nhưng đã không đến thì coi như thua.

Ông Ruông cho là trong chuyện làm vua cỏ thì cháu ông là đứa có chí lớn. Ngay việc tập luyện ra trận nó cũng có phát kiến mới hơn ông. Ông thì ông luyện hai ngón tay bằng cách gõ lên cỏ. Nhưng đến thằng Cỏ thì nó gõ lên vật cứng. Suốt ngày cháu ông cứ ngay hai ngón tay ấy ra mà gõ lên bàn lên ghế. Đến bữa, ngồi trong mâm ăn, nó còn gõ lên cả chén đĩa. Chuyện

ruộng bò heo qué choán hết trí não vợ chồng anh Rác, nên anh chị ấy chẳng thể nhìn thấy được mưu đồ của con. Cho đến hôm phát hiện ra hai ngón tay của con trai bị sưng vù, chị Rác mới la toáng lên. Thằng Cỏ vội ra hiệu cho mẹ im, vì sợ lũ nhỏ trong làng biết được.

-Nhưng mày chơi trò gì để dập cả tay ?

Anh Rác có vẻ giận lắm.

Thằng cu Cỏ đáp như chẳng có chi xảy ra :

-Thì hồi nhỏ cha cũng bị dập tay như con chứ khác gì.

Mà cũng đúng vậy thôi. Anh ấy đi tìm dầu nóng xoa chỗ sưng cho con, sau đấy thì lại chúi đầu vào công việc ruộng nương, coi như chẳng có chi xảy ra.

Vấn đề ở đây là có sự chao đảo trong mưu đồ của thằng cu Cỏ. Bây giờ là đang giữa mùa hạ. Còn lâu mới đến mùa cỏ mòng gà trở bông. Có nghĩa thằng cu Cỏ còn khối thời gian để luyện hai ngón tay ra trận. Có điều là càng luyện, hai ngón tay càng sưng to, và nghe nhức nhối.

-Hồi ông luyện tập thì tay có sưng như cháu không?

Nghe thằng cu Cỏ hỏi, ông Ruông biết là cái chí làm vua của cháu không còn nguyên như trước, ông nói :

-Ông luyện thì tay không sưng. Nhưng chủ yếu là làm cho hai ngón tay ấy dẻo dai, để ra trận, chứ sưng hay không sưng thì đâu có quan trọng gì.

-Nghe nhức thế này, cháu sợ không luyện được nữa.

-Có nghĩa cháu không còn muốn là vua của hết thầy lũ nhỏ trên thế gian ?

-Nhưng có vua nào khỏe hơn vua cỏ không ông ?

-Không vua nào khỏe hết. Để ông kể vài ông vua nữa cho cháu nghe. Vua ở triều đình lo việc trị dân trị nước này. Vua ở trong tuồng hát để diễn tuồng này. Nhưng đấy là chuyện của người lớn.

-Đấy là những trò chơi của người lớn?

-Cứ cho là vậy.

-Thế thì ông phải chỉ cho cháu trò chơi nào không làm vua mà cháu cũng sai khiến được hết thầy lũ nhỏ.

Rốt cuộc ông Ruông đã phải dạy cho thằng cu Cỏ cách làm giàu trong trò chơi đổ bồ. Sự thật thì ông không có ý định làm cho cháu ông tiêm nhiễm tư tưởng làm giàu. Mà cốt để xiển dương trí tuệ của ông Hai Bò, anh ông. Binh pháp chọi cỏ với Phương thức làm giàu là hai thứ di sản trí tuệ ông Hai Bò để lại cho ông tự thời ông còn thơ ấu. Thằng Cỏ là cháu đích tôn, lẽ đương nhiên nó phải thừa hưởng những thứ đó. Theo ông Ruông, trò chơi này phải xuất hiện khi văn minh nông nghiệp đã đạt đến đỉnh cao. Có nghĩa khi lúa thóc làm ra ăn không hết, con người phải nghĩ đến cách cất giữ. Bồ, lằm, bịch là những kiểu kho chứa thóc dư ở miền núi Tượng sông Tượng (bồ đương bằng tre, lằm ghép bằng ván, còn bịch trét bằng đất) Thoạt nhìn, người ta dễ nghĩ trò chơi này là phỏng theo việc cất giữ lúa thóc của những cư dân nông nghiệp. Đây là trò chơi tay đôi. Mỗi bên có năm chiếc bồ con và một chiếc bồ cái. Bồ của hai bên được xếp trên một vòng tròn khép kín, theo thứ tự năm bồ con – bồ cái, rồi năm bồ con – bồ cái. (bồ được tượng trưng bằng những vòng tròn nhỏ vẽ trên mặt đất, hoặc là những hầm nhỏ khoét sâu xuống đất) Mở đầu cuộc chơi thì hai đối thủ là đang sống trong chế độ công xã nguyên thủy. Có nghĩa của cái làm ra thì được chia đều : số thóc đựng trong tất cả các bồ là bằng nhau. Và đây là luật chơi : Người đổ bồ đầu tiên hốt hết thóc trong bất cứ bồ con nào của mình cầm trên tay, rồi theo thứ tự trên vòng tròn, rải số thóc đó vào tất cả các bồ, mỗi lần rải là một hạt. Rải đến hạt thóc cuối cùng thì hốt hết thóc ở bồ kế cận để rải tiếp, nếu bồ kế cận là bồ cái thì chỉ có quyền nhặt mỗi một hạt rải lên bồ kế cận, rồi lại hốt hết thóc ở bồ kế cận bồ đó, để rải tiếp. Luật chơi qui định rằng, khi rải hạt thóc cuối cùng mà gặp bồ kế cận là bồ trống, thì thóc ở bồ kế cận bồ trống đó là thuộc tài sản của người đổ bồ. Còn như gặp hai bồ trống liên tiếp thì coi như hỏng, chẳng thu được gì. Người đổ bồ thứ hai cũng thao tác y như người đổ bồ thứ nhất. Cứ luân phiên nhau mà hành động như thế cho đến khi thóc trong tất cả các bồ đã thành tài sản riêng của hai người, những chiếc bồ lúc ấy chỉ còn là bồ không, hoặc chỉ còn vài hạt thóc. Cuối cuộc chơi là một cảnh đời có người giàu kẻ nghèo. Đôi khi, tất cả thóc trong các bồ chỉ thuộc về một người, còn người kia thì trắng tay. Nhưng đấy là theo đúng luật chơi, giàu nghèo là không đoán trước được.

Còn muốn chắc chắn trở thành giàu có trong cuộc chơi thì lại theo phương cách của ông Hai Bò. Cũng là do bàn tay mà làm nên sự nghiệp thôi. Thay vì rải xuống mỗi bồ đựng thóc một hạt thóc theo luật định, ta có thể không rải hạt nào, hoặc rải nhiều hơn một hạt, để làm sao khi rải hạt cuối cùng thì gặp một bồ trống. Sự giàu có là tùy thuộc vào bàn tay tài hoa của ta trong quá trình làm ra của cải. Có nghĩa là làm sao cho đối phương của ta tin rằng mỗi lần rải thóc ta chỉ rải mỗi một hạt.

-Như thế là ăn gian

Vừa nghe xong cách thức làm giàu, thằng cu Cỏ đã kêu lên.

Ông Ruông phải giải thích với cháu :

-Đấy cũng là luật chơi. Trên đời này có nhiều luật chơi lắm. Theo luật nào, là tùy thích của cháu thôi

Tất nhiên là thằng cu Cỏ theo luật của ông Hai Bò. Bấy giờ đương giữa mùa hạ, nên các loại hạt cây (cò ke, bồ lời, thầu đâu ...) rất hiếm. Ông cháu phải dùng sỏi sạn để thay cho thóc (thường thì đám trẻ ở miền núi Tượng sông Tượng hay dùng các hạt cây để tượng trưng cho thóc) Cuộc chơi giữa hai ông cháu xảy ra nơi nhà bếp, từ lúc vợ chồng anh Rác đi làm ruộng buổi chiều. Thằng cu Cỏ luôn là kẻ phát tài. Còn ông Ruông ván nào cũng trở thành kẻ khánh kiệt. Theo luật chơi, cứ kết thúc một ván, thằng cu Cỏ lại sai ông đi tìm sạn sỏi về rải đều lại các bồ chứa thóc. Cho đến lúc vợ chồng anh Rác đi làm ruộng về thì thằng Cỏ giàu nứt đố đổ vách. Sỏi sạn nó thu được thành một đồng to.

-Thôi, mai chơi tiếp. Giờ trả nhà bếp cho mẹ cháu nấu cơm chiều.

Ông Ruông nói, rồi lên vồng nằm.

-Mày hết chuyện chơi rồi hay sao, Cỏ ?

Đi làm về đã mệt, lại thấy sỏi sạn vung vãi đầy nhà, chị Rác tức quá, đòi đánh thằng Cỏ.

Chẳng dám nói dám rằng, thằng Cỏ lặng lẽ dọn hốt mớ của cải thu được trong cuộc chơi, rồi đến nói nhỏ vào tai ông Ruông:

-Mai có chơi đổ bồ, ông cũng phải ăn gian như cháu, không thì cháu chẳng thèm chơi đâu.

Nhưng đến lúc ngồi vào bữa ăn tối, nó lại rỉ tai ông :

-Để cháu coi lại đã

Ông Ruông hỏi coi lại cái gì. Thằng Cỏ nói là nó sẽ tiếp tục luyện hai ngón tay để làm vua cỏ, chứ không thêm chơi trò giàu nghèo nữa.

Ông Ruông cho là có sự lưu chảy mạnh mẽ trong suy nghĩ của thằng cu Cỏ. Chấp nhận đó, rồi phủ nhận đó. Tình hình đó ông gọi là nhịp điệu vui.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
ÂM VANG CỦA CÁCH MẠNG THI CA

Theo ông Ruông, sở dĩ trong suy nghĩ có sự lưu chảy thế là để nhận thức sáng hơn, chứ không phải để làm cho tối tăm đi, mà ông gọi là nhịp điệu chẳng vui. Tất nhiên chẳng ai dại gì để lâm vào nhịp điệu chẳng vui. Nhưng rồi vẫn cứ lâm vào mà sinh bao rối rắm. Ví như anh Rác, con trai ông, có một năm đương cày ruộng yên ổn, bỗng nảy ra ý muốn lúa gặt được phải dư ăn dư để, chứ không phải thiếu trước hụt sau như bấy lâu, bằng cách thay giống lúa mới. Có điều đám ruộng nhà ông chẳng chịu theo ý con trai ông.

Kết quả là thóc gặt được chỉ còn một nửa.

Có nghĩa năm ấy nhà ông thiếu lúa ăn trầm trọng. Chị Rác đương chữa thằng Cỏ mà cũng phải cùng chồng vào rừng núi Tượng chặt củi trộm để bán mua gạo nấu. Trời chẳng dung kẻ gian phi. Kiểm lâm bắt được, thu cả củi cả rửa, còn bắt vợ chồng anh làm bản kiểm điểm, cam đoan không tái phạm. Bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của chúng ta. Mấy ông kiểm lâm giảng giải. Nhưng trước mắt thì cái hậu quả do phá rừng chưa thấy, mà chỉ thấy hết gạo nấu, nên những kiểm điểm cam đoan vừa ráo mực, vợ chồng anh đã tái phạm. Lần này là bị phạt tiền. Có nghĩa cái nhịp điệu chẳng vui đang diễn ra trong suy nghĩ của vợ chồng anh ấy gồm hai nội dung : Một là không bám vào rừng núi Tượng coi như vô phương cứu chữa bệnh thiếu ăn. Và hai là bán hết đám gà heo vẫn chẳng đủ trả khoản tiền mượn bà con lối xóm để nộp phạt kiểm lâm. Ở trong bụng mẹ, thằng Cỏ nóng lòng trước cảnh rối rắm của đám nhân loại trong nhà mình, đã ra đời sớm hơn một tháng.

-Thằng con của con là đứa có hiếu. Biết sinh đúng lúc để chia xẻ nỗi khổ của nhà ta.

Anh Rác nói với ông Ruông.

Chị Rác cũng phụ họa :

-Từ hôm bị kiểm lâm phạt, không đi củi nữa, đêm nằm nghe nó đập dừ quá,

con cũng có nghĩ là nó nôn nóng muốn ra đời.

Dù nhà thêm miệng ăn, nhưng chính nhờ sự có mặt của đứa con trai đầu lòng, vợ chồng anh Rác đã đổi được thứ nhịp điệu chẳng vui trong suy nghĩ sang nhịp điệu vui.

Sắp đến ngày cúng đầy tháng cho con, anh Rác nói với ông Ruông :

-Để không quên hiếu hạnh của con, vợ chồng con muốn đặt tên cho thằng nhỏ là thằng Sớm.

Ông Ruông tính ra thằng cu Cỏ sinh sau anh Rác đúng mười tám năm, tám tháng Hơn mười tám năm qua cuộc cách mạng thi ca của ông đã tạo cho cỏ rác một thể đứng rõ ràng trong hoàn vũ. Có lẽ Người có mặt ở khắp nơi bởi Người là cỏ rác... Những vần thơ vẫn còn làm rạo rực lòng ông. Một đời người thừa hưởng thành quả cách mạng do kẻ khác làm ra đã là quá lớn. Đàng này lại do chính tay ông làm ra. Ông Ruông nói với con trai trong niềm xúc động mười tám năm trước :

-Cha phải giảng nghĩa cho con nghe. Xưa, nước mình có ông Lý Văn Phức sưu tập được hai mươi bốn gương hiếu hạnh mà chép thành sách Nhị Thập Tứ Hiếu. Nhưng cha thấy không có sự hiếu hạnh nào trong sách ấy giống với hiếu hạnh của thằng con của con. Cha nghĩ thế nào cũng có người chép chuyện hiếu hạnh của nó vào sách. Còn việc đặt tên cho nó cha đã có chủ trương

Anh Rác có vẽ sốt ruột :

-Thế cha định đặt cho nó tên gì ?

-Con là Lê Rác, thì nó là Lê Cỏ

Anh Rác liền thưa :

-Con có nghe mẹ kể hồi ấy sợ cái huôn khó nuôi con bà nội để lại, nên khi sinh con ra, cha đã lấy cỏ rác mà đặt tên cho con. Nhưng vợ chồng con thì khác với cha mẹ hồi ấy. Nghe nói cha mẹ gần bốn mươi mới đẻ ra con, nên con ốm yếu, sợ khó nuôi là phải. Còn giờ vợ chồng con mới mười tám đã chữa đẻ. Thằng con của con tuy có thiếu tháng, nhưng cha cũng thấy nó khỏe quá trời, sợ gì?

Chị Rác cũng thêm vào :

-Mới chữa nó ba tháng, con đã đi chặt củi. Gánh gánh củi ứ hự mà còn leo

dốc. Bị kiểm lâm bắt, phải chịu đói cả đêm. Mà nhà mình có lúc nào ăn no đâu. Thằng con của con đã quen cực khổ từ trong bụng mẹ, không dễ gì đau ốm, cha đừng lo.

Ông Ruông nói :

-Lũ con hiểu sai ý cha rồi. Không phải sợ nó khó nuôi mà đặt tên là Cỏ.

Anh Rác nói:

-Con đã lỡ mang danh là rác rồi. Cha hãy thương cháu nội, kiếm cho nó tên gì nghe cho khá hơn

Ông Ruông nói:

-Con chưa rõ là tại cha chưa lần nào giải thích cho con rõ. Rác của con không phải là rác như mẹ con từng nói với con. Mà là do một cuộc cách mạng mà có.

Anh Rác có vẻ sợ hãi, ngồi im xo, chẳng còn dám nhắc lại ý kiến của mình. Phải nói đã hơn mười tám năm mà nguồn thơ trong ông Ruông chẳng hề suy giảm. Do thiếu sữa bú, thằng Cỏ vừa mút vú mẹ vừa khóc la thê nhưng chẳng ảnh hưởng chi tới cảm hứng của ông. Ông ngâm nga bài Cỏ Rác đến ba bốn bận, rồi nói :

-Có cuộc cách mạng thi ca của cha mới có tên con. Và nay mới có tên thằng con của con.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
SẢN PHẨM LỊCH SỬ

Nói tóm lại, tên gọi của anh Rác và của thằng cu Cỏ là sản phẩm cách mạng.

Còn vì sao ông Ruông vốn tên Ruộng lại thành Ruông là trường hợp đặc biệt, phải kể ra dài dòng một chút mới rõ được. Có nghĩa phải lùi lại tận thuở ông Ruông mới chào đời thì mới hiểu được chuyện này.

Ông Ruông sinh đúng vào năm vua Bảo Đại lên ngôi. Khi có mưu toan trở nên vĩ đại với con cháu, ông mới nghiệm ra là mình với vua có cùng một ngôi sao chiếu mệnh. Có điều chiếu vào vua thì vua gặp chuyện òi ọp. Cụ thể là vua bị truất ngôi. Còn chiếu vào ông thì ông lại hiển hách. Có thể người ta đặt vấn đề về cái ghế ngồi dạy học của ông, cho rằng đó cũng là chuyện òi ọp. Nhưng xin nhắc lại việc rời khỏi ghế dạy học là do ông tự quyết định, chứ không phải bị truất, nên không thể nói là òi ọp. Trong việc khai sinh cho ông, cha của ông là ông Hai Hượt có gặp chút khó khăn ở đình làng. Song, đó là do thằng con trai ông hương bộ Quýt muốn bắt bí ông hương bộ chơi, nên cũng không thể nói là òi ọp.

-Đứa đầu là Bò, đứa tiếp theo là Ruộng, ông đặt tên con vậy là hợp với việc nông tang.

Ông hương bộ Quýt nói.

Ông Hai Hượt cho đó là lời của kẻ có chữ nghĩa nói với kẻ không có chữ nghĩa, chứ không phải khen.

-Thưa thầy hương bộ, do nghĩ không ra tên gì khác, nên cứ dựa vào chuyện ruộng nương cày bừa mà đặt, vậy thôi.

-Được rồi. Giờ ta mắc lên phủ, mai ông ra đây, ta vào sổ bộ cho

Sự thật ông hương bộ Quýt không lên phủ, mà do sáng đó viên thư ký của ông không thềm ra đình làng làm việc. Cha ông Ruông về thì có mấy người nữa đến. Kẻ xin chứng giấy mua đất, người xin chứng phân thoe chia ruộng

cho con. Ông hương bộ đều hẹn mọi người qua sáng mai, rồi tuốt về nhà.

-Mẹ nó có biết thằng Út đi đâu không, sao sáng nay không ra đình ?

Bà hương bộ cũng xẵng lại chồng :

-Sở bộ giấy tờ thì bắt con trai làm. Còn lương tiền có đồng nào thì đem dựng cho mấy con mẹ góa chồng với sòng cờ bạc.

Có, ông hương bộ Quýt có cờ bạc trai gái, song đây không phải là chỗ sở trường của ông. Sở trường của ông là biết cách xoay trở để giữ chỗ ở chính trường. Cảnh quan trường ở làng coi vậy mà cũng đủ các khía cạnh của cảnh quan trường ở tỉnh hay ở phủ huyện, thậm chí cũng quyết liệt như ở triều đình. Phải nói ở làng Dầu bấy giờ ông Quýt là kẻ duy nhất có thể làm hương bộ, chức việc làng lo về các thứ giấy tờ sổ bộ của làng. Nhưng vốn liếng chữ Hán của ông, nhờ nó ông mới được bầu vào chức ấy, lại là thứ sắp bị bãi bỏ. Như thế khi chữ quốc ngữ theo mẫu tự La Tinh được thay hẳn chữ Hán trong tất cả các giấy tờ sổ bộ thì chắc hẳn ông không thể ngồi ở ghế hương bộ. Để đối phó với cái tương lai quá gần và quá trắc trở này, ông đã đem thế chấp một khoảnh ruộng tư, lấy tiền thuê hẳn một thầy dạy học ở phủ đến nhà dạy cho ông chữ quốc ngữ. Chí thì lớn đấy, nhưng đám chữ nghĩa ấy chẳng thể nằm lại nơi đầu óc một người vốn quen nghĩ ngợi về mấy bà góa còn trẻ với cảnh thẳng bạc ở các sòng bài. Có nghĩa đọc theo thầy giáo thì được, song, đọc xong thì đám chữ nghĩa ấy tuốt khỏi đầu óc ông. Lập tức ông chuyển chỗ học cho đứa con trai út (những anh chị của nó đều bám lấy việc ruộng nương) Bà Quýt mừng, vì thấy chồng biết lo cho tương lai của con. Nhưng thằng Út vừa biết đọc biết viết thì ông Quýt cho ông thầy nghỉ dạy.

-Bắt đầu từ hôm nay con ra đình làng với cha

Nghe ông Quýt bảo, thằng Út không hiểu :

-Ra đình làng chi?

-Làm việc làng chứ chi

Tất nhiên là thằng con trai út tám tuổi của ông hương bộ Quýt thích làm việc làng

hơn là ngồi học chữ.

Ông Quýt bắt đầu làm lại các sổ bộ đình điền thuế má của làng. Ông đọc

cho thẳng út sao chép lại. Với trình độ của nó thì công việc ấy có khó khăn. Nhưng rồi hai cha con cũng mày mò làm được. Lúc có lệnh bỏ hẳn chữ Hán thì ông hương bộ Quýt đã hoàn tất bộ hồ sơ giấy tờ lưu của làng bằng chữ quốc ngữ. Và những sự kiện mới về hộ tịch thì được vô số bộ mới cũng bằng chữ quốc ngữ.

Quan thư lại ở phủ về xem xét việc thực thi văn tự mới, thấy làng Dầu đã đi trước một bước thế, đã ban lời khen tặng :

-Đây là công lớn của các hương chức của làng. Song phải nói một câu là nhờ có sự tận tụy của vị hương bộ biết quý trọng văn tự của nước nhà.

Lời khen này đã khiến cho các hương chức của làng phải nghĩ ngợi. Làm được việc ở làng, mà có uy tín trên phủ thế, không khéo ông Quýt sẽ đắc cử vào chức lý trưởng của làng vào khóa tới. Các vị toa rập nhau để hất chân ông Quýt khỏi chính trường, song chẳng tìm ra cách. Hai cha con cùng làm việc cho dân mà chỉ hưởng một suất lương thì sai ở chỗ nào? Ông Quýt nhìn thấy chức hương bộ đương kiêm của ông vững như bàn thạch. Và ông cũng quyết định trong khóa tới chỉ ra tranh cử chức hương bộ, vì biết chắc ở làng Dầu ngoài cha con ông chẳng còn ai biết chữ quốc ngữ. Ở trong làng mọi người đều biết cha con ông đã học thứ văn tự mới ấy với một ông thầy rước tự trên phủ về. Nhưng chẳng ai biết là ông chẳng học được chữ nào. Và cũng chẳng ai biết thẳng út của ông đã học tới đâu. Ông hương bộ Quýt giờ đâu kém quan trên phủ, vì ra đình làng ngồi làm việc có thư ký ghi chép sổ sách. Điều ông lo không phải là sự tranh ghế của các đồng liêu. Cái ghế hương bộ của ông có vững hay không là do thẳng Út của ông quyết định. Mới đầu thẳng Út rất khoái khi nghe người ta gọi mình là ông chức việc làng con (người ta cũng bắt đầu gọi ông Quýt là ông chức việc làng cha) Nhưng rồi ngày nào cũng chúi mắt chúi mũi vô mấy thứ giấy tờ sổ bộ, nó đâm chán, bỏ đi chơi với lũ nhỏ trong xóm. Ông Quýt đòi đánh đòn, thẳng Ut vẫn tiếp tục bỏ việc ở đình làng. Cuối cùng ông phải nhờ bà Quýt dỗ ngon dỗ ngọt, nó mới chịu đi làm việc trở lại. Có nghĩa cha ông Ruông phải ra đình làng đến bảy lượt mới gặp được viên thư ký của thầy hương bộ.

-Ông ngồi xuống đây, khai ra tên họ với ngày sinh tháng đẻ của thẳng con ông, để thẳng con ta nó vào sổ bộ.

Ông hương bộ Quýt bảo.

Ông Hai Hượt có thấy nể trong lòng khi thấy đứa con trai út có chữ nghĩa của thầy hương bộ ngồi chễm chệ trên chiếc ghế chức việc làng. Song chớ lầm tưởng rằng vì quý chữ nghĩa, mà về sau ông đã cho ông Ruông đi học chữ. Chuyện ông Ruông học chữ là cũng do cái tên khai sinh của ông, chuyện mười tám năm sau. Còn lúc ấy thì ông Hai Hượt cầm chắc đến kỳ cấp phát công điền nhà ông được thêm một suất vì cái tên Lê Ruộng đã được thăng con út ông hương bộ Quýt ghi vào sổ bộ. Suốt mười tám năm cái tên khai sinh ấy nằm ngủ yên trong sổ bộ, vì các hương chức của làng chưa một lần gọi đến (khi có đợt cấp phát công điền, người ta chỉ đếm số đầu người chứ không cần đến tên họ những người ở trong hộ) Nếu như không có chuyện thập bát thành đinh (mười tám tuổi thì thành công dân của nước) chắc cái tên ấy vẫn chưa được đụng đến.

Quan lục lộ ở phủ về lấy dân đinh mới ở làng Dầu để đi làm đường ở phủ. Bấy giờ thì con trai út ông Quýt đã trúng cử vào ghế hương bộ của làng (sau mười tám năm tiếp tục làm thư ký cho cha, vì ông Quýt đã đắc cử ghế hương bộ ba khóa liền)

-Lê Ruông không có mặt hay sao?

Viên lục lộ gọi tên ông Ruông đến năm lượt vẫn không thấy ai ra trình diện, nên có vẻ tức .

-Lê Ruông có cha tên là Lê Hượt có mặt đấy không?

Đến lúc ấy ông Ruông mới bước ra khỏi đám thanh niên mới tới tuổi đinh ở trong làng

-Tôi là con ông Hượt đây. Nhưng tên tôi không phải là Ruông.

Viên lục lộ trừng mắt đám thanh niên làng đang ồ lên cười, rồi nhìn vào mặt ông Ruông :

-Mày bảo không phải tên Ruông, vậy mày tên gì?

-Thưa, tên Ruộng.

Viên lục lộ liền quay qua thầy hương bộ tuổi trẻ :

-Anh coi lại sổ bộ thử có lầm lẫn hay không ?

Bấy giờ ở làng Dầu ai lại chẳng biết ông Hai Hượt chỉ còn mỗi một người con trai duy nhất có tên là Ruộng. Và thầy hương bộ trẻ tuổi bấy giờ mới

vỡ lẽ ra là mười tám năm trước, lúc làm thư ký cho cha mình, chính tay thầy đã ghi vào sổ bộ như thế. Thầy đã ghi là Lê Ruông, chứ không phải là Lê Ruộng. Nhưng đây là tại cha thầy đã bắt thầy đi làm thư ký trong lúc thầy chưa thông thạo cái thứ chữ quốc ngữ rắc rối ấy. Anh con trai út của thầy cựa hương bộ nghĩ vậy, rồi đồng dạc tuyên bố :

-Cứ chiếu theo sổ bộ của làng thì mày là Lê Ruông, còn ở nhà mày là thằng Ruộng hay thằng gì, đấy là chuyện ở nhà mày. Nay đúng mười tám tuổi, thành đinh, phải đi phu dịch, thế thôi.

-Nhưng đấy không phải tên của tôi, thì thằng Ruộng này không đi.

Thấy ông Ruông nói cứng, thầy hương bộ tuổi trẻ cũng nói cứng :

-Mày đã thành dân đinh mà không đi phu dịch là chống lại triều đình, nhà nước sẽ trị tội mày.

Tất nhiên là ông Ruông chẳng đại chi để người ta làm mất đi uy thế của một chàng trai vốn rất kiêu hãnh ở trong làng (kiêu hãnh cả với đám con trai cùng lứa trong lĩnh vực cày bừa, kiêu hãnh cả với đám con gái choai choai đương tuổi dậy thì trong lãnh vực tình ái)

Ông Hai Hượt rất tức cha con ông hương bộ Quứt, nhưng chẳng biết làm cách nào hơn là chửi bóng chửi gió. Đến lúc nghe ông Ruông nói sẽ đi học chữ quốc ngữ thì ông đổ hết sự tức giận lên đầu con trai :

-Mày đi học chữ để thay tên đổi họ người khác, để biến sống thành chết có phải không?

Nhưng lòng kiêu hãnh của ông Ruông đã khiến ông đi đến quyết định là phải trở thành một chàng trai có chữ nghĩa. Cái tên Ruộng, thôi, cứ dành riêng cho cha ông gọi. Giờ ông là Lê Ruông, cái tên Ruông đã được ghi vào sổ bộ của nước nhà, thì Lê Ruông phải là một kẻ có chữ nghĩa. Mới đầu là đi học lỏm ở nhà ông giáo Lựu ở làng Gàu, bấy giờ đang mở lớp dạy tư để dạy chữ quốc ngữ cho lũ trẻ con các nhà khá giả ở miền núi Tương sông Tương. Nhớ được mặt mấy chục chữ cái thì ông bán lúa nộp cho ông giáo Lựu để làm học trò chính thức của ông ta. Việc cày bừa không bỏ mà

học được chữ thì cha ông hết đường cản. Còn ông giáo Lữ thì không làm cách nào để cản đám học trò nhỏ của ông không ồ lên cười mỗi lần nhìn thấy ông Ruông uốn môi uốn lưỡi để ráp vần quốc ngữ. Nhưng phải thừa nhận ông là kẻ tài hoa. Lúc làng Dầu của ông cùng với cả nước cùng lúc tiến hành ba cuộc chiến chống giặc xâm lược Pháp, chống giặc đói và chống giặc dốt, thì ông vừa là chiến sĩ trên mặt trận chống giặc đói, tức tiếp tục cày bừa, vừa là chiến sĩ trên mặt trận chống giặc dốt, tức làm thầy giáo dạy chữ quốc ngữ cho bà con trong làng. Danh xưng ông giáo Ruông tồn tại cho đến khi triều ông Diệm đổ. Ông Ruông xem đi xem lại trong tiếng Việt thì thấy từ Ruông không có nghĩa nào cả. Nhưng nếu không có giai đoạn lịch sử ông Quýt làm hương bộ, thằng con trai út tám tuổi của ông làm thư ký cho ông, thì không có tên Lê Ruông. Nói tóm, tên Ruông của ông là do lịch sử mà có. Ruông tuy vô nghĩa, nhưng là con đẻ của lịch sử nên cũng hiển hách chẳng kém Ruộng là một trong những yếu tố của văn minh Lạc Việt.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
CUỘC HỘI NGỘ Ở SÔNG LAM

Khi luận ra thế, ông Ruông cảm thấy cảm hứng lịch sử của mình tăng rất cao. Đến nỗi lúc đọc xong những trang sử thời Trịnh Nguyễn của nước ông thì ông thấy vị tổ phụ thứ mười một của nhà họ Lê bước đi ngờ ngờ trong trí não ông.

Ông Ruông chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ :

Sử văn làm nảy sinh trong trí não ta một cuộc trông thấy vô cùng kỳ thú. Thoạt đầu là ta nghe thấy tiếng nước vỗ vào những con thuyền thủng nát đang bồng bênh trên dòng sông Lam, xứ Nghệ.

-Người muốn tìm ai?

Có ai đó hỏi, giọng như đang loăng ra.

Nếu ta không chú ý thì cứ nghĩ đó là tiếng nước vỗ mạn thuyền.

Ta đáp là chẳng tìm ai cả.

Giọng nói kia lại cất lên :

-Nơi này từng là chiến địa, người có biết không?

Tất nhiên chuyện ấy thì ta đã rõ. Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư các sử thần triều Lê Trịnh soạn, và sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục các sử thần triều Nguyễn soạn, đều chép về cuộc chiến tranh 1627-1672 giữa hai họ Trịnh Nguyễn. Trong cuộc chiến gần nửa thế kỷ này thì trận giao tranh ở hai bên bờ sông Lam, Nghệ An, là dai dẳng nhất. Ta nói là nhờ đọc sách mà biết được trận đánh ấy mở đầu vào năm At Mùi, 1655, kết thúc vào năm Canh Tý, 1660, quân Nguyễn đã tiến sâu vào đất của vua Lê chúa Trịnh, chiếm được 7 huyện phía nam sông Lam, nhưng rốt cuộc quân Trịnh đã lấy lại .

-Người đến nơi này là để coi thử sách nói có đúng không?

Giọng nói kia dường đang cô đọng lại thành những lời đầy hàm ý.

Ta bảo là chẳng việc chi phải làm chuyện ấy. Chỉ do đọc sách, rồi tình cờ

dừng lại chốn này thôi.

-Cuộc nhân sinh chỉ là chuyện tình cờ.

-Với mọi thứ trong cuộc đời này?

-Phải. Ngay cả việc người được sinh ra.

-Nhưng đây là ai? Là đang ở đâu trò chuyện cùng kẻ này ?

-Ta là ai ư ? Trước hết người nên biết ta với con sông Lam này là mãi mãi gắn kết nhau.

Kiểu nói năng ấy khiến ta phải truy tìm lại trong sử sách.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của các sử thần triều Lê Trịnh chép :

Đinh Dậu, 1657, mùa hạ, tháng sáu, Thái bảo phú quận công sai bọn Lê Thì Hiến, Hoàng Nghi Giang, Đặng Thế Công đều đem các quân chia đường vượt sông Lam... Mậu Tuất, 1658, mùa thu, tháng bảy, giặc vượt sông Lam xâm lấn xã Mỹ Dụ. Canh Tý, 1660, mùa thu, tháng tám, Nguyễn Phúc Tần ở châu Hóa sai bè lũ là Thuận Nghĩa, Chiêu Vũ vượt sông Lam xâm phạm xã Mỹ Dụ,...thống suất Trịnh Đổng sai bọn Hoàng Nghĩa Giao tiếp chiến, phá được, giặc chết đuối rất nhiều...

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục của các sử thần triều Nguyễn chép :

Mậu Tuất, 1658, tháng chạp, mùa đông, Trịnh Căn sai bọn Đào Quang Nhiêu, Đặng Thế Công chia đường sang sông Lam đánh nhau với quân Nguyễn Hữu Tiến ở Tuần Lễ... Canh Tý, 1660, tháng tám, mùa thu, Trịnh Căn sai tướng qua sông Lam đánh nhau với quân Nguyễn Hữu Dật ở Lăng Khê, tướng bên Trịnh bị thua... quân Trịnh sợ hãi, tan vỡ, chết hại rất nhiều...

-Có phải đây là oan hồn của kẻ đã ngã xuống trong trận chiến trên sông Lam thuở ấy ?

Ta hỏi mà lòng cảm thấy không yên.

Bỗng như có ai vụt hiện lên trong trí não mình.

-Chớ nghĩ lung tung. Oan hồn là không thuộc về kẻ đã chết.

Ta rất vui vì đã nhìn thấy kẻ trò chuyện cùng ta.

-Nhưng thừa tiền bối, kẻ này chưa rõ thuở ấy tiền bối là người của Nam Hà hay của Bắc Hà.

Ta lập tức liệt kê trò chuyện cùng ta vào lớp tiền bối.

Và ông ta cũng lập tức nghiêm mặt với ta :

-Hơn ba trăm năm qua ta đã gặp hết thấy những người của thời xa xưa đó, chẳng ai mở miệng hỏi ta là người của Nam Hà hay của Bắc Hà.

-Ngay cả các chúa Nam Hà và các chúa Bắc Hà ?

-Phải. Các ông ấy lâu lâu lại bày các cuộc đại hội nghị để đám dân Đại Việt thuở ấy có dịp gặp nhau.

-Tiền bối nói là các vị ấy cùng đứng ra để làm các cuộc hội nghị ?

-Phải.

-Có nghĩa là họ chẳng còn thù hận nhau ?

-Người chớ lẫn lộn chuyện trần gian với chuyện của cõi chết.

Ông ta nói xong lời này thì mỉm cười với ta, khiến ta bối rối.

Cõi chết là nơi chẳng còn thù hận ?

Thế cuộc phân tranh kia là do nguyên cớ nào? Chẳng lẽ đánh nhau mấy chục năm là để được về một thế giới chẳng còn thù hận? Ta rất muốn biết là ông ta có gặp các vị sử thần triều Nguyễn và triều Lê Trịnh không, để biết các vị ấy đã nghĩ thế nào về cuộc phân tranh các vị đã chép thành sử sách

-Có. Mỗi lần gặp bọn ta, tức là gặp đám binh lính đã chết trong cuộc phân tranh, thì các ông ấy lại nhắc rằng sở dĩ thế gian có chuyện chém giết nhau cốt là để cho mặt đất không còn buồn tẻ như lúc chưa có loài người.

Ông ta nói.

Một cách nhìn thế gian của những sử gia đã chết?

Ta định phải tranh cãi về chuyện này, nhưng ông ta đã nói tiếp :

-Người lấy làm lạ có phải không ? Chẳng ai ngu ngốc muốn có chiến tranh, hay điên khùng đi ngời ca cái chết. Nhưng quả tình từ hôm ta chết, ta lại hiểu thế gian hơn.

Ta có cảm tưởng ông ta vừa nói vừa động đầu gậy chống xuống đất. Nhưng khi cố chú tâm nhìn thì không phải. Kể trò chuyện cùng ta chỉ vào trạc ngoài bốn mươi. Có nghĩa là còn quá trẻ so với ta. Lòng ngưỡng mộ khiến ta dồn hết cả tâm trí vào con người đã nằm xuống hơn ba trăm năm trước.

Và ta chợt cảm thấy hoảng hốt :

-Thưa, có phải tiền bối chẳng còn đủ đôi cánh tay ?

Bây giờ thì không phải ông ta mỉm cười, mà cười thoải mái, nói :

-Ta bị chúa Nguyễn sung vào lính năm Ất Mùi,1655. Trong trận đánh đầu tiên đó ta đã bị quân của chúa Trịnh chặt mất một cánh tay. Nhưng mãi đến trận đánh năm Canh Tý,1660, ta mới bị quân Trịnh giết chết ở sông Lam

-Có nghĩa vào năm đó quân Trịnh đã chặt cánh tay còn lại, và tiền bối đã chết.

-Không phải. Ta chết là do chiến thuyền của ta bị trúng đạn. Còn cánh tay kia là do người bạn đồng ngũ của ta đã chặt.

-Một kẻ phản bội.

Ta buột thốt.

Và ông ta lại cười thoải mái

-Đã nói chém giết nhau cốt là để cho thế gian thêm vui vẻ, thì chẳng ai phản bội ai hết. Người bạn đồng ngũ và cùng làng với ta thả xác ta xuống sông Lam, và chỉ dấu được mỗi cánh tay ấy để đem về cho vợ con ta. Cũng may là trước lúc nằm xuống, ta đã có đứa con trai để nối dõi.

-Nhưng làm sao đã chết mà tiền bối còn biết được những chuyện xảy ra sau đó ?

Ta phải hỏi vì cảm thấy có điều gì không ổn trong cách mô tả của ông ta. Và lần này quả thật là ta thấy sợ : Đột nhiên ông ta chồm người về phía ta. Và chăm chăm nhìn ta, vừa nghiêm nghị vừa thân thiết.

-Đừng sợ. Rồi người cũng phải chết như ta, như vợ con ta. Chính bọn họ đã kể cho ta nghe những gì đã xảy ra sau khi ta chết. Ta chết lúc ngoài bốn mươi. Còn bọn họ thì sống cho tới già mới chết. Hoá ra lúc gặp lại nhau thì vợ con ta lại già hơn ta.

-Có nghĩa sau khi chết thì tiền bối vẫn giữ nguyên như khi mới chết ?

-Phải. Người còn sống thì già. Còn kẻ đã chết thì trẻ mãi.

-Nhưng kẻ hậu sinh này chưa hiểu vì sao không đem về quê hương một phần nào khác của thân thể tiền bối, mà lại là cánh tay ?

Ta hỏi.

Và có cảm tưởng ông ta đang đưa hai tay lên trời để khoác một vòng thật lớn trước khi nói.

-Là cơ nghiệp, người biết không? Cánh tay của ta là để cầm cây cày tiếp

nổi cơ nghiệp của dòng họ Lê ở miền sông Tượng núi Tượng. Nên dù chỉ là xương cốt của mỗi cánh tay cũng phải được nối tiếp theo xương cốt của các bậc tổ phụ họ Lê ở nơi đó. Người là con cháu nhà họ Lê, người phải biết điều đó.

Ông ta nói là ông đã nhìn thấy ta tự lúc ta đang đọc sử văn thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

Còn ta thì hầu như đang chết lặng trong nỗi mừng vui. Là tổ phụ của ta ư ? Sau ba trăm năm rời khỏi thế gian, một kẻ lam lũ đã trở nên minh triết?

-Kẻ hậu sinh này có mắt để đọc sử sách, mà chẳng nhận ra tổ phụ mình, tội đáng muôn chết.

Ta phải gắng lắm mới nói được lời này.

-Không sao, không sao ...

Giọng ông ta như cứ loãng ra.

Và ta lại nghe có tiếng nước vỗ mạn thuyền.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
ÔNG SÁU MƯƠI LĂM

Từ cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn, ông Ruông lợi ngược lịch sử nước ông, để xem các cuộc chiến trước đó có quả như lời các vị sử gia đã chết hay không. Và ông đã đục phải cây trụ đồng của Mã Viện.

Xin nhắc lại :

Năm 111 trước công nguyên vua Vũ Đế nhà Tây Hán (Tiền Hán) sai phục ba tướng quân Lộ Bác Đức sang đánh chiếm Âu Lạc và chiếm miền đất phía nam Âu Lạc lập thêm quận Nhật Nam để gộp vào Giao Chỉ, Cửu Chân thành bộ Giao Chỉ (tức nước Âu Lạc mở rộng) Trong đó, Tượng Lâm là huyện cực nam của quận Nhật nam, đến cuối thời Hậu Hán thì thành nước Lâm Ấp.

Năm 40 trước công nguyên Hai Bà Trưng cầm đầu dân ba quận, đánh đuổi quan lại nhà Tây Hán, giành độc lập cho Âu Lạc.

Năm 43 trước công nguyên vua Quang Vũ nhà Đông Hán (Hậu Hán) sai phục ba tướng quân Mã Viện đem hai vạn quân sang chiếm lại Âu Lạc. Hai Bà Trưng chết, nước Âu Lạc lại trở thành thuộc địa của đế quốc Trung Hoa như trước đó.

Mới đầu ông Ruông có hơi bức mình với cây trụ đồng đó. Nhưng về sau ông lại thấy hứng thú khi bàn về nó. Cái vật thể bằng đồng đó là được Mã Viện chôn để đánh dấu phạm vi của đế quốc Trung Hoa lúc đó. Chỉ trời mới biết ông có chôn cây cột mốc đó đúng ở biên giới đế quốc mà Lộ Bác Đức đã chinh phục được một trăm rưỡi năm trước hay không. Tất nhiên là Mã Viện phải chôn cây cột mốc đó ở một nơi cụ thể nào đó (nếu như đó là chuyện thực). Nhưng những thế kỷ về sau thì cây trụ đồng đã mọc lên ở những nơi khác nhau. Để chứng minh cho việc mọc lung tung của cây trụ

đồng, ông Ruông đã dẫn ra một số trích dẫn cổ sử Trung Hoa trong các cổ sử Việt Nam.

Theo sách Thông Giám, sử nhà Tùy (518-618), thì Lưu Phương đánh Lâm Ấp, đuổi quá cột đồng Mã Viện tám ngày đến kinh đô nước ấy (như thế cây trụ đồng này ở phía bắc Tượng Lâm)

Theo Đỗ Hữu trong sách Thông Điển, sử nhà Đường (618-906), thì phía nam Lâm Ấp đi hơn hai nghìn dặm có cột đồng của Mã Viện. (cây trụ đồng này thì ở phía nam Tượng Lâm)

Theo sách Minh Thống Chí, sử nhà Minh (1368-1644), thì cột đồng ở trên động Cổ Sâm, châu Khâm (cây trụ đồng này thì ở phía bắc nước Âu Lạc)

Cứ theo những tư liệu trên, ông Ruông đúc kết thành hai kiểu trụ đồng : một là mọc trong nội địa Âu Lạc, hai là mọc ở bên ngoài Âu Lạc. Điều này có nghĩa là sau khi Mã Viện không còn, các nhà chép sử Trung Hoa muốn qui hoạch lại nước Âu Lạc thời thuộc Đông Hán. Quá khứ là chẳng thể cãi với các nhà chép sử. Nên vị nào phóng khoáng thì cho đất nước của tổ tiên ông Ruông phình ra một chút, vị nào keo kiệt thì bắt nó teo lại. Riêng tác giả cây trụ đồng ở châu Khâm thì có cách làm rất lạ. Trụ đồng mà mọc ở châu Khâm (một châu của Trung Hoa sát phía bắc Âu Lạc) thì chẳng phải là xẻo bớt đất Trung Hoa để đắp vô Âu Lạc hay sao? Luận đến đây ông Ruông cảm thấy cây cột mốc biên giới của Mã Viện có vẻ lung linh. Khi thì hiện lên chốn này, khi hiện lên chốn kia. Ông nghĩ tiếp, thì thấy những cây cột mốc biên giới của những nước khác hóa ra cũng có vẻ lung linh. Như khi chúng hiện lên chốn khác thì xứ Gaul liền biến thành một tỉnh của nước Ý, lục quốc Hàn, Ngụy, Triệu, Tống, Tề, Sở liền biến thành nước Tần. Điều này cũng có nghĩa là vào năm 51 trước công nguyên Cêsar đã qui hoạch lại Tây Âu, và vào năm 241 trước đó Tần Thủy Hoàng đã qui hoạch lại Trung Hoa. Cêsar của nước Ý, Tần Thủy Hoàng của Trung Hoa, hay Cyrus của Ba Tư, hay Alexand của Hy Lạp, chỉ là những ví dụ thuộc thời cổ đại. Có

nghĩa thời nào cũng có những kẻ muốn qui hoạch lại việc cư trú của đồng loại mình. Ông Ruông cho là tại tổ tiên loài người đã sơ hở. Nếu các nhà tiền sử học đúng thì tự thuở ban đầu việc cư trú của loài người trên trái đất này là chẳng theo một qui hoạch nào cả. Từ cái nôi châu Phi (hay là từ nhiều cái nôi trên cựa thế giới) tổ tiên loài người tràn khắp châu Phi, châu Âu, châu Á, rồi vượt eo Berinh, bước lên miền đất mới châu Mỹ, nơi nào sẵn bả hái lượm được thì ở lại, khí trời tốt thì ở lại lâu, khí trời không tốt thì tìm đến nơi khác. Cho đến khi đã định cư để chăn nuôi trồng trọt thì loài người cũng chẳng theo một qui hoạch nào cả. Có một vùng lười liềm phì nhiêu ở Tây Á, có một vùng dọc sông Nin ở Ai Cập, dọc sông Ấn sông Hằng ở Ấn Độ, hay dọc Hoàng Hà ở Trung Hoa, dọc Hồng Hà ở Việt Nam. Nhưng đấy cũng chỉ là những định cư theo yêu cầu của chăn nuôi và trồng trọt, chứ không phải là theo qui hoạch. Không có qui hoạch gốc, nên về sau những kẻ có máu qui hoạch mới dám làm theo ý mình. Ví như Atila, thủ lĩnh rợ Hung thời Trung Cổ dẫn đám quân của mình lướt qua một cái là nhổ gần hết sạch các cây cột mốc biên giới của các quốc gia từ Trung Á đến Tây Âu, khiến rợ Goth phải dạt sang đế quốc La Mã, tạo nên một trong những nguyên nhân sụp đổ cho đế quốc này. Mỗi khi có qui hoạch lại như thế thì diện mạo thế giới lập tức thay đổi. Có thể là văn minh đẩy lùi dã man, hay ngược lại. Còn điều này nữa, là đang sống yên ổn chẳng ai đại chi để cho người ta thay đổi việc cư trú của mình, nên có qui hoạch lại là có chống qui hoạch lại. Mà thế thì rất tốn kém, cả của cải vật chất lẫn con người. Ông Ruông bảo, nếu coi thế chiến một là qui hoạch lại cái thế giới đã qui hoạch lại ở hội nghị Viên 1815, thì trong cuộc qui hoạch lại này đã tốn hằng chục triệu mạng người. Cứ thế, ông coi thế chiến hai là qui hoạch lại cái thế giới đã qui hoạch lại sau thế chiến một, cuộc chinh phục châu Mỹ và châu Phi của người châu Âu là qui hoạch lại thế giới của người da đỏ và của người da đen. Với ông, lịch sử thế giới là lịch sử qui hoạch lại thế giới và chống qui hoạch lại thế giới. Hay nói gọn hơn là lịch sử của các cây cột mốc biên giới của các quốc gia. Nhưng có một thế giới mà các cây cột mốc biên giới của các quốc gia không hề thay đổi hay không? Có. Đó là thế giới của các quốc gia lý tưởng của Lão Tử :

Có xe thuyền mà không đi, có binh khí mà không bày ra, nghe tiếng gà của nước bên gáy mà không bao giờ đặt chân đến nước ấy. Nghĩ đến đây ông Ruông thấy không ổn. Một thế giới như vậy tồn tại thì Khảo Cứu Địa Lý Học Lịch Sử về miền núi Tượng sông Tượng của ông trở nên vô ích. Mà ông thì ông muốn các bậc tổ phụ của mình đều trở nên vĩ đại với con cháu nên mới có khảo cứu đó. Nghĩ đến đó ông quyết định phải có một khảo cứu bổ sung cho khảo cứu đó.

Tức phải xác định lại rằng thời thuộc Đông Hán thì miền núi Tượng sông Tượng của ông nằm trong nước Au Lạc và là biên cảnh phía nam của nước này. Tức cây trụ đồng Mã Viện phải chôn ở đó (nếu đó là chuyện thực) Và vị tổ phụ thứ Sáu Mười Lăm của nhà họ Lê vẫn còn sống sau cuộc chinh phục của Mã Viện. Hai vạn quân của Viện đánh bại nghĩa binh Hai Bà Trưng ở Giao Chỉ, tiêu diệt cánh nghĩa binh cuối cùng do Đô Dương cầm đầu ở Cửu Chân, cứ giả dụ khi tiến đến miền sông Tượng núi Tượng thì còn một nửa, một nửa là một vạn, đủ để gây đẫm máu ở đây, nên việc ông Sáu Mười Lăm chết trong cuộc chinh phục đó là chuyện bình thường. Nhưng ông Ruông nói ông Sáu Mười Lăm không chết. Vì ông chết thì làm sao dòng họ Lê nhà ông còn tồn tại đến đời ông.

Khảo Cứu Bổ Sung cho Khảo Cứu Địa Lý Học Lịch Sử về miền sông Tượng núi Tượng,

hay Thuyết Cột Đồng của Lê Ruông :

Viện hỏi đám dân làng Dầu :

-Đây có phải là biên giới phía nam của nước Au Lạc của bọn người hay không ?

Mọi người đều im lặng nhìn Viện, rồi nhìn ông Sáu Mười Lăm, như để nói ý kiến ông ấy cũng là ý kiến bọn họ

Ông Sáu Mười Lăm nói :

-Ta là tộc trưởng tộc họ Lê ở làng này. Xưa nay chưa hề nghe mấy tiếng ấy, nên ta chẳng biết biên giới là gì.

Viện toan rút kiếm để làm công việc chém giết, nhưng lại thôi, mỉm cười với vị tộc trưởng họ Lê:

-Đám man di bọn người quả là lũ ngu tối.

Không phải khi đến đây thì ngọn lửa tham tàn nguội đi trong lòng Viện. Chính là do đám dân làng Dầu làm cho Viện không còn thấy hứng thú chuyện chém giết. Lúc đại binh của Viện tiến vào làng thì hết thấy dân làng quả có đóng cửa ở hết trong nhà. Nhưng liền sau đó thì vẫn ăn uống, cười nói, và đi lại như thường. Viện chỉ thích chém giết khi có người chống lại mình. Nhưng ở đây cả sự ngạc nhiên hay sợ hãi cũng không có.

-Ta thường nghe nói dân ở xa thiên tử như xa ánh mặt trời. Cứ xem sự chất phác chẳng biết gì của đám dân nơi đây, thì đất này quả là biên địa phía nam của Âu Lạc.

Nghe Viện nói, viên quan tùy tùng của Viện có biết ít nhiều về đất Nam Lĩnh nói :

-Nhật Nam là quận cực nam của Âu Lạc. Còn Tượng Lâm là huyện cực nam của Nhật Nam. Đây đúng là đất Tượng Lâm như dân làng đã khai với ta. Nhưng chỉ dựa vào sự chất phác ngu tối của bọn chúng thì chưa thể nói đây là đất biên địa.

Viện nói :

-Về khoản này người cũng ngu tối chẳng kém bọn chúng. Nhật Nam, hay Tượng Lâm, Chu Ngô, Tì Ảnh ...là những tên đất trên giấy tờ Lộ Bác Đức đã dâng lên vua Vũ Đế. Còn ông ta, thì ta tin rằng, chưa hề đặt chân đến những nơi đó. Có nghĩa chưa hề có chiến chinh ở chốn biên địa này.

Viên tùy tùng của Viện lập tức nói nịnh Viện :

-Mã tướng quân đã làm cho kẻ hạ quan sáng mắt ra. Phải. Do chưa biết chiến chinh, hay chưa nghe nói đến chiến chinh, nên khi thấy đại binh của ta, đám dân làng chẳng hề kinh hãi.

Nhưng đám bò cày của dân làng thì tỏ ra kinh hãi. Con người là bạn chí cốt của con vật nuôi. Nên con vật nuôi không thể uống máu người. Trên đường hành binh, đám binh lính của Viện ngày đêm lo việc chém giết, chẳng được nghỉ ngơi. Đến khi nghe có lệnh dừng quân, không tiến nữa, bọn chúng mới ụa xuống sông Tượng tắm rửa giặt giũ. Ngày ấy máu người Đại Việt pha đỏ nước sông Tượng. Những máu đã khô đọng trên chiến bào và yên cương của đám binh lính Viện giờ tan ra trong nước.

Đám trẻ chăn bò trong làng đến mách với ông Sáu Mười Lăm :

-Lúc xuống sông uống nước, nghe có mùi máu người, đám bò làng ta đã bỏ chạy lên núi hết..

Ông Sáu Mười Lăm nói :

-Bỏ chạy là phải. Ai lại đi uống máu người.

Khi nghe có lệnh dân làng phải nộp cho Viện những đồ dùng bằng đồng, ông Sáu Mười Lăm đến gặp Viện, nói :

-Xưa, làng này cũng có đồ bằng đồng. Nhưng đã đem đúc trống đồng hết cả.

Mắt Viện sáng rỡ :

-Trống đồng giờ cất ở đâu ?

-Ta cũng chỉ nghe truyền lại là xưa kia dân làng này đã đúc trống đồng để thờ thần núi thần sông. Nhưng sau đó thì có lũ người phương bắc đến lấy đi.

Thực ra, ông Sáu Mười Lăm cũng có biết nhiều thứ, chứ không như Viện tưởng. Ông biết từ thời cha ông của ông, thuế má của dân làng là nộp cho một vị vua ở phương bắc. Rồi trước khi có binh lính của Viện tới thì ông biết thuế má không còn nộp cho vua phương bắc, mà nộp cho vua của người mình, một vị vua là đàn bà. Ông biết được chuyện này là do có lời truyền của vị huyện lệnh Tượng Lâm. Cũng qua lời truyền của vị huyện lệnh mà ông biết là đám binh lính của vua phương bắc đã tràn qua đánh nhau với binh lính của vua người mình. Cả ông, cả dân làng, đều cho rằng nơi đây chẳng có chi để cướp, nên không tin là đám binh lính ấy sẽ tới.

Thực ra, số đồ đồng Viện đã thu được trên đường hành binh là đủ để đúc trụ đồng và còn dư để mang về phương bắc.

-Ta vâng mệnh vua Đại Hán mang quân sang đây là để xua sự ngu tối ra khỏi đầu óc bọn người. Nhờ uy thiên tử, giặc Trưng Trắc Trưng Nhị đã dẹp yên, ba cõi Giao Chỉ Cửu Chân Nhật Nam đã được thái bình. Nay lập trụ đồng ở đây là để cho bọn người được rõ biên cương của nước.

Viện bảo ban dân làng.

Rồi sai binh lính đem chôn trụ đồng ở giữa đồng Đất Sét.

Đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt.

Tương truyền, đây là chữ Viện khắc trên cây cột mốc biên giới. Nói nôm na là Viện bảo dân Âu Lạc phải giữ cây trụ đồng đó, vì trụ đồng đó thì quốc gia Âu Lạc cũng mất.

Một nỗi lo sợ không hình thù ập xuống cuộc sống dân làng. Bởi không ai hiểu quốc gia Âu Lạc, hay nước Âu Lạc, nó là cái gì. Có phải khi cái gì đó mất thì từ lũ bò cày đến đồng Đất Sét và sông Tượng núi Tượng cũng mất? Những tháng năm sau đó ông Sáu Mười Lăm quá già yếu. Sớm mai thức dậy, tựa cửa, thấy cặp bò trong chuồng còn, thấy núi Tượng còn, ông có phần yên tâm. Nhưng lại lo không biết đồng Đất Sét với con sông Tượng có chuyện gì không.

Rồi mưa gió làm cây trụ đồng ngã. Người nói nên dựng lại. Người bảo có cây trụ đồng đứng giữa ruộng thì rất khó cày bừa.

-Hay cứ đem để chỗ chân núi Tượng, rồi chờ xem có gì xảy ra không, sẽ liệu.

Ông Sáu Mười Lăm khuyên dân làng thế, nhưng trong lòng không yên. Năm tháng cứ trôi qua. Và ông vẫn lo sợ một tai họa nào đó sẽ xảy ra. Cho đến hôm người ta đến nói cho ông biết cây trụ đồng đã mục rã thành đất, ông thật sự hoảng hốt. Cây trụ đồng mất, thì cái gì đó (tức quốc gia Âu Lạc, tức tổ quốc Âu Lạc) cũng sắp mất? Có nghĩa những đồng ruộng và núi sông gắn bó với đời ông cũng sắp mất?

-Hãy đưa ta ra đồng Đất Sét để ta coi có chuyện gì không!

Ông Sáu Mười Lăm hỏi con cháu. Bấy giờ ông không còn đi đứng nổi, chỉ ở yên trên giường. Tất nhiên là đám con cháu ông chẳng thể làm theo lời ông.

Đồng Đất Sét có còn không?

Sông Tượng núi Tượng có còn không?

Hầu như ngày nào ông cũng hỏi lũ con cháu. Ngày nào lũ chúng cũng đến bên giường ông bảo mọi thứ vẫn còn nguyên, khiến ông càng nghi ngờ hơn. Cây trụ đồng đã mất thì cái gì đó cũng mất (tức tổ quốc của ông cũng mất) Có nghĩa đồng Đất Sét của ông sông Tượng núi Tượng của ông cũng không còn? Ông cho rằng lũ con cháu sợ ông khổ, đã dối ông. Cuối cùng ông đã liều mạng nghĩ là có thể mất hết cũng được, nhưng phải chừa lại cho ông

cánh đồng Đất Sét. Vì đồng ruộng không còn thì con cháu ông và dân làng ông sẽ sống bằng gì? Ông Sáu Mười Lăm vẫn tiếp tục sống trong nỗi nghi ngờ là đã mất hết cả, nhưng con cháu ông đã không dám nói thật với ông. Vào một ngày tháng chạp, ông Sáu Mười Lăm nghe có mùi rạ mới hắt vào nhà. Ông ngồi dậy trên giường, nhìn thửa ra ngoài, thấy đám con cháu ông đang gánh lúa vào sân. Bây giờ ông vẫn chưa tin đấy là chuyện thật. Là đồng Đất Sét vẫn còn, lúa đã chín, đã đến mùa gặt, và lũ con cháu ông đang gánh thóc về nhà. Mãi đến lúc lũ chúng đập lúa, thóc văng vào tận chỗ ông, ông nhặt mấy hạt cầm trong tay, mới tin là thật. Ông cắn thử một hạt coi lúa có chắc hạt không. Và bỗng bật cười. Không phải cười vì nhớ ra mình chẳng còn răng. Mà cười vì biết mình đã bị đám người Hán gạt. Có thể diễn lại sự hiểu biết đang diễn ra trong đầu ông lúc ấy : Tổ quốc là cánh đồng Đất Sét. Và cây trụ đồng của Mã Viện chẳng dính dáng chi với tổ quốc của ông.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
TỔ QUỐC

Quan niệm về tổ quốc của ông Sáu Mười Lăm có vẻ duy nghiệm. Nhưng đây là chuyện xảy vào thời đầu công nguyên. Một thế kỷ rưỡi sau thì quan niệm về tổ quốc đã diễn ra cách khác trong suy nghĩ của vị tổ phụ thứ Sáu Mười của dòng họ Lê Ruông.

Ta muốn kể cho con cháu nghe câu chuyện về tổ quốc. Nhưng không biết phải bắt đầu từ đâu. Thôi được, cứ bắt đầu từ chiếc áo vải cát bối. Vải cát bối là dệt bằng sợi chế từ cây cát bối.

Cha ta bảo :

-Thằng Sáu Mười hãy lấy cái áo ấy mà bận.

Đây là chiếc áo vải cát bối ông nội ta để lại. Ông nội ta, rồi cha ta, cả hai đều bận chiếc áo vải ấy để đi tìm trầm. Tổ quốc là gì thì ta chẳng thể diễn bằng lời. Nhưng ta biết là ta đã sinh vào thời tổ quốc của ta đã bị vua phương bắc lấy mất. Cũng như ông nội và cha ta, ta cũng bận áo cát bối đi tìm trầm để nộp cho vua phương bắc.

Cha ta nói bận chiếc áo ấy đi vào rừng thì thú dữ tránh xa, nhưng cây trầm hương lại gần. Ông nói vậy vì thuở ấy cả ông cả ông nội đi tìm trầm đều đã gặp được trầm, và đều trở về bình yên. Cây gió trên rừng bị thương thì thành trầm. Bao lâu thì thành trầm chỉ trời mới biết. Cũng như đi tìm trầm có gặp được trầm không cũng chỉ trời mới biết. Bọn ta cả thầy là năm thằng vừa tới tuổi thành niên cùng vào rừng núi Tượng vào một ngày tháng sáu gió nam thổi rộ. Ngoài hướng mặt trời, đi rừng mùa nam thổi thêm được hướng gió. Bọn ta chia ra mỗi thằng một ngã, cứ ngược hướng gió mà đi, tức đi về hướng mặt trời lặn. Như thế là chỉ còn trông thấy nhau qua tiếng hú. Và cứ thế mà đi, như thế chẳng biết là sẽ đi đến đâu, và đi đến bao giờ. Thì đã nói chỉ trời mới biết đến lúc nào mới gặp được trầm. Thức ăn ta mang theo là cơm khô. Nước uống thì lấy ở các suối nước trên rừng. Cha ta bảo tổ tiên con người vốn sống trên rừng, nên khi đã vào rừng thì chớ sợ

đói rét, chỉ giữ sao cho khỏi bị thú dữ ăn thịt. Có một đêm ta vừa cột người vào cành cây cao, chuẩn bị ngủ, thì nghe có mùi hôi thối trong gió. Cha ta bảo khi con cộp ngủ hơi thở của nó rất thối. Cả đêm ta nằm im trên cành cây để chờ thử có con cộp nào tìm đến ta không. Rừng về đêm không còn là của con người, nên ta chỉ nằm im chờ bất trắc, chẳng dám lên tiếng gọi mấy đứa kia. Sáng ra, lẽ ra ta phải hú gọi bọn chúng như thường lệ. Nhưng đằng này, để tỏ là kẻ gan dạ sau một đêm đã đối đầu với mùi cộp, ta lặng lẽ tụt xuống khỏi cành cây, và lặng lẽ tiến lên phía trước. Mỗi lúc trời sắp tối, ta không còn cầm lòng nổi, đã lên tiếng gọi bọn chúng, nhưng chẳng có đứa nào đáp lại. Những ngày tiếp sau đó, ta tiếp tục gọi bọn chúng, song, chỉ có tiếng dội lại của núi rừng. Như thế là bọn ta đã đi cách nhau quá tiếng hú. Như thế là ta đã lạc đàn. Lúc mới lạc nhau ta cũng thấy sợ. Cứ nghĩ ngợi, coi thử mình sợ cái gì, thì thấy là sợ chết. Một mình mà chết ở trên rừng thì coi như mất xác. Cha ta tất nhiên sẽ rất buồn. Còn mẹ ta ở chín tuổi thì còn buồn hơn. Nhưng sau khi nghĩ đi nghĩ lại thì thấy nếu có chết thì coi như ta không được cha mẹ sinh ra, chứ cũng chẳng có chuyện chi. Cha ta bảo một cây gió đã thành trăm gốc to đến hai ba người ôm. Phải có hai ba người mới đốn được một cây gió đã thành trăm. Như thế là ta phải quyết định quay về, vì có gặp được trăm ta cũng chẳng làm được chi. Lại xuôi theo hướng gió mà đi. Tức đi theo hướng mặt trời mọc. Vào một ngày trên đường về, suýt chút nữa là ta đã được tận hưởng sự sung sướng nhất trong cuộc đi. Ta đã gặp được một vùng núi non đầy hang động. Có nghĩa đêm ấy ta sẽ chọn một cái hang an toàn nhất để mà ngủ, thay vì phải cột người trên cành cây cao, như mọi đêm. Có thể là ta sẽ lưu lại đó mấy hôm để ngủ cho đã trước khi đi tiếp. Nhưng trong khi ta đang sắp đặt các ý định thì từ các hang hốc chui lên những con người gần như trần truồng, vì cả đàn ông lẫn đàn bà chỉ treo một cành lá để che chỗ kín. Bọn họ, người nào tay cũng lăm lăm con dao sáng quắc, cùng xông đến vây lấy ta. Chợt nhớ lời cha ta kể là tổ tiên loài người thì ở hang và ăn thịt người, ta cầm chắc đời ta đến đó là chấm hết.

Ta nói :

-Thưa các tổ tiên loài người, trước khi ăn thịt con, hãy để cho con chỉ cho

một giống cây quý trên rừng, kéo sau khi con chết thì chẳng ai biết giống cây quý ấy.

Người già nhất bọn họ tiến đến gần ta :

-Người là người ở đâu? Đến đất nước bọn ta để ăn cắp cây quý phải không?

Ta liền cãi :

-Không phải. Con là người ở núi Tượng sông Tượng. Do tổ quốc của con bị vua phương bắc lấy mất, nên người sông Tượng núi Tượng phải lên rừng tìm trầm để nộp cho vua ấy.

Người già nhất liền ra hiệu cho bọn họ theo ta.

Lúc đứng trước một cây gió, ta bắt đầu giảng giải theo cách giảng giải của cha ta :

-Đây là cây gió. Khi bị sét đánh thủng da thịt, hay bị gió bão làm thân cành gãy đổ, tức khi nó bị thương, thì một ngày nào nó sẽ thành trầm. Ngày nào thành trầm thì chẳng ai biết. Nhưng khi đã thành trầm, để bỏ phần vỏ đi sẽ được phần gỗ lõi rất thơm, tức là trầm hương. Trầm hương dùng làm gì con không rõ. Chỉ biết là vua phương bắc quý hơn vàng. Chuyện cây gỗ quý con đã nói xong. Giờ thì các tổ tiên loài người có thể ăn thịt con được rồi.

Không hiểu sao cả bọn họ rồ lên cười.

Người già nhất nói :

-Người là đứa bất hạnh, nên bọn ta tha chết cho. Hãy tiếp tục đi tìm trầm để nộp cho vua của người.

Ta suy nghĩ kỹ thì thấy mình quả là đứa bất hạnh. Cha mẹ ta chỉ có một mình ta. Không có trầm để nộp cho vua phương bắc, tất ta phải làm thân lính thú của vua, tức cũng đi vào cỏi chết.

Thấy ta còn sống trở về, cha ta nói :

-Tính ra con đã ra đi gần ba tháng mười ngày. Nếu về chậm chút nữa, cha đã cúng tuần trăm ngày cho con.

Ta chỉ nói mình bị lạc, nên phải quay về, chẳng dám kể lại những chuyện đã xảy ra trên rừng. Dầu gì thì ta cũng đã trệt, vì sáng ra không chịu hù gọi mấy đứa kia, để đến nỗi phải lạc nhau. Còn chuyện gặp tổ tiên loài người ta biết có nói ra cha ta cũng không tin.

Ta hỏi :

-Mấy đứa kia đã có đứa nào về chưa ?

Cha ta lắc đầu :

-Mới mỗi mình con trở về thôi.

Nghĩ đến mấy thằng kia chẳng biết sống chết thế nào, ta thấy buồn ghê gớm. Cũng do tổ quốc gặp lận đận, nên trai tráng bọn ta mới lâm vào cảnh ngộ như thế.

Ta nói :

-Nay không có trăm để nộp, tất con phải đi lính cho vua, tức sẽ phải chết ở xứ người, cha chẳng còn được trông thấy xác con.

Cha ta nói :

-Nay đã có vua của người mình, con đừng lo.

Ta hỏi vua nào.

Cha ta bảo là vua Khu Liên.

Hoá ra lúc ta ở trên rừng thì ở nhà đã lấy lại được tổ quốc. Bấy giờ thì tổ quốc của

ta có tên là Lâm Ấp. Bốn tháng, năm tháng, rồi một năm trôi qua, mấy đứa đi tìm trăm với ta vẫn không về. Điều này có nghĩa là lũ nó đã chết trên rừng. Cứ nghĩ tổ quốc

lấy lại rồi mà lũ nó không còn để vui hưởng, ta lại thấy rất buồn ở trong lòng. Nhất là khi cha ta sắm quần áo mới cho ta cưới vợ.

Cha ta nói :

-Nay đã có vua người mình, không còn phải đi tìm trăm, không còn phải làm lính thú, nên cha phải cưới vợ cho con, để con đẻ con nối dõi.

Như thế là ta và vợ ta lại bắt đầu làm công việc trước kia cha mẹ ta đã làm. Có điều mẹ ta chỉ đẻ mỗi mình ta. Còn vợ ta, ngay lứa đầu, đã đẻ cho ta một cặp con trai.

Trước lúc tắt thở cha ta còn tỏ ra rất vui. Ta biết là ông rất mãn nguyện vì đã nhìn thấy được hai đứa cháu trai trước khi theo ông bà.

Quả tình khi lấy lại tổ quốc rồi, người ta chưa để rất thoái mái. Ở trong làng, vợ ta cũng thuộc loại chưa đẻ giỏi. Hai thằng sinh đôi giáp năm thì vợ ta đã chưa đứa nữa. Nói tóm lại, trong sáu năm vợ ta đẻ được năm thằng con trai. Nếu không có chuyện xây tháp, chắc chắn là vợ ta cứ tiếp tục chưa

để theo mức ấy. Theo lệnh của vua Khu Liên ta phải cùng đám đàn ông con trai trong làng đi xây tháp để thờ hai vị thần mới có tên là Shiva và Vichnu. Nghe vua bảo đi xây tháp, ai nấy đều hí hửng vui mừng vì sắp được tận mắt nhìn thấy vua. Nhưng nào phải thế. Trong sáu năm xây tháp, lâu lâu quan huyện lệnh lại đến truyền bảo bọn ta hãy gắng hết lòng với vua, để được các vị thần ở trên trời ban phúc cho. Thì ta có mong gì hơn là được thần linh phù hộ để còn sống trở về với vợ con. Do tháp xây một nơi mà đá núi để xây tháp ở một nẻo, nên việc lấy đá chuyển đá cũng khá cực nhọc. Mấy người lớn tuổi, yếu sức, cứ chết dần. Nhưng do làm việc nặng nhọc mà miếng ăn miếng uống thiếu, nên đám trai trẻ đang sức làm sức ăn, cũng chết. Tính ra, sau sáu năm, số dân làng đi xây tháp đã chết hơn nửa. Ta tuy lớn tuổi nhưng cũng may là nằm trong số còn sống quay về. Hai thằng sinh đôi đã được mười hai tuổi. Ta tính ráng cày ruộng năm sáu năm nữa là giao cây cày cho hai đứa nó. Nhưng đến năm chúng mười tám tuổi thì đích thân quan huyện lệnh về làng truyền bảo lệnh của vua là tất cả con trai tới tuổi thành niên phải đăng lính.

Ta hỏi :

-Nay đã lấy lại tổ quốc rồi, sao còn phải đăng lính?

Quan huyện lệnh nói :

-Nước phải có vua. Có vua thì phải có kinh đô. Có kinh đô thì phải có lính tráng canh giữ.

Biết không thể cãi được lệnh vua, vợ chồng ta lo may sắm cho hai đứa nó hai bộ quần áo vải cát bối mới.

Ta nào biết kinh đô ở chốn nào. Nên đối với ta đi làm lính cho vua mình ở kinh đô thì cũng mù mịt như làm lính cho vua phương bắc. Không dám nói ra, chứ trong lòng đã có ý nghĩ, như thế là coi như vợ chồng ta cúng cho vua hai thằng con trai đầu lòng. Quả như ta nghĩ, biên biệt năm này qua năm khác, vợ chồng ta chẳng còn nghe tăm hơi về hai đứa nó.

Vợ ta buồn rầu, ta phải theo phân giải :

-Như chưa lấy lại được tổ quốc thì hai đứa nó cũng phải đi lính cho vua phương bắc.

Tức đặng nào con ta cũng không thể tránh được cảnh này. Giờ chỉ còn cách

là vợ chồng ta phải đẻ thêm hai đứa nữa để bù vào chỗ thiếu hai đứa nó.

Tính là tính vậy, chứ sau khi đi xây tháp về, dường như ta không còn đủ sức để sinh con. Thằng con trai thứ ba vừa tròn mười lăm tuổi là ta đã giao cây cày cho nó. Hai thằng đầu vẫn bắt tằm. Vợ ta vẫn chưa chữa được. Vua chết. Ta nghe người ta bảo vua Khu Liên chết mà không có con trai nối ngôi, nên cháu ngoại là vua Phạm Hùng lên thay. Vua mới làm vua đâu vài ba tháng thì quan huyện lệnh lại về làng tuyển lính. Lần này thì con trai từ mười lăm trở lên phải đăng lính.

Ta nói :

-Nhà này đã có hai đứa đi làm lính kinh bao nhiêu năm chưa về. Xin quan trên hãy tuyển con cái nhà khác.

Quan huyện lệnh nói :

-Vua muốn tổ quốc Lâm Ấp ta to rộng hơn. Tức phải nổi ra ở phía nước Au Lạc. Tức phải đánh nhau với vua phương ấy. Mà lính kinh hiện thời quá ít, nên phải tuyển thêm lính mới.

Như thế là hai thằng con trai đầu của ta sắp lâm trận. Giờ để một đứa nữa đi tiếp, hoá ra ta phải cúng cho vua tới ba đứa hay sao?

Ta liều mạng nói :

-Có nổi rộng tổ quốc thêm bao nhiêu thì nhà này cũng chỉ được mấy khoảnh ruộng trên đồng Đất Sét.

Quan huyện lệnh nói :

-Người hãy đi mà cãi với vua.

Nếu đến được kinh đô, ta đã cãi với vua thật. Nhưng vợ ta thì cho rằng thêm một đứa nữa vào lính, anh em chúng đỡ buồn hơn. Có nghĩa vợ chồng ta đã tốn thêm một bộ áo quần vải cát bối mới. Đêm nằm nghĩ, không khéo đánh nhau với vua ấy thì sẽ chết không còn người nào, hai đứa con còn lại của ta lại phải vào lính. Nghĩ thế, nên ta lại phải ráng ăn nằm với vợ để may ra có đẻ thêm được đứa nào không.

Khi nhớ lời cha ta kể, ta cũng thấy giật mình. Người sông Tương núi Tượng xưa cũng thuộc tổ quốc Âu Lạc. Nay lũ con ta lại đi đánh nhau với người Au Lạc là nòi da xáo thịt. Nhưng vợ ta nói làm vua mà không nghĩ , làm dân có nghĩ cũng chẳng được chi. Vợ chồng ta đợi hết năm này qua

năm khác vẫn không thấy ba đứa con trai trở về. Mà quan huyện lệnh lại về làng tuyển lính nữa.

-Tổ quốc đang lâm nguy, các trai tráng trong làng hãy đầu quân giúp vua.

Lời quan huyện lệnh rất thiết tha.

Ta hỏi :

-Lâm nguy là do nơi rộng tổ quốc không được có phải không?

Quan huyện lệnh đáp :

-Vua phương bắc đã xua quân chiếm nước Âu Lạc, và đang xâm lấn tổ quốc ta

Lần này thì đích thân ta hồi vợ ta may hai bộ áo quần vải cát bối cho hai đứa con trai cuối cùng của ta đăng lính. Lũ nó có chết thì chết cho vua mình, còn hơn là để cho vua phương bắc tới bắt đi.

Cũng may bấy giờ vợ ta bảo là đã mang thai. Ta liền quyết định giết một con heo để cúng. Ta tính, chỉ tốn một con heo mà được cả hai việc. Một là để tạ ơn trên trước đã trợ giúp cho vợ ta có chữa. Hai là để cầu trên trước phù hộ cho năm thằng con trai ta ở chốn trận mạc.

Mười tám năm sau thì thằng con trai út của ta, thằng Năm Mười Chín, được mười tám tuổi, còn lũ anh nó thì đứa nào cũng đã yên bề nơi chín suối.

Quan huyện lệnh lại về làng tuyển lính.

Ta hỏi :

-Nghe nói đã đuổi được quân phương bắc từ lâu, sao còn tuyển lính ?

Quan huyện lệnh nói :

-Lần này vua quyết sống mái với vua phương bắc một phen để nơi rộng tổ quốc ta ra phía ấy, nên phải cần nhiều binh lính.

Đến lúc ấy ta mới thấy thắc mắc ở trong lòng : Việc nơi rộng thêm là do tổ quốc muốn hay do vua muốn ?

Nhưng dù gì thì ta cũng không thể cưỡng được lệnh vua. Nên đã đem thằng Năm Mười Chín giao cho quan huyện lệnh.

Quan huyện lệnh nạt :

-Nhà ngươi muốn đùa dờn với vua ư?

Do là không còn đủ sức để đẻ mà vợ chồng ta lại rán đẻ, nên thằng Năm Mười Chín đã mười tám tuổi mà cứ như đứa mới lên bảy.

Ta nói :

-Năm nay nó tròn mười tám tuổi, tức tuổi đăng lính. Nên chẳng dám trốn lệnh vua.

-Thế thì phải nuôi thêm năm mười năm nữa mới đăng lính được.

Quan huyện lệnh nói.

Tất nhiên là ta phải tiếp tục nuôi dưỡng con của ta.

Tổ quốc là gì ta chẳng thể diễn bằng lời. Nhưng cũng do chuyện tổ quốc mà ta đã mất đứt năm thằng con trai với năm bộ quần áo vải cát bối.

Trên đây đâu phải lời thuật lại của ông Sáu Mười. Mà ông Ruông giả dụ ông là ông Sáu Mười, thì sẽ thuật lại thế đấy.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
TRỜI SINH VOI SINH CỎ

Cách giả dụ của ông Ruông là nằm trong hệ thống mưu toan vĩ đại. Nhưng có một lần ông suýt làm cho hệ thống đó mất sự hoàn hảo. Cụ thể là lần ấy ông suýt làm cho hình ảnh ông không còn nguyên vẹn trong suy nghĩ của con trai và con dâu.

Vợ chồng anh Rác từ lâu vẫn coi ông Ruông là người trên thông thiên văn dưới thông địa lý. Sau chuyện đặt tên cho thằng cu Cỏ thì ông trở nên vĩ đại đối với vợ chồng anh ấy. Bởi theo anh chị, cách mạng là điều to tát, vậy mà chỉ mỗi một mình cha mình đã làm nên một cuộc cách mạng. Do vậy khi xảy ra chuyện ấy, vợ chồng anh cứ thấy như có sự sụp đổ ở trong lòng. Xin nhắc lại là thấy như sụp đổ, chứ chưa sụp đổ. Chuyện là thế này. Vợ chồng anh trù tính đẻ thêm đứa nữa. Nhưng mỗi lần sắp làm công việc vợ chồng thì cả hai lại bảo thôi. Là cũng tại ruộng đồng Đất Sét xấu quá, ba sào ruộng không lúc nào có đủ lúa cho bốn miệng ăn. Cứ nghĩ đến cảnh đi chặt củi trộm trong rừng núi Tượng bị kiểm lâm bắt nhốt đói, vợ chồng lại bảo nhau, thôi, đừng đẻ nữa. Nhưng một đứa con thì ít quá.

Thằng cu Cỏ rui có bề nào, vợ chồng anh coi như tuyệt hậu. Cứ đêm đến, nằm với nhau, là anh chị lại bàn tính đẻ nữa, hay đừng đẻ nữa. Nhưng giữa đẻ nữa và đừng đẻ nữa là thứ biên giới hết sức mong manh. Chỉ trong tích tắc hai người không cầm lòng được thì ngã sang bên đẻ nữa là cái chắc. Cho nên hai người đã quyết định nằm riêng ra. Thằng cu Cỏ phát hiện được chuyện này, đêm nằm với ông Ruông (từ năm lên ba thằng Cỏ đã ngủ với ông nội) nó li kỳ nói với ông nó rằng cha mẹ nó bất hòa nhau, đêm nằm mỗi người một giường. Ông Ruông coi đạo vợ chồng như đạo chén bát, vợ chồng lâu lâu cũng cãi vã nhau, như chén bát trong sóng thì va nhau, nên chẳng có chi phải lo. Có điều, vợ chồng thì quen hơi, ngủ riêng thì không tài nào ngủ được, rốt cuộc anh chị lại trở lại chung giường. Và hai người lại phải tiếp tục cuộc chiến đấu giữ vững cái giới tuyến giữa đẻ nữa và đừng đẻ

nữa. Nhưng thử hỏi ở một nơi đất đai cằn cỗi, có ứng dụng khoa học kỹ thuật mấy, trồng cây gì cũng xấu, kẻ cày ruộng quanh năm phải loay hoay trong cảnh thiếu khó, thì còn niềm an ủi nào ngoài việc ái ân của vợ chồng? Nên phải nói ở làng Dầu vợ chồng anh Rác là những kẻ có chí. Có điều, có chí trong chuyện này thì khó giữ được lâu.

Cuối cùng anh bảo chị :

-Hay cứ hỏi thử cha mình là nên đẻ nữa hay không nên đẻ nữa.

Chị ngúng nguẩy :

-Ai lại đi hỏi cha chuyện chăn gối của hai đứa mình.

-Không sao. Cha mình thông thuộc chuyện đời, hễ ông nói thôi thì mình thôi, còn bảo cứ đẻ thì mình mới đẻ.

Vào một tối mùa thu, trời trong, trăng sáng, ông Ruông đang ngồi ở sân để giảng cho thằng Cỏ nghe chuyện lai lịch thằng Cuội, thì vợ chồng anh Rác đến ngồi bên.

-Ừ, lũ bay cũng nên nghe cho biết.

Ông Ruông nói.

Chị Rác véo anh Rác, ý bảo anh hãy vô đề, kéo phải ngồi nghe đến khuya.

Cũng may, tối đó thằng Cỏ không mấy cảm hứng, khi nghe ông Ruông giảng đến chỗ tại sao thằng Cuội không ở chỗ khác mà chọn mặt trăng để ở, thì nó lăn ra chiếu ngủ.

-Lũ bay có chuyện chi phải không ?

Ông Ruông hỏi, vì lúc ông toan đứng lên để gọi thằng Cỏ vào nhà ngủ, thì anh Rác ập a ập ứng.

-Bọn con muốn hỏi thăm cha một việc.

-Một việc hay hai việc cũng được, nói đi.

Quả tình là quá khó, chẳng lẽ anh lại đi hỏi thẳng cha mình là có nên đẻ nữa hay

không. Loay hoay nghĩ mãi, anh mới tìm được cách vô đề thế này :

-Thưa cha, là thằng Cỏ năm này đã lên tám.

-Phải, tới tháng mười một năm này nó tròn tám tuổi

-Lũ con tính tới tết thì ráng sắm cho con một bộ quần áo mới với một đôi dép mới.

Chị Rác lại véo anh ấy, vì cứ đà này tới khuya cũng chẳng vào chuyện được.

Nhưng ông Ruông đã cứu nguy cho vợ chồng anh :

-Chuyện thằng Cỏ coi như xong rồi. Còn lũ bay muốn hỏi thăm việc gì chưa thấy nói.

Chị Rác chớp lấy thời cơ :

-Thưa cha, chuyện thằng Cỏ chưa xong đâu. Nó thì nó muốn có em. Mà vợ chồng con thì ngại quá.

-Lũ bay ngại cái gì ?

Lần này là anh Rác nói :

-Dạ ngại nuôi không nổi.

Ông Ruông nói :

-Lũ bay xem ở làng này có nhà nào ít con không? Có con nhà ai chết đói chưa ?

-Dạ chết đói thì chưa. Nhưng do thiếu ăn thiếu uống, đau chết thì có. Lũ con cứ nghĩ ba sào ruộng trên đồng Đất Sét chẳng thể nuôi đủ năm miệng ăn.

-Trời sinh voi sinh cỏ. Lũ bay muốn đẻ nữa thì cứ đẻ, đừng nghĩ ngại chi hết.

Vợ chồng anh Rác vẫn thường nghe câu ấy. Nhưng là nghe thiên hạ nói. Còn giờ là nghe chính miệng cha mình nói. Với vợ chồng anh, những gì ông Ruông nói ra là chân lý. Ngay trong đêm đó, vợ chồng anh đã phá bỏ cái giới tuyến giữa đẻ nữa và đừng đẻ nữa .

Lúc gặt lúa đông xuân chị Rác đã có mang ba tháng. So với vụ trước, vụ này mất gần một nửa.

Chị Rác có hơi hồ nghi về cái chân lý ông Ruông đưa ra. Hơi hồ nghi thôi, chứ chưa phải là hồ nghi.

-Thế này thì nhà mình thiếu ăn đậm. Sao trời sinh voi mà không sinh cỏ ?

Nghe chị nói, anh liền gạt.

-Thì đã sinh voi đâu mà sinh cỏ.

Ý anh là chừng nào sinh con mới ứng vời trời sinh voi. Chuyện mất mùa rồi cũng qua đi. Vì ruộng đồng Đất Sét có biết bao vụ mất mùa như thế.

Vợ chồng anh Rác đang lo chuyện thiếu ăn thì có đợt cấp phát lại ruộng đất. Điều này có nghĩa nhà nào thêm miệng ăn sẽ được cấp phát thêm ruộng, nhà nào có người chết hay chuyển đến nơi khác sẽ bị bớt ruộng. Vợ chồng anh cho là nhà mình đã gặp may. Đêm nằm chị kéo tay anh ắp lên cái bụng đang mang thai của mình, và khen ông Ruông :

-Cha mình tài thật. Hễ trời sinh voi thì trời cũng sinh cỏ.

Anh vân vê bụng chị, và tính toán :

-Theo đợt cấp phát trước, nhà mình bốn nhân khẩu được ba sào, tính ra một nhân khẩu gần một sào. Đợt này năm nhân khẩu, có ít mấy cũng được ba sào rưỡi.

Người lo việc hộ tịch hộ khẩu của địa phương đến nhà ông Ruông để làm kê khai nhân khẩu.

Ông Ruông nói :

-Số miệng ăn cũ vẫn giữ y. Chỉ thêm con vợ thằng Rác đã có chữa.

Chị Rác bổ sung :

-Có chữa đúng tám tháng. Tức còn một tháng mười ngày nữa thì sinh.

Thấy người lo việc hộ tịch hộ khẩu cười, chị Rác hỏi :

-Khai thế có gì chưa đúng hay sao?

-Dạ không có chi

Ông ta đáp. Và mang sổ bộ sang nhà khác.

Anh Rác hỏi ông Ruông :

-Cha có nghe nói kỳ này bình quân nhân khẩu là bao nhiêu không?

-Theo tao, cao lắm là như mức cũ. Bởi làng mình đẻ dủ quá, mà ruộng đồng Đất Sét chẳng đẻ thêm khoảnh nào.

Như thế là ý ông Ruông trùng hợp với ý của anh. Anh phấn khởi trừ tính với chị làm như chuyện cấp phát ruộng đất đã thực hiện xong :

-Ráng gia tăng phân lạt, ba sào rưỡi ruộng mỗi vụ sẽ được vài tạ lúa. Ba vụ gần nửa tấn . Tức đủ lúa ăn cho năm nhân khẩu.

Ông Ruông đi nhận ruộng về, bảo con trai và con dâu :

-Tao đoán không sai. Bình quân nhân khẩu kỳ này cũng y như kỳ cấp phát

trước. Tức nhà ta vẫn nhận lại ba sào ruộng cũ.

Anh Rác có vẻ sốt ruột lắm :

-Năm nhân khẩu cũng nhận ba sào như cũ, sao cha bảo là như kỳ trước?

Ông Ruông nói :

-Con lũ bay còn nằm trong bụng mẹ, kiếm đâu ra năm nhân khẩu.

Chị Rác cãi :

-Trước sau con cũng đẻ, sao lại không tính là năm nhân khẩu?

Ông Ruông lại phải giảng cho vợ chồng anh ấy hiểu.

-Nhân khẩu là chữ mượn của nước Tàu. Nhân có nghĩa là người, còn khẩu có nghĩa là cái miệng. Nói gọn lại, nhân khẩu dùng trong chuyện cấp phát ruộng đất là để chỉ miệng ăn. Con lũ bay hiện thời còn nằm trong bụng mẹ, tức là chưa biết ăn, nên không thể tính là nhân khẩu.

Thấy vợ chồng anh ấy cứ ngồi lăm lè ngó mặt nhau, ông Ruông phải giảng thêm :

-Còn nằm trong bụng mẹ có nghĩa là chưa có mặt ở ngoài xã hội, có nghĩa chưa phải là nhân khẩu.

Sự thật, bấy giờ ông Ruông có giảng đến khô cổ, vợ chồng anh cũng chẳng còn muốn nghe. Cả hai đều cảm thấy như có sự sục đổ ở trong lòng. Nếu trời sinh voi sinh cỏ như ông Ruông nói thì vợ chồng anh đã nhận được một phần ruộng nữa rồi.

Sau đó thì ông Ruông lo đọc sách, không còn nghĩ đến chuyện cấp phát ruộng đất.

Nhưng vợ chồng anh Rác thì không thể không nghĩ.

Đêm nằm chị kéo tay anh ấp lên cái bụng mang thai sắp sinh, than :

-Cũng tại cha, vợ chồng mình mới đẻ nữa. Trời sinh voi sinh cỏ đâu chẳng thấy. Chỉ thấy sắp tới thì thêm miệng ăn.

Chị Rác lại sinh con trai nữa. Thằng nhỏ bụ bẫm lắm. Ngày nào thằng Cỏ cũng hỏi mẹ đặt tên em là gì. Nếu bình thường, anh chị ấy đã hỏi ông Ruông về chuyện đặt tên cho con. Đằng này, mãi đến hôm cúng đầy tháng, hương án đã bày, thằng nhỏ vẫn chưa có tên.

Ông Ruông hỏi :

-Lũ bay không đặt tên con hay sao, chẳng thấy nói gì hết?

Anh Rác nói:

-Ruộng nhận không được, sắp đói đến nơi, tên với tuổi làm gì. Nhưng theo cha thì đặt cho nó tên gì.

Ông Ruông quyết giữ âm vang của cuộc cách mạng thi ca mười mấy năm trước, nên bảo :

-Anh nó là Lê Cỏ, thì nó là Lê Cỏ em.

Chị Rác đặt chè xôi lên mâm cúng, lâu bầu :

-Anh cũng cỏ, em cũng cỏ. Sắp tới không đủ gạo nấu, phải ăn cỏ thay cơm cũng nên.

Kiểu nói năng của vợ chồng anh Rác khiến ông Ruông nghĩ vợ chồng anh bất mãn ông nhà nước trong chuyện cấp phát ruộng đất. Nên liền sau đó ông triệu tập cả vợ chồng ngồi nghe ông giảng.

-Kể từ khi con người xuất hiện trên trái đất thì đất đai trở nên quý giá. Lũ bay thử nghĩ coi. Nhờ đất, con người mới có lúa gạo để ăn, mới có chỗ để ở, khi chết mới có chỗ để chôn. Do vậy mới có chuyện chiến tranh giành đất, chiếm đất trong lịch sử loài người. Thậm chí anh em ruột thịt trong nhà cũng tranh giành đất đai với nhau. Hễ còn con người thì còn vấn đề làm chủ đất đai. Chuyện này giảng ra rộng lắm. Tao lấy nước Trung Hoa cổ ra làm tỉ dụ để lũ bay hiểu được tới đâu thì hiểu. Là vào khoảng thế kỷ thứ 8 trước công nguyên, giới quý tộc của triều Tiên Hán ở Trung Hoa chiếm đoạt hầu hết đất đai trong nước, dân tình phải chịu cảnh đói khổ. Vương Mãng đánh đổ triều đại ấy, lập triều đại mới là triều Tân, quốc hữu hóa ruộng đất, đem chia đều cho dân. Nhưng rồi đám viên chức của guồng máy nhà nước này đông quá, sinh tham ô, bê bối, những ý hướng tốt đẹp ban đầu đã mất, chỉ còn xảy rập những chuyện đê hèn. Triều Hậu Hán thay triều Tân, trở lại với chế độ tự do chiếm hữu đất đai. Tư hữu, rồi công hữu, rồi lại tư hữu. Phải nói là đất đai đập mình trong chuyện thay đổi chủ. Nay thì lũ bay đang sống trong thời đại dân chủ. Tức là dân làng Dầu mình đang làm chủ ruộng đồng Đất Sét.

Anh Rác cắt ngang ông Ruông :

-Làm chủ gì thằng Cỏ em chỉ còn một tháng mười ngày nữa là sinh vẫn không nhận được ruộng?

-Đó là luật kinh tế con ạ. Nếu đợt cấp phát chậm đi một tháng mười ngày thì nhất định thằng Cỏ em đã nhận được ruộng. Nhưng ông nhà nước đâu biết lũ bay ăn nằm với nhau lúc nào mà chờ.

Chị Rác liền lên tiếng :

-Nhưng cũng tại cha đẩy thôi.

-Tại tao chuyện gì?

-Thì tại cha bảo trời sinh voi sinh cỏ, lũ con mới đẻ thằng Cỏ em.

Tới lúc đó ông Ruông mới vỡ lẽ con trai và con dâu ông khúc mắc với ông, chứ không phải với ông nhà nước. Thì ông chỉ dẫn câu tổng kết của dân gian cho bọn nó nghe, chứ nào có một hai bảo bọn nó phải đẻ nữa.

Thằng Cỏ em một tuổi rưỡi vẫn chưa biết đi. Vợ chồng anh Rác quyết định bán bầy gà lấy tiền đem con đi tỉnh gặp bác sĩ.

Bác sĩ hỏi thằng bé đau sao.

Chị Rác khai :

-Một tuổi rưỡi mà chưa biết đi. Hiện thời thì mỗi bữa ăn hết một chén cơm đầy. Chỉ chan sơ chút canh rau muống là ăn hết ráo.

Bác sĩ khám xong, nói:

-Thằng bé bị thiếu dinh dưỡng trầm trọng.

Chị Rác nói

-Thiếu dinh dưỡng trầm trọng là sao, xin bác sĩ giảng cho rõ hơn.

Bác sĩ giảng :

-Tức là thiếu quá nhiều những thứ bổ dưỡng mà một đứa bé cần phải ăn mới phát triển được. Như trứng, sữa, cá, tôm, các thứ thịt bò thịt heo, và các thứ trái cây. Ăn đủ chất thằng bé sẽ đi được thôi.

Nghe chị thuật lại lời bác sĩ, anh bảo :

-Tưởng đau chi, chứ thế vợ chồng ta cũng biết. Nhưng lấy tiền đâu ra để ăn những thứ bổ dưỡng đó.

Chị Rác lại than :

-Nếu bán bớt lúa nữa nhà sẽ không đủ gạo nấu. Cũng tại cha mình nên mới có cảnh ngộ hôm nay.

Nhưng ông Ruông thì quyết không để cho câu tổng kết của dân gian mất uy thế, nên đã gọi riêng anh Rác bảo :

-Con là con trai của Lê Ruông, nên không thể để con trai của con đã một tuổi rưỡi mà không biết đi. Cha làm cách mạng được, thì con cũng làm cách mạng được.

Chợ phiên làng Dầu năm ngày nhóm một lần. Phiên chợ nào người ta cũng thấy anh Rác lẫn quần ở mấy hàng cá hàng tôm. Chị Rác hỏi, anh Rác không nói. Ông Ruông không hỏi, nhưng ông biết chuyện gì sắp xảy ra. Cho đến hôm thấy anh vác về nhà cùng lúc hai cây tre to, ông biết là ngọn lửa cách mạng đã bùng lên trong trí não con trai ông.

-Con đã nhận tiền cọc rồi. Đan rổ nò cho mấy người buôn bán cá biển ở chợ phiên làng mình.

Anh Rác thông báo với cha.

Ông Ruông liền tham gia ý kiến :

-Nếu như người khác đan rổ nò chạy chợ hai lần là hư, thì con phải đan sao chạy chợ ba lần mới hư. Làm được thế, những người buôn bán cá ở những chợ khác đều tìm đến mua rổ nò của con.

Anh Rác làm y như lời ông Ruông. Và hiệu quả cũng y như lời ông Ruông. Vốn mua tre không đáng kể. Tiền thu được chủ yếu là công sức của anh.

Lập tức, ngọn lửa cách mạng từ anh Rác lan sang chị Rác, chị nói :

-Ở làng Hạ người ta mới mở lò nung gạch, đang cần công nhồi đất, làm khoán, ăn theo sản phẩm. Nếu có người trông thảng Cỏ em, đi làm ở đấy, kiếm cũng được khá tiền.

Anh Rác lập tức phân bổ lại lao động gia đình : Thằng Cỏ thôi việc coi bò, ở nhà, chuyên lo việc trông coi thảng Cỏ em (bấy giờ thì nó đã biết lừa cặp bò cày ra gò Tháp ăn cỏ). Còn anh thì vừa đan rổ nò, vừa coi bò.

Mấy tháng sau, vào một buổi chiều hôm, chị Rác ở lò gạch về, áo quần lấm lem đất, đói gần rã ruột mà cũng nở được nụ cười rất tươi khi thấy thảng Cỏ em chạy ra đón.

Anh Rác nói :

-Bảo trước khi đi làm chiều phải ăn chút gì, không nghe, giờ đói đi không

nổi như thế.

-Đói đâu mà đói.

Chị Rác lại cười, và ôm hôn con.

Ông Ruông nói :

-Giờ thì lũ bay tin tao chưa? Trời sinh voi sinh cỏ.

Đến lúc ấy vợ chồng anh Rác mới thấy phục cha mình sát đất.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
TINH HOA CỦA MỘT DÒNG HỌ

Trong cuộc cách mạng kinh tế gia đình, anh Rác đã không phân việc cho ông Ruông. Ai đời con lại đi sai bảo cha, nên anh xử sự thế là phải. Nhưng thằng Cỏ hứng lên là bỏ em một mình, chạy chơi hàng xóm. Thành thử ông Ruông mặc nhiên trở thành người chuyên giữ trẻ. Anh Rác muốn cho con trai mình một trận đòn để nó biết là phải có làm mới có ăn. Nhưng ông Ruông không cho đánh cháu, ông nói :

-Cuộc cách mạng nào cũng xảy những sự việc ngoài dự định. Với lại, cha nói cho con nghe, không phải trời sinh thằng Cỏ để giữ em. Hồi bằng tuổi nó, con cũng ham chơi như nó. Có điều này thì con phải biết : Ảnh hưởng của cách mạng là khủng khiếp lắm. Đã ở vào nơi xảy ra cách mạng thì không cách nào thoát khỏi ảnh hưởng của nó. Tỉ như khi làm cuộc cách mạng kinh tế cho nhà mình, con đã loại cha ra ngoài. Nhưng giờ con thấy đây, guồng máy cách mạng do con tạo ra đã cuốn hút cha vào vị trí cũng then chốt chẳng kém vị trí của con.

Quả tình ông Ruông bị cuốn hút vào việc trông coi thằng Cỏ em. Đúng hơn là bị cuốn vào cái thế giới của đứa cháu đang bắt đầu học tiếng người (Thì chẳng phải ông cũng đã bị cuốn vào thế giới của thằng Cỏ anh đấy sao)

Câu hỏi đầu tiên ông hỏi thằng Cỏ em :

-Cháu của ông tên là gì ?

-Cỏ.

Nó đáp. Lập tức ông hiểu ra đứa cháu nội thứ hai của ông đang thừa hưởng thứ thành quả tinh thần vô cùng to lớn do ông để lại. Cháu ông đã gọi đúng âm vang của cuộc cách mạng thi ca của ông. Cứ mỗi sáng, khi vợ chồng anh Rác giao thằng Cỏ em cho ông để đi làm, thì câu đầu tiên ông hỏi nó : Cháu của ông tên gì? Và âm vang cuộc cách mạng ấy lại vang lên : Cỏ.

Thằng Cỏ em quả đã mang lại cho ông Ruông niềm vui không gì sánh nổi. Nhưng khi nó mà hợp lại chơi với thằng anh nó, thì lũ chúng quần ông đến bã mình. Một thằng thì tiếng người tương đối thông thuộc. Một thằng thì mới bập bõm đâu vài ba tiếng. Thằng Cỏ anh là thằng nói dai. Khi muốn thay đổi chỗ chơi, nó rút vô tai ông cả trăm bận : Đi chỗ khác chơi đi ông. Thằng Cỏ em không muốn di chuyển, mà không biết nói, thì cứ ôm riết cả hai chân ông. Đến lúc thằng Cỏ em muốn di chuyển thì thằng Cỏ anh lại không muốn. Phải nói, ngày ngày bị hai thằng cháu trì kéo, hai cánh tay ông có vẻ như dài ra. Nhưng sau đây mới là chuyện đại sự.

Thằng Cỏ anh bắt ông làm trọng tài cho anh em nó chơi trò Một Hai Ba (còn gọi là đánh tù tù). Một hai ba... cái gì dơ ra. Dơ bàn tay xò ra, là cái bao. Dơ hai ngón tay trở và giữa ra, là cái kéo. Dơ năm tay ra, là cái búa. Thằng Cỏ anh là quá thành thạo với những thứ vật dụng tượng trưng ấy. Nhưng thằng Cỏ em thì như từ trong buổi rậm nhảy ra. Trước khi làm trọng tài, ông còn phải làm huấn luyện viên. Con cháu nhà họ Lê của ông quả là rất sáng trí. Một hai ba, ông hô, và lúc dơ ra cái bao, lúc cái kéo, lúc cái búa, thằng Cỏ em làm theo, trúng hết.

Trước khi vào cuộc, thằng Cỏ anh hỏi em mình :

-Mày thắng, thì tao công mày. Còn tao thắng, mày có công tao được không ?

Ông Ruông nói :

-Phạt cách khác đi cháu. Vì em con còn nhỏ, công con không nổi đâu.

Thằng Cỏ em nghe bốn cái răng chó ra cười.

-Cười là nó đồng ý. Chơi là phải sòng phẳng đó nghe.

Thằng Cỏ anh nói. Và hô một hai ba.

Tất nhiên là thằng Cỏ em phải thể hiện tài làm theo của nó. Tức, thằng anh nó dơ ra cái gì, nó dơ ra cái nấy. Theo luật, cái bao thắng cái búa, cái búa thắng cái kéo, và cái kéo thắng cái bao. Nhưng ở đây hai đứa cùng đưa ra những thứ giống nhau.

-Huề.

Ông Ruông tuyên bố.

Thằng Cỏ anh lập tức phản đối:

-Không phải huề.

Ông Ruông hỏi :

-Thế, theo cháu thì đứa nào thắng?

-Cháu thắng. Vì lần nào cháu cũng dơ ra trước, còn nó thì chỉ bắt chước.

-Không phải bắt chước đâu. Đây là do em cháu muốn tỏ ra mình cao thượng đấy thôi.

-Nhưng cao thượng là sao?

-Tức là nó không muốn thắng cháu, để cháu khỏi phải công nó.

-Không phải. Nó là đồ chưa biết chơi một hai ba.

-Nhưng ông là trọng tài, ông cứ chiếu theo luật chơi mà xử.

-Giờ cháu chẳng cần luật nào hết. Lần nào cháu cũng dơ ra trước, còn nó chỉ làm theo, tức là cháu thắng nó.

Không biết thằng Cỏ em có hiểu chút nào không, nó lại nhe bốn cái răng chó ra cười.

-Cười là nó thừa nhận nó thua. Ông cứ hỏi lại nó coi.

Thằng Cỏ anh nói.

Ông Ruông hỏi :

-Anh cháu nói thế có đúng không, hờ cháu của ông?

Thằng Cỏ em liền đáp :

-Cỏ.

Ông Ruông cảm động đến rơi nước mắt. Thật ông không ngờ tinh hoa của dòng họ Lê nhà ông lại sớm phát tiết ở thằng Cỏ em như thế.

Nguyễn Thanh Hiện

Người đánh cắp sự thật

DỊCH ÁI TÌNH

Phải. Ông Ruông hát mà câu hát cứ gợi ông nhớ đến một khúc sử cùng vị tổ phụ của mình, ông Hai Mười Ba. Theo ông, mười tám lá xoài không phải mười tám chiếc lá xoài, mười hai lá mít không phải mười hai chiếc lá mít, mà thân con gái tuổi mười tám tuổi mười hai như lá mít lá xoài trong gió. Thằng Cỏ em ngủ đã mùi. Nằm trên võng với cháu, ru cháu ngủ rồi thì đọc sách. Đó là cách ông kết hợp việc đọc với việc chăm sóc cháu. Lẽ ra ông đã thôi hát để đọc sách. Nhưng lại thấy thích ngâm nga câu hát mà ông cho là thuộc về khúc sử ấy :

Gió đưa mười tám....lá xoài

Mười hai lá mít ...

Ông Ruông chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ :

Thời ấy, những cuộc hôn nhân có màu sắc chính trị như thế xảy ra nhiều nơi trên thế giới. Nói đâu xa, trước đây, vào năm 1228, vua nhà Trần cũng đã gả công chúa Ngoạn Thiềm cho Nguyễn Nộn, người đã chiếm cứ cả vùng Đông Ngàn, Bắc Giang để chống lại nhà Trần, và vào năm 1285 thì gả công chúa An Tư cho thái tử Thoát Hoan, con vua Nguyên, Trung Hoa, lúc quân Nguyên xâm lấn Đại Việt. Ở bên châu Âu, những cuộc hôn nhân xảy ra giữa các công quốc thường là để thêm vây cánh hay thêm đất đai. Chẳng hạn, Henry II của nước Anh (1133-1189) khi còn là công tước xứ Normandy đã cưới Eleanor (1122-1204), con gái công tước William xứ Aquitaine và là hoàng hậu của vua Pháp Louis VII (1137-1180) vừa mới li dị chồng , nên khi làm vua nước Anh ông đã được cai quản một vùng châu Âu rộng lớn là vương quốc Angevin. Nhưng đối với đám dân miền sông Tượng núi Tượng thì việc vua Champa Sinhavarman III (Chế Mân) cưới công chúa Huyền Trân của nhà Trần nước Đại Việt là chuyện lạ. (Sử ghi: Mùa xuân tháng ba năm 1301 vua Trần Nhân Tông đi chơi các địa phương,

sang Chiêm Thành, ... mùa đông tháng mười một từ Chiêm Thành trở về. Năm 1306 vua Chiêm Thành Chế Mân cho mang sính lễ sang nước Đại Việt để rước công chúa Huyền Trân, theo lời hứa của vua cha Trần Nhân Tông) Thời bấy giờ con trai con gái khác châu khác quận mà cưới nhau đã là chuyện khó xảy ra. Đằng này lại là con trai nước Champa cưới con gái nước Đại Việt. Miền sông Tượng núi Tượng cách kinh đô Vijaya vài ba mươi dặm. Khi nghe chuyện ai cũng bảo là huyền hoặc. Đến chừng có lệnh hết thảy phụ nữ các châu quận quanh kinh thành Vijaya phải về kinh để lo việc bánh trái cho đám cưới của vua thì mọi người mới tin là thật. Vua lệnh là lệnh đám phụ nữ về kinh để làm bánh ít lá gai cho cô dâu Đại Việt ban tặng thần dân Champa trong ngày cưới. Nhưng bọn con trai miền sông Tượng núi Tượng là bọn hiếu kỳ, đã dẹp việc cày bừa sang một bên, hòa theo đám phụ nữ về kinh đô để xem cho biết con gái Đại Việt đẹp đến mức nào mà vua Champa đã bỏ ra hai châu quận làm sính lễ. Phải, ngoài vàng bạc châu báu, vua còn trích bớt hai tỉnh ở biên giới phía bắc Champa là châu Ô châu Ri làm sính lễ cưới công chúa Huyền Trân.

Quan lo việc lễ tân có vẻ cảm động lắm khi thấy tiến đến chỗ ông đám người phụ nữ có thanh niên có, gánh theo lĩnh khính những đường, nếp, lá gai, lá chuối, tức những vật liệu để làm bánh ít lá gai.

Ông nói :

-Vua chỉ triệu lũ người đến làm bánh, chứ đâu có bảo mang về kinh những thứ đó. Nhưng thôi, đây là tấm lòng của thần dân, ta sẽ tâu lên vua để ban khen.

Thực ra đây là mưu mô của đám con trai miền sông Tượng núi Tượng. Bọn họ về kinh cốt để xem mặt Huyền Trân, nhưng bề ngoài thì nói là để dâng các sản vật đó lên vua.

Chắc các nhà chép sử đã quên, hay cho là không đáng chép, nên đã không thấy chép :

Một là, một văn hóa về ăn uống đã nảy sinh từ đám cưới của vua Sinhavarman và công chúa Huyền Trân, về sau đã được miêu tả trong văn

chương dân dã (Muốn ăn bánh ít lá gai. Lấy chồng Bình Định cho dài đường đi. Bình Định là châu Vijaya xưa)

Và hai là, một bệnh dịch đã xảy ra trong đám cưới ấy. Có điều là bệnh dịch ấy nhanh chóng phát sinh và cũng nhanh chóng dập tắt.

Hoá ra đám con trai ở các miền châu quận khác quanh kinh đô Vijaya cũng đổ về kinh để xem cô dâu Đại Việt. Bọn họ giúp đám phụ nữ giã bột, giã lá gai, gói bánh, nấu bánh. Khói đun bánh và hương thơm của nếp tỏa khắp châu thành. Phải nói vùng ngoại vi châu thành Vijaya trong những ngày ấy đã toát lên một vẻ đẹp thăng thất. Bởi trước đó thì nơi đây chỉ là những gò đất màu ba dan buồn bã, giờ bỗng mọc lên những ngôi nhà dài lợp lá cau lá dừa, tuy là tạm, nhưng vẫn toát lên nét kiến trúc Champa ở từng cột chống, ở từng nuốt cột, ở từng mái lá, mà bên dưới nó lúc ban đầu chỉ là nơi để làm bánh ít lá gai, nhưng thật ra là một thế gian thu nhỏ. Những nghi thức xảy ra lúc công chúa Huyền Trân vào đến hoàng cung vua Sinhavarman chắc cũng giống với nghi thức cưới của các vua chúa các nước khác thuộc thời trung cổ, xin miễn bàn. Ở đây chỉ thuật lại những gì đã xảy ra kể từ lúc Huyền Trân ban tặng bánh ít lá gai cho mọi người.

Thay vì cúi rạp tung hô, đám thần dân ở đây lại chen nhau lên phía trước, hoặc rướn cổ lên, để được nhìn tận mặt cô dâu Đại Việt, lúc vua Champa và công chúa nhà Trần bước vào lễ cưới. Đám tì nữ của công chúa bưng những mâm bánh đầy tiến đến bên vua và công chúa.

-Thật xứng công vượt đường dài nghìn dặm đến quê chồng để được ăn miếng bánh này.

Huyền Trân nói, nhoèn cười. Rồi dịu dàng cắn một miếng bánh ít lá gai. Rồi im lặng (chắc là để chiêm nghiệm vị ngon của bánh) .

Sau đó, nàng bốc một chiếc bánh khác, nhẹ nhàng lột hết lớp lá bên ngoài, và đút vào miệng vua.

Vua Sinhavarman cũng cắn một miếng bánh ít, chậm rãi nhai, rồi nói :

-Nếu đặt ngai vàng sang một bên thì ta cũng là một thần dân Champa. Giờ thì hoàng hậu yêu quý của ta hãy ban tặng cho những thần dân khác.

Huyền Trân cùng đám tì nữ của mình bước vào giữa đám người đang chen lấn nhau. Lúc đầu, chính tay công chúa ban tặng bánh cho mọi người.

Nhưng sau đó, vì mệt, đám nô tì phải thay nàng làm công việc ấy. Lập tức đám con gái Đại Việt ấy bị xô đẩy vào giữa đám con trai các châu quận.

-Hãy để bọn chúng vui chơi thỏa thích.

Huyền Trân nói, ngã đầu lên vai Sinhavarman lúc vua đến để đưa nàng về lại hoàng cung.

Cả đám nô tì của Huyền Trân cả đám con trai các châu quận cùng hô to :
Đức vua vạn tuế, hoàng hậu vạn tuế.

Dường ngọn sóng tình từ đôi uyên ương vương giả đã lan sang bọn họ. Bấy giờ không còn chuyện tặng bánh, nhận bánh. Đám phụ nữ Champa gảy đàn pro. Còn đám nô tì của công chúa Đại Việt và đám trai làng các châu quận thì nắm lấy tay nhau nhảy múa

Có thể một kẻ thức giả nào đó cảm cảnh gái trai, hoặc một anh trai làng lém lỉnh nào đó đã nghĩ ra cách lấy từ những áng thi ca dân dã (đã có sẵn) những từ những đoạn, để lắp ráp thành câu hát cho hợp tình hợp cảnh.

Đám nô tì của công chúa Đại Việt thì hát : Gió đưa mười tám lá xoài mười hai lá mít lạc loài tới đây.

Đám trai làng các châu quận thì hát : Tới đây thì ở lại đây, chùng nào bén rễ xanh cây mới về.

Tiếng đàn hát ngân nga suốt ngày đêm hôm ấy. Đêm, từng đôi gái trai dắt tay nhau đi dưới bầu trời kinh đô yên ả. Cứ một anh trai làng thì dắt theo một nữ tì Đại Việt. Chẳng biết có cưới nhau được không, và bao giờ mới cưới được, nhưng bọn họ cứ việc trù tính chuyện cưới nhau. Chẳng ai ngờ cuộc hôn nhân có màu sắc chính trị như thế lại sản sinh ra một biến động trần gian thơ mộng như thế. Một thứ dịch ái tình đã bùng phát trong đêm động phòng hoa chúc của vua Champa và công chúa nhà Trần. Những lời ái ân đầy chất viễn xứ được nói ra trong đêm hôm ấy thì không bút mực nào tả hết. Chỉ thử chép lại đây cuộc tình tự giữa một anh trai làng miền sông Tượng núi Tượng và một nữ tì của công chúa Huyền Trân.

-Núi Tượng sông Tượng là có gần kinh đô không?

-Cũng gần. Đi hơn buổi đường.

-Nhưng em thì chưa biết tên anh.

-Cứ gọi là anh Hăm Ba

- Hăm Ba là sao?
 - Tức là Hai Mười Ba. Còn tên của em?
 - Dạ tên là Nô Tì
 - Tên nghe hay như tiếng đàn pro.
 - Chỉ làm những việc lật vật như bưng cơm bưng nước cho công chúa mà hay gì.
 - Té ra là vậy. Mà nhà em có nuôi bò không?
 - Dạ em không có nhà. Em đương ở là nhà của công chúa.
 - Thế muốn làm đám cưới thì làm ở đâu?
 - Em cũng chẳng biết nữa. Có điều...
 - Sao?
 - Sính lễ cưới em chắc là cao.
 - Cha mẹ anh có mấy sào ruộng trên đồng Đất Sét.
 - Nhưng anh cũng biết, sính lễ cưới công chúa là hai châu. Thì sính lễ cưới em có ít mấy cũng nửa châu hay một huyện.
- Xin mở ngoặc ở đây một chút. Là người ngoài nhìn vào sẽ nói vua Sinhavarman của Champa phóng khoáng hơn vua Henry của nước Anh. Sinhavarman bỏ ra đất của hai châu Ô, Ri để được người vợ nước ngoài. Nhưng Henry cưới bà hoàng vừa li dị chồng ở nước ngoài là để được đất Aquitain (người ta còn nói về sau, khi có chuyện lung củng trong nhà, Henry còn bắt giam Eleanor vào tu viện Fontevrault) Nhưng anh chàng Hai Mười Ba miền sông Tượng núi Tượng thì còn phóng khoáng hơn cả Sinhavarman (nếu không muốn nói là phóng khoáng hơn tất cả những ông vua phóng khoáng) Bởi cuối cuộc tình tự đêm hôm ấy, anh đã đi đến quyết định như sau :
- Nhất định anh sẽ đem cả bò trâu, cày bừa, nắng mưa của trời đất làm sính lễ để cưới em.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
SỰ BẤT TỬ

-Ông là tay giỏi bịa chuyện.

Sau khi nghe ông Ruông đọc cho nghe chuyện vị tổ phụ thứ hai mươi ba của nhà họ Lê, ông Rường bảo.

Ông Ruông nói :

-Những chuyện không chính mắt trông thấy thì cũng dễ nghĩ là chuyện bịa. Nhưng ông thấy thế nào về con người đó ?

-Con người nào?

-Ông Hai Mười Ba.

-Một kẻ do ông tưởng tượng ra thì bảo tôi nghĩ thế nào?

-Cứ cho là thế. Nhưng tôi lại muốn biết ông nghĩ sao về con người đó.

-Muốn cưới một nữ nô lệ của một công chúa thì phải đem cả nắng mưa của trời đất ra làm sính lễ ?

-Phải.

-Nếu có một người như thế thì vĩ đại quá.

Ông Ruông cũng không ngờ chuyện ông Hai Mười Ba lại kích động ông Rường đến mức như thế.

Sau những phút im lặng (chắc là để lắng nghe những xáo động trong lòng), ông Rường bảo :

-Giờ ông hãy đi với tôi.

-Ông định bảo tôi đi đâu?

-Cứ đi rồi sẽ biết.

Hai người ra khỏi xóm làng, đi về phía núi Tượng. Ông Ruông nhớ thử thì đã gần ba năm qua ông và ông Rường không còn vào núi Tượng để tìm các loại rễ cây rừng chữa bệnh nhức mỏi. Con người từng bị mang tiếng là rất háo danh đó định chứng tỏ với mọi người đôi chân mình vẫn còn khỏe như thời đi lính cho Tây. Ông Ruông nghĩ. Và tức cười thầm.

Tới gò Tháp thì hai ông bị thằng Cỏ anh chặn lại :

-Ông nội với ông Hai vào núi, có phải không?

-Đi đâu kẹ bọn tao, mắc chi mày tra gạn.

Ông Rường bảo.

Nhưng thằng Cỏ đã chạy đi gom bò (lùa bò vào núi ăn là niềm thích thú của nó trong những ngày theo bò)

Ông Ruông vội vói theo cháu :

-Trời đã trưa rồi, không được lùa bò vào núi đâu.

Tối hôm đó thì cuộc cải tổ kinh tế của anh Rác đã chuyển sang một nội dung mới. Anh thôi đan rổ nò. Cả hai vợ chồng đều đi làm cho lò gạch. Vì làm gạch thì thu nhập cao hơn đan rổ nò. Thế là thằng Cỏ anh lại quay lại việc chăn cặp bò cày. Để có thể thay việc chăn bò cho thằng anh, ngay từ bây giờ thằng Cỏ em phải luyện tập cho có tình cảm với bò, bằng cách theo cha mẹ đến lò gạch, nơi có sẵn nguyên liệu, để tập nắn những con bò bằng đất.

Ông Ruông không còn kiêm nhiệm việc giữ cháu. Nên ông Rường có rủ ông vào ở hẳn trong núi cũng chẳng hề chi.

Nhưng mới đến chỗ đầu con đường vào núi, ông Rường dừng lại :

-Giờ thì ông đã biết là ông và tôi đi đâu rồi.

-Đến đất Ông Rường.

-Phải. Đã mấy chục năm qua, bất kỳ ai làm chủ mảnh đất này cũng đều gọi đất này là đất Ông Rường. Nên hôm nay đứng ở chỗ này, tôi dám tuyên bố với ông là tên tuổi của Phan Rường này đã trở nên bất tử.

Đây không phải lần đầu ông Rường nói đến mảnh đất do ông khai vỡ. Hễ có dịp là ông lại đem mình ra ví với các bậc tiền hiền lập đất lập làng. Nhưng bữa đó là do bị kích động thế nào ấy, ông lại đưa ông Ruông đến đó để tuyên bố như thế.

Ông Ruông nói :

-Quả tình cả vùng sông Tượng núi Tượng này ai cũng biết đây là đất Ông Rường. Nhưng người các nơi khác chắc là chưa biết. Nên ông cũng nên xem xét lại là tên tuổi ông đã bất tử hay chưa.

-Còn xem xét chi nữa. Lúc khai vỡ xong đất này thì tôi làm trang trại nuôi gà. Gà bị dịch chết, tức mình lắm, tôi mới bỏ đất cho cỏ mọc. Làng lại lấy làm đất sản xuất nuôi quân kháng chiến chống Pháp. Chẳng phải bấy giờ

mỗi lần ông vác cuốc đi làm sản để nuôi quân thì nói là vào đất Ông Rường? Rồi làng lại cất trường bình dân học vụ ở đó. Bây giờ ông là thầy giáo. Mỗi lần có ai hỏi ông dạy ở đâu thì chẳng phải ông bảo là dạy trường bình dân học vụ ở đất Ông Rường?

Như vậy là dưới bầu trời nhiều mây của buổi sáng tháng tám, mùa thu (có lẽ là trời sắp mưa), ông Rường đã bắt ông Ruông cùng đi với ông, từ đầu trên xuống tới đầu dưới, từ đầu ngoài vào tới đầu trong, có nghĩa là đi dọc rồi đi ngang trên mảnh đất do ông khai phá tự hồi đi lính Tây về, vừa đi ông vừa nhắc lại bao nhiêu sự kiện đã xảy ra trên đất ấy. Hai ông đi tới đâu thì đám dê bỏ chạy tới đó. Vì bây giờ đất ấy là khu vực nuôi dê, một trong những đơn vị sản xuất của khu kinh tế mới núi Tượng.

(Sau các sự kiện lập khu sản xuất nuôi quân và cất trường bình dân học vụ là các sự kiện khác được ông Rường nhắc đến : Dân quân du kích làng Dầu lập trường tập bắn súng bằng gỗ trên đất Ông Rường. Tỉnh đem phim chiến thắng Điện Biên Phủ về chiếu ở đất Ông Rường cho dân các địa phương phía nam huyện đến xem, người xem đứng tràn ra tới đồng Đất Sét. Trận đánh đầu tiên giữa quân giải phóng và quân quốc gia là xảy ra trên đất Ông Rường. Chính quyền quốc gia lập khu đồn dân trên đất Ông Rường, để đưa dân làng Dầu vào đó. Lính Nam Hàn lập đồn bót trên đất Ông Rường, lúc ấy thì dân làng Dầu đang trồng cây sản ở đó. Cờ quốc gia thì cắm ở chỗ chợ làng Dầu, còn cờ giải phóng thì cắm ở đất Ông Rường lúc có hiệp định Pari. Chính quyền cách mạng đã lấy đất ông Rường làm thí điểm tổ sản xuất vòng công đổi công. Hợp tác xã nông nghiệp ở làng Dầu trồng thí điểm cây sản trên đất ông Rường với mục đích sản xuất tinh dầu sản xuất khẩu. Ngành nông nghiệp tỉnh cho địa phương làng Dầu trồng thử cây mía giống mới ở đất Ông Rường, thứ giống mía có sản lượng rất cao so với giống mía cũ. Thanh niên làng Dầu làng Hạ và làng Gàu đã làm sân đá bóng tròn ở đất ông Rường để hưởng ứng phong trào thể dục thể thao, sau khi thôi, không còn trồng mía ở đây, và trước khi có khu kinh tế mới núi Tượng)

Như vậy là dưới bầu trời sắp có mưa của buổi sáng mùa thu hôm ấy, con người có vẻ rất thiết tha với sự bất tử đã làm ông Ruông cảm động thực sự,

ông nói :

-Đất Ông Rường quả là một cuốn sử của miền sông Tượng núi Tượng. Một cuốn sử chép bằng đất. Dĩ nhiên là tên ông đã thành bất tử. Có điều, những sự kiện xảy ra trên mảnh đất mang tên ông thì chỉ những người ở đây mới biết, nên sự bất tử có tính chất cục bộ.

-Có nghĩa là sao?

Ông Rường tỏ vẻ sốt ruột.

Ông Ruông nói tiếp :

-Tên tuổi ông dĩ nhiên sẽ được lưu truyền tới lớp con cháu sau này, nhưng chỉ là lớp con cháu của những người đã sống ở miền sông Tượng núi Tượng này. Nên sự bất tử ở đây là bất tử ở cấp độ làng xã.

-Ở cấp độ làng xã cũng được

Ông Rường nói.

Và trời đã bắt đầu rắc hạt.

Ông Ruông thấy ông Rường kéo áo lau mắt. Trong khi bối rối nghĩ cách làm sao tránh mưa, ông Ruông cũng không dám nói chắc là ông Rường kéo áo để lau nước mắt (vì xúc động) hay để lau nước mưa.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
MỘT VỊ VUA CHƯA CÓ THẦN DÂN

Bảo Lê Ruông này là háo danh, hay thích sự bất tử, là hoàn toàn lạc điệu. Có nghĩa lý quái gì những thứ chính bản thân mình chẳng thể có, mà chỉ là của người đời ban cho (Nếu không có kẻ nhìn thấy, tức nếu không có người đời, dẫu anh có làm ra vũ trụ này thì chính anh cũng chẳng biết anh là bất tử) Ta có mượn chuyện sử sách để tô điểm cuộc đời ta và cuộc đời các bậc tổ phụ của ta cũng chỉ là để trở nên nổi tiếng, hay trở nên vĩ đại, với đám con cháu nhà họ Lê chơi, thế thôi.

Khi nghiền ngẫm về bản gia phả truyền miệng của dòng họ nhà ta (dòng họ nhà ta đời nào cũng chí thú việc cày cuốc) , ta có giả dụ có một vị tổ phụ của ta đã ra làm vua, một ông vua trọng nông. Giả dụ thế để chứng tỏ rằng không phải tất cả các tổ phụ ta đều cầm cày. Vì một ông vua trọng nông cũng là kẻ chí thú việc cày cuốc. Không ngờ cách giả dụ ấy cứ lẩn quẩn mãi trong trí não ta. Hầu như ngày nào thì ta cũng nghĩ đến chuyện có một vị tổ phụ của mình đã làm vua.

Thế là vào một ngày không đẹp trời cho lắm, có nghĩa là vào một ngày cuối thu, bầu trời và cảnh vật có phần u ám nặng nề, ta đã quyết định để cho vị tổ phụ của mình lên ngôi vua. Ta quyết định thế vì mùa thu ở miền sông Tượng núi Tượng là mùa nghỉ cày bừa. Cây lúa đang đứng trên đồng, chờ trở bông. Tổ phụ ta đi thăm lúa trên đồng Đất Sét. Và từ nơi bờ ruộng ông bước lên ngai vàng.

...Tha thuế ruộng và thuế thân cho tất cả nông phu ở miền sông Tượng núi Tượng trong ba năm. Đem hết ruộng đất trong nước chia cho dân. Chỉ rừng với biển là thuộc về vua...

Ta đương phát họa giúp tổ phụ ta cương lĩnh trị nước thì chợt nhớ đến một điều, và nghe toát mồ hôi. Ta đã tôn phò một cách quá cầu thả. Từ bờ ruộng bước thẳng lên ngai vàng, tức là tổ phụ ta chưa có lúc nào kinh qua kinh sử. Thế thì làm sao làm vua cho nổi? Cũng may là ta chưa chép chuyện này vào Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ.

Cái khó là do bản gia phả truyền miệng gây ra. Con cháu nhà họ Lê sẽ căn cứ vào gia phả để cho rằng tất cả các tổ phụ của họ đều là nông phu. Một nông phu cầm cày cầm cuốc thì làm sao làm vua? Ta nghĩ nát óc. Hay để tổ phụ ta rời cày cuốc, làm công việc cầm ngọn cờ tụ nghĩa chống ngoại xâm, hay làm công việc lật đổ bạo quyền, lật đổ một thể chế chính trị thối nát, tức là làm cách mạng. Ngôi vua là được dựng lên trên chiến công. Cách này nghe ổn. Nhưng lại là chuyện thường xảy ra trong lịch sử nhân loại, không chắc gì sẽ làm cho đám con cháu họ Lê của ta coi tổ phụ mình là vĩ đại. Hay cứ để tổ phụ ta thùng thỉnh bước trên con đường khoa bảng? (con đường vẫn rộng mở ở các nước phong kiến phương đông) Con nhà cày cuốc mà do ráng học, tổ phụ ta đã đỗ trạng nguyên (tức là ta đã để cho tổ phụ ta đỗ đầu trong kỳ thi Đình, tổ chức tại triều đình) Nhưng trạng nguyên thì thường làm quan, chứ trong lịch sử của dân tộc Việt Nam ta thì chưa có ai làm vua.

Ta lại phải tiếp tục nghĩ ngợi. Phải nói là óc não của ta sắp nổ tung, ta mới nhìn thấy tổ phụ ta từ một huyền thoại có tính triết lý rất cao đang chậm rãi bước lên ngai vàng. Đường như là đương bước lên ngai vàng, chứ chưa ngồi vào ngai vàng thì phải.

Sự việc là thế này. Ngọc Hoàng (vua trời) sai sứ giả xuống trần gian truyền rằng loài người khi già thì lột da sống đời, còn loài rắn khi già thì chết. Nhưng sứ giả vừa đến trần gian đã bị loài rắn lừa đảo dọa sẽ cắn chết nếu không nói ngược lại lời của vua trời. Thế là, do sợ chết, sứ giả đã làm theo lời rắn. Có nghĩa nhân loại đã không được hưởng sự bất tử của trời ban. Tổ phụ ta chính là người đã giết chết loài rắn lừa đảo kia. Nhưng vua trời thì không thể sửa lại lời truyền ngược đã được truyền ra. Chỉ ban cho tổ phụ ta ngôi vua mười ngàn năm cho hợp với lời chúc tụng vạn tuế của trần gian.

Ta thấy lòng nhẹ tênh. Là việc thiên khải thì đám con cháu nhà họ Lê của ta sẽ không còn ngộ nào để bắt bẻ. Và ta cũng khỏi phải khổ công thảo giúp tổ phụ ta cương lĩnh trị nước như lần tôn phò trước đây. Nhưng rồi nghĩ lại, ta là kẻ từng đọc kinh sử mà không có lời nào trong việc làm vua của tổ phụ mình, là lỗi đạo.

-Thưa, tổ phụ định trị nước theo thể chế nào?

Ta hỏi thử.

Tổ phụ ta nói :

-Chuyện trên trời rơi xuống, ta đâu đã kịp nghĩ.

-Theo chỗ con biết, hiện nay trên thế giới có một số nước có vua. Nhưng nay là thời đại dân chủ, nên dù nước có vua cũng không gọi là nước quân chủ.

-Chuyện nước khác dính dáng chi tới chuyện làm vua của ta.

-Dạ phải. Con nói ra là để tổ phụ tính toán nên theo thể chế nào đó thôi.

-Trời cho bao nhiêu hưởng bấy nhiêu, còn tính toán gì.

Đúng ra là thế. Nhưng ta thì mưu toan làm sao cho tổ phụ mình chắc chắn trở nên vĩ đại với con cháu, nên ngoài phần thiên khảo, ta muốn có phần tham dự của mình. Ta bèn điểm lại các thể chế chính trị trong lịch sử nhân loại, coi thử thứ nào là phù hợp với mưu toan của mình. Có mấy thứ thể chế, không cần nghĩ cũng biết là đám con cháu họ Lê sẽ không chấp nhận, như tập đoàn trị, như độc tài bạo chúa chẳng hạn. Tất nhiên là theo xu thế hiện tại, tổ phụ ta không thể quay lại thể chế quân chủ cũ kỹ. Mà dân chủ xét cho cùng, cũng đã có tự thời cổ đại, như ở quốc gia đô thị Athen của nước Hy Lạp, chẳng hạn. Tất nhiên là dân chủ thời nay khác xa với dân chủ thời Athen. Thời Athen, theo sử sách, chỉ có dân tự do, tức không phải dân nô lệ, mới có quyền làm chủ đất nước. Còn thời nay, theo lý thuyết, mọi người dân đều có quyền làm chủ đất nước của mình. Nhân loại đã tốn rất nhiều máu xương trong bao nhiêu cuộc cách mạng mới có được thể chế chính trị hiện nay. Ta đã toan thừa với tổ phụ ta nên trị nước theo thể chế này, nhưng chợt nghĩ đến sự phản bác có thể xảy ra ở đám con cháu nhà họ Lê. Bọn chúng có thể sẽ nói rằng, còn guồng máy nhà nước (mà thể chế dân chủ thì không thể xóa guồng máy nhà nước) tức còn guồng máy cai trị, mà đã có cai trị thì phải có bị trị, tức phải còn có kẻ bị trị là người dân, mà đã bị trị thì làm sao làm chủ?

Ta liền thưa với tổ phụ ta :

-Trong hiện tại, thể chế dân chủ là tiến bộ nhất so với bất cứ thể chế nào trong lịch

sử. Nhưng con nghĩ trong tương lai nhân loại còn tiến bộ hơn, có thể con

cháu ta sẽ coi thể chế dân chủ là lạc hậu. Do vậy tổ phụ phải tính toán kỹ.

-Đã bảo chẳng tính toán chi hết. Trời cho ta làm vua thì ta làm vua. Thế thôi.

Phải nói là tổ phụ ta quá phóng khoáng trong chuyện làm vua. Vào một ngày đẹp trời, có nghĩa là vào một ngày đầu mùa xuân, cây cối trong vườn nhà ta loài nào bị gãy đổ trong mùa đông thì thôi, tất cả những thứ còn lại thì đương đâm chồi nảy lộc, vào một ngày như thế, ta quyết định làm lễ lên ngôi vua cho tổ phụ ta. Nhưng trong khi đang lúi húi sắp đặt các thứ, ta chợt nhớ ra một điều, là từ ngày lập nước đến lúc ấy, chỉ trừ những lúc bị nước khác xâm lăng, còn lúc nào thì đất nước Việt Nam ta cũng có chủ, tức là lúc nào cũng có nguyên thủ quốc gia, lúc thì gọi là vua, là hoàng đế, lúc gọi là quốc vương, lúc gọi là quốc trưởng, hay tổng thống, hay thủ tướng. Như vậy là không còn có chỗ để tổ phụ ta lên ngôi vua. Chỉ còn cách là lui ngày đăng quang về thời chưa có sử. Nhưng khổ nỗi ta đã chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ rằng thủy tổ nhà họ Lê là một trong những con trai của Au Cơ và Lạc Long Quân, có nghĩa dòng họ Lê ta chỉ mới bắt đầu từ thời sơ sử.

-Bị kẹt rồi, thưa tổ phụ

Nghe giọng hơi không bình thường của ta, tổ phụ ta cũng tỏ ra lo lắng.

-Bị kẹt gì?

-Dạ, dòng họ Lê ta đã trải qua bảy mươi sáu đời. Lúc thì làm con dân của Au Lạc, lúc là con dân của Chăm Pa, lúc là con dân của Đại Việt, rồi là con dân của Nam Việt (Nam Việt thời vua Gia Long) rồi của Việt Nam. Xét qua các thời, chỉ trừ những lúc bị xâm lăng, còn thời nào thì cũng có người đứng đầu trong nước. Do vậy phải chờ đến tương lai tổ phụ mới lên ngôi vua được.

-Trời cho ta ngôi vua đến mười ngàn năm kia mà. Năm tháng còn dài rộng, lo gì.

Thấy tổ phụ ta có vẻ lạc quan, ta nói luôn điều mình vừa nghĩ được :

-Có thể nói thiên đường của nhân loại thời nay là tương lai. Lý tưởng của cuộc sống là tương lai. Tức là như thế này : Người ta muốn làm sao cho hôm nay thì hơn hôm qua, ngày mai thì hơn hôm nay. Do vậy con muốn đề

xuất với tổ phụ là khi lên ngôi vua, tổ phụ sẽ trị nước theo thể chế Hậu Tương Lai.

-Đón đầu thời thế vậy cũng được.

Tổ phụ ta nói.

Ta dám tuyên bố với đám con cháu nhà họ Lê rằng tổ phụ ta là một minh quân.

Ở BÊN NGOÀI CHÂN LÝ VÀ SAI LẦM

Có một vị tổ phụ ông Ruông phải nghĩ đến gần cạn kiệt trí não mới nhìn thấy được:

Vị tổ phụ thứ mười bảy, sống vào hậu bán thế kỷ mười lăm.

Ông chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ :

Cuộc binh lửa xảy vào mùa xuân 1471. Sang mùa hạ, ta bắt đầu cuộc tìm kiếm tổ phụ của ta. Người làng nói với ta là họ không còn thấy ông Mười Bảy ở trong làng. Binh lửa quả có sức quyến rũ đối với thuyết Làm cho mặt đất không còn buồn tẻ như lúc chưa có loài người : Nó làm cho mọi sự như trở nên sinh động hơn. Cỏ cây đương một màu xanh tươi thì bỗng thêm vào màu úa héo. Người làng ta đang lặng lẽ với cày cuốc thì bỗng có nhiều người rời cuộc sống để chết, nếu không chết thì cũng hủy bỏ đi một phần thân thể, hoặc đạt đến một cuộc sống khác ở chốn khác. Ta không còn nghe tiếng vó ngựa, tiếng gươm dáo. Nhưng khi nghe những lời người làng nói ra, ta lập tức nhận ra những tầm nhìn mới. Người làng nói sắp tới thì những vị thần linh làng thờ phụng bấy lâu sẽ không còn cai quản họ nữa. Vì ông vua cũ đã chết thì các vị thần linh cũ cũng chẳng còn quyền hạn gì ở đây.

Ta nhìn về phía kinh thành Vijaya không thấy còn lửa khói, và bảo :

-Nay làng ta không còn thuộc nước Chăm Pa, mà thuộc nước Đại Việt, nên mọi thứ phải theo vua Đại Việt.

Người làng nói :

-Theo vua nào là chẳng sao cả. Vì theo ai thì cũng đi cày ruộng trên đồng Đất Sét.

Điều này có làm ta bất ngờ. Hóa ra cuộc binh lửa nhằm tranh giành lãnh

thổ giữa Chăm Pa và Đại Việt là chẳng dính dáng chi với người làng ta. (Năm 1470 vua nước Chăm Pa, Trà Toàn, tiến đánh đất Hóa Châu của Đại Việt, thì năm sau, vua nước Đại Việt, Lê Thánh Tông, tiến đánh Chăm Pa, sáp nhập dải đất nam Hoá Châu vào nước mình)

Ta cho là tổ phụ ta hoặc đã chết trong binh lửa, hoặc đã trôi dạt đến một nơi nào đó. Nhưng ông già có vẻ am tường chuyện thế gian đã làm cho ta mất phương hướng trong việc tìm kiếm

-Giặc chưa tới làng, bọn ta đã giết nhau lên núi trốn. Khi yên giặc, quay về, mới rõ bọn họ không đáng sợ như thế.

Ông ấy nói.

Ta hỏi có phải ông nói về đám binh lính Đại Việt (lúc đuổi theo tàn quân vua Chăm Pa, Trà Toàn) đã tràn qua làng?

-Phải. Hóa ra giặc cũng cùng chết với binh lính của vua. Chết rồi thì thịt da cũng lạnh ngắt như thế. Đám binh lính của hai vua cùng nằm chết với nhau trên đồng Đất Sét và trên đường làng. Nằm bên nhau mà chết. Đi chôn bọn họ, bọn ta chẳng còn thiết xem ai là giặc, ai là người mình. Bởi thấy bọn họ thân thiết nhau như thế.

Ta hỏi có phải chỉ binh lính hai vua chết, còn người làng thì không?

Ông ấy nói :

-Việc binh lửa đâu phải ai cũng tránh kịp. Người làng chết cũng nhiều. Có người chẳng còn trông thấy xác. Có điều, bọn ta là những kẻ còn sống cũng chẳng phải truy cứu làm gì. Bởi chết ở chốn nào cũng thuộc cõi bình yên.

Như vậy là ta thôi, không đi tìm tổ phụ ta nữa. Không đi tìm nữa, nhưng trí não ta cũng chẳng được yên. Cứ cho là tổ phụ ta đã chết. Và lời ông già am tường chuyện thế gian là đúng. Nhưng mục đích cuộc tìm kiếm của ta không phải để được nhìn thấy sự bình yên, mà nhìn thấy sự vĩ đại của tổ phụ mình. Ta có mở ra cho tổ phụ mình một cuộc trốn chạy qua bên kia núi Cù Mông, lần mức cuối trong cuộc tiến chiếm Chăm Pa của vua Lê Thánh Tông. Trốn qua bên kia núi Cù Mông là từ chối làm người dân Đại Việt. Nhưng bất cứ cuộc trốn chạy nào cũng thuộc lĩnh vực thấp hèn của thân phận làm người. Và ta lại mở ra cho tổ phụ mình một con đường ngược lại. Nhập vào đoàn quân chiến thắng của vua Đại Việt. Con đường hình thành

theo một hồi cổ lịch sử. Dù gì thì tự những ngày xa xưa ấy, làng ta cũng nằm trên dải đất phía nam Ngũ Lĩnh, các vua Hán Trung Quốc gọi là đất của man di, và đã nhân danh khai hóa để áp đặt lên đó một nền cai trị man rợ. Có nghĩa, trước khi có nước Chăm Pa, làng ta là nằm trên dải đất Au Lạc kéo dài ra phía nam. Nếu như tổ phụ ta chọn con đường này là trở lại cội nguồn. Nhưng những người đã qua được bên kia núi Cù Mông sẽ coi ông là kẻ phản bội. Những giả thuyết ta đặt ra đều sụp đổ. Và cuộc binh lửa năm 1471 tựa một bóng râm lịch sử vẫn che khuất hình ảnh của tổ phụ ta. Nhưng ta là Lê Ruông, kẻ không đời nào muốn rời bỏ niềm kiêu hãnh, thì không thể thua cuộc.

Tám năm sau cuộc binh lửa, năm 1479, ta gặp nhà chép sử Ngô Sĩ Liên. Ông vừa mới làm xong sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, có vẻ còn nguyên niềm cảm hứng.

-Anh có biết sử là gì không?

Ông hỏi.

Và ta chưa có câu trả lời, ông đã tiếp :

-Là đem con mắt của người hôm qua để xem con mắt của người hôm nay. Thấy sử chép là chiến thắng chớ nghĩ chỉ toàn vinh quang. Thấy chép là chiến bại thì không hẳn là tui nhục. Thấy chép có công không hẳn là làm điều thiện. Còn khi thấy chép là run sợ thì chớ tưởng là hèn nhát.

Ta nói :

-Kẻ hậu sinh này nghe nói có người chép sử đã biến tiếng gầm của con hổ thành tiếng nói hoa mỹ của con người.

-Phải. Chỉ có con người mới có sử. Nên sử là thường hay chép theo cách của con người.

-Nhưng sao tiên sinh chỉ chép từ buổi khai sinh nòi giống đến vua lập ra triều Lê, mà không chép đến triều Lê đương thời?

-Buổi khai sinh nòi giống là đỉnh cao của dân tộc. Là đỉnh của ánh sáng. Nói đỉnh ánh sáng, hay nói bào thai rồng tiên cũng vậy. Chép tới đâu, hay chép tới chỗ nào, cũng chỉ là sự tiếp nối đỉnh ánh sáng ấy. Ánh sáng sinh ánh sáng. Ánh sáng sinh bóng tối. Ngày và đêm tiếp nối nhau. Ngày và đêm tương sinh. Ngày và đêm tương tàn.

Ta có cảm tưởng là ông đang trò chuyện với chính mình. Về con người này, ta cũng có biết đôi điều. Tám tháng sau được ghi tên vào bia đá ở Văn Miếu, ông đã được nhìn thấy cái chết của ông vua đã cho ông đỗ tiến sĩ, vua Lê Thái Tông, và cái chết của quan đại thần Nguyễn Trãi, vị quân sư lỗi lạc của Lê Thái Tổ (vua cha của Lê Thái Tông) trong việc tạo dựng triều Lê. Vua Lê Thái Tông chết sau một đêm ngủ ở vườn Lệ Chi với một người con gái tài danh. Còn Nguyễn Trãi chết với cái án tru di tam tộc vì có người vợ là người con gái tài danh đã ngủ với vua. Mười bảy năm ông ngồi im lặng nơi Ngự sử đài của triều Lê Nhân Tông, ông vua lên ngôi lúc một tuổi, là con ông vua đã chết ở vườn Lệ Chi, có mẹ là bà thái hậu Nguyễn thị, là vua đàn bà quáng mắt buông rèm coi chính sự. Mười bảy năm ông ngồi im lặng trong cảnh hiền tài là rường cột triều đình mà sạch không như quét đất, văn chương là khí vận của nhà nước mà im ắng tựa cỏ khô (nói theo sách Quang Thuận Trung Hưng Ký). Ông vẫn ngồi im lặng khi ông vua anh của đương kiêm hoàng đế là Lê Nghi Dân giết đương kiêm hoàng đế. Ông cũng vẫn ngồi im lặng khi ông vua em của đương kiêm hoàng đế là Lê Thánh Tông giết anh mình là Lê Nghi Dân. Nhưng Lê Thánh Tông đã mắng ông là gian thần bán nước, vì ông đã im lặng lúc Lê Nghi Dân giết đương kiêm hoàng đế Lê Nhân Tông. Vua Lê Thánh Tông mắng ông, nhưng vẫn sai ông chép sử. Ta biết là mình chẳng thể hỏi được gì ở con người này về ông Mười Bảy. Nhưng qua những lời ông, ta lại cảm nhận được hình dáng của tổ phụ ta.

Năm 1665, khi Phạm Công Trứ đã chép tiếp Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, ta lại lên đường tìm tổ phụ ta.

Đến lúc này, ta có cảm nhận không rõ ràng lắm về một chuyển động lịch sử đã xảy ra trong cuộc binh lửa 1471 : Thị dục con người nhân danh chân lý đã làm nảy sinh một sự dịch chuyển kéo theo cả con người lẫn chim chóc về phương nam, trong đó có ông Mười Bảy, tổ phụ của ta.

Lần này là ta đi về phương nam. Là lần theo dấu vết của con người, lần theo sử văn Sách Bản Kỷ Thực Lục, trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, của Phạm Công Trứ chép rằng bên kia núi Cù Mông có ba nước nhỏ. Lê Thánh Tông đã chia nhỏ ra thế để làm suy yếu Chăm Pa. Một nước Chăm Pa của

Bồ Tri Tri, vốn là một viên tướng của vua Trà Toàn. Một nước Hoa Anh. Và một nước Nam Bàn.

Ta ra đi vào một ngày yên tĩnh của lịch sử Đại Việt. Bấy giờ thì cuộc chiến giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn, cuộc chiến nổ ra từ hơn ba mươi năm trước đó, đang ở vào thời hưu chiến. Chúa Nguyễn Phúc Tần gặp ta ở đèo Cù Mông. Ông đang trên đường trở về kinh sau chuyến kinh lý các phủ huyện phía nam, chắc là khá vất vả, nên cả người lẫn ngựa đều nhuế nhọai mồ hôi. Chúa Nam Hà hỏi ta đi đâu. Ta nói là đi tìm vị tổ phụ của mình đã thất lạc trong cuộc binh lửa năm 1471.

-Đã gần hai trăm năm trôi qua, làm sao tìm cho ra?

Chúa hỏi.

Ta nói cứ theo sử văn mà tìm.

Chúa hỏi theo sử văn nào.

Ta nói đó là sách Bản Kỷ Thực Lục, là sách chép tiếp sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, do nhà soạn sử Phạm Công Trứ ở Bắc Hà soạn.

Chúa bồng gò cương ngựa, con ngựa hơi chồm lên, rồi vẩy mạnh đuôi.

-Là dân nước Nam Hà mà đi đọc sử sách của người nước Bắc Hà, ta e đã phạm sai lầm.

-Xin chúa thượng chỉ bảo cho kẻ hậu sinh này biết đã phạm sai lầm nào?

-Không những phạm sai lầm, mà còn là đem lòng không vua.

Chúa Nam Hà giận dữ nhìn ta, rồi quất ngựa đi

Còn lại một mình nơi núi đèo hiu quạnh, ta bỗng thấy đầu óc ta trống rỗng khác thường. Bỗng, chẳng còn muốn nghĩ tới thứ gì nữa. Ngay cả nghĩ ta là Lê Ruông đang đứng một mình nơi núi đèo, đừng nói chi là nghĩ tới nước tới vua. Tự dừng đầu óc ta như thế. Chứ nào phải như chúa Nam Hà nói là đem lòng không vua.

Ta nói với con ngựa già của ta :

-Này ngựa, có chi buồn hơn làm con dân một nước mà bị vua của mình mắng là phản quốc. Ta có đọc sử sách của người Bắc Hà cũng cốt để biết đường tìm tổ phụ ta, chứ chẳng có mưu bá đồ vương nào cả.

Ta thấy con ngựa già của ta khóc. Chẳng biết là do cảm động trước những lời chân thành của ta, hay là do tủi thân mà khóc. Ngựa là của đám khách

thương Thuận Hóa vào buôn tơ lụa ở miền sông Tượng núi Tượng. Chúa Nam Hà đang cho lính phủ lòng sức khắp nơi trong nước trưng thu những ngựa khỏe để bổ sung vào đoàn ngựa chiến của triều đình, chuẩn bị đánh nhau với chúa Trịnh nữa, nên trong dân chúng chỉ còn lại những ngựa già yếu. Ta thì cần một con ngựa ít tiền để đi phương nam. Còn đám khách thương Thuận Hóa vì buôn bán thua lỗ phải bán bớt ngựa. Do đó mới có việc ta là chủ con ngựa cái già ốm yếu ấy.

Ở chỗ xóm làng ngay chân đèo Cù Mông có ông lão có vẻ biết nhiều thứ đã làm tiêu tan những phiền muộn trong ta.

-Sao không cỡi mà giắt?

Thấy ta giắt ngựa ngang qua chỗ ông, ông lão thôi cắt cỏ, đến bắt chuyện.

Ta bảo ngựa cũng đã khá già yếu, sợ cỡi xuống đèo bị ngã.

Ông lão ngắm nghía ngựa, rồi nói :

-Đích thị là giống ngựa miệt bắc.

-Phải, đây là ngựa miệt bắc. Nhưng làm sao ông biết ?

-Thì do sống lâu mà biết nhiều thứ vậy thôi.

Ta cho là trời đã đưa đường chỉ lối để ta gặp được một người cần gặp, ta hỏi :

-Nhưng ông có biết nước Nam Bàn, nước Hoa Anh với nước Bô Tri Tri ở đâu không? (nước do Bô Tri Tri làm vua thì ta gọi tắt là nước Bô Tri Tri)

Ông lão lấy tay che một bên tai :

-Hãy nói lại cho ta nghe là nước nào với nước nào?

Ta nhắc lại tên của ba nước ấy.

-Lúc kể chuyện lập nước lập làng, hình như cha ta có nhắc đến tên mấy nước ấy. Nay nghe, mới đầu là bộ lạc, rồi sau mới có nước. Phải, ta nhớ ra rồi, mới đầu là bộ lạc Dừa với bộ lạc Cau.

-Là ông đang nói về các nước Nam Bàn, Hoa Anh và Bô Tri Tri ?

-Đã bảo là cha ta kể cho nghe nhiều thứ lắm, chứ không phải chỉ chuyện mấy nước đó đâu. Cha ta nói có một người còn biết nhiều hơn ông, biết đến hàng vạn chuyện cổ tích.

Ta nói là mình rất mong được giúp đỡ, để gặp được người biết đến hàng vạn chuyện cổ tích đó, để hỏi cho rõ hơn về các nước đó.

Ông lão có tỏ ngạc nhiên trước sự khẩn khoản của ta :

-Cần đến mức đó sao?

-Phải. Cần đến mức đó.

-Người biết nhiều cổ tích là ông nội ta, thì đã chết từ lâu. Nhưng ta biết là ở miệt này cũng còn có nhiều người biết chuyện cổ tích. Cứ tìm đến họ hỏi, chắc sẽ rõ mấy nước ấy thôi.

Ông lão nói.

Và trở lại với công việc cắt cỏ của ông.

Ta qua phủ Phú Yên, rồi phủ Thái Ninh, mất một trăm lẻ chín ngày. Tất cả những người ta gặp (cả những người biết chuyện cổ tích) đều nói rằng họ chưa bao giờ nghe nói đến tên mấy nước ấy. Theo họ, trên dải đất từ Phú Yên đến Thái Ninh (các chúa Nguyễn mới lấy từ tay người Chăm Pa) xưa kia có đến bốn nước chứ không phải ba nước như ta nói. Đó là các nước Pang đu rang ga, Pô na ga, Pan ran, và Bôn đa long. Nhưng nhiều người nói là Hoa ga chứ không phải Pang đu rang ga, là Bô na tri chứ không phải Pô na ga, là Nam ran chứ không phải Pan ran. Người bảo các nước đó tồn tại từ ba ngàn năm trước. Người bảo chỉ cách nay khoảng hai trăm hay gần hai trăm năm thôi. Đến ngày thứ một trăm lẻ chín, khi đến ngôi làng nằm phía đông vùng núi non ấy, con ngựa của ta bước không nổi nữa. (Từ khi qua khỏi đèo Cù Mông thì ngựa ta không cỡi, mà chỉ giắt) Ta nói với ngựa rằng, ta và người đã qua bao nhiêu làng mạc, qua bao nhiêu ruộng đồng, bao nhiêu sông suối, nói cho nhau nghe bao nhiêu chuyện, hơn ba tháng trời vui buồn có nhau, như thế là tri âm, tri kỷ rồi. Giờ thì ta còn phải tiếp tục đi tìm tổ phụ ta, mà người vì già yếu, không đi nổi nữa, nên buộc lòng ta phải để người lại chốn này.

Ta đã tặng con ngựa của ta cho một người trong làng, có kèm theo một ít tiền để nuôi dưỡng nó. Và đã căn dặn riêng người ấy :

-Nếu ngựa có chết thì xin hãy chôn cất kỹ lưỡng. Song, phải rán nuôi dưỡng, để may ra nó còn chữa đẽ được. Ngựa khôn mà tuyệt dòng thì uống lắm.

Vì cảm kích, người ấy không nhận tiền, mà còn tặng ta một cái móng gà trống trắng, vật gia truyền của dòng họ nhà ấy, để qua sông không sợ nước

cuốn, vào núi rừng không sợ rắn rít.

Dù còn lại một mình, có nghĩa không còn có ngựa để làm bạn đường, ta vẫn không từ bỏ quyết định đi vào vùng núi non ấy.

Vào một ngày có lũ chim rừng chuyện trò gần nơi ta nằm đói lã, ta đã nhận ra sự vĩ đại của mình. Ta đói lã vì suốt mấy hôm liền không gặp được nơi có người ở. Đi tìm một vị tổ phụ sống gần hai thế kỷ trước đã là vĩ đại. Nên chỉ có chết trong cuộc tìm kiếm này là nhân đôi sự vĩ đại của mình. Trong cơn đói lã, ta nghe tiếng trò chuyện của lũ chim rừng giống rất tiếng người. Dường như lũ chim đã sủi nước cho ta. Không phải là mơ, ta biết, vì cơn khát ở trong ta đã thật sự chấm dứt. Sau đó thì ta nghe như có những hạt cơm ở nơi miệng mình. Và ta ngấu nghiến nhai.

-Nó còn sống.

Ta nghe lũ chim rõ lên thế.

Và chính ý tưởng về sự vĩ đại có thêm cơm với nước vào đã khiến ta mở được mắt nhìn. Thì ra trong cơn lói lã ta đã nằm xuống ở một khu mộ táng của người miền núi. Và không phải là chim, mà là một lũ người miền núi đang vây quanh ta.

Khi ta đã đứng lên được, nhìn thấy một huyết mộ mới đào, cạnh đấy là đoạn gỗ rừng to bằng hai người ôm có dây buộc quanh, và linh khinh các thứ chiêng, ché, chén bát, cơm nước, ta liền hiểu điều gì đã xảy ra, ta nói :

-Nhờ đi chôn người chết, những người anh em đây đã trông thấy cứu sống ta. Ồn này lớn lắm. Coi như ta đã nợ anh em món nợ lớn.

Một người trong bọn họ chỉ cái quan tài bằng cây gỗ rừng :

-Nợ con ma rừng đấy, chứ không phải nợ bọn ta đâu. Lúc chưa chết, nó cũng là đứa tốt trong làng

Phải. Ta vừa ăn bớt phần cơm nước của người chết. Tức lấy bớt phần của cái người làng đã chia cho người chết mang theo.

Ta nói :

-Nợ người chết thì khó trả lắm. Song, sau khi tìm được tổ phụ của mình, ta sẽ tìm cách để trả thôi.

Bọn họ hỏi ta đi tìm tổ phụ của ta ở đâu. Ta nói đi tìm ở các nước Hoa Anh, Nam Bàn, và Bô Tri Tri. Bọn họ hỏi các nước ấy ở đâu. Ta nói là mình

cũng định hỏi bọn họ về các nước ấy.

-Đi hỏi thử rừng núi nó có biết không, chứ bọn ta thì chịu.

Bọn họ nói.

Ta chưa có được chút tin tức gì về các nước này thì có kẻ rình rập ta.

Sáng ấy, sau khi ra khỏi khu làng mình đã ngủ nhờ qua đêm, ta cứ theo bờ con suối ấy mà đi. Đi được một quãng thì phát hiện có kẻ rình rập mình. Tưởng ta không nhìn thấy, kẻ kia cứ việc men theo bờ suối để đi song hành với ta. Có nghĩa, ta đi ở trên bờ, còn kẻ kia thì đi ở dưới lòng suối, chỉ cách nhau gang tấc. Các loài giống trên mặt đất này là thường hay rình rập hại nhau. Song, trong trường hợp ấy coi như công việc tìm kiếm của ta đã bị cản trở. Ta quyết định phải đối mặt với kẻ kia, để hai mặt một lời cho ra lẽ. Ta nghĩ, và bước thật mau. Thì thấy kẻ kia cũng bước mau lên. Điều này chứng tỏ là kẻ kia quyết bám theo ta. Tới một đoạn bờ suối không còn cây rừng che rợp, ta đã quyết định dừng lại. Dưới ánh mặt trời của buổi sáng hôm ấy, ta và kẻ rình rập ta đã đối mặt nhau.

Ta nói :

-Ta đường đường là kẻ đi tìm tổ phụ của mình, chẳng làm điều chi ám muội. Giả như người muốn giết ta vì hiểu lầm ta, hoặc muốn giết ta để làm thức ăn cho loài giống người, thì giữa thanh thiên bạch nhật cứ việc hạ sát ta, có chết, ta cũng còn nể mặt người. Đằng này, người đã theo rình rập ta suốt một buổi đường.

Ta chẳng muốn gởi đến kẻ ấy một thông điệp luân lý nào hết. Mà chỉ muốn làm cho kẻ ấy phải nghĩ ngợi về loài giống mình mà thôi.

-Rình rập kẻ khác là người đã tự làm nhục loài giống của người, biết chưa ?

Ta hét, dội cả bốn phía núi.

Có thể, con hổ thấy ta không phải kẻ nguy hiểm đối với loài giống của nó, hoặc đã nhận ra đâu là chân lý, đâu là sai lầm, nên đã cụp đuôi bỏ đi.

Chiến công trên cũng chẳng mang lại chút hứng thú nào, vì cuộc tìm kiếm của ta gần như vô vọng. Tất cả những người ta gặp ở vùng núi non ấy đều bảo ta đi hỏi thử núi rừng về các nước ấy. Chính là buổi trưa nằm ở bờ con suối có tiếng thác đổ, tiếng gió gào, tiếng chim rừng từng lúc rộ lên, ta đã nhận ra sự dịch chuyển của ngôn ngữ tự nhiên. Nằm nghe một chập thì

tiếng chim nghe thành tiếng gió, tiếng gió thành tiếng thác. Ta ngồi bật dậy, thét to lên trong trí não rằng, Pan du rang ga đã chuyển thành Hoa ga, rồi thành Hoa Anh, Pô na ga đã chuyển thành Pô na tri, rồi thành Bô Tri Tri, Pan ran đã chuyển thành Nam ran, rồi thành Nam Bàn, hoặc thành những thứ na ná như thế. Ngay trưa hôm ấy ta quyết định quay về, vì biết rằng mình đã bị lạc vào trong sự dịch chuyển của ngôn ngữ con người.

Rồi ta bị mất ngủ vào một đêm mùa hạ thuộc hậu bán thế kỷ hai mươi. Con trai ta, thằng Rác, đã làm ta mất ngủ. Sau một ngày làm lụng cật lực, đêm nó vừa ịch xuống giường đã ngủ say, rồi nằm mơ. Chẳng biết là nó mơ thấy những gì, cứ ú ớ nói ra những lời không phải nghe là hiểu. Ta định đánh thức nó, nhưng lại thôi, vì làm cha mẹ không nên can thiệp con cái những việc như thế. Dường thằng con trai ta trò chuyện với ai đó. Tất nhiên không phải trò chuyện với vợ con nó. Bởi lũ vợ con của nó đều đang ngủ say. Trong mớ ngôn ngữ đầu ngô mình sờ đó ta chỉ nghe được mấy tiếng không sao không sao. Nhưng chính là cái không sao ấy đã làm cho ta không sao ngủ được. Khoảng quá nửa đêm ta nghe có tiếng te te đánh trên đồng Đất Sét. Đây là loài chim rất thính hơi người. Nên te te đánh trên đồng Đất Sét có nghĩa ở đó có người. Trí não ta có nghĩ ngợi nhiều, nhưng chẳng thể nghĩ ra ai vào giờ ấy còn ở trên đồng. Ta nghe tiếng te te mỗi lúc một gần. Điều này thì có nghĩa có ai đó từ đồng Đất Sét đi vào làng. Bỗng tiếng chim im bật. Lát sau ta thấy ông Mười Bảy bước vào nhà.

-Hãy yên. Chớ để đứt dòng suy nghĩ.

Ông đứng ở cạnh giường của ta, ra hiệu cho ta hãy nằm yên.

Ta nằm yên trên giường chiêm ngưỡng vị tổ phụ mình đã tìm kiếm suốt bấy nhiêu năm. Và đấy cũng chính là thời khắc ta hiểu ra trong bấy nhiêu năm ta đã bị lạc vào

cuộc chơi của lịch sử. Lẽ ra đến lúc đó ta không nên hỏi tổ phụ ta bất cứ điều gì. Thì còn hỏi chi nữa khi đã biết suốt mấy trăm năm qua tổ phụ ta vẫn cày ruộng trên đồng Đất Sét. Nhưng rồi ta lại cứ phải nói ra, không nín được, cái câu hỏi đã từng làm trí não ta gần như cạn kiệt :

-Thưa, mấy trăm năm qua thì tổ phụ ở đâu ?

Nguyễn Thanh Hiện

Người đánh cắp sự thật

NGƯỜI HÁI LƯỢM

Tiếp sau đêm anh Rác làm ông Ruông mất ngủ, hầu như đêm nào anh ấy cũng nằm mơ và kêu không sao không sao. Dường như là cùng một giấc mơ ấy đã lập đi lập lại trong giấc ngủ của anh. Bởi đêm nào ông Ruông cũng thấy xảy ra cùng cách thức ấy: Lúc đầu là buông những lời không phải nghe là hiểu, rồi tiếp đến là kêu không sao không sao. Có đêm xảy đến hai ba bận như thế. Có bị mất ngủ thật, song, ông Ruông nhất định không can thiệp vào chuyện của con. Ông cho là ban ngày con trai ông phải lo làm lụng cật lực, chỉ có đêm, trong giấc ngủ, mới có thì giờ phác họa những công việc làm ăn mới. Cứ để cho con ta biến những giấc mơ thành hiện thực. Ông đã quyết định để anh Rác, con trai ông, tròn quyền trong công việc làm ăn kể từ ngày anh ấy đã làm được một cuộc cải tổ kinh tế gia đình nhằm tăng chất bổ dưỡng cho thằng Cỏ em, đã làm cho nó từ một đứa bé không biết đi thành đứa bé biết đi. Sau thành công vô cùng quan trọng này, anh Rác đã có những bước đột phá trong làm ăn. Nếu như thằng Cỏ em trở nên tàn tật, không đi được, mà chỉ lếch, thử hỏi anh chị ấy có đủ bình tĩnh để sống và nghĩ được những gì mới mẻ không? Nhưng khi anh quyết định bán bớt một con bò đực cày thì chị tỏ ra hết hoảng. Là do mẹ lũ nhỏ chỉ thấy cái lợi trước mắt đó thôi. Anh nói. Thằng Cỏ anh thì không phải vì chỉ thấy cái lợi trước mắt, mà vì tình cảm của nó đối với con bò. Cứ thử hình dung. Vào các buổi sáng sớm, thằng Cỏ anh tháo cồng chuồng, con đực Nu và con đực Mạ bước ra sân (tên lũ bò là do thằng Cỏ anh đặt từ hôm nó bắt đầu chần thả chúng) Sáng nay ra ruộng nghe con, thằng Cỏ anh nói, nếu sáng đó là buổi cày. Hoặc, sáng nay ra gò Tháp nghe con, nếu sáng đó không phải buổi cày. Dĩ nhiên là lũ bò nhiều tuổi hơn thằng Cỏ anh, vì lúc sinh nó thì đã có lũ bò rồi. Nhưng vì chúng là bò, nên thằng Cỏ anh đã xếp chúng vào hàng con cái của nó. Và dĩ nhiên là thằng Cỏ anh không thể để được lũ bò, nhưng nó tự coi mình là còn hơn cả cha mẹ lũ chúng. Nó đang chăm lo việc đói no của một loài chỉ biết nghe mà chẳng biết nói năng. Vào

cuối các buổi chăn thả, trên đường trở về nhà, thằng Cỏ anh có cỡi bò, hoặc là cỡi con đực Nu, hoặc cỡi con đực Mập, nhưng không phải cỡi bò vì thích ngồi trên lưng kẻ khác, hoặc để cho cậu ai bảo chăn trâu là khổ được rõ nghĩa. Ngồi trên lưng con bò mà thằng Cỏ anh phải dặng cả hai chân mình ra hai bên hông no cảnh của con bò là lúc nó thấy tự hào về vai trò chăn dắt của nó. Còn như phải khuyên rằng, phải ráng ăn nghe con, là lúc con bò còn đói. Nó chỉ có cách khuyên rằng lúc thấy bò còn đói, chứ chẳng thể gặm cỏ giúp cho bò, vì biết rằng mình không phải là loài gặm cỏ. Hết ngày này qua ngày khác, những chuyện như thế cứ lập đi lập lại, riết rồi làm sản sinh một thứ vô hình, nhưng vô cùng sâu nặng, trong thằng Cỏ anh, gọi là sự thân thiết với bò. Cho nên khi người lái bò đã ngã giá xong với anh Rác (phải mất gần cả buổi sáng mới ngã giá xong) chỉ còn giao tiền và dắt con đực Nu đi, thì thằng Cỏ anh đã đến ngồi ngay trước cổng chuồng, ngồi theo kiểu những người biểu tình ngồi nhằm phản đối một chính sách nào đó của một chính phủ nào đó. Chẳng nói lời nào, nhưng tất nhiên là chị Rác đang ngầm ủng hộ việc làm của thằng Cỏ anh. Còn anh Rác thì dường đang định áp dụng một biện pháp quân sự nào đó đối với con trai mình (có thể là dùng tay hoặc dùng roi để đét vào đít nó) vì trong quá khứ thằng Cỏ anh cũng có nhiều hành vi gọi là ngỗ nghịch. Mà có đứng lên không Cỏ? Nhưng anh Rác mới vừa nói thế, ông Ruông đã nhảy vào cuộc. Khi đã gọi vợ chồng anh và người lái bò lên đầu hè trên, cho xa chỗ thằng Cỏ ngồi, ông Ruông mới bắt đầu làm công việc trọng tài kinh tế của ông.

-Người mua không thể về tay không, vì đã mất một buổi làm ăn ở đây. Người bán cũng không thể dẫm lên tình cảm con trai mình, để cho người mua lừa con đực Nu đi. Tao biết thằng Rác muốn thay con bò đực bằng con bò cái để kiêm nhiệm luôn việc cày và việc đẻ. Cho nên việc mua bán phải diễn tiến lại thế này. Anh lái bò sẽ lừa tới đây một con bò cái tơ chính hiệu, có nghĩa là chưa đẻ lần nào, để đổi con bò đực. Giá con bò đực thì đã có rồi. Chỉ còn định giá con bò cái tơ. Cũng cứ theo thị trường bò mà bàn bạc với nhau. Điều chủ yếu là không được làm công việc đổi chác trước mặt thằng Cỏ anh.

Anh Rác nói :

-Cha tính thế nghe cũng tiện. Nhưng khi mất con đực Nu, thằng Cỏ anh lại nằm vạ trước cổng chuồng.

Ong Ruông nói :

-Đoạn sau đó thì để tao lo.

Buổi cày hôm đó, mắc bò vô cày xong, anh Rác liền cho thằng Cỏ anh về nhà, chứ không đợi đến măn buổi như thường lệ. Trưa, bò về, thằng Cỏ anh không thấy con bò đực Nu đâu, mà chỉ thấy một con bò cái lạ đi cùng con bò đực Mạp, thì la ối óng :

-Ba lừa lằm bò nhà ai rồi, nhất định là không phải bò làng mình.

Ông Ruông chỉ chờ đến lúc ấy, ông nói :

-Những chuyện khác cháu tỏ ra thành thạo. Nhưng riêng chuyện dòng họ con bò đực Nu coi như cháu mù đặc.

Lập tức thằng Cỏ anh xông vô tra gạn ông Ruông :

-Ông nói dòng họ con đực Nu là dòng họ nào?

-Thì dòng họ của bò chứ dòng họ nào.

-Cháu chưa hiểu?

-Con đực Mạp là em ruột con đực Nu. Còn con bò cái đó là em ruột con đực Mạp.

-Làm sao ông biết?

-Thì chính tay ông mua lũ nó ở làng Hạ mà sao không biết. Hiện thời mẹ lũ nó đã già, cần có đứa con trai lớn để nương tựa. Do vậy mà chủ cũ lũ nó muốn đổi con em nó đến đây, để con đực Nu về ở với mẹ

Những ngày sau đó, thằng Cỏ anh cũng hay nhắc đến con đực Nu lắm. Nhưng cô em gái của nó là đứa hiền lành, lại gặm cỏ rất chăm, nên dần dà con bò cái ấy cũng đã thay được chỗ anh nó trong tình cảm thằng cu Cỏ. Mai một thì chuồng bò nhà tao có thêm con bò nghé. Thằng Cỏ anh luôn nhắc chuyện này với lũ bạn như niềm tự hào của nó đối với con bò cái. Chính cái mai một đầy hứa hẹn này đã khiến chị Rác, thôi, không còn nghĩ đến chuyện một con bò cái thì không thể thay cho một con bò đực trong việc cày bừa (Vì ngoài việc cày mấy khoảnh ruộng nhà, đôi bò cày của anh Rác còn đi làm ăn thêm là cày thuê ruộng người khác) Con bò cái ấy sẽ đẻ ra một con nghé cái. Rồi con nghé cái con con bò cái ấy sẽ đẻ ra một con

nghe cái. Rồi đến lượt con nghe cái cháu con bò cái ấy cũng sẽ đẻ ra một con nghe cái. Cứ thế. Chị Rác thôi, không còn bất đồng ý kiến với anh Rác, vì đã nhìn thấy được một tương lai tươi sáng. Cái tương lai ấy cũng sắp xảy ra rồi, vì con bò cái đã đến thời động đực. Chị Rác chờ. Anh Rác chờ. Chuồng bò nhà tao sắp có con bò nghe. Thằng Cỏ anh lại đi khoe với lũ bạn. Nhưng dường có sự trắc trở đang xảy ra. Con bò cái cứ tiếp tục động đực. Hết kỳ động đực này lại đến kỳ động đực khác. Chỉ anh Rác mới biết chuyện này. Còn chị Rác thì không.

Ông Ruông kêu riêng con trai :

-Không phải tại thằng cha lái bò. Không phải tại con. Cũng không phải tại con bò mẹ đã đẻ ra con bò cái ấy.

-Con biết. Con bò cũng giống con người vậy thôi. Có người cả đời chẳng đẻ lần nào.

Anh Rác nói với cha.

Và đi bàn bạc với chị Rác :

-Nói cho mẹ lũ nhỏ hay là ta phải bán con bò cái ấy thôi, vì đã mua nhằm một con bò cái nâng.

Cái tương lai có vẻ tươi sáng vừa hình thành trong mắt chị Rác lúc ấy rơi lả tả.

-Giờ tính sao hở cha lũ nhỏ?

-Nuôi bò đẻ không được thì ta chuyển sang nuôi heo đẻ. Tiền bán con bò cái là dùng để cất chuồng heo với mua ba con heo giống, còn bao nhiêu là để mua cám.

Nếu như là trước đây, có thể chị Rác sẽ bảo ông cha mình đi đường nào giờ mình cũng phải đi đường đó, đi đường khác là chết. Có nghĩa, chị sẽ bảo anh phải mua lại một con bò đực. Vì theo truyền thống cha ông để lại, nông tang là phải có ruộng với đôi bò cày thật vững. Nhưng lúc bấy giờ thì đầu óc chị đang trong tình trạng suy sụp, nếu không nói là rối ren, nên chị chỉ hỏi được mỗi câu ấy.

Mấy người thợ đến làm chuồng heo đã thử chiết tính cho chị Rác nghe : Một con bò nếu chữa đẻ bình thường mỗi năm chỉ đẻ một lần, mỗi lần chỉ đẻ một con nghe. Trong khi một con heo nái mỗi năm đẻ tới hai lần, mỗi

lần đẻ có thể lên đến vài chục con.

-Bán con bò cái nâng lấy tiền nuôi heo nái là làm ăn có khoa học.

Bọn họ nói.

Làm ăn có khoa học thì từ lâu chị Rác cũng đã nghe nói đến nhiều. Nhưng chỉ đến lúc ấy chị mới bắt đầu thấy thấm hiểu. Cứ cho mỗi lần một con heo nái chỉ đẻ mười con. Mà heo thì chỉ sáu tháng tuổi là bắt đầu chữa đẻ. Như thế trong sáu tháng nữa chị sẽ có trong tay một bầy heo con ba mươi con. Phải nói, nếu không có bầy heo con này thì chẳng biết đến lúc nào chị Rác mới ra khỏi tình trạng suy sụp.

Mỗi lần đến giờ thả bò, thằng Cỏ anh cứ lẩn quẩn trong nhà. Nó đòi phải trả lại cho nó con bò cái, em con bò đực Nu, nó mới chịu đi thả bò (anh Rác cũng đã lừa thằng Cỏ anh để bán con bò cái như hồi bán con bò đực Nu) Yêu sách ấy chỉ chấm dứt khi chị Rác phác họa cho nó thấy cảnh mấy chục con heo con vui đùa chạy nhảy ở trên sân.

-Heo con có ăn cỏ không hở mẹ?

-An cám là chính. Nhưng cũng ăn được cỏ.

Thằng Cỏ anh chỉ hướng tới cái viễn cảnh nhân bản, chứ không như mẹ nó là hướng tới viễn cảnh kinh tế. Có nghĩa, từ lúc nghe chị Rác mô tả đàn heo đông vui thế, thằng Cỏ anh bắt đầu nghĩ đến ngày chính tay nó lừa con bò đực Mập với mấy chục con heo con ra gò Tháp để tự tay nó chăm lo việc đói no của chúng.

Suốt thời gian lũ heo mang thai, chị Rác không còn bị chuyện cũ ám ảnh, chuyện con bò cái bị nâng không chữa được. Nhưng lại lo lắng cho chuyện sinh đẻ của chúng. Như chị từng nếm trải, đẻ một lần một đứa mà đã thấy đau thấu trời, huống hồ ở đây là đẻ đến hằng chục đứa. Là do mẹ lũ nhỏ đem việc sinh đẻ của con người ra so với việc sinh đẻ của heo mà đâm lo đấy thôi. Phải. Đến lúc lũ heo đẻ xong, cả ba nái đều mẹ tròn con vuông, chị Rác mới nghiệm ra lời anh Rác. Trời sinh con người thì chữa đẻ thế. Còn lũ heo thì chữa đẻ thế. Cho nên, con heo con, con của nái đẻ đầu tiên vừa chào đời, chị Rác đã nghĩ đến việc cúng ông Chuông, vị thần theo truyền thống ở làng Dầu có nhiệm vụ bảo hộ đám vật nuôi heo, bò.

Hóa ra đám ăn cúng ông Chuông ở nhà anh Rác lại biến thành cuộc hội

thảo khoa học. Thì cũng mấy người cày ruộng trên đồng Đất Sét với anh Rác chứ ai khác đâu. Nhưng là do đám con của ba nái heo mới sinh đã làm nản nguồn cảm hứng trong bọn họ. Ở làng Dầu có nhiều người nuôi heo nái đẻ. Nhưng chẳng ai dám bán một con bò để lấy tiền nuôi heo đẻ như anh Rác. Bán con bò cái lúc đã cày xong vụ ba. Sáu bảy tháng sau mới có vụ xuân, cũng là lúc anh ấy có trong tay một bầy heo con. Bán bầy heo con để mua lại con bò cày. Còn mấy con heo nái mẹ thì cứ tiếp tục chữa đẻ.

-Nuôi con vật nào đẻ nhiều con hơn là làm ăn có khoa học.

Sau khi phân tích đường đi nước bước trong làm ăn của anh Rác, bọn họ đã đi đến kết luận như thế.

-Hay là thằng Rác hãy bán đám heo đi để nuôi gà. Vì lũ heo phải sáu tháng mới đẻ một lần, trong khi lũ gà thì tháng nào cũng đẻ từ mười đến mười lăm cái trứng.

Ông Rường đến ăn cúng ông Chuồng cũng tham gia bàn bạc với đám trai trẻ trong làng. Chủ định của ông là cho vui thôi. Nhưng về sau, câu ấy cũng đã góp một phần quan trọng trong cuộc chuyển đổi làm ăn của anh Rác.

Lũ heo con chỉ vui đùa chạy nhảy trong mấy ngày đầu, vì sau đó thì con nào cũng phải lo đối phó với chuyện ỉa chảy.

Anh Rác thấy lo.

Nhưng chị Rác nói:

-Con nít đứa nào cũng sọt sọt suốt ngày thế.

Chị đã đem kinh nghiệm nuôi lũ thằng Cỏ ra áp dụng cho việc nuôi heo. Cứ nghe mấy tiếng sọt sọt suốt ngày rất miền sông Tượng núi Tượng cũng đủ hình dung cảnh ỉa chảy của lũ heo con. Nhưng anh chị ấy lại không hình dung được hậu quả của việc sọt sọt suốt ngày. Khi thú y đến nhà chích thuốc ỉa chảy cho lũ heo con thì lũ chúng không còn mút vú mẹ nổi, đừng nói chi việc đi đứng. Chỉ trong vòng không đầy nửa tháng, lũ heo con đã lần lượt từ giã mẹ chúng để về nơi an nghỉ cuối cùng. Lũ thằng Cỏ khóc vì mất đám bạn nhỏ, tuy là heo nhưng cách nghịch ngợm trong vui đùa lại rất hợp ý hai đứa nó. Còn chị Rác khóc vì công cuộc làm ăn coi như bị gãy gánh giữa đường. Một nửa tiền bán bò để mua cám cho heo đến lúc đó là hết. Thị trường bò heo bấy lâu cũng ổn định. Có nghĩa lúc đó bán ba con

heo nái thì có thể mua được nửa con bò. Nhưng anh Rác quyết định không mua lại bò.

Đến lúc này ông Ruông mới thảo luận với anh Rác, một cuộc thảo luận có tính cách sinh tử đối với anh ấy. Không phải ông tham gia vào kế hoạch làm ăn, mà là bổ sung một kiến thức cơ bản vô cùng cần thiết cho việc làm ăn của con. Có, ông cũng có hỏi thử sắp tới anh Rác sẽ làm gì, thì anh bảo là bán hết heo để lấy tiền nuôi gà. Có nghĩa anh đang theo phương thức chăn nuôi vẫn áp dụng bấy lâu ở miền sông Tượng núi Tượng, là hết nuôi bò thì chuyển sang nuôi heo, hết heo thì chuyển sang gà, và tất nhiên hết gà thì quay trở lại heo hay bò, một vòng chăn nuôi khép kín, bất tận.

-Nhưng con đã biết mình là ai chưa?

Anh Rác cho là cha mình có sự lầm lẫn nào đó mới hỏi vậy.

-Con là do cha mẹ sinh ra, là Lê Rác, chứ sao không biết.

-Đấy là cái gốc của con. Nhưng từ ngày trưởng thành, cho đến bây giờ, chắc chắn là con chưa biết mình là ai.

Ông Ruông nói.

Và bắt đầu thảo luận với con trai, từ chuyện cày ruộng đến chuyện nuôi bò nuôi heo. Ngày nay, nhờ có khoa học phát minh về giống lúa, và các loại hoá chất giúp cho cây lúa chống được nhiều thứ bệnh tật, nên thóc thu được nhiều gấp bội trước. Trong chăn nuôi, ngoài việc lai tạo các giống bò, heo, khoa học cũng phát minh được cách chế tạo thức ăn và thuốc men phòng trị bệnh cho con vật nuôi, nên việc nuôi gia súc gia cầm cũng dễ dàng hơn xưa.

Anh Rác nói :

-Con cũng đã áp dụng khoa học trong việc chăn nuôi. Nhưng nuôi bò cái đẻ thì bò không đẻ, nuôi heo nái đẻ thì heo con chết.

Ông Ruông nói :

-Đấy chưa phải áp dụng khoa học đâu. Cha phải giảng rộng ra, con hiểu được tới đâu thì hiểu. Là cách nay trên mười nghìn năm, loài người chỉ biết săn bắt thú rừng và hái lượm trái rừng để làm thức ăn mà sống. Thấy có con thú rừng, có trái cây rừng, thì săn bắt và hái lượm thế thôi, chứ chẳng biết tại làm sao lại có những thứ ấy. Người ta gọi thời ấy là thời hái lượm.

Cách nay khoảng dưới mười nghìn năm thì loài người đã biết gieo hạt, chờ mùa lên để hái quả, đã biết bắt con thú rừng con về nuôi. Đây là thuở loài người đã chuyển sẵn bắt hái lượm sang chăn nuôi trồng trọt. Tức là đã biết cách tự làm ra thức ăn để sống. Trong gần mười nghìn năm qua, loài người đã có những tiến bộ vượt bậc trong chăn nuôi và trồng trọt như cha con ta vừa thảo luận. Tuy sống trong thời có những phát minh khoa học như thế, nhưng con thì cũng có cách thức sống chẳng mấy khác với những người thời tiền sử. Nghe nói có giống lúa mới như thế, thì con mua về gieo trồng, chứ chẳng biết tại làm sao lại có được những thứ như thế. Nghe nói nuôi bò nuôi heo sinh sản lãi suất cao, thì mua bò cái mua heo cái về nuôi, chứ không biết con bò con heo đã trải qua những giai đoạn sinh trưởng thế nào, sẽ bị mắc phải những thứ bệnh gì, và khi xảy ra bệnh thì chỉ biết đi gọi thú y, chứ chẳng biết chữa trị thế nào. Nói gọn lại, nếu người tiền sử hái lượm những thành quả của thiên nhiên, thì ngày nay con hái lượm những thành quả của khoa học.

-Như vậy là phải biết hết những thứ mình chưa biết mới gọi là áp dụng khoa học trong làm ăn?

-Phải. Có nghĩa là con phải học. Nhưng cha biết, tới tuổi con thì chẳng học hành gì được nữa. Tức vẫn tiếp tục làm người hái lượm.

-Như vậy vợ chồng con cái của con sẽ chết.

-Ai nói? Đâu phải tới bữa nay, mà từ lúc biết cầm cây cày cây cuốc, con đã làm người hái lượm. Cũng không phải chỉ mỗi mình con, mà những người cày ruộng trên đồng Đất Sét hầu hết là những người hái lượm. Còn cả hàng triệu người trên đất nước này trên thế giới này là người hái lượm.

-Vậy là cứ tiếp tục làm ăn, chứ chẳng sao?

-Phải. Không sao, không sao.

Ông Ruông rất vui, vì đã sử dụng chính thứ ngôn ngữ con trai ông thổ lộ trong mơ để cổ vũ sự làm ăn của con ông.

Nguyễn Thanh Hiện

Người đánh cắp sự thật

THIÊN CƠ

Việc thằng Rác, con trai ta, học hành chẳng đến đâu là ngoài mong muốn của ta. Hay đấy là ý trời để nó làm người hái lượm? Có một điều không cần phải bàn cãi gì nữa là việc con trai ta có mặt ở thế gian này là hệ quả tất nhiên của cuộc nhận ra nhau giữa một người con gái lỡ thì và ta. Em sợ con ta sẽ rất khó nuôi. Nàng lo lắng vì sinh thằng Rác thiếu tháng. Nhưng đấy là tính từ đêm chung chăn gối đầu tiên, đêm sau lễ cưới. Tính từ đêm hôm ấy thì thấy thiếu tháng thật. Còn ta thì ta tính từ hôm ta và nàng ôm nhau hôn trên đồng Đất Sét. Tính từ hôm ấy thì đúng chín tháng mười ngày, ứng với thời gian nằm trong bụng mẹ của một thai nhi.

Điều này có nghĩa nàng đã mang thai thằng Rác ngay từ phút ta và nàng hôn nhau trên đồng Đất Sét. Khí vị ruộng đồng buổi sáng tháng giêng hôm ấy đã làm nên cốt cách con trai ta. Cốt cách của con trai ta là cốt cách của đất. Ta biết, và chẳng dám hé môi với nàng, vì đấy là việc thiên cơ. Thậm chí khi vận dụng thành quả của cuộc cách mạng thi ca để đặt tên cho nó, ta cũng cứ để nàng hiểu theo cách của nàng : Rác là thứ bỏ đi. Và hiểu thế thì nàng mới yên tâm nuôi con trong một gia đình có cái huôn khó nuôi con (xin nhắc lại là mẹ ta đẻ ba đứa, nhưng chỉ mỗi ta sống được tới tuổi trưởng thành) Rồi nàng cũng trút được nỗi lo lắng.

Cũng giống như đất đồng Đất Sét, thằng Rác cũng chịu được thứ nắng mưa khắc nghiệt của miền sông Tượng núi Tượng. Chưa đầy năm, con trai ta đã biết đi, biết nói. Cha ta bảo vậy là ông yên tâm theo ông bà, vì đã nhìn thấy đứa cháu trai nổi dãi đã nên hình nên dáng.

Cứ tưởng đấy là cách nói của người già, không ngờ, chỉ mấy hôm sau đó cha ta ra đi thật. Bây giờ ta vừa lo cày bừa vừa lao vào việc soạn thơ, chuyện dạy dỗ con ta giao hết cho nàng. Vừa biết đi biết nói là thằng Rác đã bắt đầu tiếp nhận một giáo trình cơ bản về văn minh lúa nước. Nàng dạy cho con biết đấy là con bò, đấy là hột lúa. Mới đầu là gọi tên thôi. Nhưng tiếp đến là phải biết con bò để cày ruộng, còn hột lúa là để làm gạo nấu

cơm. Hai tuổi, thằng Rác thuộc tên hầu hết các nông cụ. Chỉ nói qua một lần là nó nhớ ngay.

Từ cây cày, cây cuốc, cho đến cây đòn gánh gánh lúa, cái cào cào rơm. Con ta lớn lên chắc làm nên cơ nghiệp. Nàng vui mừng nói với ta. Cơ nghiệp nói ở đây là cơ nghiệp nông tang.

Ta chỉ tỏ ra là mình cũng vui, chứ chẳng có lời bàn nào, vì cho rằng tất cả những gì nhìn thấy ở thằng Rác lúc bấy giờ đều là dấu hiệu của thiên cơ. Những ngày những tháng trôi qua. Nàng vui lắm, vì thằng Rác mỗi ngày mỗi chắc khỏe ra, có nghĩa chẳng có dấu hiệu gì là khó nuôi cả. Tuy vậy, để chắc ăn (theo quan điểm của nàng), nàng đã quyết định phải đợi con đủ mười tám tuổi mới gọi tên. Nhưng rồi cuộc thì nàng chưa một lần được gọi tên con. Năm thằng Rác bảy tuổi nàng đã để mỗi ta ở lại thế gian nuôi con. Ta cũng buồn đứt ruột. Nhưng người con gái lỡ thì đã cùng ta góp cho giống loài mình một cá thể như thế là đủ để đánh đổ một quan niệm cổ xưa từng làm thống khổ con người. Khi nghĩ thế ta lại thấy yên tâm về việc ra đi của nàng. Nàng không còn nữa trên thế gian, nhưng ảnh hưởng của nàng đối với con trai là quá lớn. Thằng Rác có đủ cả những phẩm hạnh do mẹ truyền lại. Những phẩm hạnh thuộc văn hóa nông nghiệp sông Tượng núi Tượng đặt nền tảng trên gian khó và chật chiu. Con trai ta quý từng hạt gạo đổ, quý từng bếp lửa đun (nó biết đun bếp nấu cơm tự hồi mẹ còn sống) Phải mất cả triệu năm sống bằng săn bắt hái lượm, loài người tiền sử mới nghĩ được cách trồng ngũ cốc, nên ngày nay thằng Rác quý từng hạt gạo là phải. Còn lửa, cũng là phát kiến lớn của nhân loại, nên thằng Rác quý từng bếp lửa đun là cũng phải. Ta cũng muốn để cho con trai ta lo mỗi việc học chữ.

Song, nhà chỉ còn hai cha con, nên thằng Rác một buổi đến trường, một buổi phải chăn bò. Học chưa hết các lớp ở trường làng, thằng Rác đã đòi ta dạy cho nó học cày. Vừa học chữ vừa học cày, cũng tốt thôi. Ta nghĩ vậy. Và cho thằng Rác theo ta ra ruộng để coi ta cày. Coi ta cày đến buổi thứ ba thì nó bảo hãy đưa cây cày cho nó. Ta nói giờ con còn nhỏ, chỉ coi cho biết, mai kia lớn lên mới cầm cày. Nó nói là nó đi học cày, chứ không phải đi coi cha mình cày. Thấy thằng con trai mình cũng ngộ, ta bèn đưa cây cày cho

nó. Buổi sáng đó, tất cả những người đang cày ruộng trên đồng Đất Sét đều đổ xô đến xem thằng Rác cày. Người ta khen nó là đứa có thiên tư cày bừa. Ta chưa lấy làm điều vui, vì đó cũng chỉ là dấu hiệu của thiên cơ. Thực ra trường học chỉ cách nhà vài cây số, mà trưa nào đi học về thằng Rác cũng kêu chắc cặp giò của con bị bịnh mất. Ta nói ngày trước đi dạy học ta cũng đi bộ như thế mà có việc gì đâu. Thằng Rác bảo là nó còn nhỏ, không thể đem cặp giò của một đứa nhỏ ra so với cặp giò của một người lớn. Lúc đầu ta nghĩ chắc con trai mình muốn đi học bằng xe đạp, thôi thì cứ rán mua cho nó một chiếc (bằng cách bán bớt lúa ăn) Nhưng có xe đạp rồi, thằng Rác kêu đạp xe đạp cũng mỏi chân. Đến lúc ấy ta mới biết thằng con trai ta không muốn học chữ nữa. Ở trong làng, chỉ có ta với vài người nữa là còn cho con học tiếp bậc tiểu học. Không gạo nấu, chết, chứ không chữ, không chết. Ai cũng nghĩ vậy, nên cho con học biết đọc biết là bắt ở nhà chăn bò, làm ruộng. Nhưng ta từng là anh giáo làng, lại bao nhiêu năm đọc sách cả làng đều nể, nên có ý đồ sẽ cho con học hành đến nơi đến chốn. Tới bữa ăn nào ta cũng đem sách vở thánh hiền ra khuyên con phải gắng học. Nó chỉ làm thỉnh để nghe. Bấy giờ đất nước vẫn còn chiến tranh, rất ác liệt nữa là khác, nhưng là xảy ở những nơi khác, còn ở làng Dầu thì chỉ có chuyện năm mười bữa lại có bố ráp bắt lính, lại có xe đưa xác lính chết trận về làng. Một hôm thằng Rác đi học về, cất sách vở xong thì bảo ta rằng có đi học cũng uống công, vì ít năm nữa tới tuổi, nó cũng bị bắt vô lính. Ta nói chiến tranh không phải hoài hoài, có lúc cũng hết. Nó nói biết chừng nào mới hết. Chỉ bằng giờ nghỉ học, ở nhà cày ruộng, nuôi cha, được ngày nào hay ngày nấy. Thằng Rác nói vậy là nó xác định trước sau gì nó cũng bị vô lính, chết trận, trước khi chết nó muốn cày ruộng, phụng dưỡng cha già. Ai cũng biết cảnh của ta là cảnh cha già con muộn. Với tuổi ta, lẽ ra thằng Rác là ở hàng cháu, chứ không phải hàng con. Lẽ ra, ta phải để cha thằng Rác, rồi cha thằng Rác mới để ra nó. Đàng này, ta đã rút gọn lại, không để cha thằng Rác, mà để thằng Rác. Với tuổi ta, làm cho có hột lúa hột gạo nuôi con ăn học tới nơi tới chốn quả cũng rất khó. Vậy là cái tư tưởng yếm thế của thằng con trai ta đã làm ta xao lòng. Qua hôm sau, tới giờ đi học, thì thằng Rác đi thả bò. Ta hỏi con nghỉ học thiệt sao. Nó nói nghỉ thiệt.

Phải nói thẳng con trai ta là hậu duệ xuất sắc của các bậc tổ tiên đã làm nên cuộc Cách Mạng Đá Mới mười nghìn năm trước. Tuổi còn nhỏ thế, nhưng ra ngoài đồng ruộng, việc cày bừa của nó chẳng ai chê được. Về nhà, từ việc trồng trọt trong vườn, đến việc chăm con heo con gà, ta chẳng phải nhắc nhở điều gì. Có nghĩa, từ ngày thẳng Rác thay ta cày ruộng, thì ta dùng hầu hết thì giờ cho cuộc mưu toan vĩ đại của ta. Thực ra thì cuộc mưu toan làm cho các bậc tổ phụ ta trở nên vĩ đại với con cháu nhà họ Lê là chẳng có gì trái với tiến trình văn minh nhân loại. Ta cũng chẳng biết là việc làm tốt đẹp của ta có góp được chút nào trong việc làm động lòng trời hay không mà cuộc chiến tranh tàn khốc của đất nước đã chấm dứt. Ta nói với thẳng Rác, giờ con phải đi học lại, vì chẳng còn chuyện đi học uống công như trước nữa. Nó nói cứ cho là nó học tới bác sĩ kỹ sư, nhưng lúc đó không còn cha thì học để chi? Biết con trai mình nuốt chữ không vô nữa mới nói thế, nhưng đấy là câu của đứa con có hiếu, nên ta không cảm được xúc động. Như vậy là ta lại để cho con trai ta tiếp tục nghiệp cày cuốc. Năm thẳng Rác mười sáu tuổi rưỡi ta hỏi là con đã muốn cưới vợ chưa. Ta chỉ hỏi thử thôi, nhưng thẳng Rác đáp là muốn. Ta vui lắm, vì con trai ta đã có đủ khả năng làm chức phận con người : Lấy vợ, để sinh con truyền nòi giống. Và nó đã làm được. Bằng chứng là sự ra đời của anh em thẳng Cỏ. Còn như làm người hái lượm trong thời văn minh hiện đại thì con trai ta đã có một đồng đội đồng đảo đang sống khắp nơi trên mặt đất này. Những người hái lượm thời tiền sử đã làm nên một cuộc cách mạng vô cùng to lớn, cuộc cách mạng về thức ăn, làm nền tảng cho cuộc sống nhân loại suốt mười nghìn năm qua. Cho nên ta mới dám nghĩ con trai ta, cũng đang là người hái lượm, rồi ra cũng sẽ làm được một điều gì đó thật lớn lao.

Chép vào Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ suy nghĩ này là ta có ý mong thẳng Rác trở nên kẻ khác thường. Còn như nó vẫn làm người hái lượm cho đến chết, thì đó là việc của thiên cơ.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
NHỮNG CON BÒ ĐẤT SÉT

Như vậy là ông Ruông còn có cả mưu toan làm sao cho đám con cháu ông cũng trở nên khác thường như các bậc tổ phụ của ông. Có điều, thiên cơ thì cứ như là ngu ngốc đại khờ ngẩn trở con người ta.

Cứ theo cách hiểu của ông Ruông thì thiên cơ có vẻ chẳng mang chút hơi hướng thần bí nào (Với lại ai mà biết trong đầu ông có vị thần nào ngự trị hay không)

Nhưng riêng thằng Cỏ anh thì ông cho là chẳng gì ngăn trở được nó. Thằng Cỏ anh là ngôi sao sáng của dòng họ Lê nhà ông. Mỗi việc làm, hay mỗi lời nó nói ra, ông đều phải xem xét kỹ lưỡng, để coi thử có ẩn chứa một điều gì đó hay không.

Con bò là gì?

Chỉ mỗi câu hỏi ấy mà thằng Cỏ anh đã quần ông suốt mấy đêm liền. Cho đến một hôm thì chính nó đã cho ông mục kích một kho tàng nghệ thuật có hơi hướng nghệ thuật hang động thời tiền sử.

Nhưng phải nói về sông Tượng núi Tượng trước khi nói về kho tàng ấy. Như đã biết, nền móng của đất nước Việt Nam hình thành tự đại Cổ Sinh. Nên cả núi Tượng lẫn sông Tượng đều già. Sông Tượng già đến nỗi chỉ khi có mưa lũ mới có dòng chảy. Hầu như quanh năm chỉ thấy ở đây một thứ đường trùng của địa hình với đầy toàn sỏi đá, và đôi bờ thoai thoải xen lẫn dốc đứng. Bờ nam sông đầy hang hốc là chân của một sơn hệ trùng điệp kéo dài về phương nam, sơn hệ núi Tượng. Còn bờ bắc là thuộc một hệ đất khác, một cao trình khác. Từ lòng sông bước lên bờ bắc là bước lên một cao trình đất liền, cao trình đất Ông Rường và đồng Đất Sét (lúc ông Rường đi Tây về thì rừng núi Tượng còn lan ra tận phía nam đồng Đất Sét).

Địa chất bùn sét của phía bờ này bị mưa lũ bào xói lâu ngày biến thành một bức tường thành có thứ màu sắc âm u và những họa tiết kỳ dị. Khoa học ngày nay cho biết bùn sét là nơi có thể hình thành sự sống (cũng như trong nước của đại dương, hay trong khoảng không gian của vũ trụ) Nên bức tường thành bùn sét bờ bắc sông trông thấy ngày nay là thứ thời không gian đầy bí ẩn. Từ ngày có duyên với sách vở, ông Ruông đã lật tung bao cổ thư để kiếm tìm dấu tích tổ tiên loài người ở chốn núi rừng này. Rồi để củng cố dòng họ mình, ông bảo có một người con trong những người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ đã đến đây để trở thành thủy tổ dòng họ nhà ông. Trí tưởng tượng của ông cũng chỉ vờn đến khi con người đã biết phân biệt giữa thời gian và sự vĩnh hằng. Còn trước đó, đối với ông vẫn là những gì còn mờ mịt. Nhưng lòng kiêu hãnh, thứ thuộc tính quý quái của loài người, đã không để ông yên. Cứ canh cánh trong lòng một ngày nào ông sẽ nhìn thấy tại chốn núi rừng này mảnh xương người nguyên thủy, để chứng tỏ rằng nơi ông chôn nhau cắt rốn cũng là cái nôi của loài người. Có những hôm ông thơ thẩn dọc lòng sông sỏi đá, hoặc ngồi hăng giờ để ngắm nhìn những hang hốc lở lói ở bờ nam sông Tượng. Bầy người nguyên thủy có trú lại đêm nào ở những hang hốc ấy không? Trả lời câu hỏi này là những cuộc tháo lột ký ức mệt đến là người. Tất nhiên là ông phải bắt đầu từ những năm tháng cơm mo cau lưng lửng ngang hông, lừa bò vào rừng núi Tượng xong là chui vào một trong những hang hốc ấy. Với đám trẻ chăn bò bọn ông ngày ấy thì mọi thứ đều có thể xảy ra ở những hang hốc ấy. Từ việc moi trộm khoai lang khoai mì đem vào hang nướng ăn, đến việc lăn ra hang ngủ suốt ngày, hoặc nổi ửng lên là đánh nhau, vật nhau. Nguyên nhân thì nhiều, mà hậu quả thường là vật nhau. Đánh sắp ngựa thua, đánh bò thua, là vật nhau. Cãi nhau về một chuyện vợ vẫn nào đó cũng đi đến chỗ vật nhau. Trừ những hôm thả bò ở gò Tháp, bò ăn buổi, còn ăn ngày ở núi Tượng, thì những hang hốc ấy là nhà của đám trẻ bọn ông. Thả bò ăn ngày ở núi Tượng vào mùa mưa dầm thì có vẻ thú hơn mùa nắng, vì có chuyện đốt lửa trong hang để hơ quần áo. Cả một lũ đều trần truồng, phơi cả chim lẫn bướm ra, vừa hơ quần áo, vừa ôm nhau la hét. Không ngờ là thời thơ trẻ của ông lại gần gũi nguyên sơ đến thế. Cứ thế, làm như ký ức

sắp đưa ông đến gặp bảy người nguyên thủy. Và ông đã thức dậy vào lúc nửa đêm khi chợt nhớ đến một thứ vật thể quen thân đang được lưu giữ ở trong nhà mình. Nửa đêm thức dậy, cầm hòn đá cuội trong tay, ông cứ để cho trí não mình ngược về phía của quá khứ. Theo lời cha của ông, hòn đá cuội ấy là do ông cố ông nhặt được chỗ hang hốc bờ nam sông Tượng. Đã bốn đời truyền tay nhau để đập ngô khô. Dấu vết các tổ phụ ông để lại trên đá tuy không còn nhìn thấy được, nhưng đấy là sự thật. Có những người đã đập ngô khô bằng đá cuội. Những người như đã quên bằng chuyện chén cơm một phần gạo bốn phần ngô, đời trước cứ việc truyền cho đời sau cách đập ngô khô bằng đá cuội. Nhưng ai là kẻ đầu tiên làm nên hình dáng của đá như nay trông thấy, và đem đặt ở nơi hang hốc ấy? Khi đã loại được những yếu tố ngẫu nhiên, trí não ông như sắp nhìn thấy được bàn tay tạo tác của con người, thì tất cả lại nhòa đi trong màu bí ẩn của quá khứ. Cho đến hôm tháng Cỏ, cháu ông, bảo sẽ cho ông xem những con bò bằng đất ở nơi hang hốc ấy, thì giấc mộng tìm ra được cái nôi loài người ở chốn núi rừng ấy lại trôi dạt trong ông.

-Cháu bảo những con bò bằng đất hiện đang ở chỗ nào?

Ông thấy háo hức như sắp được bước vào bến bờ cổ xưa. Nếu như cháu ông tìm thấy những tượng bò bằng đất ở những hang hốc ấy thì quả là ông đã bắt gặp được chỗ bắt đầu cho cuộc tìm kiếm của mình. Phải, thằng Cỏ anh đã đưa ông đến một trong những hang hốc ở bờ nam sông Tượng. Và ông cứ muốn hét to lên cho cả loài người biết là ông đã nhìn thấy một kho tàng nghệ thuật của người tiền sử ngay trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình. Chẳng khác những tượng đất nung được khai quật trong các cuộc khảo cổ, những tượng bò bằng đất đen lán nằm ngổn ngang trong cái hốc núi ông nhớ là mình đã qua lại đó bao nhiêu lần mà chẳng phát hiện được.

-Cháu đã tìm thấy những tượng ấy ngay nơi đây, hay là mang từ nơi khác đến?

Ông sốt ruột hỏi

-Là cháu làm ra lũ bò đấy.

Thằng Cỏ đáp.

Nhưng ông cứ cho là cháu ông đùa nghịch.

-Làm sao cháu lại làm được những tượng đất nung như thế?

Thằng Cỏ anh chỉ từng con vật một :

-Đây là con đực Nu. Đây là con bò cái, em của con bò Mạp. Còn đây là lũ bò nghé, con của con bò cái.

-Cháu hãy nói nghiêm túc với ông coi nào?

-Thì cháu có bao giờ nói dối với ông đâu. Chỉ ông mới là nói dối. Cả con đực Nu cả con bò cái, là cha cháu đã đem bán cho người khác. Cho nên cháu phải làm ra những con bò khác.

Thì ra, trong lúc con trai ông bán bò đực để mua bò cái đẻ, rồi nuôi bò đẻ không để lại bán bò, nuôi heo, đám bò nhà cứ khuyết dần đi, thì thằng cháu nội ông, trong những ngày chăn thả con bò còn lại, đã nghĩ ra cách là nặn ra những con bò bằng đất. Đến lúc ấy ông mới rõ vì sao thằng Cỏ anh quần ông mãi câu hỏi con bò là gì, ông hết cắt nghĩa theo cách nôm na lại ví von trừu tượng, nó vẫn không chịu. Đám bò của nó là làm bằng đất sét. Đất để nặn bò thì lấy ở bờ bắc sông Tượng, nặn cả triệu con vẫn đủ đất để nặn. Có điều ông chưa rõ là tại sao cháu ông lại đem đặt những con bò bằng đất ấy ở hang hốc ấy.

-Mà sao cháu không đem đám bò của cháu về nhà?

-Đem về nhà để phải mất công đem trở vô đây hay sao? Cháu thấy lo, vì ông lại lẫn lộn các thứ .

-Nhưng sao cháu bảo lại phải đem trở vô đây?

-Thì không phải đám bò làng mình không thả ăn ở gò Tháp thì phải thả vào đây hay sao? Cứ để lũ nó ăn cỏ ở đây, khi lớn bằng con bò Mạp, cháu mới đem về cho cha cháu.

Thằng Cỏ nói, và đi sắp đặt lại lũ bò. Những con bị ngã thì nâng đứng dậy. Những con nhỏ hơn thì đem tựa vào những con lớn hơn. Hết thấy đều trong tư thế đứng nhìn ra sông Tượng. Một quần thể bò vừa đông vui, vừa sung mãn. Cứ nhìn cung cách chăm sóc đám bò đất sét của thằng Cỏ anh, ông Ruông biết cháu ông đang rất mãn nguyện với công trình tạo tác của mình.

Con người ta sống với những ý tưởng về tồn tại thì chắc chắn là hạnh phúc hơn đi vào tồn tại.

Nguyễn Thanh Hiện

Người đánh cắp sự thật

MẶC KHẢI

Cứ thế, ông Ruông cứ để trí não mình đủng đỉnh hướng về phía cổ xưa. Thì chẳng phải những con bò đất sét của thằng cu Cỏ suýt đưa ông vào bến bờ nguyên thủy hay sao? Cho đến lúc ông nuôi giấc mộng tìm ra được cái nôi loài người ngay trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình thì coi như cuộc mưu toan vĩ đại của ông đã đạt đến đỉnh điểm. Con sông Tượng già nua cổ kính luôn là mối khêu gợi trí tưởng tượng của ông. Mỗi lần chui vô những hang hốc lở lói ở bờ nam sông, hoặc tha thần dọc lòng sông sỏi đá, là ông lại nghĩ đến ngày nhìn thấy được xương người nguyên thủy. Chỉ một mảnh hóa thạch nhỏ thôi, nhưng nếu đó là xương của một loài homo nào đó, thì nhất định hóa thạch đó sẽ mang tên đất quê ông, homosongtuongnuituong, hoặc mang chính tên ông, homoleruong. Báo giới quốc nội quốc ngoại nhất định sẽ tìm đến ông. Những cuộc phỏng vấn nhất định sẽ xảy ra. Và tên tuổi ông sẽ được cả thế giới biết đến. Như vậy, có thể nói là đến lúc nuôi giấc mộng tìm ra được cái nôi loài người ở miền sông Tượng núi Tượng, ông Ruông lại có xu hướng muốn vĩ đại với toàn thế giới chơi, chứ không phải chỉ đóng khung trong đám con cháu nhà họ Lê. Cuộc mưu toan của ông vốn là một cuộc chơi, nhưng đến lúc này thì cuộc chơi này lại chẳng để ông yên. Hể năm mơ là ông nhìn thấy xương. Có điều, ký ức quỷ quái của ông đã làm ông lạc nẻo. Là chỉ mơ thấy xương người đương đại, những mảnh xương người lẫn lộn với mảnh đạn bom ông đã tận mắt nhìn thấy trong các cuộc chiến trong thế kỷ hai mươi.

Vào một đêm có mưa lũ, ông Ruông nằm yên ở trên giường để nghe nước sông Tượng chảy. Vào mùa lũ, nước con sông Tượng cũng chẳng kém hung hăng. Đường để bù vào chỗ quanh năm sông chẳng ra sông (sông mà chẳng có nước), thì đến mùa lũ, không phải chỉ chảy thôi, mà vừa chảy vừa gào réo. Nằm nghe con sông Tượng gào réo, ông lại nghĩ đến chuyện tạo núi tạo sông. Vào một ngày nào đó thuộc chu kỳ tạo núi Hymalaya, đại Tân

Sinh, đất đai được nâng lên kéo theo những lớp trầm tích lên núi Tượng. Rồi băng tan lửa theo xác các sinh vật xuống lòng sông Tượng.

Rồi những thê kỷ tiếp theo mưa lũ lại lôi đi bao nhiêu đất đá trên núi xuống lòng sông, chôn kỹ những mảnh xương người cùng với xương của đám voi, hổ, chồn, cheo.

Ông cứ nghĩ đến những hóa thạch vẫn còn dấu kỹ bên dưới lòng sông sỏi đá, và thiếp đi. Trong giấc ngủ đầy ứ hạnh phúc, ông nghe như có ai gọi tên mình. Ông tỉnh dậy, gọi hỏi con trai ông có gọi ông không. Nhưng cả vợ chồng con cái anh Rác đang ngủ như chết. Mưa như vẫn còn đang trút nước ngoài trời. Ông lại nằm nghe nước sông Tượng gào. Và lại nghĩ đến ngày tên tuổi ông vang khắp thế giới. Trong tiếng nước gào dường cứ vang lên điệp khúc homoleruong. Mới thoảng nghe, ông thấy thích lắm. Vì cho rằng trong cuộc chơi của mình cũng phải có những nét kỳ thú như thế. Nhưng khi điệp khúc ấy cứ vang mãi trong tai thì ông lại thấy lo. Hay là do nghĩ ngợi nhiều về chuyện xương người nguyên thủy mà trí não ông hóa ra có vấn đề? Ông giật mình nhớ đến chuyện chết vì tê liệt trí não, nên vội nhắm mắt nằm im. Quyết không thèm nghĩ chuyện gì nữa, nhưng trí não ông lại cứ bắt ông nghĩ ngợi. Dù gì thì ông cũng phải đi cho trọn cuộc chơi. Lòng kiêu hãnh vốn đeo đuổi ông tự thời trai trẻ lại cổ vũ ông. Ta vẫn chưa gặp hết các tổ phụ ta, vẫn mong nhìn thấy được một bậc tổ phụ có cuộc đời cũng sánh bằng các nhà sáng lập tôn giáo kia mà! Ông thầm thét lên như thế. Và lập tức như có ai thét vào tai ông :

-Ta, tổ phụ của ngươi, kẻ hát hí khúc không biết mệt mỏi, sẽ nói cho ngươi biết những điều ngươi chưa từng biết. Nhưng những lời ta nói ra không phải chỉ cho mỗi ngươi, mà cho cả những ai muốn biết.

Một cuộc mặc khải.

Và ông Ruông đã chép lại trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ toàn bộ những lời ông nghe được.

...Không có cuộc phân tranh giữa hai họ Trịnh Nguyễn thì ta chỉ là hòn đất

ngu ngơ của miền sông Tượng núi Tượng. Từ cuộc trần gian ảo hóa, ta chuyển sang cuộc thiên thu lạnh lẽo vào năm 1798, năm vua tiểu triều Nguyễn Bảo, con vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, bị chìm sông. Nhưng ta phải bắt đầu từ khúc dạo đầu. Trong khúc dạo đầu có nước mắt của mẹ ta. Lúc lính phủ dẫn ta đi, mẹ ta khóc thật nhiều. Bà thương tiếc công trình tạo tác của mình không còn thuộc về mình. Cái tạo vật được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ và cơm nhai là ta, lúc ấy được người đời gọi là thành nhơn. Nhưng gặp lúc nước có binh lửa, dù là thứ binh lửa nào, thì thành nhơn còn có nghĩa là tài sản chung của nước. Thấu hiểu luật trần gian, cha ta đã bắt ta cưới vợ từ năm ta mười sáu tuổi, tức trước tuổi thành nhơn hai năm. Lúc lính phủ dẫn ta đi thì vợ ta đang mang thai. Có nghĩa, trước khi đi làm lính cho chúa Nguyễn, ta đã làm xong nghĩa vụ hậu duệ của một dòng họ. Cho nên khi thấy mẹ ta khóc ta rất đau lòng, nhưng đồng thời cũng rất tự hào. Nếu như mẹ ta đã sinh ra ta, thì vợ ta cũng sẽ sinh ra con ta, để dòng máu nhà ta không hề bị đứt đoạn.

Ta, từ miền sông Tượng núi Tượng lăn ra tới phủ, rồi lăn tiếp ra kinh sư. Thực sự lính phủ dẫn ta đi bằng hai chân. Nhưng quả tình là chỉ hơn hòn đất một chút là biết đi và biết nói năng, vì mọi thứ xảy ra lúc bấy giờ đều mù tịt đối với ta. Nghe nói đấy là phủ, là kinh sư, ta hay đấy là phủ là kinh sư. Còn phủ là gì, kinh sư là gì, thì ta cũng mù tịt như hòn đất đồng Đất Sét. Tiếp sau khúc dạo đầu là khúc đối áo. Khi đã biết phổ hí khúc ta hát rằng, mặc áo khố của vua ta đã biến thành những cái ta không phải là ta.

Có nghĩa, từ đấy cái bản lai diện mục người của ta bắt đầu cuộc ngẫu nhiên trôi nổi vào các bến bờ trần gian. Bến bờ đầu tiên là thao trường tập binh của chúa Nguyễn. Ở chốn thao trường, ta với đồng đội ta là những hình nhân bằng xương bằng thịt đánh đấm nhau với đám hình nhân bằng rơm. Tay ta cầm cày suốt mười mấy năm, giờ lại đổi sang cầm gươm, nên cũng rất bờ ngỡ. Có điều ngày nào cũng cầm nắm nó, miết rồi cũng thấy mền tay. Trong cuộc hành binh dã ngoại về phía bắc, ta đã nhìn thấy sông Linh Giang. Con sông đã ngăn đất nước ta thành hai miền nam bắc.

Và ta đã nghe nói ở phía bờ bên kia, vua Lê, ông vua chung của nước, đang

bị chúa Trịnh lấy mất quyền trị nước. Nên ở bờ bên này chúa Nguyễn mới bắt đám con trai thành nhưn bọn ta mặc áo khố của chúa để giúp vua Lê trừ giặc Trịnh, tức phò Lê diệt Trịnh. Ta có đem sự nghĩ ngợi của mình ra để nghĩ ngợi, nhưng chẳng thể nghĩ ra phò Lê diệt Trịnh là làm thế nào. Ngày nào thì đám binh lính bọn ta cũng ra thao trường tập luyện cách chém giết, và nghe quan trên truyền cho lòng trung với chúa, cũng như truyền cho lòng căm ghét giặc Trịnh. Ta cũng có ý chờ coi thử, song vẫn chẳng thấy xảy sự việc nào gọi là phò Lê diệt Trịnh. Chỉ có đêm đêm nằm giữa chốn kinh thành, nghe trống điểm canh, ta lại thấy nhớ quê. Ta đang ăn cơm chúa để kéo lê thân nam nhi qua ngày tháng, thì bỗng có tin tức không lành đưa lại kinh đô. Rằng ba anh em nhà họ Nguyễn ở ấp Tây Sơn đã dấy binh để phò Lê diệt Trịnh Nguyễn. Lần này thì sự nghĩ ngợi của ta đã đưa ta đến một viễn cảnh chẳng mấy sáng sủa : Ta, kẻ đang mặc áo khố của chúa Nguyễn, chắc chết, nếu quân Tây Sơn đánh vô kinh đô. Nhưng chúa Nguyễn Phúc Thuần, vị chúa thứ chín cũng là vị chúa cuối cùng của họ Nguyễn, truyền rằng đây là giặc cỏ. Có nghĩa là chẳng đáng kể. Nhưng tin tức không lành lại tiếp tục đưa lại kinh đô. Ta cũng chẳng biết bằng cách nào mới dấy mà quân Tây Sơn đã đánh chiếm các phủ huyện trải từ miền sông Tượng núi Tượng cho đến gần kinh đô Phú Xuân. Như vậy là cha mẹ vợ con ta đã bị mắc vào vòng binh lửa. Như vậy là đám binh lính bọn ta phải ra trận. Nếu như Tây Sơn là giặc, như lời truyền của chúa Nguyễn, bọn ta ra trận là để dẹp giặc. Khi đã phổ được hí khúc ta hát rằng, ai đã đem trao cho con người dáo gươm, để có lúc con người quên mất bản chất của dáo gươm? Ở nơi chiến trận, gươm của ta có đâm trúng mấy người bên binh đội Tây Sơn, và ta đã thấy máu chảy. Tất nhiên là máu của ta chưa chảy, tức ta chưa chết, mới thấy được máu người khác chảy. Lẽ ra là giặc phải tan , vì đây là giặc cỏ, như lời chúa truyền. Đằng này đám binh lính mặc áo khố chúa Nguyễn bọn ta đã bị giặc đuổi đánh tơi tả. Ta cũng chẳng hiểu vì sao quân Tây Sơn chỉ đánh tới đó rồi thôi. Nhưng quân của chúa Trịnh đã sang sông Linh Giang. Lời hịch nói là hịch của vua Lê đã truyền đến kinh đô, rằng lần này vua mang binh vô nam để diệt trừ họ Nguyễn là giặc của triều đình và dẹp loạn Tây Sơn. Ta, hòn đất ngu ngơ của miền

sông Tượng núi Tượng, lúc đó cũng đã bớt ngu ngơ, để hiểu được rằng, ta đang mặc áo khố của chúa Nguyễn tức là giặc của vua Lê. Cơ đồ hai trăm năm của họ Nguyễn đã đổ thật. Chúa Nguyễn Phúc Thuần cùng vương thất thoát được về phương nam. Nhưng ta thì bị bỏ lại kinh thành. Ta có vứt bỏ áo khố của chúa Nguyễn cũng chỉ để may ra còn được sống. Có nghĩa, bấy giờ ta chưa hiểu hết giá trị thằng người của ta. Có nghĩa, ta đã không bị chúa Trịnh giết, mà còn được mặc áo khố của chúa. Khi đã phổ được hí khúc ta hát rằng, khi đã đổi được áo khố thì ta là giặc liền trở thành ta không phải là giặc. Như vậy là ta nghiễm nhiên đứng vào đội ngũ những người làm công việc dẹp loạn Tây Sơn và truy đuổi tàn quân giặc Nguyễn. Có một đêm ta không ngủ được vì cứ nghĩ đến niềm hạnh phúc của mình (ta cho rằng mình đương là giặc bỗng trở thành không phải là giặc là hạnh phúc) Nghĩ đến niềm hạnh phúc, và thấy nhớ cha mẹ vợ con (khi người ta hạnh phúc thì thường nghĩ đến kẻ khác) Cứ nằm nghĩ ngợi cho đến sáng. Lúc thấy trời sáng thì chợt nhớ ra là ngày và đêm vẫn đang tiếp nối nhau. Khi nhớ ra điều này, ta lại thấy thắc mắc trong lòng là chẳng biết những ngày sắp tới thì giữa chúa Trịnh và Tây Sơn ai thắng ai bại. Cứ thắc mắc suốt về chuyện này, cho đến hôm Tây Sơn đánh chiếm Phú Xuân, quan quân chúa Trịnh bỏ chạy hết về bắc, ta mới thấy hết thắc mắc. Lần này thì ta đã học được kinh nghiệm của lần trước. Tức, cứ bình tĩnh cởi áo khố của chúa Trịnh vứt đi, rồi chờ người ta chấp nhận giá trị thằng người của ta. Đúng như ta nghĩ, Tây Sơn cần binh lính để làm cho xong công việc diệt Trịnh Nguyễn phò Lê, nên đã không bỏ sót ta. Khi đã được mặc áo khố của Tây Sơn, ta cứ làm ra vẻ hồn nhiên, như trước đó ta chưa hề mặc áo khố của ai. Và liền sau đó ta lần lượt bước vào những bước vinh quang. Bước vinh quang đầu tiên là được đứng trong đoàn quân Tây Sơn tiến ra phía bắc, diệt họ Trịnh, gom giang sơn về một mối, và giao cho vua Lê. (Nếu như được mặc áo khố Tây Sơn sớm hơn một chút, ta đã được đứng trong đoàn quân đi diệt họ Nguyễn ở phía nam) Nhưng vua Lê Chiêu Thống lại lấy làm không hài lòng về việc có một vị vua khác là vua Tây Sơn, tức vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, đang ngồi ở nơi thành Hoàng Đế, dù là thành này nằm khoảng giữa nước, cách kinh thành Thăng Long của vua đến ngàn vạn

dậm. Do vậy mới có việc vua sang bên Tàu để nhờ vua nhà Thanh mang binh sang giúp. Do vậy mới có việc Nguyễn Huệ, em vua Thái Đức, lên ngôi vua, tức vua Quang Trung, để cầm binh đi chống giặc Thanh. Và ta bước tiếp bước vinh quang là đã được đứng trong đoàn quân Tây Sơn chiến thắng. Khi vua Lê Chiêu Thống quyết định ở lại luôn bên Tàu, thì vua Quang Trung ngồi làm vua ở thành cũ Phú Xuân, còn vua Thái Đức vẫn ngồi ở thành Hoàng Đế. Miền sông Tượng núi Tượng chỉ cách thành Hoàng Đế nửa buổi đường. Mà ta thì có số gần cha mẹ vợ con (sau các cuộc binh lửa còn sống đủ cả) nên đã được làm lính nội phủ của vua Thái Đức. Ta cũng có ý muốn kéo dài niềm vinh quang cho đến tuổi già của ta. Nhưng cả vua Quang Trung lẫn vua Thái Đức đều chết trước tuổi già, thành ra ta không thể làm theo ý mình được. Vua Quang Toàn nối ngôi vua cha, không còn coi triều đình ở thành Hoàng Đế ngang với triều đình của mình ở Phú Xuân. Cho nên vua Nguyễn Bảo, con vua Thái Đức, bấy giờ chỉ được gọi là vua tiểu triều. Ta, vốn là hèn đất ngu ngơ, bấy giờ có thâm bảo mình rằng, vua nào cũng ngồi ở ngai vàng, tiểu triều với đại triều có khác chi đâu. Đến chừng quan quân ở Phú Xuân vào bắt vua tiểu triều đem dìm sông, ta mới hiểu ra đại triều là lớn hơn tiểu triều. Ta lặng lẽ phò vua ra đến bờ sông Tam Huyện. Và lặng lẽ đứng nhìn người ta dìm nước ông vua mình đang phò tá. Chỉ nghĩ ở trong lòng rằng đây là chết oan (người ta bảo vua tiểu triều đang mưu chống lại Phú Xuân) Ta chỉ nghĩ vậy. Nhưng chẳng hiểu sao người ta biết là ta nghĩ vậy. Nên đã đem dìm nước ta luôn. Từ sông Tam Huyện ta đã chuyển luôn qua cuộc thiên thu lạnh lẽo, và được gặp lại hết thảy các vị vua chúa ta từng phò tá. Có điều, ở nơi đây chẳng còn có năm tháng, nên chẳng còn phân biệt già trẻ, vua tôi. Ta đương thỏa thích tiêu xài thứ của cải chung vô tận là sự lạnh lẽo u buồn thì phát hiện thấy vị cựu hoàng đế triều Tây Sơn, vua Quang Trung, có vẻ buồn hơn mọi ngày. Hỏi mới hay ở cuộc trần gian ảo hóa, hậu duệ của họ Nguyễn là Nguyễn Ánh đã lật đổ triều Tây Sơn, lên ngôi vua ở kinh thành cũ Phú Xuân, đặt vương hiệu Gia Long, và để trả mối thù xưa của cha ông mình, vua đã cho quật mả vua Quang Trung, đem hài cốt ra xét xử. Thấy linh hồn vị cựu hoàng Tây Sơn có những vết thâm bầm, biết là vua chưa thoát được

sự chiết tỏa của năm tháng, ta nói như thể an ủi vua, rằng chết một lần chỉ hiểu nửa trần gian, chết hai lần mới hiểu hết trần gian. Ta nghĩ là ta nói, nhưng chẳng hiểu sao những lời ta nói lại hóa thành khúc hát. Từ đó mới có chuyện ta đem cuộc trần gian ảo hóa phổ thành hí khúc để hát cho người khác nghe. Kẻ chết một lần hay chết đi chết lại nhiều lần đều nghe ta hát. Ta, kẻ hát hí khúc không biết mệt mỏi, đã tự làm ra khúc hát để hát cho loài giống mình nghe, cho năm tháng không còn làm gì được con người.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
LỜI ĐÙA CỘT NGUYÊN THỦY

Nếu đem số trứng đám gà mái ấp của anh Rác làm bể hằng ngày ra so với số trứng toàn bộ loài gà trên mặt đất này để được mỗi ngày thì chẳng thấm vào đâu. Nhưng khi nói ba chục con gà mái ấp của anh Rác, trong khi ấp trứng, mỗi ngày mỗi con làm bể một trứng, thì thiệt hại này là quá lớn đối với anh ấy. Tức khi bỏ đi tầm nhìn vĩ mô, mà rút về tầm nhìn vi mô, thì ông Ruông phải nhảy vô công cuộc làm ăn của con trai. Anh Rác đang nuôi gà mái đẻ. Có nghĩa đang ở vào một khâu trong vòng tròn chăn nuôi bất tận (bán bò nuôi heo, bán heo nuôi gà, bán gà nuôi bò...)

Việc làm đầu tiên của ông Ruông là sửa sang lại sản phẩm của tự nhiên. Cụ thể là sửa sang lại móng chân của gà. Nói rõ ra là làm công việc cắt bỏ hết phần sắc nhọn của móng. Kết quả là không còn có chuyện trứng bị vỡ, mà chỉ bị móp, hoặc bị nứt. Từ kết quả này, ông Ruông cho rằng mọi chuyện lủng củng trong quá trình ấp trứng là do đám ngón chân gà mà ra. Đồng thời ông cũng thấy rằng, nếu như chân gà mà không có ngón thì chưa hẳn trong tự nhiên đã có loài gà. Nhưng điều ông đang suy nghĩ không phải là chân gà có ngón hay không có ngón. Trong lúc nghĩ cách làm thế nào cho những quả trứng ấp bị móp bị nứt cuối cùng cũng nở được con gà con, ông Ruông đã phát hiện ra chỗ hơi kỳ cục của tự nhiên. Là loài gà không đẻ thẳng ra gà con, như loài heo loài bò đẻ thẳng ra heo con bò con, mà phải đẻ qua trung gian là trứng. Muốn có gà con, gà phải bỏ ra thời gian trên dưới hai mươi hôm để ấp trứng. Chính đám ngón chân có móng sắc nhọn để gà bới tìm thức ăn trong đất đã làm cho trứng vỡ trong khi gà ấp trứng. Trang bị ngón móng cho gà, tự nhiên muốn cùng lúc trao cho loài sinh vật này khả năng tự tồn tại lẫn khả năng tự hủy diệt. Ông Ruông cho đây là sự đùa cợt của tự nhiên đối với loài gà. Và giờ thì ông đang thử đùa lại với tự nhiên.

Thấy ông Ruông ngồi tần mẩn ộp những mảnh vỏ trứng lên những quả trứng ấp bị móp bị nứt, thằng Cỏ anh nói :

-Ông nội đang hóa phép để mỗi cái trứng nở được nhiều con gà con phải không ?

Ý tưởng ngộ nghĩnh của cháu khiến ông Ruông càng phấn khích hơn :

-Nở bao nhiêu gà con là chuyện về sau. Còn bây giờ thì ông đang vá trời.

-Ông đang đắp thêm vỏ trứng, chứ vá trời nào ?

-Là do cháu nghĩ chưa ra đó thôi. Cả ông, cả cháu, và cả những quả trứng gà bị móp bị nứt này đều là của trời sinh. Ông đắp thêm vỏ trứng chẳng phải là vá trời hay sao?

Thực ra, thằng Cỏ anh cũng chẳng cần hiểu những lời cắt nghĩa đó. Nó chỉ thấy vô cùng thích thú với cái tên gọi thứ công việc ông nó đang làm.

-Là ông tao đang vá trời...

Thằng Cỏ anh vừa chạy đi tìm lũ bạn , vừa reo ầm lên thế.

Còn vợ chồng anh Rác, tuy không dám nói ra, nhưng không dám nghĩ là những quả trứng được vá vỏ ấy cuối cùng lại nở được con gà con.

Phải nói là khi trông thấy con gà con chui ra khỏi quả trứng do chính tay mình vá, ông Ruông cũng vui sướng y như khi ông chui ra khỏi lòng mẹ. Tất nhiên, niềm vui khi ra khỏi lòng mẹ là do ông suy đoán. Còn niềm vui khi chuyện đùa vá trứng lại thành chuyện thật, thì ông vừa thực sự trải qua. Thằng Cỏ anh đi nói với lũ bạn nó ở trong làng rằng một cái trứng gà bị nứt, đáng lẽ là đem luộc ăn, nhưng ông nó đã hóa phép để cái trứng nở ra con gà con. Toàn bộ những người nuôi gà đẻ ở miền sông Tượng núi Tượng bắt đầu làm theo phương thức vá trời của ông Ruông.

Anh Rác nói:

-Lần này cha không ra tay cứu giúp, vợ chồng con cái con chắc chết. Vì nếu quay lại nuôi heo nuôi bò, thì bán hết đám gà đẻ cũng chỉ đủ mua được nửa con heo hoặc một góc tư con bò.

Nhưng với ông Ruông không phải chỉ là chuyện cơm áo. Trong lần đùa thử với tự nhiên này (vá thử trứng, trứng nở ra gà) ông cảm thấy trí não mình như đã vươn tới chỗ đỉnh cao của nhận thức.

Ông chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ :

Nghe tiếng kêu chim chíp, ta vội vã chạy ra chuồng gà, nâng con gà mái ấp lên khỏi ổ trứng. Một con gà con lông còn ướt mềm đang chui ra khỏi quả trứng chính tay ta đã vá trước đó hai mươi hôm. Bấy giờ là giữa trưa. Và mắt ta như đang nhìn thấy buổi tạo thiên lập địa. Bắt đầu từ hôm đó, ta luôn sống trong tâm trạng phấn khích, như sắp phát hiện được điều gì lớn lao. Vào một đêm cũng đã gần khuya, vợ chồng con cái thẳng Rác đã ngủ say, nằm ở trong nhà nghe tiếng kêu chim chíp của lũ gà con đang nở ngoài ổ, ta cứ căng mắt trong bóng tối, để thử hình dung buổi bắt đầu của trời đất. Dù cố gạt bỏ đi, nhưng hình ảnh đám ngón chân gà đầy móng vuốt cứ diễn đi diễn lại trong trí não ta. Cho đến lúc không còn nghe tiếng chim chíp ngoài ổ, có nghĩa đám trứng ấp đã nở xong, đám ngón móng ấy cũng nhòa dần đi trong trí não ta, và cuối cùng thì nhập vô vùng hạt bụi có màu sẫm tối y như màu đêm tối đang vây phủ quanh ta. Ta có hơi hoảng một chút. Vì chẳng lẽ là chính mắt ta đã nhìn thấy được đám vật chất nguyên sơ, đám hạt cơ bản của trời đất. Nhưng thẳng Rác đã trấn an ta. Không sao, không sao... Ta nghe con trai ta kêu lên trong giấc ngủ. Phải, cũng chẳng sao, nếu đám hạt bụi kia quả đúng là, hoặc chẳng phải là chỗ bắt đầu của muôn vật. Trong lúc ta nghĩ ngợi vậy thì mắt ta dường như nhìn thấy một cảnh trí vô cùng kỳ vĩ. Trước mắt ta lúc ấy vẫn là vùng bụi bặm mênh mông, nhưng dường như ta đang nhìn thấy một hội vui lớn đang diễn ra trong đó. Từ những hạt bụi màu tằm tối đó, ta thấy thò ra những ngón chân gà đầy móng vuốt, kể đến là những nụ, những chồi, những lá, những quả, những sâu bọ, và vô số những sinh linh và không phải sinh linh cứ nảy ra từ đám bụi bặm tằm tối đó, chẳng có thứ tự lớp lang, chẳng theo một qui tắc nào cả. Trí não ta liền mách bảo ta rằng thế giới là muôn màu muôn vẻ, nên tạo tác là hoàn toàn ngẫu nhiên, là cuộc trùng phùng chẳng cái gì hẹn với cái gì, là sự đùa cợt vô tư và vĩ đại của tự nhiên. Từ phút giây đó ta bắt đầu bị cuốn hút vào một cuộc tra vấn dai dẳng : Vậy thì trong giờ phút tạo thiên lập địa tự nhiên đã đùa cợt thế nào với con người để trong muôn loài của trời đất chỉ loài người là có lịch sử ? Nói đấy là sự đùa cợt của tự nhiên, thì cũng như nói đấy là ngôn ngữ của tự nhiên. Vậy thì tự nhiên đã nói những gì với con người trong giờ phút tạo thiên lập địa? Ta biết, khi dấn vào cuộc tra vấn này là

dây vào một cuộc phiêu lưu. Bởi ngôn ngữ tự nhiên là vô cùng bí ẩn, bất cứ giải đáp nào cho tra vấn này cũng có thể là sự lầm lẫn. Trong cuộc mưu toan vĩ đại với con cháu, phải nói là lần này ta hơi vất vả. Anh giáo làng Lê Ruông lại đi tra vấn tự nhiên vốn là công việc của nhà khoa học và nhà triết học. Thế là trong lúc đi tìm lời giải cho tra vấn ấy, ta hết rơi vào lầm lẫn này lại rơi vào lầm lẫn khác. Có một lần trí não ta mách bảo ta rằng dấu vết của tự nhiên trong lịch sử con người cũng chìm khuất vào thời gian như chính lịch sử con người. Vậy là ta lại phải căng mắt ra để hình dung những năm tháng mù tăm của thời tiền sử. Có nghĩa phải bắt đầu cuộc tìm kiếm giải đáp cho tra vấn ấy ngay sau buổi tạo thiên lập địa. Và trí tưởng tượng của ta đã giúp ta nhìn thấy được những con người đầu tiên bước ra từ đám vật chất nguyên sơ. Không diễn được bằng lời, nhưng ta cảm nhận được một cách thật rõ vẻ tinh khôi hoang dã trên khuôn mặt những con người vừa mới được khuôn đúc trong hội vui lớn của trời đất. Là chỉ xảy một lần đó thôi, nên dường như tất cả đã được hoàn chỉnh, mọi người đã được hoàn chỉnh, chẳng còn chỗ nào để phải sửa sang, từ chỗ sắp đặt chi tiết trên dưới trong ngoài và hình dạng tổng quát của cơ thể, cho đến cách thức chuyển động, cụ thể là cách bước đi trên mặt đất, hay cách ngước mặt nhìn trời. Mới đầu ta cho đó là tiếng nói nguyên thủy. Nhưng không phải. Đó là tiếng của tự nhiên lặng lẽ được nhận biết qua cách nhận biết của ta, hậu duệ mấy chục ngàn đời (hay mấy chục triệu đời) của những người nguyên thủy ấy. Như vậy là ta vẫn chưa nghe được tự nhiên đã nói gì với con người trong buổi đầu của trời đất. Song, qua cách thức tồn tại của con người, ta cứ việc muông tượng ra dấu vết của tự nhiên. Chẳng biết là ta có lầm lẫn không, khi nói rằng việc tồn tại của con người trên mặt đất này là có vẻ lấm cẩm đến mức giống như đùa cợt. Trời đất rộng lớn vậy, có nghĩa chưa bao giờ là chật hẹp đối với con người, vậy mà con người thì lại luôn lo chuyện chỗ đứng của mình. Ta muốn nói đến chuyện nếu không có chuyện chiếm chỗ, tranh giành chỗ, thì con người vẫn có chỗ đứng một cách đường hoàng trên mặt đất này. Thế, chẳng phải như thế là giống như đùa cợt ư? Dõi theo việc tồn tại của con người, ta lấy làm cảm kích khi thấy con người không phải chỉ lo tranh chỗ, chiếm chỗ, mà còn biết hợp lại thành những quần thể

người để chống lại sự đe dọa của những quần thể tự nhiên khác. Và máu bắt đầu chảy khi các quần thể người biết cách biến các quần thể tự nhiên khác thành những thứ nuôi sống mình. Còn khi các quần thể người chống lại nhau là khi con người đã làm cho máu người khác chảy. Hình dung lại lịch sử con người, tới chỗ này, ta có thấy hoảng sợ. Nhưng vào một đêm mất ngủ (ta luôn bị mất ngủ vì luôn bị cuốn vào tra vấn dai dẳng ấy), nằm trong nhà nghe đám côn trùng reo gào ngoài bờ rào, ta đã ngộ ra rằng, không phải chỉ con người, mà cả những sinh vật nhỏ bé mắt ta chưa bao giờ nhìn thấy ấy cũng đang hợp thành những quần thể, đang chống lại nhau, và máu đang chảy, có thể tiếng reo gào hăng đêm nghe thấy là tiếng đùa cợt của chúng khi thấy máu chảy. Chính trong đêm mất ngủ đó ta đã nhìn thấy được lời đùa cợt của tự nhiên trong buổi tạo thiên lập địa : Rằng để cho thế giới vui vẻ, loài người sẽ mãi mãi sở hữu thứ khả năng làm cho máu kẻ khác chảy, và là loài duy nhất trong muôn loài biết được việc máu chảy.

Nguyễn Thanh Hiện

Người đánh cắp sự thật

DI SẢN

Khi nghĩ đến điều làm sao lại nghĩ được những điều cao siêu như thế, ông Ruông lại nghĩ đến bộ não và bộ xương tổ tiên con người đã truyền lại.

Ta nói cho con cháu nhà họ Lê biết rằng, ông Hai Hượt, cha ta, là thành tựu của mấy chục ngàn năm (hay mấy chục triệu năm) tồn tại của loài người trên mặt đất này cả về phương diện thể chất cả về phương diện tinh thần. Trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ ông Ruông đã dành những trang cảm động về cha mình như một dẫn chứng đầy đủ nhất về di sản của loài người.

Theo ông Ruông thì cha của ông lúc lọt lòng mẹ cũng chỉ nhỏ bằng một con mèo con khi lọt lòng mẹ. Nhưng đấy chỉ là phần nhỏ thừa hưởng thể chất của mẹ cha. Nói rõ ra là khi mẹ ông Hai Hượt mang thai ông Hai Hượt thì làng Dầu gặp cảnh đói lớn nhất trong lịch sử đói ở đây, mẹ ông bữa cháo bữa rau mà phải làm lưng cật lực, nên cái bào thai ông Hai Hượt cứ giữ một mức như vậy cho đến khi chào đời. Còn đại thể thì ông vẫn có đủ những yếu tố cơ bản của một sinh vật người. Có nghĩa, nếu dõi theo từ lúc mới sinh ra, người ta thấy là ông đã trải qua đủ những chặng đường phát triển của một sinh vật người, không bỏ sót chặng nào. Có nghĩa, mới đầu là nằm ngửa, chỉ nằm ngửa, và ngo ngoe chân tay. Tiếp đến là vừa nằm ngửa, vừa nằm sấp, tức biết lật. Tiếp đến là biết trườn, bò. Tiếp đến nữa là biết ngồi. Rồi đứng lên, và bước đi bằng hai chân. Cho đến khi ông Hai Hượt biết đi biết chạy, mẹ ông vẫn còn lo. Bà sợ con trai bà với thân hình nhỏ bé thế sẽ không làm nổi bát cơm ăn. Nhưng đấy là do bà chưa hiểu hết thứ di sản hoàn hảo tổ tiên loài người đã truyền lại cho con của bà. Bà đã chết trước khi nhìn thấy con trai mình trở thành một hậu duệ cừ khôi của loài người.

Cứ thử bắt đầu với đôi bàn tay của ông Hai Hượt.

Nếu như đôi bàn tay của người tiền sử sáng tạo ra công cụ (và đã tạo nên hai nền văn minh Đá Cũ và Đá Mới), thì đôi bàn tay của ông Hai Hượt làm

công việc sử dụng công cụ. Chẳng biết nên nói thế nào cho phải, là cây cuốc cây cày và cây rựa là ba thứ công cụ theo suốt cuộc đời ông, hay cả đời ông là theo suốt ba thứ đó? Cầm cây cuốc mà cầm không nên, coi như người bỏ đi đó con. Bài học nhập môn ông Hai Hượt đã nghe thốt ra từ miệng cha của ông trong ngày đầu tiên ông theo cha ra ruộng để bắt đầu sự nghiệp cày cuốc. Bài nhập môn giống như một quyết định luận. Cầm cây cày cây cuốc không được thì không phải là con người của nền văn minh nông nghiệp. Thời gian biểu làm việc của đời ông là thế này : Xong công việc ngoài đồng ruộng, gác cây cày vào hiên hè, là ông cầm cây rựa vào rừng núi Tượng để làm công việc ở trong rừng. Ở miền sông Tượng núi Tượng khái niệm văn minh nông nghiệp có rộng hơn những nơi khác. Văn minh nông nghiệp là bao gồm những thành tựu đạt được cả ở nơi đồng ruộng và cả ở nơi rừng núi. Mùa vụ ngoài ruộng đồng cũng như công việc ở trong rừng là nương theo nắng mưa của trời đất. Và cả cuộc đời ông Hai Hượt thì cứ thế, hết ở ngoài ruộng đồng, lại vào rừng núi Tượng. Hay cũng có thể nói thế này: Vào những lúc không có ánh mặt trời, tức là đêm, ông phải ngủ nghỉ, còn lúc có ánh mặt trời, tức là vào ban ngày, trừ những khi ốm đau, nếu ông không cầm cây cày thì cầm cây cuốc, nếu không cầm cây cuốc thì cũng cầm cây rựa. Ông Hai Hượt cầm cây rựa vào rừng núi Tượng thì người ta sẽ có các thứ súc gỗ làm nhà, các thứ bắp cày, mỏ cày, ách cày (Ông là thợ đẽo gỗ làm nhà và đẽo các dụng cụ để làm cây cày cày ruộng có tiếng trong vùng) Cuộc đời ông Hai Hượt trải qua các triều vua Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại, là các triều vua thuộc thời kỳ lịch sử bị người Pháp đô hộ. Ngân khố của nhà nước thời ấy chủ yếu dựa vào thuế người và thuế ruộng đất. Ông Hai Hượt cầm cây cày cày ruộng thì còn có nghĩa là làm công việc trả lương cho viên chức của nhà nước ấy. Cho nên xét kỹ ra, chỗ đứng của ông trên đồng Đất Sét có vẻ vững hơn chỗ đứng của vua nhiều. Vì vua thời ấy mà không làm theo ý của người Pháp thực dân thì trước sau gì cũng bị phế bỏ.

Các vị vua nói trên đã kế tiếp thay nhau trị nước. Trong khi đó thì cha ta, vẫn với đôi bàn tay ấy, đã nắm vững cây cày trên đồng Đất Sét. Cho nên có thể nói sau khi loài người tạo dựng được nền văn minh cày cuốc, thì đôi

bàn tay của cha ta đã góp phần vào việc giữ vững không cho cái bánh xe văn minh ấy chạy trở lui.

Trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ, ông Ruông có những lời lẽ rất tự hào về đôi bàn tay của cha mình.

Còn về đôi vai của ông Hai Hượt, ông Ruông bảo là thuộc tài sản quý hiếm của nhân loại. Không có đôi vai con người thì không có văn minh nông nghiệp. Chẳng biết ông nói thế là có quá hay không. Nhưng trong lịch sử loài người, lúc chưa có máy móc cơ giới, đôi vai con người hầu như làm mọi công việc vận chuyển trong đời sống nông nghiệp. Phải có con người để vác cây cày gỗ ra ruộng, chứ cây cày gỗ thì không thể tự lăn ra ruộng như cái cày máy. Khi ông Hai Hượt cứ đứng trù trù trước cây cày gỗ, thì cha của ông hét : Chín tuổi đầu vác cày không nổi, lớn lên có nước cạp đất mà ăn. Lại một thứ quyết định luận nữa. Muốn có sự nghiệp cày cuốc là phải bắt đầu từ thuở lên chín lên mười. Và không phải vì sợ phải cạp đất mà ông Hai Hượt vác được cây cày. Mà chính là do đôi vai ông vào năm lên chín đó đã chuyên chở nổi cây cày. Cái vật thể ấy, lúc ấy, vừa dài vừa nặng hơn ông rất nhiều. Nhưng về sau, tính cho đến lúc già, chết, thì ông Hai Hượt không còn coi việc vác cày là việc chuyên chở của đôi vai. Có vác cày hay không vác cày, ông thấy cũng như nhau, làm như lúc sinh ra là đã có cây cày ở trên vai ông. Sự thật, vác cày cũng chỉ là một phần của chức năng vác. Mà vác thì cũng chỉ là một phần chức năng của đôi vai. Vì ngoài vác còn có gánh (ở đây không kể đến chức năng khiêng, vì khiêng thì đôi vai con người không thể tự thực hiện, mà phải có sự hợp tác của đôi vai người khác) Ông Hai Hượt giả từ sự nghiệp cày cuốc vào năm sáu mươi chín. Như thế là đôi vai ông có sáu chục năm để gánh vác nền văn minh cày cuốc của cha ông mình truyền lại. Từ làng Dầu ra đồng Đất Sét hơn vài cây số, có nghĩa không xa lắm. Suốt sáu chục năm, ông Hai Hượt cứ đi đi lại lại trên cái khoảng cách đó, khi thì vừa lừa bò vừa vác cày ra ruộng, khi thì gánh phân hay gánh thóc giống ra ruộng, khi thì gánh thóc gặt về nhà, có khi chỉ vác mỗi cây cuốc gọi là đi thăm đồng. Còn từ làng Dầu vào đến rừng núi Tượng khoảng chín mươi cây số, có nghĩa là hơi xa. Ngoài những

ngày làm ruộng, và những ngày có mưa gió, ông Hai Hượt lại vào rừng kiếm thêm thứ của rừng để bù vào thứ của ruộng vốn không đủ đáp ứng cuộc sống. Suốt sáu chục năm ông vẫn đi lại trên quãng đường đó, khi thì gánh gánh than củi, khi thì vác khúc gỗ rừng đã được ông đẽo thành một bộ phận nào đó của cây cày gỗ. Nội dung của văn minh nông nghiệp ở miền sông Tượng núi Tượng cũng đơn giản thế thôi. Nhưng thử gộp hết thảy những gì ông Hai Hượt đã gánh vác bằng đôi vai của mình trong sáu chục năm thì không chừng cũng nặng bằng một mảng núi Tượng. Và cái khoảng đường đất ông đã vượt qua trong khi làm công việc gánh vác suốt sáu mươi năm ấy không chừng cũng bằng vòng quanh thế giới.

Khi hơ chân tay ông Hai Hượt để mặc quần áo chết cho ông, người ta thấy da đôi bàn tay và da đôi bàn chân ông đã thành chai đá. Nhưng đấy chỉ là phần phụ bên ngoài. Còn phần chính bên trong, phần xương cốt, thì không có đốt xương nào hay khớp xương nào bị hư hao. Không phải chỉ có xương bàn tay với xương bàn chân thôi, mà khi đưa thi thể ông vào quan tài người ta biết một cách chắc chắn rằng toàn bộ xương cốt trong thân thể ông chẳng có chỗ nào bị hư hao sút mẻ.

Ông Ruông chép trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ:

Trong cuộc tiến hóa của sinh vật người, đến lúc đó thì mọi thứ đều dừng lại, không thêm nữa, cũng không bớt nữa, chân tay với mắt tai mũi miệng có bao nhiêu cái giữ y bấy nhiêu, xương cốt dài tới chừng ấy là giữ y chừng ấy, ruột gan tim phổi lớn cỡ ấy là giữ y cỡ ấy, có nghĩa đến lúc đó thì không còn có sự biến đổi. Chuyện này khoa học đã nói rồi, chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa. Có nghĩa cha ta được sinh ra trong lúc lịch sử tiến hóa của loài người đã hoàn toàn ổn định. Ông cứ việc ung dung mà thừa hưởng di sản của tiền nhân để lại là cái cơ thể người hoàn chỉnh, trong đó có bộ xương và bộ não có một cơ cấu kỳ diệu hết thảy các loài giống khác không có. Có người đến lúc chết thì cái di sản kia không còn nguyên vẹn. Hoặc là bị gãy mất một cánh tay, một cẳng chân, hoặc là bị vẹo mấy cái xương sườn hay xương sống. Cũng có người khi về già thì bộ não lại bị đảo lộn, tức bị lẫn, bị điên. Riêng cha ta, có một lần đương gánh gánh than củi thì bị trượt ngã

trong rừng núi Tượng, người ông nằm vắt ngang con dốc đá, còn gánh than thì đè lên người ông. Thường, bị ngã ở giữa dốc núi thế, không chết cũng gãy xương. Nhưng theo lời cha ta kể lại cho mọi người nghe, thì ông có chết thử trong mấy giây đồng hồ cho biết chết là sao, thế thôi. Cả một đời cha ta lam lũ thế, làm lụng cực nhọc thế, có thể nói là cũng dễ tan da nát thịt trong khi lăn xả vào việc kiếm miếng cơm manh áo, vậy mà đến lúc chết xương cốt ông vẫn không sờn mẻ chỗ nào, thì phải nói cái cơ cấu cơ thể tổ tiên loài người truyền lại là vô cùng bền vững.

Còn về bộ não của cha ta thì vẫn tàng ẩn thứ tri thức chung của loài giống hình thành từ những năm tháng xa xôi nào đó trong cuộc tiến hóa đầy bất trắc, tri thức về sự bảo tồn loài giống con người. Cho nên mới mười bốn tuổi cha ta đã đòi cưới vợ. Mười bốn tuổi cha ta đã sinh được con đầu lòng là anh Hai Bò của ta đó.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
BỐ CỤC TRẦN GIAN

Ông Ruông cho rằng ông Hai Hượt, cha của ông, là người thành đạt cả trong cuộc sống cả trong sự chết. Thành đạt trong cuộc sống như đã mô tả. Còn thành đạt trong sự chết tức là cho đến lúc chết cha của ông vẫn giữ được nguyên vẹn bộ xương người, một trong những thứ quan trọng nhất trong di sản tổ tiên loài người truyền lại.

Nhưng với bà Ruông thì ông nghĩ theo cách khác, tức không theo tiêu chí thành đạt hay không thành đạt.

Lửa nguyên sơ mới là chỗ khởi đầu, còn sau đó là cả một cuộc ngẫu nhiên.

Trong Hồ Sơ Các Bậc Tổ Phụ thỉnh thoảng đọc được câu này. Cũng như thỉnh thoảng đọc được câu : Ta phải có một luận văn về tình yêu.

Có nghĩa là thỉnh thoảng ông lại nghĩ về bà Ruông.

Chẳng có luận văn nào về tình yêu.

Chỉ thấy ông chép tràng giang đại hải về bà Ruông, ở phương diện nào đó cũng có thể nói là luận về tình yêu (dẫu chưa phải là luận văn)

Giả dụ chính phủ đó không đổ, ta vẫn tiếp tục đi dạy học, thì ta với mẹ thằng Rác có thành chồng vợ không? Ta vẫn tiếp tục dạy học có nghĩa ngày ngày vẫn ngang qua làng Gàu, làng của nàng, để đến ngôi trường dành cho đám trẻ ở miền sông Tượng núi Tượng đó. Không phải đợi đến lúc đi dạy học ta mới ngang qua làng Gàu. Bởi làng Gàu chỉ cách làng Dầu của ta mỗi cánh đồng Đất Sét, người làng này thì thuộc mặt hết người làng kia. Nhưng cho đến lúc đó, lúc ta đi dạy học đó, thì giữa ta với nàng chưa mảy mảy xảy ra điều gì, chẳng hạn như có cử chỉ sao đó hay có lời nói chi đó, để khiến cho người ta có thể nghi ngờ rằng giữa ta với nàng là có gì đó đã vượt quá sự quen thân làng xóm. Bấy giờ giữa ta với nàng, về đường đất, coi như

quá gần nhau, nhưng về đường đời thì quả là mạnh ai nấy đi. Lỡ thì là tai ương của đời người con gái. Nàng lúc ấy là gái lỡ thì. Nhưng ta nào để ý đến điều đó. Còn cha ta thì thứ tri thức về bảo tồn loài giống ở trong ông là quá mạnh mẽ, đến mức hể trông thấy mặt ta là ông lại hối ta phải cưới vợ để sinh con nối dõi.

Nghe cha ta nhắc đi nhắc lại hoài việc này, ta cũng thấy tầm quan trọng của nó. Nhưng quả tình là chưa có người phụ nữ nào làm cho ta thấy bức xúc rằng phải có người ấy ở cùng ta thì ta mới sống được. Cũng có thể là địa vị xã hội của ta lúc bấy giờ phủ lên cuộc đời ta thứ màu sắc tươi sáng, làm cho ta không còn muốn nghĩ ngợi đến chuyện gì khác ngoài công việc ta đang làm. Giữa đám người cày cuốc ở miền sông Tượng núi Tượng thì ta tựa như một người hiền, nếu không muốn nói như một kẻ thức giả đương làm công việc dẫn dắt con người ta thoát khỏi sự u tối. Nên nhớ là ta đã làm thầy dạy học tự buổi đất nước còn trong vòng nô lệ ngoại bang.

Học trò học với ta là gồm cả đám trẻ lên năm lên bảy, lẫn những người vào bậc cha chú của ta, là gồm cả những người chỉ là chòm xóm lân bang, lẫn những người là họ hàng ruột thịt. Học trò của ta người gọi ta bằng anh, người gọi bằng chú, người gọi bằng thằng. Nhưng khi đã vào lớp học rồi, thì hết thầy, không trừ ai, một phải thừa thầy, hai phải thừa thầy. Ta gõ cây thước gỗ lên bàn, chẳng hạn đọc, nước Việt Nam ta hình cong như chữ S, thì tất cả đều phải đọc theo ta, không được sót chữ nào. Một bậc quân vương khi bắt thần dân của mình hô vạn tuế, tất có người hô người không. Nhưng ta thì không phải thế. Khi ta hô một cộng với một là hai, chẳng hạn, thì đám học trò của ta rầm rập hô theo. Như vậy là ta thì chìm ngập trong vinh quang quyền lực. Còn nàng, tức mẹ thằng Rác sau này, thì chìm ngập trong tai ương khổ não.

Giả dụ chính phủ đó đổ rồi, ta vẫn đi dạy học. Nói chính phủ đó đổ không phải tự nhiên đổ, mà do có người lật đổ, nên mới đổ. Tức là có sự thay đổi đột ngột. Những người làm công việc đột ngột đó bảo với mọi người rằng họ đã làm một cuộc cách mạng xóa bỏ một chế độ chính trị hư hỏng. Cho nên, chính phủ tiếp theo sau chính phủ bị đổ là chính phủ cách mạng.

Cho nên về phương diện lịch sử, thì cả làng Dầu, cả cánh đồng Đất Sét, cả sông Tượng núi Tượng, nói chung là từ con người đến súc vật đến trời đất cỏ cây lúc bấy giờ đều được phủ lên một luồng không khí mới, luồng không khí cách mạng. Ở ngôi trường ta đã dạy học trong bao nhiêu năm đó, tuy cũng là đám học trò cũ đó, cũng những người thầy dạy đó, nhưng về mặt lý lẽ thì cả thầy lẫn trò nơi đó là đang được sống trong bầu không khí cách mạng. Phải, đấy là nói theo lý lẽ sách vở. Còn với đám dân cày cuốc miền sông Tượng núi Tượng, nếu không có chuyện các vị đương kiêm trưởng thôn trưởng xã bị ra rìa, thì cũng khó mà nhìn thấy được bầu không khí cách mạng đó. Lên thay các vị trưởng thôn trưởng xã đó cũng là những người quen biết trong thôn trong xã, nhưng do được gọi là những trưởng thôn trưởng xã cách mạng nên mới sinh ra được một bầu không khí mới là bầu không khí cách mạng. Rồi bầu không khí này trở nên quen thuộc với mọi người là do hằng ngày gặp nhau trong xóm làng là lại bàn tán nhau về chuyện lật đổ, chuyện thay chính phủ. Quả tình là mọi người đều lấy làm khoái chí khi nghe nói đến mấy tiếng thối nát. Bởi vì, chỉ từ mấy tiếng này lại có thể dẫn đến một kết luận gần như thấu tóm hết mọi chuyện thế gian : Như vậy là bất cứ thứ gì trên đời này hễ thối nát là phải bỏ đi, cho dù đó là chính phủ. Các vị chức trách mới của làng xã cũng chỉ cần biết một cách đại khái rằng do thối nát nên mới đổ, hay nói đúng hơn là cũng chỉ biết được tới chừng ấy, để có thể trả lời cách mạng là gì mỗi khi có ai hỏi, thế thôi. Thành thử biến cố lịch sử ấy lại trở nên rất đơn giản đối với mọi người ở làng ta. Lúc xảy biến cố ấy ta cũng thấy hoang mang thật, bởi việc lớn thế mà lại xảy ra quá nhanh chóng, cùng lúc vừa nghe chính phủ đổ vừa nghe người đứng đầu chính phủ bị giết. Cha ta liền đem kinh nghiệm cuộc đời ông ra để giảng cho ta nghe. Do chẳng có chữ nghĩa, nên cách diễn đạt của cha ta là vô cùng luộm thuộm. Song, cũng có thể tóm lược như sau : Một là, triều đại mà không đổi, vua chúa mà không thay, mới là chuyện lạ, còn thay đổi là chuyện thường. Và hai là, anh dân cầm cày nếu không có chuyện thuế má, nếu không có chuyện đi lính đi phu, nếu không có chuyện ở trên đầu có quá nhiều mệnh lệnh hay sự sai khiến, nếu không có chuyện thiên tai mất mùa xảy ra, nếu không có chuyện nghèo khó đeo đẳng, thì

thời nào, vua nào, sống cũng được hết, đã thiệt anh cầm cày rồi, thì một ngày thay một ông vua cũng chẳng sao hết. Bấy giờ ta theo lời khuyên của cha ta, thôi dạy học, ở nhà, đi cày ruộng, và đã gặp mẹ thằng Rác. Nhưng giả dụ ta vẫn tiếp tục dạy học, có nghĩa tiếp tục ăn lương của chính phủ mới đó, thì ta với mẹ thằng Rác có thành vợ chồng hay không chỉ trời mới biết.

Giả dụ chính phủ đó đổ rồi, ta ở nhà đi cày ruộng, nhưng lại không gặp được mẹ thằng Rác. Nếu thế thì phải có những giả dụ về mẹ thằng Rác sao cho ăn khớp với tình hình này. Giả dụ bấy giờ nàng buồn tủi chuyện lỡ thì, quanh năm suốt tháng chỉ lẩn quẩn trong nhà. Nếu là cuộc tình đặt nền tảng trên duyên phận (hay duyên số) chẳng hạn, thì có thể là thần tình ái sẽ đưa lối chỉ đường cho ta đến với cuộc đời nàng, nói cụ thể là sẽ lôi chân ta đến nhà nàng. Nhưng đằng này, việc gặp gỡ giữa ta và nàng là một cuộc nhận ra nhau, có nghĩa đến lúc ấy, đến giây phút ấy thì gặp nhau và nhận ra nhau, chẳng cần có yếu tố tác hợp nào. Cho nên, giả dụ quanh năm nàng chỉ lẩn quẩn trong nhà ở làng Gàu, còn ta hoặc là ở nhà, hoặc đi cày ở ngoài đồng Đất Sét, thì cũng khó mà có được giây phút kỳ diệu kia. Cũng có thể giả dụ rằng nàng đã đi lấy chồng trước khi ta nghỉ dạy học, ở nhà cày ruộng. Tất nhiên, chồng nàng cũng là một người đàn ông như ta. Và nàng sẽ sinh cho người ấy những đứa con trai con gái. Như thế là trong cuộc đời này là không thể có thằng Rác, cũng như không thể có thằng Cỏ anh và thằng Cỏ em. Nhưng từ giả dụ này lại có thể sinh ra một giả dụ khác. Là chồng của nàng, đến một lúc nào đó, giả dụ là người ấy bắt đầu thấy ngán ngẫm chỗ nhan sắc đã về chiều của một cô gái lỡ thì, và cuộc gặp gỡ của hai người đã đi tới chỗ tan vỡ. Như vậy thì cái khái niệm siêu hình quỷ quái kia vẫn còn tiếp tục hành hạ bao nhiêu người con gái. Và sau đó thì nàng và ta có thành chồng vợ hay không thì cũng chỉ trời mới biết. Còn giả dụ rằng nàng đã chết trước khi ta thôi dạy học, ở nhà cày ruộng, lại là một thứ giả dụ dễ dẫn dắt con người ta bước vào trường định mệnh, hoặc cũng có thể khiến cho con người ta thấy ngán ngẫm cuộc nhân sinh, mà rơi vào thứ tư tưởng hư vô. Phải, ta cũng có nghĩ thử đến trường hợp nàng đã chết trước khi ta thôi dạy học, ở nhà cày ruộng, thì lập tức cảm thấy như có cái gì đó tựa cỗi

trống rỗng tràn vào xâm chiếm trí não mình, và ta đã không dám nghĩ tiếp. Vì như thế là vĩnh viễn ta không được nhìn thấy lửa nguyên sơ phụt cháy trong ta, là vĩnh viễn không có giây phút chỉ xảy mỗi một lần trong đời ta, như đã từng xảy ra. Tất nhiên cha ta sẽ bắt ta lấy vợ để sinh con nối dõi. Tất nhiên ta sẽ gặp một người phụ nữ nào đó. Nhưng đó chỉ là cuộc gặp bình thường như bao cuộc gặp khác. Lạnh lẽo u buồn sẽ phủ lên cuộc đời ta. Bồi lửa nguyên sơ nàng đã mang đi khỏi trần gian.

Ta có giả dụ lung tung thế cũng chỉ để thấy rằng những gì đã xảy ra giữa ta và mẹ thằng Rác đều là ngẫu nhiên. Chuyện giữa ta và mẹ thằng Rác có thể là thế này, mà cũng có thể là thế kia. Cho tới tận cái buổi sáng trọng đại đó, buổi sáng xảy ra cuộc nhận ra nhau đó, thì trong lòng ta chưa hề có chút may mắn nào gọi là có nghĩ đến nàng. Đến lúc ấy, lúc có chim sơn ca hót vang, thì tự dừng ta và nàng lại cùng chòm qua bờ ruộng, và lửa nguyên sơ cùng phụt cháy lên cả trong ta và nàng, thế thôi. Có nghĩa, trước lúc ấy là ta và nàng hoàn toàn chẳng hay biết gì về chuyện ấy. Cũng như cả ta lẫn nàng chẳng hay biết gì về chuyện thằng Rác xuất hiện trên đời. Tới lúc đó thì mới biết là nàng đã mang thai thằng Rác. Nhưng cũng chưa hề biết đó là thằng Rác. Có nghĩa, mãi đến khi ta làm được cuộc cách mạng trong thi ca, thì thằng Rác mới có tên là Rác. Nhà ta có huôn khó nuôi con, nên anh giáo hầy để em đẻ nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Nàng nói với ta ngay khi mới về sống cùng ta. Khi mang thai thằng Rác nàng rất vui. Nhưng nỗi lo sợ nuôi con không được nhiều khi lại lấn áp mất niềm vui của nàng. Con của mình được chín mười tháng tuổi thì em chữa tiếp đứa nữa là vừa. Nàng nói với ta lúc cúng đầy tháng cho thằng Rác (ngay khi cúng đầy tháng thì thằng Rác vẫn chưa có tên) Việc mang nặng đẻ đau, chắc chắn là nàng thấu hiểu khi sinh thằng Rác, là chẳng có trở lực nào đối với dự định lớn lao của nàng. Là phải có một đàn con, đông chừng nào hay chừng nấy. Vì có thế nàng mới yên lòng sống trong ngôi nhà mà người phụ nữ tiền nhiệm của nàng, tức mẹ của ta, đã nuôi con không được. Nhưng chương trình sinh đẻ ấy đã bị phá sản ngay sau khi sinh được đứa con đầu lòng là thằng Rác. Lúc đầu ta cứ ngỡ nàng không đẻ nữa là tại ta. Để có dư dả thời giờ cho việc

đọc sách, quả tình ta có thể trong lòng là chỉ sinh một đứa con mà thôi. Nhưng khi thấy nàng buồn bã, ta có phá bỏ lời thề, không còn hạn chế việc ăn nằm với vợ. Mãi đến khi thằng Rác đã lớn mà chẳng thấy nàng chữa đẻ gì nữa, ta mới biết không phải là hoàn toàn tại ta. Có thể là do bộ máy sinh đẻ của nàng bị trục trặc chỗ nào đó. Mà cũng có thể đến lúc đó thì bộ máy sinh đẻ của ta không còn tốt như trước. Chớ nghĩ chuyện chữa đẻ mà sinh một trí, em Hai à. Ta an ủi nàng vậy là còn có niềm hy vọng nàng còn đẻ nữa. Nhưng mọi tia hy vọng đều đã lịm tắt khi nàng đang đi đứng ăn ngủ có vẻ bình thường và đang có cao vọng trong chuyện sinh con như vậy thì bỗng dưng lìa khỏi trần gian. Điều này có nghĩa là cả ta lẫn nàng chẳng hề hay biết gì về cái chết của nàng. Đến lúc ấy thì nàng chết, vậy thôi. Có, trước đây ta cũng có nghĩ đến cái chết, nhưng là cái chết nói chung của loài người. Đêm, lúc nàng đã ngủ ngon, ta cứ sờ lên da thịt nàng để coi thử có quả là do cát bụi mà ra hay không. Ta cứ ôm mớ cát bụi ấy vào lòng ta, và nghĩ đến ngày ta không còn ôm được nữa, tức nghĩ đến ngày nàng trở về với cát bụi, nhưng thứ cát bụi ta nghĩ là theo nghĩa mới nhất, tức phần nhỏ nhất của thế giới vật chất. Ta có nghĩ đến cuộc chuyển hóa từ cát bụi thành con người, rồi từ con người thành cát bụi, rồi từ cát bụi lại thành con người, và thấy rất vui. Vì nếu quả như đã xảy ra như thế, thì không phải chỉ có con người, không phải chỉ có nàng, mà từ rong rêu cóc ếch nhái cho đến con voi con cọp, nói chung là mọi sinh vật trên mặt đất này, đều phải ở trong cuộc chuyển hóa bất tận ấy. Khi nghĩ đến cuộc toàn cầu hóa ấy, ta chẳng còn thấy lo sợ về cái chết của nàng. Vì chết hóa ra chỉ là một cách khác của tồn tại. Chết với sống là một. Ta với nàng là một. Khi ta nghĩ đến chỗ này thì nàng thức giấc. Và lập tức nàng đã nhắc nhở ta về chương trình sinh đẻ của nàng. Cái huôn khó nuôi con, tức cái huôn con chết nhỏ, đã thành thứ tất định luận đen tối luôn đe dọa nàng. Nhưng với ta thì đây chỉ là sự đùa cợt của tự nhiên: Cát bụi vừa chuyển thành con người, thì đã liền trở lại cát bụi. Về chỗ nhìn này thì nàng đứng ở một thế giới khác biệt với thế giới của ta, cũng sâu xa và gay gắt không kém những khác biệt đã xảy ra trong lịch sử nhân loại, những khác biệt đã dẫn dắt con người đến chỗ thù hận, giết chóc nhau.

Nhưng nếu như mọi thứ đều giống nhau, nếu mọi thứ đều toàn cầu hóa như cuộc chuyển hóa vật chất kia, thì mặt đất này sẽ buồn tẻ như lúc chưa có loài người.

Nguyễn Thanh Hiện
Người đánh cắp sự thật
GHI CHÚ CỦA CU CỎ

Giả ông Ruông vẫn còn, có nghĩa ông không chết, thì những ghi chép của ông không phải chỉ bấy nhiêu. Tức, ông vẫn tiếp tục đánh cắp chuyện sử sách để tô điểm cuộc đời ông và cuộc đời các bậc tổ phụ của ông. Nếu như người ta tin một cách mãnh liệt rằng chỉ lấy mỗi cái xương sườn của ông Adam mà làm ra được một bà Evà, thì ông cũng mãnh liệt tin rằng nếu lấy một số sự việc nào đó đã xảy ra trong lịch sử nhân loại (mà ông luôn giả thiết là thật) để lắp ráp vô cuộc đời ông và lắp ráp vô cuộc đời các bậc tổ phụ ông, lắp ráp theo cách lắp ráp của ông, thì nhất định sẽ thành ra thứ lịch sử vĩ đại của cuộc đời ông và lịch sử vĩ đại của cuộc đời các tổ phụ ông. Và tất nhiên, nếu như ông chưa chết thì thằng Cỏ anh sẽ còn được nghe những câu chuyện kể lạ đời.

Và thằng Cỏ anh không ai khác hơn là người kể chuyện này. Muốn kể được chuyện này, người kể chuyện đã sử dụng tất cả những ghi chép người ông quá cố để lại, và vận dụng cả ký ức của cha mình (thì hỗn tạp, mơ hồ) lẫn ký ức tuổi thơ của mình (thì bị thời gian làm lẫn lộn, nên chẳng biết những điều kể ra là có đúng hay không) Nói tóm lại, người kể chuyện đã cố hình dung lại cuộc đời ông mình với mức có thể. Và cũng chẳng thể xếp đặt các sự việc theo thứ tự trước sau. Vì đây không phải chép tiểu sử, mà cốt để làm hiện lên hình ảnh một con người. Kể chuyện này, người kể chuyện chỉ mong đạt được mỗi mục đích là làm cho hình ảnh ông mình trở nên vĩ đại đối với các thế hệ con cháu nhà họ Lê, tức đáp ứng được ước muốn cuối đời có vẻ kỳ cục của ông..

Qui Nhơn mùa thu 2004
mùa thu 2007



Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vy**.

Đánh máy: nguyenthanhchien

Nguồn: Nguyenthanhchien/ VNthuquan - Thư viện Online

NXB VĂN HỌC 2008

Được bạn: Thanh Vân đưa lên

vào ngày: 11 tháng 5 năm 2010